

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**TRẦN VĂN DŨNG**

**DI SẢN PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN  
TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA HIỆN NAY  
Ở THÀNH PHỐ HUẾ**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ DÂN TỘC HỌC**

**HUẾ - NĂM 2020**

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**TRẦN VĂN DŨNG**

**DI SẢN PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN  
TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA HIỆN NAY  
Ở THÀNH PHỐ HUẾ**

**NGÀNH: DÂN TỘC HỌC  
MÃ SỐ: 931.03.10**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ DÂN TỘC HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. NGUYỄN VĂN MẠNH**

**HUẾ - NĂM 2020**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận của luận án chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào khác.

*Huế, tháng 6 năm 2020*

**Tác giả**

**Trần Văn Dũng**

## LỜI CẢM ƠN

*Lời cảm ơn sâu sắc nhất xin được gửi đến PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh, người đã giúp đỡ tôi tận tình trong suốt quá trình thực hiện luận án, cho tôi nhiều lời khuyên và kinh nghiệm quý báu để tôi hoàn tất chương trình theo đúng yêu cầu đặt ra.*

*Xin tỏ lời tri ân đến TS. Nguyễn Xuân Hồng, TS. Phan Thanh Hải, TS. Huỳnh Công Bá, TS. Phan Tiến Dũng, TS. Mai Bùi Diệu Linh, NNC. Nguyễn Phúc Vĩnh Ba đã tận tình đóng góp nhiều ý kiến trong quá trình tôi thực hiện luận án.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy cô giáo Khoa Lịch sử, Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Khoa học Huế, Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc, Ban Giám đốc, các đồng nghiệp tại Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế và bạn bè đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành luận án này.*

*Tôi không thể thực hiện được luận án nếu không có sự cảm thông, giúp đỡ và động viên về tinh thần của gia đình và người thân, những người luôn lo lắng và dõi theo bước đi của tôi. Đây là nguồn động lực luôn tiếp thêm sức mạnh giúp tôi vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành luận án.*

*Mặc dù đã có nhiều cố gắng song luận án không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Kính mong Quý thầy cô giáo, bạn bè và đồng nghiệp tiếp tục góp ý để luận án ngày càng hoàn thiện hơn.*

*Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn!*



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BAVH	Bulletin des Amis du Vieux Hué Tập san “ <i>Những người bạn Cố đô Hué</i> ”
BTLS	Bảo tàng Lịch sử
HĐND	Hội đồng nhân dân
KHXH	Khoa học Xã hội
NCS.	Nghiên cứu sinh
NNC.	Nhà nghiên cứu
Nxb.	Nhà xuất bản
PGS.	Phó Giáo sư
PL	Phụ lục
SVH&TT	Sở Văn hóa và Thể thao
Tp.	Thành phố
Tr.	Trang
TS.	Tiến sĩ
TTBTDTCĐHué	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Hué
UBND	Ủy ban nhân dân
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc

# DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, BẢN ĐỒ, BẢN VẼ, SƠ ĐỒ VÀ BẢNG

## BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Hình dáng bình phong trong di sản phủ đệ.....	52
Biểu đồ 2.2. Hình dáng cổng trong di sản phủ đệ.....	55
Biểu đồ 2.3. Kiến trúc nhà chính trong di sản phủ đệ.....	57
Biểu đồ 3.1. Hiện trạng bển phủ trong kiến trúc di sản phủ đệ.....	88
Biểu đồ 3.2. Hiện trạng bình phong trong kiến trúc di sản phủ đệ.....	90
Biểu đồ 3.3. Hiện trạng tổng diện tích đất vườn trong di sản phủ đệ.....	91
Biểu đồ 3.4. Hiện trạng cổng phủ trong kiến trúc di sản phủ đệ.....	93
Biểu đồ 3.5. Hiện trạng la thành trong kiến trúc di sản phủ đệ.....	95
Biểu đồ 3.6. Hiện trạng kiến trúc nhà phụ trong di sản phủ đệ.....	96
Biểu đồ 3.7. Hiện trạng kiến trúc nhà chính trong di sản phủ đệ.....	98
Biểu đồ 4.1. Khảo sát nguyện vọng đề nghị xếp hạng di tích phủ đệ.....	122

## BẢN ĐỒ

Bản đồ 2.1. Phân bố di sản phủ đệ ở thành phố Huế.....	45
Bản đồ 4.1. Tuyến du lịch di sản phủ đệ triều Nguyễn.....	134

## BẢN VẼ

Bản vẽ 2.1. Mặt bằng tổng thể phủ đệ Ngọc Sơn công chúa.....	50
Bản vẽ 2.2. Mặt đứng phủ Tuy Lý vương.....	61
Bản vẽ 2.3. Bố cục không gian nội thất phủ đệ.....	65
Bản vẽ 3.1. Mặt đứng phủ Diên Khánh vương.....	99

## SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức phủ Thọ Xuân vương.....	67
Sơ đồ 3.1. Cơ cấu tổ chức phủ Tuy Lý vương.....	103
Sơ đồ 4.1. Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ.....	128
Sơ đồ 4.2. Quản lý di tích phủ đệ triều Nguyễn.....	129

## BẢNG

Bảng 3.1. Thống kê phủ đệ còn giữ được bình phong.....	89
Bảng 3.2. Thống kê phủ đệ còn giữ được cổng xưa.....	94
Bảng 3.3. Thống kê phủ đệ còn giữ được nhà chính xưa.....	97
Bảng 4.1. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức về bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn.....	116

## MỤC LỤC

Lời cam đoan .....	i
Lời cảm ơn.....	ii
Danh mục các chữ viết tắt .....	iii
Danh mục các biểu đồ, bản đồ, bản vẽ, sơ đồ và bảng.....	iv
Mục lục .....	vi
<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Nguồn tư liệu nghiên cứu.....	4
5. Đóng góp của luận án.....	5
6. Bố cục của luận án .....	6
<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN.....</b>	<b>7</b>
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	7
1.2. Cơ sở lý luận .....	16
1.3. Phương pháp nghiên cứu.....	24
1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành phủ đệ triều Nguyễn .....	27
<b>Tiểu kết Chương 1 .....</b>	<b>35</b>
<b>CHƯƠNG 2. PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN Ở KINH ĐÔ HUẾ TRƯỚC NĂM 1945...36</b>	<b>36</b>
2.1. Quá trình hình thành và phát triển phủ đệ triều Nguyễn.....	36
2.2. Đặc điểm của phủ đệ triều Nguyễn.....	47
2.3. Vai trò của phủ đệ triều Nguyễn .....	68
2.4. Giá trị của phủ đệ triều Nguyễn .....	72
<b>Tiểu kết Chương 2 .....</b>	<b>77</b>
<b>CHƯƠNG 3. BIẾN ĐỔI DI SẢN PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN Ở THÀNH PHỐ HUẾ.....78</b>	<b>78</b>
3.1. Tình hình di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế từ năm 1945 đến năm 1986.....	78
3.2. Sự biến đổi của di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa (giai đoạn 1986 - 2018) .....	84
3.3. Yếu tố tác động đến quá trình biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn.....	103
3.4. Hệ quả của quá trình biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn .....	107
3.5. Xu hướng biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn .....	110
<b>Tiểu kết Chương 3 .....</b>	<b>114</b>

<b>CHƯƠNG 4. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN Ở THÀNH PHỐ HUẾ TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA HIỆN NAY.....</b>	<b>115</b>
4.1. Cơ sở bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn.....	115
4.2. Thực trạng hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn trong thời gian qua .....	118
4.3. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn.....	122
<b>Tiểu kết Chương 4 .....</b>	<b>137</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>138</b>
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ...142</b>	
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>143</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Triều Nguyễn (1802 - 1945) - triều đại quân chủ cuối cùng ở Việt Nam đã để lại cho Cố đô Huế một hệ thống di sản đồ sộ bao gồm cả di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có giá trị nổi bật toàn cầu. Vào năm 1981, khi đến khảo sát Cố đô Huế, ông Tổng Giám đốc UNESCO bấy giờ là Amadou Mahtar M'Bow đã nhận định: *“Huế không phải chỉ là một mẫu mực về kiến trúc mà còn là một cao điểm về tinh thần và một trung tâm văn hóa sôi động - ở đó đạo Phật và đạo Khổng đã thấm sâu, hòa nhuyễn vào truyền thống địa phương, nuôi dưỡng một tư tưởng tôn giáo, triết học và đạo lý hết sức độc đáo”* [3, tr. 6]. Cho đến nay, Huế đã có 5 di sản của triều Nguyễn được UNESCO ghi danh: Quần thể Di tích Cố đô Huế (1993), Âm nhạc cung đình Việt Nam - Nhã nhạc (2003), Mộc bản triều Nguyễn (2009), Châu bản triều Nguyễn (2014), Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016).

Trong kho tàng di sản văn hóa đó, phủ đệ<sup>1</sup> là một dạng thức kiến trúc quý tộc hoàng gia triều Nguyễn độc đáo thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố con người, kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên. Phủ đệ là nơi ở của các hoàng tử và hoàng nữ lúc trưởng thành được nhà vua tấn phong tước vị thân công, công chúa. Vua sai người chọn đất xem phong thủy, ban cấp tiền của, nhân lực để xây dựng phủ đệ làm nơi sống, học tập và làm việc, có quân đội canh gác, bảo vệ ngày đêm. Sau khi các vị hoàng tử, công chúa qua đời, phủ đệ đó sẽ được chuyển đổi chức năng thành nơi thờ tự của chính họ. Di sản phủ đệ hội tụ các yếu tố phong thủy, tự nhiên đã đạt đến trình độ cao, cùng nếp sống hoàng gia triều Nguyễn vang bóng một thời. Phủ đệ là dấu gạch nối lan tỏa, hòa nhập giữa văn hóa cung đình và văn hóa dân gian, góp phần tạo nên nét sắc thái văn hóa đặc trưng của mảnh đất xứ Thần kinh. Đó là nền nếp gia phong, tập quán, tính cách, giáo dục, thực hành lễ nghi, nghệ thuật ẩm thực, vườn cảnh... được lưu giữ, bảo vệ và ăn sâu trong tâm thức con cháu hoàng tộc triều Nguyễn qua nhiều thế hệ từ xưa cho đến nay sinh sống trong mỗi di sản phủ đệ. Với giá trị tiêu biểu và quy mô kiến trúc có tính đặc trưng, phủ đệ phản ánh một giai đoạn lịch sử của quá trình phát triển đô thị di sản Huế; đồng thời là tài sản quý giá góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Huế.

Cũng nằm trong tác động của chiến tranh, khí hậu khắc nghiệt, đặc biệt hiện nay, do tác động của quá trình đô thị hóa ở thành phố Huế đã làm cho di sản phủ đệ triều Nguyễn bị biến đổi, xuống cấp và thậm chí có nguy cơ làm biến mất kiến trúc

---

<sup>1</sup> Trong luận án này, tác giả dùng cụm từ “*phủ đệ*” theo hình thức từ ghép đẳng lập gộp nghĩa (thuộc mô hình ngữ nghĩa AB=A+B), trong đó nghĩa của từng thành tố (phủ, đệ) cùng gộp lại để biểu thị ý nghĩa khái quát chung về một loại hình kiến trúc cùng có những đặc điểm chung về diễn chế và trong ý nghĩa chung đó có ý nghĩa riêng của từng thành tố, sẽ được giải thích ngữ nghĩa từng hình thức tại Chương 1.

phủ đệ truyền thống. Bởi, Huế đang chứng kiến một quá trình đô thị hóa diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh khiến cho cấu trúc đô thị di sản đã và đang có dấu hiệu bị thay đổi hàng ngày. Những khu cư dân đô thị, khu nhà cao tầng, con đường hiện đại được quy hoạch và xây dựng mới tràn ngập khắp nơi. Nếu như trước đây văn hóa Huế luôn đề cao, bảo tồn và gìn giữ các giá trị của lối sống đại gia đình thì nay các yêu cầu của nhịp sống hiện đại đã tác động làm dần tan rã thành nhiều tiểu gia đình. Điều này đã làm cho đất đai phủ đệ bị thu hẹp diện tích để đáp ứng nhu cầu đất ở, xây dựng hàng quán kinh doanh và mở rộng đường phố. Theo đó, phủ đệ truyền thống đang nằm xen giữa với các khu dân cư đông đúc, làm mất giá trị cảnh quan di sản vốn có, kiến trúc phủ đệ cũng bị mai một, biến đổi, thậm chí bị hủy hoại để xây dựng các công trình kiến trúc hiện đại. Và như một lẽ tất yếu, sự cân bằng giữa bảo tồn di sản phủ đệ và phát triển kinh tế - xã hội luôn là một bài toán khó giải quyết cho đô thị di sản Huế đang trong quá trình đô thị hóa hiện nay.

Trong tình hình đó, để cứu lấy di sản phủ đệ triều Nguyễn truyền thống cần phải có sự chung tay giải quyết những bất cập, khó khăn về chủ trương, chính sách, giải pháp trùng tu, bảo tồn, sự thống nhất của các văn bản pháp luật, nguyên tắc đồng thuận của chủ nhân quản lý, giữ gìn di sản, cũng như các sở ban ngành liên quan và toàn cộng đồng xã hội. Nhưng trước hết, khoa học phải đi trước một bước, phải khảo cứu một cách tổng thể giá trị kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn truyền thống, nhận diện những biến đổi hợp lý và không hợp lý của di sản này trong quá trình đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế. Có như vậy, khoa học mới là nhân tố lý luận, làm cơ sở cho các giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản phủ đệ trong bối cảnh đương đại.

Rõ ràng, yêu cầu khoa học cho việc quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay là vô cùng cần thiết và cấp bách. Thêm vào đó, vấn đề liên quan đến di sản phủ đệ triều Nguyễn đã được NCS quan tâm áp ủ và tìm hiểu từ lâu để phục vụ cho công tác chuyên môn. Môi trường làm việc tại Phòng Quản lý Di sản văn hóa thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế càng tạo điều kiện thuận lợi cho NCS tiếp cận nhiều tư liệu, luận chứng cần thiết, giúp đưa ra những luận điểm độc lập, xác đáng trong việc xác lập cái nhìn cụ thể, khoa học về di sản phủ đệ triều Nguyễn. Đồng thời, tỉnh Thừa Thiên Huế đang phấn đấu thực hiện thành công mục tiêu của Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị nhằm “*xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cổ đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường*” nên việc nghiên cứu về di sản Huế nói chung và di sản phủ đệ triều Nguyễn nói riêng lại càng cần thiết và cấp bách. Tuy nhiên, hướng nghiên cứu để đáp ứng yêu cầu đó trong thời gian qua chưa nhiều, chưa đầy đủ. Các công

trình nghiên cứu đã được công bố chủ yếu tập trung vào khảo sát nghiên cứu lịch sử hình thành và hiện trạng các di sản phủ đệ như: “*Những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn*” (2002) của Lê Duy Sơn, “*Phủ đệ - Loại hình kiến trúc quý tộc Huế*” (2008) của Phan Thanh Hải, “*Phủ đệ - nơi lưu giữ Huế xưa*” (2016) của Trần Đức Anh Sơn...; chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về quá trình hình thành, phát triển và biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đương đại.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn “*Di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế*” làm đề tài luận án Tiến sĩ của mình.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Thực hiện đề tài “*Di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế*”, luận án mong muốn đạt được những mục tiêu sau đây:

- Khảo cứu di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá khứ và hiện nay để góp phần nghiên cứu đóng góp của di sản văn hóa triều Nguyễn trong kho tàng văn hóa Việt Nam.

- Nhận diện hệ quả của sự biến đổi theo hướng tích cực và tiêu cực. Trên cơ sở những luận cứ khoa học đó, luận án hướng đến việc bàn luận và nêu lên các giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế một cách khả thi và hiệu quả.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để làm rõ mục tiêu nêu trên, luận án sẽ có những nhiệm vụ sau đây:

- Hệ thống hóa các lý thuyết nghiên cứu và tiến hành điều tra khảo sát các di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế.

- Phân tích, đối sánh sự thay đổi của phủ đệ triều Nguyễn truyền thống với phủ đệ triều Nguyễn hiện nay để làm rõ những biến đổi của di sản này trong bối cảnh đô thị hóa trên địa bàn thành phố Huế. Đồng thời, xác định được mặt tích cực, tiêu cực của biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay.

- Nghiên cứu các luận cứ khoa học, thực tiễn để bàn luận và đề xuất các giải pháp nhằm quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu của luận án là các đặc điểm về quy hoạch, cảnh quan, kiến trúc, kết cấu, nghệ thuật trang trí, không gian sinh hoạt, nghi lễ và cơ cấu tổ chức quản lý trong di sản phủ đệ triều Nguyễn. Như vậy, đối tượng của luận án hướng đến

tiếp cận một cách tổng thể các khía cạnh liên quan đến di sản phủ đệ triều Nguyễn; từ đặc trưng môi trường tự nhiên, xã hội, con người đến kiến trúc di sản phủ đệ triều Nguyễn.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

#### **3.2.1. Về không gian**

Hiện nay, di sản phủ đệ triều Nguyễn được phân bố ở thành phố Huế, huyện Phú Vang và huyện Phú Lộc. Trong luận án này chỉ tập trung nghiên cứu khảo sát di sản phủ đệ triều Nguyễn tọa lạc ở thành phố Huế, bao gồm các phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Diên Khánh vương, Kiên Thái vương, Thoại Thái vương, Thọ Xuân vương, Hòa Thạnh vương, An Thành vương, Gia Hưng vương, Tuyên Hóa vương, Hoảng Hóa quận vương, Tương An quận vương, Phong Quốc công, Tuy An quận công, Mỹ Hóa công, An Thường công chúa, Diên Phúc trưởng công chúa, Ngọc Sơn công chúa, Mỹ Lương công chúa, Ngọc Lâm công chúa, cung An Định...; trong đó, các di sản phủ đệ sau đây được nghiên cứu chuyên sâu: Phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Diên Khánh vương, Tuyên Hóa vương, Diên Phúc trưởng công chúa, Ngọc Sơn công chúa, Ngọc Lâm công chúa.

#### **3.2.2. Về thời gian**

Luận án tập trung nghiên cứu phủ đệ triều Nguyễn xây dựng từ năm 1802 đến năm 1945 và đặt di sản đó trong quá trình biến đổi từ năm 1945 đến năm 2018. Tuy nhiên trong quá trình biến đổi đó, luận án chủ yếu tập trung vào thời kỳ biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn gắn với bối cảnh đô thị hóa ở thành phố Huế từ năm 1986 đến năm 2018.

### **4. Nguồn tư liệu nghiên cứu**

#### **4.1. Tư liệu thành văn**

Nguồn tư liệu thành văn có liên quan đến hướng nghiên cứu của luận án tuy còn tản mạn nhưng khá phong phú, đa dạng liên quan đến nhiều chuyên ngành khác nhau như: Dân tộc học, lịch sử, khảo cổ học, kiến trúc, mỹ thuật... Các tư liệu thành văn này có thể chia làm hai nhóm sau:

- Nhóm thứ nhất, nguồn tư liệu là các bộ sử của Quốc Sử Quán và Nội các triều Nguyễn biên soạn trong giai đoạn lịch sử triều Nguyễn còn tồn tại như: *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam liệt truyện*, *Minh Mạng chính yếu*, *Đồng Khánh - Khải Định chính yếu*, *Châu bản triều Nguyễn*...

- Nhóm thứ hai, nguồn tư liệu bao gồm các đề tài nghiên cứu khoa học, sách và các bài viết đăng trên tạp chí, tạp san như: Đề tài *Những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn* (2002) của Lê Duy Sơn, cuốn sách *Văn hóa Huế xưa - Đời sống văn hóa cung đình* (2006) của Lê Nguyễn Lưu, bài viết “*Phủ đệ - Loại hình kiến trúc quý tộc Huế*” (2008) của Phan Thanh Hải, “*Tản mạn về phủ đệ dưới thời các vua Nguyễn*” (2012) của Lê Quang Thái, “*Phủ đệ - nơi lưu giữ Huế xưa*” (2016) của Trần Đức Anh Sơn, “*Thiết kế và xây dựng Diên Phúc trưởng công chúa từ: Một ngôi nhà vườn ở Huế*”



(2016) của Masatoshi Imai và cuốn sách *Sự chuyển đổi và bảo tồn nhà vườn truyền thống trong khu vực Kinh thành Huế, Việt Nam* (2016) của Nguyễn Ngọc Tùng, Hirohide Kobayashi, Nawit Ongsavangchai, Miki Yoshizumi...

#### **4.2. Tư liệu điền dã**

Đây là nguồn tư liệu quan trọng nhất được chúng tôi thu thập thông qua nhiều cuộc điền dã Dân tộc học, các khảo sát, điều tra, quan sát, thảo luận nhóm,... tại 60 di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế (PL 3.2, P15). Những tư liệu ảnh, bản vẽ, ghi âm, phỏng vấn, quay phim người đang quản lý, giữ gìn di sản phủ đệ, các thành viên Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc, Nhóm Lửa Nhỏ, các nhà nghiên cứu, nhà quản lý di sản và người dân sống xung quanh di sản phủ đệ triều Nguyễn được NCS phân loại, phân tích, đánh giá theo từng nội dung và vấn đề cụ thể.

#### **5. Đóng góp của luận án**

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc thành quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, luận án có những đóng góp sau đây:

##### **5.1. Về mặt khoa học**

- Luận án có thể được coi là chuyên khảo nghiên cứu một cách có hệ thống về di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế, đi sâu vào mô tả, phân tích diện mạo và những biến đổi của di sản phủ đệ dưới tác động của các yếu tố khác nhau trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế.

- Luận án góp phần làm rõ hơn sự hiểu biết chung về di sản phủ đệ triều Nguyễn, đồng thời nêu lên hệ quả, dự báo các xu hướng biến đổi của di sản này trong bối cảnh đô thị hóa đã và đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ ở thành phố Huế trong thời gian gần đây.

##### **5.2. Về mặt thực tiễn**

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm cứ liệu tham khảo trong quá trình trùng tu, tôn tạo các di sản phủ đệ triều Nguyễn, tránh rơi vào tình trạng làm phá vỡ kiến trúc cảnh quan di sản hoặc phá hủy kiến trúc phủ đệ truyền thống để xây dựng kiến trúc hiện đại đang trở nên ngày càng phổ biến như hiện nay.

- Luận án không chỉ hướng đến thực hiện mục tiêu quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa triều Nguyễn nói chung và phủ đệ triều Nguyễn nói riêng đạt được nhiều thành quả thiết thực mà còn góp phần vào việc nghiên cứu khai thác những giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn để đa dạng hóa sản phẩm du lịch, phục vụ phát triển du lịch bền vững nhằm xây dựng Cố đô Huế trở thành một trung tâm văn hóa du lịch đặc sắc của đất nước, thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam.

- Luận án sẽ cung cấp một cách đánh giá tổng quan về đề tài thông qua việc hệ thống hóa các thông tin thu thập được trong quá trình nghiên cứu tư liệu và điền dã thực tế, góp phần phục vụ cho công tác nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan đến các di sản phủ đệ triều Nguyễn. Việc hiểu đúng và hiểu sâu

về di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế sẽ góp phần đưa ra các cơ chế, chính sách, định hướng và giải pháp đúng đắn trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn.

- Luận án là tài liệu tham khảo hữu ích cho các giảng viên, cán bộ nghiên cứu, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên ngành Dân tộc học/Nhân học, Lịch sử, Khảo cổ học, Đông phương học, Kiến trúc, Mỹ thuật và cho những ai quan tâm đến di sản văn hóa triều Nguyễn nói chung và di sản phủ đệ nói riêng.

## **6. Bố cục của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án bao gồm 4 chương:

*Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành phủ đệ triều Nguyễn*

*Chương 2. Phủ đệ triều Nguyễn ở Kinh đô Huế trước năm 1945*

*Chương 3. Biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế*

*Chương 4. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay*

## CHƯƠNG 1.

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN

### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Phủ đệ là một loại hình kiến trúc không chỉ hàm chứa giá trị nghệ thuật mà còn lưu giữ những dấu tích văn hóa lịch sử vang bóng một thời của triều Nguyễn. Do tầm quan trọng như vậy nên hướng nghiên cứu này từ lâu đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm tìm hiểu và nhiều công trình nghiên cứu theo đó được công bố; có thể phân chia các công trình được công bố liên quan đến phủ đệ triều Nguyễn thành ba nhóm vấn đề sau đây: Nhóm nghiên cứu về kiến trúc cung đình triều Nguyễn, nhóm nghiên cứu về phủ đệ triều Nguyễn và nhóm nghiên cứu về phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa.

#### 1.1.1. Nhóm nghiên cứu về kiến trúc cung đình triều Nguyễn

Trước hết, liên quan đến kiến trúc cung đình triều Nguyễn phải kể đến các công trình sử liệu đã được thực hiện, ấn hành từ những năm triều Nguyễn còn tồn tại và phát triển thịnh vượng, tiêu biểu là các bộ chính sử của Quốc Sử Quán và Nội các triều Nguyễn biên soạn như: *Đại Nam thực lục*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Nam liệt truyện*, *Châu bản triều Nguyễn*... Đó là nguồn tư liệu gốc quý giá có nội dung phản ánh về lịch sử xây dựng, kết cấu kiến trúc, nghệ thuật trang trí kiến trúc cung đình triều Nguyễn. Tuy nhiên, việc nghiên cứu chuyên sâu về kiến trúc cung đình triều Nguyễn phải đến những năm đầu thế kỷ XX, với một số bài viết đề cập đến những vấn đề liên quan trong tạp san của Hội Đô thành hiệp Cổ (Bulletin des Amis du Vieux Hue - B.A.V.H). Đáng chú ý là cuốn *Nghệ thuật Huế* (L' Art à Huế) do tác giả Léopold Cadière xuất bản năm 1919 và tái bản năm 1930 ở Paris [56]. Ấn phẩm này tập hợp rất nhiều hình ảnh tư liệu giá trị và cung cấp thông tin hữu ích về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc trong kiến trúc cung đình triều Nguyễn; phục vụ cho công tác bảo tồn, trùng tu, tôn tạo Quần thể di tích Cố đô Huế hiện nay. Bên cạnh đó, tác phẩm *La Citadelle de Huế: Onomastique - Kinh thành Huế: Địa danh* (1933) của học giả Léopold Cadière đã khảo sát nghiên cứu và ghi rõ bằng chữ số các công trình kiến trúc cung đình Huế tọa lạc tại các phường ở Thành nội vào năm 1933, theo quy hoạch địa giới hành chính năm 1908 dưới triều vua Duy Tân gồm có 10 phường: Thái Trạch, Trung Tích, Trung Hậu, Vĩnh An, Phú Nhơn, Tây Linh, Thuận Cát, Huệ An, Tri Vụ và Tây Lộc. Điều này tạo cơ sở để các nhà nghiên cứu lần tìm về các công trình kiến trúc Huế xưa đã từng tọa lạc trong Kinh thành Huế [55].

Năm 1994, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường chọn chủ đề “*Khảo cứu kinh tế và tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn, những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đổi mới đất nước hiện nay*” làm đề tài khoa học độc lập cấp Nhà nước do Đỗ Bang làm chủ nhiệm đề tài đã đánh dấu sự vào cuộc chính thức về mặt Nhà nước trong việc

nghiên cứu khách quan và toàn diện hơn về lịch sử văn hóa, kiến trúc nghệ thuật triều Nguyễn trong lịch sử dân tộc [11].

Cuốn sách *Kinh thành Huế* của tác giả Phan Thuận An (1999) đã nhấn mạnh từ xưa cho đến nay, đô thị Huế đã trải qua nhiều lần quy hoạch kiến trúc, nhưng chưa lần nào quy mô và quan trọng bằng lần quy hoạch vào đầu thế kỷ XIX dưới các vị vua đầu triều Nguyễn như vua Gia Long, vua Minh Mạng. Bây giờ, để tôn vinh sức mạnh cho một triều đại mới và để bảo vệ vững chắc bộ máy hành chính trung ương tại Kinh đô của cả nước vừa mới được thống nhất, triều Nguyễn đã huy động hàng vạn nhân công, thợ giỏi từ nhiều địa phương trong nước về Huế để xây dựng Kinh thành. Tư tưởng chủ đạo của quy hoạch kiến trúc Kinh thành Huế là dịch lý và thuật phong thủy. Nó được kết hợp với phương pháp xây dựng thành lũy của Vauban và ứng dụng vào hình sông thế núi tại chỗ để tạo ra được một công trình kiến trúc vừa hoành tráng, vừa hài hòa với cảnh quan thiên nhiên thơ mộng của vùng đất xứ Huế [6].

Cùng chung mối quan tâm về triều Nguyễn còn có nhiều nhà nghiên cứu với những công trình quy mô khác nhau, trong đó có thể kể đến: Cuốn sách *Những vấn đề lịch sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam* của nhiều tác giả do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và Tạp chí *Huế - Xưa & Nay* xuất bản (2002), *Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn* của nhiều tác giả do Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế phối hợp với Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản (2002). Đáng lưu ý có tác phẩm *Dấu ấn Nguyễn trong văn hóa Phú Xuân* của nhà nghiên cứu Phan Thanh Hải, xuất bản năm 2002. Đây là một công trình nghiên cứu công phu tập hợp nhiều bài khảo cứu về triều Nguyễn và văn hóa Huế, trong đó có nhiều bài viết nghiên cứu về kiến trúc cung đình triều Nguyễn với nhiều thông tin rất có giá trị. Phan Thanh Hải nhận định: Đô thị Huế được quy hoạch và xây dựng gắn liền với trục sông Hương từ đầu thế kỷ XVII trên nền tảng của quá trình đô thị hóa đã diễn ra hàng trăm năm trước đó, gắn liền với quá trình Nam tiến của người Việt [33].

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Thúy Vi, Vũ Hữu Minh, Lê Vĩnh An cho ra đời cuốn sách *Thuật ngữ kiến trúc truyền thống nhà rường Huế* (2010) với nội dung nghiên cứu về kiến trúc truyền thống, trong đó nghiên cứu chủ yếu về nhà rường truyền thống Huế. Đây là loại hình kiến trúc đặc sắc, nơi kết tinh những kinh nghiệm xây dựng truyền thống của nhiều thế hệ nghệ nhân tài hoa. Nhóm tác giả đã đưa ra các thuật ngữ và lời giải thích một cách ngắn gọn, súc tích nhất trong chừng mực có thể. Cuốn sách là công cụ hữu ích để các nhà khoa học nghiên cứu về di sản kiến trúc cung đình triều Nguyễn [121].

Trong số các công trình nghiên cứu về mỹ thuật thời kỳ các chúa Nguyễn và vua Nguyễn ở Huế, đáng chú ý là các nghiên cứu của Nguyễn Tiến Cảnh, Trần Lâm Biên, Nguyễn Du Chi, Chu Quang Trứ, Nguyễn Hữu Thông và nhóm cộng sự: *Mỹ thuật Huế* (1992), *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế* (1992), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí* (2001), *Mỹ thuật thời chúa Nguyễn - Dẫn liệu từ di sản lăng mộ* (2014), *Mỹ thuật Nguyễn* (2019). Các công trình này đã cung cấp

cho giới nghiên cứu những góc nhìn cụ thể, chân xác về mỹ thuật thời chúa Nguyễn và vua Nguyễn trên đất Thừa Thiên Huế, về ngôn ngữ biểu tượng, tính ẩn dụ trong nghệ thuật trang trí trên các công trình kiến trúc. Đồng thời, nhóm tác giả đã kế thừa và tiếp tục giải mã về đặc điểm mỹ thuật thời chúa Nguyễn và vua Nguyễn, về hệ thống mô típ trang trí, nguồn gốc và sự tiếp biến văn hóa của các biểu tượng trang trí. Qua những tài liệu này, luận án đã xác định các đặc trưng cơ bản của mỹ thuật triều Nguyễn, từ đó có những nhận định phù hợp trong việc xác định các đặc trưng riêng có của nghệ thuật trang trí kiến trúc cung đình triều Nguyễn [19], [105], [106], [108].

Trung tâm Lưu trữ quốc gia I đã lần lượt biên soạn và xuất bản các ấn phẩm *Ấn chương trên châu bản triều Nguyễn* (2013), *Ngự phê trên châu bản triều Nguyễn* (2016) nhằm giới thiệu đến công chúng và giới nghiên cứu các văn bản hành chính của triều Nguyễn do các cơ quan chính quyền từ trung ương đến địa phương soạn thảo và thông qua hoàng đế “*ngự lãm*”, “*ngự phê*” bằng mực son để truyền đạt ý chỉ hoặc giải quyết những vấn đề về chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội... Vì vậy, có thể coi đây là nguồn lưu trữ tài liệu văn thư hành chính quý hiếm của triều Nguyễn trên mọi lĩnh vực của xã hội đương thời [101], [102].

Nhiều công trình nghiên cứu là những Luận án Tiến sĩ liên quan đến kiến trúc cung đình triều Nguyễn. Nổi bật trong số đó có Luận án Tiến sĩ về “*Quan xưởng ở Kinh đô Huế từ 1802 đến 1884*” của Nguyễn Văn Đăng (2002) mang lại nhiều thông tin bổ ích về các cơ quan sản xuất, cung cấp các vật dụng cho triều đình để xây dựng các công trình kiến trúc tuyệt đẹp trong Quần thể di tích Cố đô Huế [28]. Luận án Tiến sĩ về “*Vai trò của Bộ Công trong việc xây dựng kinh đô Huế dưới triều Nguyễn (giai đoạn 1802-1884)*” của Phan Tiến Dũng (2005) nghiên cứu vai trò của Bộ Công trong quá trình quy hoạch xây dựng Kinh đô Huế, cung cấp các kết quả thống kê về số lượng và hình thức các loại gạch, ngói xây dựng kiến trúc cung đình triều Nguyễn [26]. Luận án Tiến sĩ về “*Nghiên cứu nghệ thuật khảm sành sứ trong mỹ thuật cung đình thời Nguyễn*” của tác giả Phan Thanh Bình (2010) là một công trình nghiên cứu công phu về một loại hình nghệ thuật tiêu biểu của triều Nguyễn, mà đỉnh cao là lăng vua Khải Định, cung An Định. Với những phân tích sâu sắc về tính năng, đặc điểm của chất liệu, đồng thời khẳng định các giá trị độc đáo của nghệ thuật khảm sành sứ trong kiến trúc cung đình Huế [15].

Ngoài ra còn có nhiều kết quả nghiên cứu được công bố tại các hội nghị, hội thảo khoa học bàn luận về triều Nguyễn và được in ấn thành kỷ yếu. Đó là kỷ yếu của các Hội thảo về *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX* do UBND tỉnh Thanh Hóa và Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam tổ chức năm 2008, Hội thảo về *Thuận Hóa - Phú Xuân Thừa Thiên Huế - 700 năm hình thành và phát triển* do Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức năm 2010, Hội thảo *Văn hóa Huế, đặc điểm lịch sử và vấn đề bảo tồn, phát triển* do Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế tổ chức năm 2014, Hội thảo về *Bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế* (2015) và Hội thảo về *Di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn - Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị* (2016) do Trung tâm Bảo tồn Di tích

Cố đô Huế tổ chức. Đặc biệt, kỷ yếu Hội thảo khoa học *Di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn - Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị* đã được Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế biên tập xuất bản thành sách. Cuốn sách *Di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn - Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị* đã tập hợp những bài viết công phu thể hiện tâm huyết và tri thức sâu rộng của các tác giả trên nhiều lĩnh vực. Các bài viết được chia ra làm 6 nhóm chủ đề: Tổng quan về giá trị di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn; Giá trị mỹ thuật và kiến trúc của di sản văn hóa cung đình Huế; Giá trị cảnh quan môi trường gắn liền với Quần thể di tích Cố đô Huế; Nguồn gốc, giá trị và công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể; Di sản tư liệu và công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị; Công tác nghiên cứu, bảo tồn và phục chế cổ vật cung đình [100].

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã giúp các nhà nghiên cứu, nhà quản lý văn hóa nhìn nhận, đánh giá về những vấn đề liên quan đến công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn trong những thập niên tới. Với những giải pháp hữu hiệu được đề xuất không chỉ giúp cho chính quyền, các Sở ban ngành của tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc đánh giá đầy đủ các giá trị của di sản triều Nguyễn mà còn làm cơ sở xây dựng, ban hành các chính sách, chiến lược mới để quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị kiến trúc cung đình Huế. Như vậy, các công trình nghiên cứu về kiến trúc cung đình triều Nguyễn đã gợi mở, đặt nền móng định hướng cho NCS triển khai thực hiện đề tài luận án.

### **1.1.2. Nhóm nghiên cứu về phủ đệ triều Nguyễn**

Theo hướng nghiên cứu này, trước hết phải kể đến các tác giả như Nguyễn Văn Mại, L.Sogny, Tôn Thất Côn, Phan Thuận An, Lê Duy Sơn, Phan Thanh Hải, Trần Đức Anh Sơn, Huỳnh Công Bá, Hồ Vĩnh...

Tác giả Nguyễn Văn Mại với bài “*Ông tám mươi nói chuyện mười tám*” (1923) đăng trên tạp chí *Nam Phong* mô tả lại diễn biến, các nghi thức Bình Long công chúa, con vua Minh Mạng hạ giá qua lời tự thuật của phò mã Nguyễn Như Cung (hơn 80 tuổi). Trong bài viết, ông đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng về việc ban cấp tiền của xây dựng phủ đệ cho các công chúa dưới triều Nguyễn: “*Lệ định công chúa có chỉ rồi thì sắc cho Nội vụ phủ sắm sửa cho ông Phò một bộ tùng tam phẩm quan bào và cấp cho ông Phò sáu ngàn quan tiền: Hai ngàn thì ban cho ông sắm sửa tư trang, hai ngàn lại giao để sắm sửa lục lễ, còn hai ngàn nữa lại giao cho ông coi lựa để làm chỗ phủ đệ cho bà chúa ở*” [66, tr. 228].

L.Sogny với bài “*Các thế gia vọng tộc: Tuy Lý vương*” (1929) trên tạp san *BAVH* đã miêu tả về cuộc đời, sự nghiệp quan trường và phủ đệ của ông hoàng Miên Trinh, con vua Minh Mạng. Năm 1878, nhân Ngũ tuần đại khánh của vua Tự Đức đã ân phong Miên Trinh là Tuy Lý quận vương. Năm 1883, vua Tự Đức thăng hà, để lại di chiếu cho Tuy Lý quận vương và Thọ Xuân vương là hai vị hoàng thân giúp đỡ tân vương lo việc nước. Ngoài ra, tác giả Sogny còn khắc họa Miên Trinh là một ông hoàng thi sĩ và cung cấp nhiều hình ảnh tư liệu minh họa quý giá về kiến trúc phủ đệ Tuy Lý vương vào những năm đầu thế kỷ XX [53].

Tôn Thất Côn kiêm nhiếp Phủ Tôn Nhân đã viết cuốn *Hoàng tộc lược biên* (1943) theo chỉ dụ của vua Bảo Đại. Cuốn sách được xem như bản gia phả cung cấp nhiều thông tin quý giá về lịch sử hình thành và phát triển dòng tộc hoàng gia triều Nguyễn, trong đó đáng chú ý là phần liệt kê vị trí tọa lạc phủ đệ của các vị hoàng tử còn tồn tại trước năm 1945. Đây là những thông tin vô cùng quý giá để NCS tiến hành nghiên cứu khảo sát vị trí của những phủ đệ triều Nguyễn đã bị mai một, phá hủy sau năm 1945 [22]. Tác phẩm *Nếp nhà* (1957), bài viết “*Công chúa hạ giá*” (1962), “*Hoàng tử nạp phi*” (1962) của học giả Bửu Kế (hậu duệ phủ Lạc Biên quận công) đã mô tả, phân tích rõ nét về gia phong, gia giáo của các gia đình, dòng họ ở Huế xưa, đặc biệt là nền nếp gia phong tại các phủ đệ; những lễ nghi, lễ vật tổ chức đám cưới cho các hoàng tử, công chúa triều Nguyễn vang bóng một thời cũng được khắc họa, mô tả một cách khá rõ nét [49], [50], [51].

Năm 1993, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã tiến hành nghiên cứu khảo sát, đo đạc, đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị một số công trình phủ đệ triều Nguyễn ở Huế [99]. Cuốn sách *Nguyễn Phúc Tộc thế phả* (1995) được Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc biên soạn gồm 3 phần: Thủy tổ phả, vương gia phả và đế phả. Trong đó, phần đế phả viết rõ nét về cuộc đời và hành trạng của các vị vua, phi tần, hoàng tử và công chúa triều Nguyễn. Đây là một tài liệu vô cùng hữu ích cho những ai quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu về hoàng tộc nhà Nguyễn nói chung và di sản phủ đệ nói riêng [40].

Hồ Vĩnh với bài “*Phủ thờ Diên Phúc công chúa*” (1998) đã giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành và phát triển phủ đệ Diên Phúc công chúa, trong đó nhấn mạnh đến các cổ vật quý giá và di sản Hán Nôm còn đang lưu giữ được như sách đồng, hoành phi, đối liễn [127]. Đến năm 2005, tác giả tiếp tục công bố bài viết “*Phủ - phòng các hoàng tử con vua Thiệu Trị*” (2005) đã tiến hành thống kê khảo sát phủ đệ của các vị hoàng tử con vua Thiệu Trị. Trong đó, có giới thiệu đến phủ Gia Hưng vương hiện đang trong tình trạng bị phá vỡ cảnh quan kiến trúc do có nhiều nhà cao tầng xây dựng xung quanh [128].

ThS.Lê Duy Sơn với *Những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn* (2002), đã “... tiến hành khảo sát trên thực địa một số di tích tiêu biểu để phác thảo những nét tổng quan, xây dựng danh mục các phủ đệ thời các vua Nguyễn (1802 - 1945) hiện biết đến ở Huế” [95, tr. 6]. Trên cơ sở đó, tác giả đã khảo cứu về thân thế sự nghiệp của chủ nhân, vị trí và cấu trúc tổng thể của phủ Đức Quốc công, phủ Uy Quốc công, phủ Tùng Thiện vương, phủ Duyên Phúc công chúa, phủ Tuy Lý vương. Từ nội dung của đề tài, tác giả đã công bố bài viết “*Về những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn*” (2004) trên tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Trong công trình nghiên cứu khoa học và bài viết công bố, tác giả Lê Duy Sơn đã cung cấp những thông tin rất có giá trị, phác thảo một cái nhìn tổng thể kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn và nghiên cứu khảo sát một số phủ đệ tiêu biểu ở tỉnh Thừa Thiên Huế [96].

Nguyễn Đắc Xuân với “*Gia Hội khu phố cổ tuyệt vời ở Huế*” (2003) in trong cuốn *Sông Hương dòng chảy văn hóa* đã giới thiệu về một số phủ đệ ở phố cổ Chi Lăng - Gia Hội. Theo tác giả, phủ đệ là những di sản độc đáo tạo ra sản phẩm du lịch

đặc sắc thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan Cố đô Huế. Do vậy, chính quyền địa phương cần có những định hướng, giải pháp kịp thời để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ trong bối cảnh hiện nay [119].

Tác giả Vĩnh Cao, Phan Thanh Hải trong bài viết “*Phong thủy nhà vườn Huế*” (2007) in trong tạp san *Di sản văn hóa Huế: Nghiên cứu và bảo tồn* do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản đã cho thấy nhà vườn truyền thống Huế, trong đó có kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn có quá trình lịch sử hình thành, phát triển và tích lũy nhiều kinh nghiệm của thuật phong thủy và các nguyên lý triết học cổ. Bản thân nó đã chứa đựng và thể hiện rất nhiều yếu tố lịch sử văn hóa sâu sắc của người Huế. Phong thủy trong nhà vườn truyền thống Huế nói chung và phủ đệ triều Nguyễn nói riêng là một nhân tố rất độc đáo, nếu không giải mã được thì thật khó để hiểu được dụng ý của người xưa [18].

Nhóm tác giả Ngọc Minh, Hà Oanh với bài viết “*Sách đồng thời Nguyễn*” (2007) đã cho thấy triều Nguyễn vốn trọng Nho giáo nên rất chú trọng đến việc phong tặng chức tước cho các hoàng tử, công chúa, hậu phi... Tùy vào thời điểm sắc phong, tùy theo tước vị lớn nhỏ mà người được sắc phong sẽ được các vị hoàng đế ban cấp cho một cuốn kim sách, ngân sách, đồng sách, thẻ sách hoặc chỉ sách để làm vật gia bảo được lưu truyền qua nhiều thế hệ [69].

Nhà nghiên cứu Phan Thanh Hải với bài “*Lăng mộ hoàng gia thời Nguyễn tại Huế*” (2010) đã đưa ra một cái nhìn tổng quát về lăng tẩm hoàng gia thời Nguyễn, bao gồm từ thời các chúa (1558-1775) đến thời các vua (1802-1945). Qua đó cho thấy, lăng mộ hoàng gia triều Nguyễn là một trong những bộ phận quan trọng trong tổng thể quy hoạch kiến trúc Kinh đô Huế. Bài viết đã có nhiều gợi ý cho việc tìm hiểu nghiên cứu về lăng tẩm hoàng gia của các triều đại trước và mối quan hệ giữa các vùng đất có lăng tẩm hoàng gia với các kinh đô, nhất là Kinh đô Thăng Long gắn liền với các triều đại Lý, Trần, Lê. Đồng thời, tác giả cũng đã đi sâu phân tích, mô tả về lịch sử xây dựng, quy thức và vật liệu xây dựng viên tẩm của các thân vương, thân công, công chúa ở các phủ đệ triều Nguyễn [36].

Huỳnh Công Bá với bài viết “*Tôn Nhân Phủ và chính sách “thân dân” của triều Nguyễn*” (2012) đã cho thấy dưới triều Nguyễn, Tôn Nhân Phủ được đề cao thành một cơ quan có phẩm trật cao quý nhất của triều đình nhưng chỉ có quyền lực trong hoàng tộc triều Nguyễn chứ không có thực quyền mang tính quốc gia. Ngoài chức năng thay nhà vua thực hành nghi lễ tế tự tại các đàn miếu, quản lý hoàng tộc, phủ đệ, ổn định trật tự trong hoàng gia với những chính sách và biện pháp hợp lý, Tôn Nhân Phủ còn có nhiệm vụ thi hành chính sách “*thân dân*” của các vị vua Nguyễn, xiển dương việc hiếu đễ, làm gương cho nhân dân noi theo [10].

Trần Đức Anh Sơn viết bài “*Phủ đệ - nơi lưu giữ Huế xưa*” (2016) in trong cuốn sách *Kiểu Huế* đã gợi mở cho các du khách trong và ngoài nước đến thăm Cố đô Huế có một góc nhìn về nơi ở và đời sống sinh hoạt của các ông hoàng, bà chúa triều Nguyễn xưa. Bởi, du khách thường chú trọng tham quan Đại nội, cung điện, đền miếu, lăng tẩm, chùa chiền... mà ít biết đến Cố đô Huế vẫn đang bảo lưu một hệ thống di sản phủ đệ



triều Nguyễn hấp dẫn, độc đáo. Qua đó, những bí mật kỳ thú về thế giới vốn kín cổng cao tường của tầng lớp vương tôn, công chúa quyền quý xưa sẽ dần hé mở với biết bao điều mới lạ, đặc biệt. Tiếp đến Trần Đức Anh Sơn với *“Vương phủ của thi ông, thi bá”* (2016) đã cung cấp cho người đọc một cái nhìn toàn cảnh về lịch sử, kiến trúc phủ đệ Tùng Thiện vương Miên Thẩm và phủ đệ Tuy Lý vương Miên Trinh. Đây là hai vị hoàng tử con vua Minh Mạng, được người đời tôn xưng là hai ông hoàng của thi ca triều Nguyễn. Hai ông được mọi người tôn xưng là Thi Ông (Tùng Thiện vương) và Thi Bá (Tuy Lý vương). Vương phủ của hai ông nay vẫn còn lưu dấu ở khu vực Vĩ Dạ và Phủ Cam, bảo lưu nhiều giá trị văn hóa lịch sử, kiến trúc nghệ thuật độc đáo, hứa hẹn sẽ trở thành những địa chỉ tham quan du lịch hấp dẫn của Cố đô Huế trong tương lai [93].

Nhà nghiên cứu Phan Thuận An - người được giao quyền thừa tự hiện thời của ngôi phủ thờ Ngọc Sơn công chúa với bài *“Những bức hoành phi ở phủ thờ công chúa Ngọc Sơn”* (2016) đã giới thiệu rõ nét về lịch sử, nội dung của những bức hoành phi hiện đang còn lưu giữ tại phủ đệ Ngọc Sơn công chúa. Qua nội dung các bức hoành phi cho thấy người xưa rất coi trọng về nề nếp gia phong dòng họ và đạo lý theo tư tưởng của Nho giáo [8]. Bên cạnh đó, Phan Thuận An còn nghiên cứu về *“Ba bài văn ngự chế trang trang trí trên kiến trúc thời Khải Định”* (2016) nhằm phân tích, đánh giá các giá trị kiến trúc nghệ thuật cung An Định. Từ đó cho thấy dưới triều vua Khải Định (1916-1925), ngoài phong cách trang trí truyền thống theo lối *“nhất thi nhất họa”* hoặc *“nhất tự nhất họa”* còn có thêm một loại hình trang trí khác là đắp nổi các bài văn Ngự chế trên các công trình kiến trúc. Mỗi khung hình trang trí văn Ngự chế (nhất là tám bình phong ở cung An Định), với chữ nghĩa và hoa văn đắp nổi, là một tác phẩm tuyệt đẹp, góp phần khẳng định giá trị văn hóa nghệ thuật đặc sắc cho Cố đô Huế [9].

Tác giả Masatoshi Imai đã công bố bài viết *“Thiết kế và xây dựng Diên Phúc trường công chúa từ: Một ngôi nhà vườn ở Huế”* (2016) nhằm phân tích các nét đặc trưng của thiết kế và xây dựng phủ đệ Diên Phúc trường công chúa và so sánh với một số công trình kiến trúc truyền thống của Nhật Bản. Qua quá trình nghiên cứu khảo sát trong công tác trùng tu, tôn tạo phủ đệ Diên Phúc trường công chúa, ông đã đưa ra một số nhận xét như: Đặc trưng của kết cấu khung gỗ là tất cả các cột nhà đều nghiêng về trung tâm của ngôi nhà. Độ nghiêng khác nhau tùy theo sở thích của chủ nhân phủ đệ và được thay đổi tùy theo từng căn nhà. Phần mái nhà thẳng chứ không cong lên như kiến trúc của Trung Quốc. Mái của phủ đệ được lợp bằng ngói liệt tương tự như phần mái của kiến trúc truyền thống Nhật Bản. Những phân tích, đánh giá kỹ càng về các đặc điểm phủ đệ Diên Phúc trường công chúa đã giúp cho NCS có cái nhìn xác đáng về dấu ấn đặc trưng trong phong cách kiến trúc cung đình Huế nói chung và di sản phủ đệ triều Nguyễn nói riêng [65].

Trong số các công trình dịch thuật liên quan đến di sản phủ đệ triều Nguyễn, đáng chú ý là những nghiên cứu của Võ Vinh Quang: *“Văn bia ghi lời thánh dụ và bài văn tế của Dục Tông Anh hoàng đế (vua Tự Đức) cho Kiến Thụy quận vương Nguyễn Phúc Hồng Y”* (2016), *“Bản sách phong quý của vua Bảo Đại ban tặng cho Lãng Xuyên quận vương Nguyễn Ưông”* (2019). Các công trình nghiên cứu này đã cung cấp

cho người đọc những tư liệu gốc quý hiếm phản ánh tư tưởng của giới quý tộc triều Nguyễn, đề cao đạo lý nhân văn, những đặc ân của các vị vua dành cho người thân trong hoàng gia triều Nguyễn [77], [78].

### **1.1.3. Nhóm nghiên cứu về phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa**

Theo hướng nghiên cứu này trước hết phải kể đến các giả như: Nguyễn Hữu Thông, Lê Nguyễn Lưu, Phan Thanh Hải, Trần Đức Anh Sơn, Lê Quang Thái, Trần Đình Hằng....

Trần Đình Hằng với bài “*Quá trình phân rã nhà vườn xứ Huế: Dẫn liệu cụ thể từ một con đường*” (2002) đã phân tích, lý giải thực trạng chia cắt đất đai tại các nhà vườn truyền thống Huế thông qua một ví dụ cụ thể ở đường Bùi Thị Xuân, thành phố Huế; đồng thời cũng chỉ ra các nguyên nhân gây nên tình trạng trên như vấn đề về thờ tự, sự phát triển kinh tế và sự gia tăng dân số trong gia đình, dòng họ. Trong bối cảnh đó, di sản nhà vườn truyền thống cũng đã và đang bị biến đổi nhanh dưới tác động của quá trình đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế [38].

Tác phẩm *Văn hóa Huế xưa - Đời sống văn hóa cung đình* (2006) của Lê Nguyễn Lưu có phần nghiên cứu về “*Phủ đệ*”. Công trình nghiên cứu này đã trình bày khái quát về lịch sử hình thành, hiện trạng, kết cấu kiến trúc của một số phủ đệ tiêu biểu, như phủ đệ Huân Vũ hầu, Định Viễn quận vương, Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Thụy Thái vương, Diên Phúc trưởng công chúa. Các phủ đệ này cũng đang bị chuyển đổi mạnh mẽ dưới nhiều hình thức trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay [64].

Một công trình nghiên cứu đầy tâm huyết và có giá trị cần phải nhắc đến là tác phẩm *Nhà vườn xứ Huế* (2008) của Nguyễn Hữu Thông. Công trình chuyên khảo này đã cung cấp cho độc giả những góc nhìn cụ thể, chân xác về bức tranh toàn cảnh của ngôi nhà vườn truyền thống xứ Huế, trong đó có phủ đệ triều Nguyễn. Tác giả đã mô tả, phân tích, đánh giá từ kiến trúc cung đình, phủ đệ, chùa chiền cho đến những ngôi nhà vườn dân gian truyền thống tọa lạc trên nhiều địa bàn phân bố khác nhau ở Thừa Thiên Huế. Đây là nguồn tư liệu tham khảo cần thiết khi nghiên cứu về kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa [107].

Phan Thanh Hải với bài viết “*Phủ đệ - Loại hình kiến trúc quý tộc Huế*” (2008) đã nhận định hơn một ngàn năm chế độ quân chủ phong kiến, Việt Nam từng xây dựng kiến tạo nhiều kinh đô, nhưng đến nay chỉ có Cố đô Huế còn lưu giữ được hệ thống di sản phủ đệ triều Nguyễn. Tuy nhiên, phủ đệ triều Nguyễn ở Huế nay đã bị thay đổi diện mạo rất nhiều. Nhiều phủ đệ đã không còn, một số không nhỏ khác bị chia năm xẻ bảy, bị chuyển đổi cấu trúc kiến trúc nhà rường truyền thống. Ngay bên trong nhiều phủ đệ, nhà ống, nhà cao tầng cũng đã xuất hiện, nhiều vườn phủ biến thành quán nhậu, quán cà phê. Một số phủ còn lại khá nguyên vẹn cũng đang đứng trước những thử thách rất lớn của quá trình đô thị hóa. Tác giả còn cho rằng, đây là thực trạng đáng báo động, cần có những công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc để đưa ra các định hướng, giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế [35].

Nhà nghiên cứu Lê Quang Thái với bài viết “*Tàn mạn về phủ đệ dưới thời các vua Nguyễn*” (2012) đã cung cấp nhiều tư liệu quan trọng về phủ đệ triều Nguyễn, trong đó đã đưa ra khái niệm về phủ đệ theo quy định của điển lệ triều Nguyễn, bước đầu thống kê số lượng phủ đệ và cho biết thông tin về một số phủ đệ đã bị phá hủy hoàn toàn. Qua bài viết, ông đã đưa ra một số nhận xét và kiến nghị, đề xuất như sau: “*Rất nhiều phủ đệ ngày xưa, nay đã thu hẹp khuôn viên, xuống cấp, bị phân chia thành từng lô đất nhếch nhác do thay ngôi đổi chủ. Lại có nhiều phủ đệ đã bị con cháu bán đoạn sau khi chủ nhân qua đời mà không có người thừa kế. Hình bóng phủ đệ nguyên xưa không còn, nay chỉ còn chằng là nhà thờ nhưng đã lưu giữ được một số dấu tích, cổ vật, tư liệu lịch sử và văn học có giá trị cần được bảo lưu, giữ gìn và phổ biến rộng hơn để cho du khách đến tham quan và giao lưu văn hóa*” [103, tr. 337].

Tác giả Trần Đức Anh Sơn viết bài “*Phủ thờ Ngọc Sơn công chúa*” (2012) đã cho đọc giả có cơ hội không chỉ tham quan, thưởng lãm một mẫu mực của kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn, mà còn có dịp tìm hiểu về nề nếp gia phong của gia đình, dòng họ hoàng tộc triều Nguyễn, khám phá những góc khuất sâu lắng trong tâm hồn xứ Huế, cũng là một bộ phận quan trọng cấu thành kho tàng di sản Huế. Tác giả nhận xét: Phần lớn phủ đệ của các ông hoàng bà chúa triều Nguyễn đã bị chia năm xẻ bảy bởi nạn nhân mãn hoặc đã bị biến đổi trong quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ ở thành phố Huế. Tuy nhiên, di sản phủ đệ Ngọc Sơn công chúa vẫn bảo lưu được hình bóng xưa, từ cảnh quan kiến trúc, đến lối thiết trí, thờ tự nội thất, lẫn nền nếp sinh hoạt gia phong của các thế hệ hậu duệ sống trong di sản phủ đệ này [93].

Tác phẩm *Sự chuyển đổi và bảo tồn nhà vườn truyền thống trong khu vực Kinh thành Huế, Việt Nam* (2016) của nhóm tác giả Nguyễn Ngọc Tùng, Hirohide Kobayashi, Nawit Ongsavangchai và Miki Yoshizumi đã phân tích và nhận diện sự chuyển đổi không ngừng của hệ thống nhà vườn truyền thống tọa lạc trong Kinh thành Huế để thích nghi với cuộc sống hiện đại và quá trình đô thị hóa. Qua quá trình nghiên cứu khảo sát, nhóm tác giả đã đề xuất những định hướng, giải pháp bảo tồn bền vững nhà vườn truyền thống Huế. Đây là tư liệu hữu ích cho NCS trong quá trình thực hiện đề tài luận án. Vì bản chất di sản phủ đệ nằm trong loại hình hệ thống nhà vườn truyền thống Huế, tuy nhiên, di sản phủ đệ triều Nguyễn là dạng kiến trúc đặc thù, mang dấu ấn đậm nét của sự giao thoa giữa kiến trúc cung đình và kiến trúc dân gian [112].

Tóm lại, các đề tài nghiên cứu khoa học, sách, bài viết nêu trên đã được NCS khai thác nhằm tái hiện bức tranh toàn cảnh về phủ đệ triều Nguyễn qua các thời kỳ. Đồng thời cũng cung cấp nhiều thông tin quý giá về lịch sử hình thành, đặc điểm kiến trúc, biến đổi hệ thống di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế và vùng phụ cận.

#### **1.1.4. Những kết quả luận án kế thừa và các vấn đề đặt ra cần được giải quyết**

##### **- Những kết quả luận án kế thừa**

Qua nghiên cứu các công trình khoa học đã được công bố có liên quan đến đề tài luận án, có thể thấy di sản kiến trúc cung đình triều Nguyễn nói chung và di sản phủ đệ triều Nguyễn nói riêng đã thu hút nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm

nghiên cứu. Các công trình được khảo cứu như: Sách, tạp chí, tạp san, báo, đề tài nghiên cứu khoa học,... đã cung cấp cho chúng tôi nhiều tư liệu quý liên quan đến đề tài luận án; đó là: i. Tư liệu về kiến trúc cung đình triều Nguyễn của các tác giả, như Phan Thuận An, Nguyễn Thị Thúy Vi, Vũ Hữu Minh, Lê Vĩnh An, Trần Lâm Biền, Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Văn Đăng, Phan Tiến Dũng...; ii. Tư liệu về phủ đệ triều Nguyễn của các tác giả, như Lê Duy Sơn, Phan Thuận An, Phan Thanh Hải, Trần Đức Anh Sơn, Huỳnh Công Bá, Hồ Vĩnh, Masatoshi Imai...; iii. Tư liệu về phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa của các tác giả, như Nguyễn Hữu Thông, Lê Nguyễn Lư, Phan Thanh Hải, Trần Đức Anh Sơn, Lê Quang Thái,... Đây là những nguồn tư liệu rất có giá trị, quý giá cung cấp cho chúng tôi những hiểu biết bước đầu về chủ nhân, vị trí, cấu trúc tổng thể cũng như sự biến đổi của phủ đệ trong bối cảnh đô thị hóa và những vấn đề đặt ra trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn...

Như vậy, những nghiên cứu đã được công bố liên quan đến đề tài luận án đa dạng và phong phú. Những kết quả nghiên cứu đó có ý nghĩa rất quan trọng, đã cung cấp những nguồn tư liệu hết sức có giá trị cho luận án, mặt khác còn gợi mở những vấn đề lý luận - thực tiễn và cách thức tiếp cận nghiên cứu để tham khảo, đối chứng trong quá trình nghiên cứu về di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa.

*- Những vấn đề đặt ra luận án cần được giải quyết*

Mặc dù như đã khẳng định ở trên, các công trình nghiên cứu đã được công bố rất có giá trị đối với người thực hiện luận án này, nhưng xét một cách tổng thể các công trình đó còn tản mạn, thiếu tính hệ thống trong nghiên cứu phủ đệ triều Nguyễn từ lịch sử, giá trị kiến trúc đến những biến đổi của nó trong quá trình đô thị hóa hiện nay. Trên cơ sở đó, luận án tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, luận án tập trung nêu bật cơ sở lý luận, thực tiễn của quá trình hình thành, phát triển và biến đổi phủ đệ triều Nguyễn trong quá trình đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế.

Thứ hai, đi sâu khảo sát, phân tích về lịch sử, diện mạo, đặc điểm, vai trò, giá trị hệ thống di sản phủ đệ triều Nguyễn.

Thứ ba, phân tích, đánh giá những biến đổi, các yếu tố tác động, hệ quả và xu hướng biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay.

Thứ tư, nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay.

## **1.2. Cơ sở lý luận**

### **1.2.1. Một số khái niệm**

*- Di sản*

Di sản theo nghĩa Hán Việt: Di là để lại, còn lại, dịch chuyển, chuyển lại; sản là tài sản, là những gì quý giá, có giá trị. Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: Di sản là cái của thời trước để lại [70, tr. 589]. Như vậy, di sản được hiểu như là tài sản, là báu vật thuộc

về quá khứ, do các thế hệ trước sáng tạo ra và để lại cho cuộc sống hiện tại, gồm các tác phẩm nghệ thuật dân gian, công trình kiến trúc, tác phẩm điêu khắc, tác phẩm văn học...

Trên thế giới, khái niệm di sản xuất hiện từ những năm 70 tại châu Âu và sau đó lan tỏa ra nhiều nước khác vào những năm 80 của thế kỷ XX. Theo thời gian, khái niệm này được chuyển từ “*di tích lịch sử*” (Historical monument, Venice, 1964), “*di tích và khu vực di tích*” (Monument and site, ICOMOS, 1965) cho tới “*di sản văn hóa*” (Cultural property, UNESCO, 1968). Năm 1983, Hội nghị Di sản toàn quốc ở Anh đã định nghĩa: “*Di sản là những gì thuộc về thế hệ trước giữ gìn và chuyển giao cho thế hệ hiện nay và những gì mà một nhóm người quan trọng trong xã hội hiện nay mong muốn chuyển giao cho thế hệ tương lai*” [98, tr. 29].

- *Phủ đệ*

Dưới triều Nguyễn, phủ đệ (府第) chỉ được dành riêng làm nơi ở, sinh hoạt hàng ngày của các hoàng tử, hoàng nữ được nhà vua ân phong tước vị thân công, công chúa; còn nơi ở của các quan lại, quý tộc chỉ gọi là tư dinh, tư thất. Điều này được quy định chặt chẽ trong điển lệ triều Nguyễn, đây là sự khác biệt so với các triều đại trước<sup>2</sup>. Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn có đoạn chép: “*Phủ đệ các thân công: Ở phía tả trong Kinh thành, nhà chính và nhà trước đều 3 gian 2 chái, biển ngạch cửa đề chữ “Mỗ<sup>3</sup> công phủ” (phủ đệ thân công mỗ). Đệ trạch các công chúa: Ở phía hữu trong Kinh thành, thể chế cũng như phủ đệ các thân công, biển ngạch cửa đề chữ “Mỗ công chúa đệ”* [81, tr. 53].

Như vậy, chúng ta nhận thấy mỗi phủ đệ đều có tên gọi riêng, dựa theo tước phong, mỹ danh của chủ nhân phủ đệ do nhà vua ban tặng. Tên của các phủ đệ thường là tên địa phương<sup>4</sup> mà vị hoàng tử ấy được nhà vua phong tước như: Tùng Thiện vương phủ, Tuy Lý vương phủ, Gia Hưng vương phủ,... Còn tên của các đệ trạch thường gọi theo mỹ danh của vị công chúa được nhà vua phong tặng cho như: An Thường công chúa đệ, Diên Phúc trưởng công chúa đệ, Ngọc Lâm công chúa đệ,... Tuy nhiên, dân gian vẫn thường quen gọi phủ đệ của hoàng tử, đệ trạch của công chúa với cái tên thân mật là phủ ông hoàng, phủ bà chúa; đồng thời, đệ trạch

<sup>2</sup> Các triều đại trước triều Nguyễn, nơi ở của các quan đại thần, quý tộc đều được gọi chung là phủ đệ; con gái của nhà vua mới sinh ra đời đều được gọi là công chúa. Tuy nhiên dưới triều Nguyễn, con trai, con gái của nhà vua ban đầu được gọi là hoàng tử, hoàng nữ. Về sau, vị hoàng nữ trưởng thành, có khi đã lấy chồng mới được nhà vua phong làm công chúa với một mỹ danh (khác với tên thật) như An Thường công chúa (tức hoàng nữ Nguyễn Phúc Lương Đức). Vì vậy, công chúa là một danh xưng phong tặng chứ không phải đương nhiên con gái của vị vua triều Nguyễn thì được gọi là công chúa. Đồng thời, danh xưng Trưởng công chúa là chị em nhà vua, Thái trưởng công chúa là bà cô của vua, Thái thái trưởng công chúa là bà tổ cô (ngang hàng với ông nội của vua). Ngoài ra, con trai, con gái của các chúa Nguyễn đương thời được gọi là công tử, công nữ. Đến khi vua Gia Long lên ngôi hoàng đế, sáng lập ra vương triều Nguyễn thì con gái của các chúa được nâng lên thành hoàng nữ. Tuy nhiên, trường hợp này không tính các con gái của chúa Nguyễn Phúc Khoát có vị thế là Thái trưởng công chúa, tức thuộc hàng cô của vua Gia Long, cụ thể là Thái trưởng công chúa Ngọc Tuyên (1738-1809).

<sup>3</sup> Mỗ (某) là một đại từ chữ Hán dùng để chỉ những chi tiết không xác định cụ thể. Ở đây ý nói phải điền tên tước vào thay chữ Mỗ.

<sup>4</sup> Sách *Đại Nam thực lục* ghi chép vào năm 1840, triều đình quy định: “*Thái địa, phong tước: Thân vương thì lấy tên tỉnh mà đặt, như Khánh quốc vương; quận vương thân công, quốc công, quận công, thì lấy tên phủ mà đặt như Bình Giang quận vương, Bình Giang công, Ninh quốc công, Ninh Giang quận công; huyện công, huyện hầu thì lấy tên huyện mà đặt như Kim Sơn huyện công, Chương Nghĩa huyện hầu; hương công, hương hầu, đình hầu thì lấy tên xã mà đặt như Bái Ân hương công, Bái Ân hương hầu, Bái Ân đình hầu...*” [86, V, tr. 646].

công chúa cũng được gọi là “phủ” hay “phủ đệ”<sup>5</sup>. Sau khi các ông hoàng, bà chúa qua đời, nhà chính trong phủ đệ, nơi ở lúc sinh thời trở thành nơi thờ tự của chính họ.

Tóm lại, phủ đệ là từ gọi chung nói về nhà ở của các hoàng tử, hoàng nữ được hoàng đế triều Nguyễn phong tước thân công, công chúa. Phủ đệ là loại hình kiến trúc quý tộc hoàng gia triều Nguyễn, thể hiện sự chuyển tiếp giữa kiến trúc cung đình và kiến trúc dân gian truyền thống Huế. Đồng thời là nơi trung chuyển lối sống và văn hóa cung đình đến với dân gian xứ Huế và theo chiều ngược lại. Hiện nay, phủ đệ trở thành nơi thờ phụng các vị hoàng tử, công chúa và gia quyến đã quá vãng; được hậu duệ của các ông hoàng bà chúa giữ gìn, quản lý từ đời này qua đời khác.

#### - Triều Nguyễn

Triều Nguyễn (1802-1945) được tính từ khi vua Gia Long - người sáng lập ra triều Nguyễn đến vua Bảo Đại - vị hoàng đế cuối cùng ở Việt Nam. Năm 1802, sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, Nguyễn Phúc Ánh - hậu duệ của các chúa Nguyễn đã thu tóm giang sơn về một mối, lập nên triều Nguyễn, lấy niên hiệu là Gia Long. Huế trở thành kinh đô của đất nước thống nhất từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau trong suốt 143 năm tồn tại của triều đại này. Kế tục sự nghiệp của vua Gia Long, lần lượt các vị vua triều Nguyễn kế vị ngai vàng (nhưng tập trung nhất là 4 vị vua đầu của triều đại này) đã xây dựng Huế trở thành trung tâm chính trị, văn hóa, quyền lực của một nhà nước Việt Nam thống nhất từ Bắc đến Nam, phản ánh bước phát triển cao hơn của lãnh thổ quốc gia, quy tụ được các giá trị tinh hoa văn hóa của cả lãnh thổ rộng lớn.

#### - Đô thị hóa

Đô thị hóa (Urbanization) là quá trình chuyển đổi cơ bản mọi mặt của đời sống xã hội nông thôn sang đời sống xã hội đô thị. Đô thị hóa, theo nghĩa rộng, chính là quá trình tăng nhanh về dân số, diện tích của đô thị và cùng với điều đó là sự phát triển của văn hóa, lối sống đô thị. Nghiên cứu định hướng phát triển đô thị Việt Nam và tác động của nó đến văn hóa, Trần Cao Sơn đã đưa ra khái niệm đô thị hóa là một quá trình chuyển từ hoạt động nông nghiệp phân tán sang hoạt động phi nông nghiệp tập trung trên địa bàn nhất định. Đây thực chất là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội, với các đặc trưng sau: Một là, hình thành và mở rộng quy mô đô thị với hạ tầng kỹ thuật hiện đại, dẫn đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp là chủ yếu sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Hai là, tăng nhanh dân số đô thị trong tổng số dân cư, dẫn đến thay đổi cơ cấu giai cấp, phân tầng xã hội. Ba là, chuyển đổi từ lối sống phân tán (mật độ dân cư thưa) sang sống tập trung (mật độ dân cư rất cao). Bốn là, chuyển từ lối sống nông thôn sang lối sống đô thị [76, tr.17]. Cũng tương đồng như khái niệm của Trần Cao Sơn, Mạc Đường định nghĩa: “Đô thị hóa là một quá trình kinh tế - xã hội để biến một vùng dân cư không

---

<sup>5</sup> Sách *Đại Nam thực lục* cũng như sách báo trước năm 1945 vẫn viết về nơi ở của các công chúa là “phủ” hoặc “phủ đệ”, chứ hiếm khi thấy gọi “đệ công chúa”, “đệ trạch công chúa” và sau khi vị công chúa ấy qua đời cũng được gọi là phủ thờ. Cụ thể, sách *Đại Nam thực lục* có chép: “Phủ đệ các công chúa và các cửa hàng ngoài phố, phần nhiều mở sòng đánh đố chữ. Việc đến tai vua, vua sai phủ Thừa Thiên phải nghiêm cấm đi” [86, VII, tr. 868] hay số báo *Tràng An* phát hành vào ngày 17/9/1942 đăng thông tin Ngọc Lâm công chúa qua đời có đoạn viết: “Ngài công chúa Ngọc Lâm là bào muội của đức hoàng đế Khải Định và là nội tướng của quan Toàn tu Quốc sử quán Nguyễn Hữu Tý, vừa mệnh chung tại Phủ của ngài gần cung An Định. Ngài hưởng thọ 58 tuổi”. Vì vậy, nghiên cứu này xin dùng danh xưng “phủ đệ” khi nhắc đến nơi ở của các vị công chúa khi còn sống và “phủ thờ” khi các vị ấy đã trở thành người thiên cổ.

*có cuộc sống đô thị thành một vùng dân cư thuộc tính của xã hội đô thị. Đô thị hóa còn là một quá trình biến đổi văn hóa và ứng xử. Văn hóa và cách ứng xử đô thị dần dần bao trùm lên và làm tan biến dần văn hóa và ứng xử truyền thống nông thôn”* [31, tr. 115].

### **1.2.2. Một số lý thuyết**

#### *- Lý thuyết về biến đổi văn hóa*

Bất cứ một xã hội nào, một nền văn hoá nào, cho dù bảo thủ đến đâu cũng sẽ luôn biến đổi, bởi lẽ không có con người và những thành tố văn hoá sáng tạo nào của họ lại mang tính bất biến; đặc biệt trong thời đại toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, sự biến đổi càng diễn ra nhanh hơn, cho thấy đó không còn là điều mới, nó đã trở thành quy luật khách quan, tất yếu một cách tự nhiên. Mọi thứ đều biến đổi và xã hội cũng giống như các hiện thực khách quan khác, không ngừng vận động và chuyển đổi, với một thực trạng đứng yên trong sự vận động liên tục không ngừng. Tuy nhiên, sự biến đổi của các sự vật, hiện tượng không hề giống nhau và ngay trong một sự vật, hiện tượng thì sự biến đổi cũng khác nhau theo từng trường hợp cụ thể. Triết gia Hy Lạp cổ đại Heraclitus (520 - 460 tr.CN) với những câu nói nổi tiếng: “*Không thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông, bởi vì nước mới không ngừng chảy trên sông*”; “*Tất cả mọi vật đều vận động, không có cái gì tồn tại mà lại cố định*”, và ngay cả “*Mặt trời cũng mỗi ngày một mới*” [44, tr. 116].

Trong lịch sử, đã có nhiều mô hình/khung phân tích nêu lên chu trình của sự biến đổi trong xã hội con người nói chung và biến đổi văn hóa nói riêng, như mô hình biến đổi theo 3 chu trình của Lewin K (1951) trong *Field theory in social science*, University of Chicago Press, gồm: Bất ổn định (unfreezing), biến đổi (changing), và tái ổn định (refreezing); hay lý thuyết của Auguste Comte cho rằng, khi đã xác định được nguồn gốc của sự biến đổi xã hội thì chắc chắn mọi quy trình biến đổi sẽ là: Khả năng biến đổi cao, theo một con đường phát triển, và những tiến bộ đương nhiên hướng đến một xã hội tốt hơn; hay Karl Heinrich Marx cho rằng mỗi trạng thái/mức độ phát triển, xã hội sẽ tiềm ẩn các điều kiện tự huỷ diệt cái lỗi thời và tạo cơ hội biến đổi, đưa xã hội vào các trạng thái/hình thái xã hội phát triển tiếp sau đó; hay Gérald Zaltman, Robert Duncan (1997) trong *Strategies for planned change*, The University of Michigan cho rằng, các nhân tố sẽ gây cản trở cho sự biến đổi là văn hoá, xã hội, tổ chức, tâm lý; ngoài ra các yếu tố tổng hợp cần được quan tâm khi xem xét sự biến đổi của các nhà Xã hội học, như môi trường vật chất, công nghệ, sức ép dân số, giao lưu văn hóa, xung đột xã hội.... Hay trong khuynh hướng bảo đảm quy luật tự nhiên của sự biến đổi xã hội được thể hiện ở thuyết chức năng luận vào đầu thế kỷ XX. Cụ thể hơn là trường phái cơ cấu - chức năng (structural functionalism) mà Bronislaw Malinowski là người đại diện (1926); trường phái này khảo cứu chức năng của các thành tố văn hoá, từng thể chế xã hội như gia đình, dòng họ trong các loại hình xã hội, và quan điểm cho rằng mỗi sự có mặt của các yếu tố trên đều là sự đảm bảo việc thực hiện một chức năng nào đó của văn hoá, xã hội; và khi nó biến đổi cũng có nghĩa đó là một quy luật tự nhiên để thích ứng với một chức năng khác cần được thực hiện [67].

Biến đổi văn hóa được các nhà khoa học khởi xướng *thuyết Tiến hóa luận* như Edward B. Taylor hay L. Morgan đã đề cập đến từ thế kỷ XIX khi họ phân chia xã hội theo thứ bậc đơn tuyến và có chung một mẫu hình biến đổi xã hội cũng như biến đổi văn hóa. E. Taylor cho rằng: “*Sự phát triển tiến bộ tiến hóa của các nền văn hóa là xu hướng chính trong lịch sử loài người. Xu hướng phát triển này là rất hiển nhiên, vì rằng có nhiều dữ kiện theo tính liên tục của nó có thể sắp xếp vào một trật tự xác định, mà không thể làm ngược lại*” [1, tr. 53]. Theo các nhà tiến hóa luận, biến đổi văn hóa có một mô hình chung, đó là ở những nền văn hóa ngoài phương Tây được nhìn nhận “*kém văn minh*”, sự biến đổi văn hóa diễn ra chậm chạp, đối ngược với văn hóa phương Tây năng động và biến đổi nhanh. Các giai đoạn hiện tại của văn hóa đã tiến hóa lên từ các giai đoạn sớm hơn. Quan điểm mô hình tiến hóa đơn tuyến về sự phát triển, biến đổi văn hóa này đã bị giới Nhân học/Dân tộc học khắp nơi trên thế giới phản đối và tạo tiền đề dẫn đến sự ra đời, phát triển của khá nhiều lý thuyết mới ra đời vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Trong suốt nửa sau thế kỷ XX và phổ biến cho đến hiện nay có một khuynh hướng nghiên cứu thu hút các nhà Nhân học/Dân tộc học quan tâm nghiên cứu, đó là sự biến đổi văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, đặc biệt ở những xã hội đang chuyển đổi từ mô hình kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại. Biến đổi văn hóa là một chủ đề nghiên cứu rất thú vị thu hút nhiều sự quan tâm của các ngành nghề khác nhau. Do vậy, “*dù còn rất nhiều những quan điểm, những sự phân tích khác nhau về toàn cầu hóa và văn hóa nhưng có thể nói các nhà nghiên cứu nhân học nói riêng và khoa học xã hội nói chung tương đối thống nhất ở luận điểm cho rằng sự biến đổi văn hóa là xu hướng tất yếu trong quá trình toàn cầu hóa và sự biến đổi ấy đang diễn ra rất đa dạng ở nhiều cấp độ và nhiều chiều hướng khác nhau*” [20, tr. 17]. Dù biến đổi văn hóa trong bối cảnh hiện đại hóa là một thực trạng không thể tránh khỏi, song các học giả đều khẳng định sự trường tồn của các giá trị truyền thống và nó sẽ chi phối sự lựa chọn của từng xã hội cụ thể đến chiều hướng, quy mô, cách thức biến đổi văn hóa. Điều này hướng NCS trong quá trình nghiên cứu di sản phủ đệ triều Nguyễn lưu ý đến các giá trị bền vững của di sản này trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế.

Nguyễn Duy Bắc đã cho rằng: “*Biến đổi văn hóa chính là quá trình thay đổi các phương thức sản xuất, bảo quản, truyền bá... các sản phẩm và các giá trị văn hóa phù hợp với những biến đổi về chính trị, kinh tế, xã hội ở những thời kỳ nhất định trong sự phát triển của các quốc gia dân tộc và nhân loại*” [14, tr. 36]. Bốn nhân tố tác động đến biến đổi văn hóa được đề cập trong công trình này bao gồm: Thứ nhất là sự vận động và phát triển của đời sống kinh tế - xã hội; thứ hai là nhân tố tư tưởng, chính trị; thứ ba là kỹ thuật và công nghệ mới; thứ tư là giao lưu văn hóa. Áp dụng các luận điểm giải thích nguyên nhân biến đổi văn hóa ở trên, luận án đã nghiên cứu các yếu tố dẫn đến sự biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa, cụ thể từ sau năm 1986 đến nay. Đó là nhu cầu về phát triển kinh tế; Sự thay đổi về mô hình gia đình và không gian cư trú; Sự thay đổi về nhận thức của các thành viên sống trong phủ đệ; Chủ

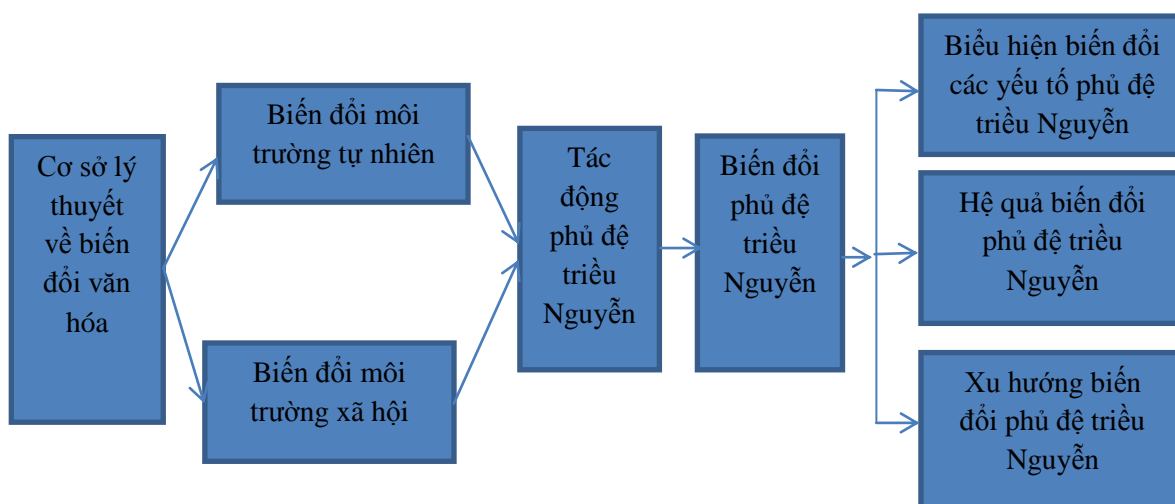


trương, chính sách của chính quyền địa phương; Ảnh hưởng của thời gian và tác động do sự biến đổi khí hậu; Tác động của tiến bộ khoa học - kỹ thuật và vật liệu xây dựng.

Nhìn chung, các khung phân tích/luận giải khác nhau về biến đổi đều thống nhất đề cao mặt tích cực của nó, nhưng cũng không xem nhẹ các yếu tố tiêu cực, kém bền vững nảy sinh trong quá trình đó. Cơ bản, biến đổi là sự vận động/tự chuyển mình một cách tất yếu cho phù hợp/thích ứng với mọi điều kiện mới của tự nhiên, xã hội và lịch sử. Trong khuynh hướng bảo đảm quy luật tự nhiên của sự biến đổi xã hội được thể hiện ở thuyết chức năng luận với việc khảo cứu chức năng của các thành tố văn hoá, từng thể chế xã hội như gia đình, dòng họ trong các loại hình xã hội, và quan điểm cho rằng mỗi sự có mặt của các yếu tố trên đều là sự đảm bảo việc thực hiện một chức năng nào đó của văn hoá, xã hội hoặc tâm lý. Có nghĩa rằng vị trí của tất cả mọi thứ trong cuộc sống con người luôn phải có một chức năng nào đó, và khi nó biến đổi cũng có nghĩa đó là một quy luật tự nhiên để thích ứng với một chức năng khác cần được thực hiện.

Áp dụng lý thuyết về biến đổi văn hóa nêu trên vào nghiên cứu di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay, NCS đưa ra sơ đồ khung phân tích cụ thể (Sơ đồ 1.1) như sau:

**Sơ đồ 1.1. Khung phân tích**



[Nguồn: Tác giả]

#### *- Lý thuyết về bảo tồn và phát triển*

Ngày nay, mọi người có thể tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa của nhiều quốc gia, nhiều dân tộc khác nhau vì vậy mà quan điểm bảo tồn và phát triển được nhiều học giả tán đồng. Trọng tâm hướng đến quan điểm này là cộng đồng và các nhà quản lý di sản không nên quá chú trọng đến vấn đề bảo tồn nguyên vẹn như thế nào, nên kế thừa cái gì từ quá khứ; mà cần đặt trọng tâm vào việc làm thế nào để di sản sống và phát huy được các giá trị của nó trong đời sống xã hội đương đại.

Hiến chương Athens (1931) về trùng tu di sản gồm có 7 nguyên tắc để can thiệp vào các công trình lịch sử, thông qua các pháp chế và phục chế di tích kiến trúc. Hội nghị cũng đã đưa ra lời kêu gọi tôn trọng diện mạo các đô thị, đặc biệt là tôn trọng môi trường xung quanh di tích và sự cần thiết về tuyên truyền, giáo dục đối với cộng đồng về ý nghĩa, vai trò của bảo tồn và mong muốn khai thác di sản nhằm đảm bảo sức sống

cho chúng. Trong nội dung Hiến chương này có điểm đáng chú ý để áp dụng vào luận án là: Các dự án dự kiến trùng tu phải được thông qua việc phê phán thông tuệ để tránh được những sai lầm có thể gây ra mất mát đặc tính và giá trị lịch sử của kiến trúc; Kỹ thuật và vật liệu hiện đại có thể được sử dụng trong việc trùng tu; Việc bảo vệ khu vực xung quanh di chỉ lịch sử phải được đặc biệt chú ý [123, tr. 187].

Hiến chương Venice (1964) nhấn mạnh tầm quan trọng của địa điểm, tôn trọng tính nguyên gốc và ý nghĩa về đặc tính của công trình lịch sử qua các thời kỳ, nhấn mạnh giá trị thẩm mỹ, lịch sử của di tích. Hiến chương Venice đặt việc bảo tồn di tích lên hàng đầu, giới hạn phạm vi phục chế với mục đích bảo vệ di tích. Hiến chương đã mở rộng quan niệm về di sản, kể cả những di tích khiêm tốn nhưng có giá trị văn hóa. Hiến chương Venice có một số nguyên tắc có thể vận dụng vào trong nghiên cứu này như: Một di tích là không thể tách rời khỏi lịch sử mà nó là chứng nhân, không thể tách rời khỏi khung cảnh mà nó tọa lạc [123, tr. 192].

Hiến chương Washington (1987) quan tâm đến các khu vực đô thị lịch sử, cả quy mô rộng lớn đến nhỏ bé. Ngoài vai trò là chứng nhân lịch sử, những khu vực này còn là hiện thân của các giá trị văn hoá đô thị truyền thống; tuy nhiên ngày nay đang bị mai một, xuống cấp và thậm chí bị hủy hoại do tác động của quá trình phát triển đô thị và đô thị hoá ở khắp nơi trên thế giới, dẫn đến những mất mát không thể bù đắp được về văn hoá, xã hội và kinh tế. Điều đáng chú ý khi áp dụng văn bản này: Kế hoạch bảo vệ cần nhằm vào việc đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa các khu đô thị lịch sử và toàn bộ thành phố; Cần phải được sự ủng hộ của cư dân sống trong khu vực [123, tr. 221].

Văn kiện Nara (1994) luôn cân nhắc tính xác thực, mở rộng các biện pháp và phương tiện trong bảo tồn di sản văn hóa nhằm tôn trọng tính đa dạng văn hoá và di sản là cần thiết. Văn kiện Nara về tính xác thực được nhận thức theo tinh thần “*Hiến chương Venice*” và trên cơ sở đó mở rộng khái niệm ra để đáp ứng các mối quan tâm và lợi ích đối với di sản văn hóa ngày càng mở rộng. Điều quan trọng trong văn bản này cần phải đảm bảo: Tính đa dạng văn hoá và đa dạng di sản; Giá trị và tính xác thực [123, tr. 232].

Công ước quốc tế về du lịch văn hóa (1999) được thông qua tại kỳ họp lần thứ 12 tại Mexico năm 1999. Một số mục tiêu đáng chú ý của Công ước là: “*Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích ngành kinh doanh du lịch đầy mạnh và quản lý du lịch theo hướng tôn trọng và phát huy di sản và các văn hóa đang tồn tại...*” [123, tr. 245]. Công ước đã đưa ra 6 nguyên tắc cơ bản và có thể chọn để áp dụng trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản theo hướng du lịch bền vững: Mối quan hệ giữa các địa điểm di sản và du lịch là có tính động và có thể có giá trị xung đột nhau; Các cộng đồng chủ nhà và dân chúng bản địa phải được tham gia vào việc lập kế hoạch bảo vệ và du lịch; Hoạt động du lịch và bảo vệ phải có lợi cho cộng đồng; Các chương trình xúc tiến du lịch phải bảo vệ và phát huy các đặc trưng của di sản thiên nhiên và văn hóa [123].

Nghị định thư Hội An (2003) được đưa ra tại Hội nghị quốc tế về “*Bảo tồn các địa điểm di sản văn hóa và hợp tác quốc tế*” được tổ chức tại Hội An và đã thống nhất các nguyên tắc, các đề xuất đối với chính quyền Trung ương và địa phương cũng như

đối với các sở ban ngành và các tổ chức quốc tế liên quan về các khu phố cổ và lịch sử của Châu Á với bảo tồn di sản, với một số nguyên tắc cơ bản có thể nhằm áp dụng vào bảo tồn các khu phố cổ hoặc khu phố lịch sử bao gồm: Sự tham gia cộng đồng trong việc bảo tồn các khu phố lịch sử; Cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hóa; Bảo tồn di sản kiến trúc bằng gỗ tại các khu phố lịch sử; Củng cố các cấp chính quyền, chuyên môn và hợp tác quốc tế [123].

Kiến trúc sư Nguyễn Hạnh Nguyên cho rằng: *“Người ta lo sợ: Bảo tồn & Phát triển là mâu thuẫn, là đối kháng, đó là một cách hiểu chưa đầy đủ thiếu bản chất. Thực tế từ các trường hợp của những đô thị đang thành công. Bảo tồn và phát triển không bao giờ đối kháng. Hay nói cách khác đối kháng chỉ xảy ra khi những người thực hiện cả 2 công việc này không hiểu, không biết cách làm thế nào cho đúng. Những bên đối kháng không biết kết hợp và nương vào nhau mà chỉ khăng khăng, bảo thủ để hoặc giữ bằng được không cho chuyển đổi, kìm hãm phát triển, hoặc hiểu theo nghĩa “phát triển” thì phải “đập đi, xây mới” [73, tr. 103].*

A.A Radughin nhận định: Xu hướng hiện đại của việc suy ngẫm lại vai trò và ý nghĩa của di sản văn hóa là ở chỗ, không chỉ cố gắng giữ gìn di sản đó ở dạng ban đầu mà còn cố gắng đưa một cách tích cực di sản đó vào nền móng của đời sống xã hội. Tức là bản thân quá trình lịch sử của văn hóa nghệ thuật xuất hiện ở đây không chỉ như quá trình bảo toàn quá khứ và tích lũy các giá trị văn hóa, mà còn là quá trình phát triển cái mới trong cái cũ [2, tr. 646]. Ở đây có nghĩa: Một mặt cần gìn giữ, bảo tồn các di sản tránh những nguy cơ bị mai một, bị tàn phá bởi thiên nhiên, chiến tranh và con người nhưng mặt khác cần đưa những giá trị của di sản vào phục vụ cho sự phát triển của con người. Phát huy các giá trị của di sản chính là sử dụng có hiệu quả các giá trị vốn có của di sản vào việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, khai thác phục vụ du lịch bền vững, coi đó là một nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội và trên cơ sở đó tuyên truyền sâu rộng cho cộng đồng, nâng cao trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản của cộng đồng xã hội.

Nhà nghiên cứu Huh Kwon đưa ra quan điểm cần bảo tồn và phát triển bền vững di sản: *“Chúng ta có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến những khả năng bền vững của di sản như làm hỏng giá trị thông qua du lịch tài nguyên hóa quá đáng, xúc tiến dự án phát triển xung quanh với quy mô lớn, sửa chữa, phục hồi không dựa vào tư liệu và khảo chứng kỹ càng. Do đó, dự án hay chính sách nhằm quản lý bảo tồn di sản thế giới luôn phải được xúc tiến trên nguyên tắc bảo tồn tính bền vững của di sản” [41, tr. 28].*

Viện Bảo tồn Di tích - Urban Solution biên soạn *“Tài liệu hướng dẫn cho các nhà hoạch định (Quản lý di sản đô thị trong bối cảnh phát triển đô thị ở Việt Nam)”* cho rằng, “những cách tiếp cận thụ động hay còn gọi là phương pháp bảo tồn đối với quản lý công trình di sản bao gồm giữ gìn, duy trì, bảo tồn và trùng tu. Các phương pháp tiếp cận này nhằm chỉ để tạo nên những thay đổi rất nhỏ đối với các tài sản hoặc khu vực lịch sử:

- Gìn giữ: Hành động nhằm giữ lại tài sản hoặc khu vực lịch sử không bị xâm hại hoặc hư hỏng, phá vỡ.

- Duy trì: Giữ lại một tài sản hoặc khu vực lịch sử.
- Bảo tồn: Những nỗ lực nhằm tìm hiểu và nắm rõ được giá trị lịch sử và ý nghĩa của di sản, đảm bảo giữ gìn các vật liệu gốc, cải tạo và nâng cấp cần thiết.
- Trùng tu: Nỗ lực để khôi phục một công trình lịch sử hoặc các khu vực phụ cận về trạng thái nguyên gốc.

Cách tiếp cận với các công trình chủ động hơn bao gồm tôn tạo, cải tạo mới và tái phát triển. Những cách tiếp cận này nhằm nâng cấp và thay thế tình trạng của di sản:

- Tôn tạo: Đưa những công trình lịch sử và những khu vực phụ cận trở lại với đời sống và các hoạt động bằng cách nâng cấp tình trạng của di sản.

- Cải tạo mới: Xây dựng lại một khu vực lớn của thành phố được tiến hành bởi cơ quan nhà nước.

- Tái phát triển: Khôi phục lại những khu vực đã bị đổ nát, suy thoái.

Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận quản lý di sản đô thị phù hợp hoặc kết hợp những phương pháp tiếp cận như mô tả trên đây phụ thuộc vào nhu cầu địa phương và quan trọng hơn hết là sự ủng hộ và hỗ trợ của các bên liên quan chính, bao gồm cơ quan chính quyền, người dân địa phương, doanh nghiệp địa phương và những cơ quan chính phủ cấp nhà nước có liên quan khác” (Sơ đồ 1.2).

### Sơ đồ 1.2. Cách tiếp cận bảo tồn di sản



[Nguồn: 122, tr. 25]

Từ những trình bày lý thuyết về bảo tồn và phát triển nêu trên, tác giả luận án này sẽ xem xét việc quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ ở thành phố Huế theo quan điểm để di sản sống, thích nghi, phát huy được các giá trị độc đáo của nó trong đời sống văn hóa - xã hội đương đại, có vai trò quan trọng và cần thiết cho cuộc sống hôm nay và mai sau. Di sản phủ đệ triều Nguyễn là nơi lưu giữ ký ức, phần hồn, câu chuyện lịch sử của đô thị di sản Huế trong bối cảnh hiện nay.

## 1.3. Phương pháp nghiên cứu

### 1.3.1. Phương pháp điền dã Dân tộc học

Đây là phương pháp chủ đạo trong quá trình triển khai thu thập tư liệu tại địa bàn nghiên cứu với nhiều phương pháp cụ thể. Có thể khẳng định phương pháp điền dã Dân tộc học đóng vai trò quyết định trong quá trình thực hiện luận án. Đối tượng nghiên cứu của đề tài là “*Di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế*” nên việc điền dã để quan sát, khảo sát, nghiên cứu, thu thập tài liệu,... là yếu tố tiên quyết và bắt buộc. Với yêu cầu và mục đích của luận án, chúng tôi chọn triển khai điền dã tại phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Diên Khánh vương, Kiên Thái vương, Phong Quốc công, Tương An quận vương, Tuy An quận công, An Thường công chúa, Diên Phúc trưởng công chúa, Ngọc Sơn công chúa... Ở các điểm

nghiên cứu trên, bên cạnh việc thu thập tư liệu bằng phương pháp nghiên cứu điền dã Dân tộc học như: Quan sát, mô tả, thu thập tư liệu bằng hệ thống câu hỏi/vấn đề bán cấu trúc, chúng tôi còn triển khai phương pháp thảo luận nhóm như là một hình thức nghiên cứu có sự tham dự của cộng đồng.

Phương pháp điền dã Dân tộc học được triển khai trong suốt quá trình nghiên cứu thực hiện luận án với các hoạt động chính sau đây:

- Bằng phương pháp nghiên cứu chuyên gia, chúng tôi xây dựng câu hỏi bán cấu trúc, trực tiếp đến các di sản phủ đệ để quan sát, lắng nghe, mô tả, ghi chép, đo đạc, vẽ sơ đồ, chụp ảnh,...

- Triển khai tổ chức thảo luận nhóm, tạo điều kiện cho người dân sống trong khu vực di sản phủ đệ trực tiếp tham gia vào quá trình nghiên cứu. Nhờ vậy, nhiều giải pháp đề ra đã được người dân trực tiếp nhận xét, bàn luận, kiến nghị. Trên cơ sở đó, chúng tôi thu thập được những tư liệu, những ý kiến có tính khách quan của cộng đồng về vấn đề nghiên cứu của luận án.

Những công việc cụ thể chúng tôi đã làm:

(i) Tiến hành quan sát tổng thể về các điểm nghiên cứu một cách có chủ ý nhằm thu thập thông tin và nhận định, thực hiện quan sát để miêu tả, ghi chép Dân tộc học.

(ii) Tiến hành ghi chép, chụp ảnh, đo vẽ, ghi âm, ghi hình... tại các di sản phủ đệ triều Nguyễn.

(iii) Tiến hành phỏng vấn các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà quản lý di sản văn hóa,... theo các nội dung đã được thiết kế để thu thập thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu của đề tài.

(iv) Tiến hành phương pháp quan sát tham dự vào không gian nghi lễ tế tự diễn ra tại di sản phủ đệ để hiểu sâu hơn về quá trình thực hành lễ nghi, vai trò và ý nghĩa trong tâm thức của các thành viên sống trong phủ đệ.

(v) Việc nghiên cứu di sản phủ đệ ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay phải sử dụng phương pháp điều tra Xã hội học. Đây là phương pháp quan trọng cho phép luận án tiếp cận các vấn đề về biến đổi di sản phủ đệ ở Huế thông qua phỏng vấn bảng hỏi, phỏng vấn sâu để từ đó có cái nhìn toàn diện và chính xác. Về phỏng vấn bảng hỏi có 1 phiếu khảo sát (PL 1, tr P1) được tiến hành điều tra 60 phiếu và được xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS để có những kết quả mang tính định lượng, là một trong những nguồn tài liệu làm cơ sở lý giải cho những vấn đề tương ứng của luận án. Tuy nhiên, có những vấn đề mà bảng hỏi định lượng không thể giải quyết được một cách triệt để hoặc sâu sắc, do đó NCS kết hợp tiến hành với việc phỏng vấn sâu. Bởi, có rất nhiều thông tin định tính chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn những thông tin đó với những thông tin định tính thu được từ phỏng vấn sâu. Phương pháp phỏng vấn sâu sử dụng công cụ là bản hướng dẫn phỏng vấn sâu với những câu hỏi mang tính gợi mở được thiết kế theo mục đích nghiên cứu, nhằm bổ sung cho những thông tin định lượng. Trong quá trình quan sát tham dự, NCS đã gặp gỡ, trao đổi, phỏng vấn người đang quản lý, gìn giữ di sản phủ đệ, các thành viên Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc, Nhóm Lửa

Nhỏ, những người làm công tác quản lý di sản văn hóa và các nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa Huế. Nội dung phỏng vấn được chuẩn bị trước với những câu hỏi được xây dựng theo nguyên tắc gợi ý để người trả lời có nhiều lựa chọn khi đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của mình.

### **1.3.2. Phương pháp nghiên cứu tài liệu**

Song song với phương pháp điền dã Dân tộc học, luận án tiến hành nghiên cứu tài liệu thành văn. Đây là phương pháp quan trọng giúp cho NCS có những tri thức tổng quát, cụ thể, chuyên sâu về các nghiên cứu di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay. Như đã luận giải ở phần tổng quan tình hình nghiên cứu, đề tài luận án có liên quan đến nhiều công trình, bài viết thuộc lĩnh vực tư liệu thành văn đã được công bố khá phong phú. Vì vậy, để triển khai thu thập nguồn tư liệu này, chúng tôi đã sử dụng cách thức phân loại tư liệu thành văn thành các nhóm tư liệu. Sau khi phân loại, chúng tôi từng bước nghiên cứu nguồn tư liệu này theo các luận điểm cơ bản liên quan đến đề tài luận án. Các tư liệu được lưu giữ, ghi chép thành file, các folder để làm luận cứ thứ cấp trong quá trình triển khai nghiên cứu vấn đề.

### **1.3.3. Phương pháp lịch sử và logic**

Luận án nghiên cứu phủ đệ triều Nguyễn trong một tiến trình lịch sử từ những năm đầu của thế kỷ XIX cho đến nay nên chúng tôi đã sử dụng phương pháp lịch sử để nhìn nhận đối tượng nghiên cứu của luận án trong từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể để thấy được những đặc điểm, giá trị đặc trưng của nó trong từng giai đoạn khác nhau; đồng thời kết hợp chặt chẽ với phương pháp logic để phân tích làm rõ sự tương tác, mối quan hệ biện chứng giữa chủ nhân với kiến trúc phủ đệ, giữa điều kiện tự nhiên, xã hội, hoàn cảnh lịch sử với giá trị đặc trưng của đối tượng nghiên cứu.

### **1.3.4. Phương pháp so sánh và đối chiếu**

So sánh và đối chiếu là phương pháp cần thiết vì qua quá trình này những giả thuyết liên quan đến đề tài được xác định đúng sai và mục tiêu của đề tài được làm sáng tỏ. So sánh đối chiếu không chỉ từ nguồn tư liệu điền dã với tư liệu thành văn mà còn trong nội bộ các tư liệu điền dã và nội bộ các tư liệu thành văn, bởi vì có nhiều quan điểm khác nhau khi cùng lý giải về một nội dung. Ngoài ra, chúng tôi còn so sánh đối chiếu một sự vật, hiện tượng theo lịch đại và đồng đại nhằm tìm ra những nét tương đồng và khác biệt của sự vật, hiện tượng đó trong những khoảng không gian và thời gian khác nhau. Để thực hiện đề tài của luận án này, chúng tôi đã tiến hành so sánh phủ đệ triều Nguyễn trước đây và di sản phủ đệ hiện nay dưới sự tác động của đời sống xã hội đương đại. Thông qua phương pháp này, chúng tôi thu thập được nhiều tư liệu và có những hiểu biết sâu sắc về di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay.

### **1.3.5. Phương pháp phân tích và tổng hợp**

Từ quá trình điền dã và thu thập tư liệu thành văn, trên nền tảng của tư duy logic biện chứng, tư duy lịch sử và hướng tiếp cận lý thuyết của Nhân học văn hóa, luận án tiến hành lý giải và phân tích các khía cạnh liên quan đến di sản phủ đệ triều Nguyễn. Phân tích tổng hợp từ các tư liệu của quá trình điền dã cũng như tư liệu thành văn. Tất

nhiên, với 60 di sản phủ đệ trong đối tượng cần được điền dã thực tế thì khối lượng tư liệu thu thập được sẽ rất nhiều. Như vậy, quá trình xác minh và phân tích cần một khoảng thời gian khá dài. Trong hoàn cảnh này, luận án đã lược bỏ dần những tư liệu không cần thiết dựa trên việc kế thừa các kết quả đã được ghi nhận của các tác giả đi trước trong cùng một vấn đề để quá trình tiến hành phân tích, tổng hợp đơn giản hơn.

#### **1.2.6. Một số phương pháp nghiên cứu khác**

Với đối tượng là di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay nên những thao tác nghiên cứu khác cũng được chúng tôi sử dụng trong luận án. Đó là các phương pháp xây dựng mô hình cấu trúc để biểu đạt các vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài, cũng như sử dụng khung phân tích SWOT để giải quyết các vấn đề nghiên cứu khác nhau trong quá trình thực hiện luận án đã được chúng tôi sử dụng.

### **1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành phủ đệ triều Nguyễn**

#### **1.4.1. Nhân tố môi trường tự nhiên**

Tùy từng vùng miền để cho phù hợp với khí hậu địa phương mà hình thức, kết cấu vật liệu công trình kiến trúc được bố trí, quy hoạch xây dựng khác nhau. Vùng đất Cố đô Huế tuy nhỏ hẹp nhưng là nơi hội tụ đầy đủ các hình thể của tự nhiên, có đồi núi, rừng, khe nhỏ, sông dài, ruộng đồng, đầm phá, biển... tất cả như được mặc định theo một trật tự rõ ràng, đó là khung cảnh tuyệt vời để các ông hoàng, bà chúa áp dụng sắp xếp không gian sống của mình cũng theo một trật tự như thế. Nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng hết lời ca ngợi về cuộc đất lý tưởng này: *“Đất Phú Xuân là nơi đại địa, bằng phẳng, đẹp đẽ như lòng bàn tay, chu vi có thể rộng hơn mười dặm đất. Tại trấn dinh, thì nội chính dinh ở một nơi đất cao hơn, bốn phía đều thấp cả. Đó là ở giữa một khoảng đất rộng rãi, bằng phẳng, bỗng đột khởi lên một ngôi đất cao. Đất này [nói theo phép địa lý Đông phương ngày xưa] tọa Càn phương [phương Nam], hướng mặt về Tốn phương [phương Đông Nam] nương tựa ngang vào long xích [xương sống rồng]. Ở phía trước, có nhiều hòn núi bảo vệ trấn dinh được sắp bày la liệt và đều thu nhận những giòng nước hổ thủy [theo địa lý]. Ấy là mạch đất đại phát tài, phát quyền lực và giàu sang thịnh vượng”* [29, tr. 189]. Sự phong phú về địa hình, nhiều thắng cảnh đẹp đã tạo ra những vị trí thuận lợi, phong cảnh hữu tình để các ông hoàng, bà chúa lựa chọn địa thế xây dựng phủ đệ và trồng rất nhiều hoa thơm cỏ lạ.

Phủ đệ triều Nguyễn được quy hoạch và xây dựng gắn liền với trục sông Hương, sông Lợi Nông (sông An Cựu), sông Thọ Lộc (sông Như Ý), sông Đông Ba... Những điều kiện của môi trường tự nhiên đã có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành đặc điểm kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn. Điển hình là thế ứng xử với đặc điểm địa lý - sinh thái, chủ nhân phủ đệ đã có dụng ý khi thường chọn hướng Nam làm cửa chính của phủ đệ và 2 chái phụ ở 2 đầu nhà sẽ là hướng Đông - Tây. Bởi vì, xứ Huế thuộc vùng nhiệt đới gió mùa, phía Đông là biển, phía Tây là núi, với hai mùa gió chính: Gió Đông Bắc khô, lạnh về mùa đông và gió Đông Nam mát mẻ về mùa hè. Do đó, trong 4 hướng chính, hướng Nam có nhiều ưu thế hơn cả: Một mặt tránh được cái gió bắc giá lạnh, ẩm ướt từ phương

Bắc về mùa đông, cái gió khô nóng (gió Lào) từ phía Tây về mùa hè, vừa tránh được gió bão từ biển Đông. Ngoài ra, hệ mái phủ đệ thường có 4 mái, gồm 2 mái chính trước và sau và 2 mái phụ của 2 chái ở hai đầu hồi; có độ dốc lớn để phù hợp với vùng đất có lượng mưa cực đoan. Vật liệu lợp là mái ngói liệt được lợp rất dày để tăng tác dụng cố định bộ khung xuống nền nhà và để cách nhiệt. Sau này, mái liệt có trát vữa để giữ cho ngói khỏi tụt và bão tốc mái, đồng thời tạo thành các xối nước chảy thoát nhanh rất thích ứng với vùng khí hậu có mưa nhiều, nhất là những cơn dông xối xả như trút nước. Đặc điểm kiến trúc phủ đệ là một cách làm có khoa học để sống thuận theo đặc điểm địa lý - sinh thái xứ Huế của các hoàng tử, công chúa triều Nguyễn.

#### 1.4.2. Nhân tố lịch sử

Từ năm 1636, Huế trở thành thủ phủ của Đàng Trong (1636 - 1775), rồi kinh đô của hai triều đại Tây Sơn (1788 - 1801) và triều Nguyễn (1802 - 1945). Năm 1802, chúa Nguyễn Phúc Ánh sáng lập ra triều Nguyễn, đặt niên hiệu là vua Gia Long, đóng đô ở Huế, trải qua 13 triều vua (PL 6, tr. P41), với quốc hiệu là Việt Nam (1804 - 1838), rồi Đại Nam (1838 - 1945). Huế với vai trò quan trọng, có tính địa chính trị, chiến lược, vua Gia Long từng khẳng định vị trí này là đắc địa: *“Kinh sư là nơi miền núi, miền biển đều hợp về, đứng giữa miền Nam miền Bắc, đất đai cao ráo, non sông phẳng lặng; đường thủy thì có cửa Thuận An, cửa Tư Hiền sâu hiểm, đường bộ thì có Hoành Sơn, ải Hải Vân chặn ngăn; sông lớn ngăn phía trước; núi cao giữ phía sau, rồng cuốn hổ ngồi, hình thế vững chãi, ấy là do trời đất xếp đặt, thật là thượng đô của nhà vua”* [81, tr. 13]. Vị trí của Kinh đô Huế được xem là *“đất đế vương”* với núi Ngự Bình làm *“tiền án”* che chắn trước mặt, sông Hương làm *“minh đường”*, hình thế núi non như rồng châu, hổ phục. Trong suy nghĩ của các vị vua Nguyễn, Huế đã hội đủ các yếu tố về địa chính trị - quân sự để định đô muôn đời. Vì vậy, việc chọn Huế là Kinh đô của triều Nguyễn là yếu tố tiên quyết để phủ đệ của các ông hoàng bà chúa xây dựng ở Huế chứ không phải một nơi nào khác.

Vùng đất Huế trở thành điểm hội tụ của nhân tài, vật lực của cả nước. Các vị vua triều Nguyễn đã xây dựng Huế trở thành trung tâm chính trị, văn hóa, quyền lực của một nhà nước Việt Nam thống nhất. Chính quyền trung ương tập quyền triều Nguyễn được thiết lập không chỉ cho thấy sự trưởng thành về mặt chính trị của một triều đại mà qua đó triều Nguyễn còn muốn khẳng định vị thế của một quốc gia độc lập, cường thịnh, đạt đến trình độ không thua kém bình diện phát triển chung của khu vực và thế giới. Trong giai đoạn này, Huế giữ vị thế là đầu tàu của nền nghệ thuật dân tộc, cả nghệ thuật cung đình cao sang, quý phái và nghệ thuật dân gian sinh động, phong phú. Công cuộc xây dựng Kinh đô Huế bắt đầu từ năm 1804, kéo dài qua suốt thời vua Gia Long (1802 - 1820), qua gần hết thời vua Minh Mạng (1820 - 1841) mới cơ bản hoàn chỉnh. Các vị vua triều Nguyễn cũng rất chú trọng đến việc quy hoạch xây dựng phủ đệ để ban tặng cho các hoàng tử và công chúa.

Sau khi lựa chọn được cuộc đất cát tường về thuật phong thủy và các nguyên lý triết học cổ, phủ đệ của các ông hoàng bà chúa mới bắt đầu được tiến hành khởi công



xây dựng. Vật liệu chính là gỗ, gạch, đá, ngói lợp, gốm sứ... được Bộ Công chuẩn bị và vận chuyển vật liệu chủ yếu theo đường sông để đến các khu vực dự kiến xây dựng phủ đệ. Thợ thuyền đảm nhiệm công việc xây cất phủ đệ đều làm việc trong các ty/cục thuộc Bộ Công, đây là những bậc xảo thủ trong nghề, do triều đình chiêu mộ khắp cả nước, đưa về kinh đô làm việc. Với tinh hoa nghệ thuật kiến trúc dân gian từ các làng nghề Bắc Bộ đã được tập trung về đây, dung hòa tiếp biến với văn hóa bản địa và các quan điểm thẩm mỹ cung đình để trở thành chất liệu trang trí phổ biến cho các phủ đệ. Các nghệ nhân đã biến kỹ thuật chạm khắc gỗ thành một loại hình trang trí chính thống, tiếp nối mỹ cảm dân gian để làm gia tăng vẻ đẹp cho kiến trúc phủ đệ. Quy mô xây dựng, nghệ thuật trang trí kiến trúc phủ đệ phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của điển chế triều Nguyễn. Nếu các ông hoàng bà chúa tự tiện xây dựng phủ đệ trái với các quy định đã được các vị vua triều Nguyễn ban hành sẽ bị trị tội một cách nghiêm khắc.

#### **1.4.3. Nhân tố kinh tế - xã hội của giới quý tộc triều Nguyễn**

Các vị hoàng thân quốc thích đã được các hoàng đế triều Nguyễn dành cho nhiều ân điển nên đã trở thành một tầng lớp quý tộc tôn thất có nhiều đặc quyền trong xã hội. Phủ đệ là một thiết chế thể hiện vị trí quyền lực của các ông hoàng bà chúa trong xã hội phong kiến. Các hoàng tử từ 15 tuổi trở lên, theo lệ nếu xét thấy có tư cách đạo đức và học lực tốt sẽ được nhà vua tấn phong tước công và ban cấp tiền của xây dựng phủ đệ để sinh sống, học tập và lập phủ thiếp<sup>6</sup>. Còn anh em với nhà vua chưa được ban tước vị, xây dựng phủ đệ cũng được nhà vua quan tâm ân phong và ban cấp. Trong phủ đệ, từ hình thức kết cấu cho đến quy mô kiến trúc, nghệ thuật trang trí đều biểu hiện rõ về vị thế xã hội của giai cấp, tầng lớp quý tộc triều Nguyễn. Cụ thể, niên hiệu Thiệu Trị năm thứ 5 (1845), nhà vua chuẩn y lời nghị về “*các hoàng đệ chưa từng ban cho nhà phủ, nếu có tình nguyện chiêu giá lĩnh tự làm lấy, thì về vật liệu cần dùng mỗi một sở nhà phủ chiết cấp tiền 300 quan...các hoàng muội chưa từng ban cho nhà ở, nếu có tình nguyện lĩnh tiền tự làm cũng chiết cấp mỗi một sở nhà ở là 300 quan tiền*” [72; XIII, tr. 152]. Ngoài ra, phủ đệ nào bị xuống cấp, hư hỏng cũng được nhà vua quan tâm ra lệnh cho quan lại ở Phủ Tôn Nhân, Bộ Công, Bộ Hộ đến xem xét ban cấp tiền, nhân lực để trùng tu, sửa chữa.

Năm Minh Mạng thứ 1 (1820), nhà vua quy định ban bổng lộc hàng năm cho các thân công là anh em với vua Minh Mạng với mức bổng 3000 quan tiền và 2000 phương gạo, trong đó có 60 phương gạo trắng. Năm 1829, khi bắt đầu phong tước công cho các hoàng tử, vua Minh Mạng quy định cấp lệ bổng lộc hàng năm là 1000 quan tiền cùng 1000 phương gạo. Đến năm 1840, vua Minh Mạng chính thức ban dụ về cấp bổng lộc cho những hoàng thân có tước vị (PL 3.8, tr. P31). Ngoài ra, quan lại, binh lính phục vụ một thời gian khá dài trong phủ đệ của các ông hoàng bà chúa, việc chăm lo cho gia đình của họ hầu như không giúp được gì nhiều. Để hỗ trợ một phần nào cho cuộc sống của quan lại, binh lính và gia đình họ, triều đình đã trả lương cho

<sup>6</sup> Phủ thiếp là vợ (thiếp) của một hoàng tử đã đến tuổi trưởng thành, có phủ đệ và gia đình riêng.

quan lại, binh lính theo từng cấp bậc và chức vụ của họ. Vì vậy, họ luôn tập trung hoàn thành công việc được giao phó và tuyệt đối trung thành với chủ nhân phủ đệ.

Triều Nguyễn không có chính sách cho các vương hầu, quý tộc chiêu dân khai hoang lập điền trang, thái ấp như thời nhà Trần và cũng không khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động giao thương buôn bán nên tiềm lực kinh tế của quý tộc tôn thất triều Nguyễn không lớn mạnh và giàu có; các vị hoàng tử, công chúa tùy theo chức tước mà được nhận các mức lương bổng khác nhau. Nhưng các tước vị này không được lưu truyền mãi mãi cho các hậu duệ sống trong phủ đệ. Khi tước vị của ông hoàng đã qua đời, được truyền cho con cháu, cứ mỗi thế hệ lại giảm đi một bậc, kèm theo điều kiện là người được thừa hưởng tước ấy phải xứng đáng và được nhà vua sắc chỉ tập tước (PL 3.10, tr. P34). Bên cạnh đó, dưới triều Nguyễn, không có sự sở hữu ruộng đất phân chia theo các loại ruộng ngụ lộc, thường lộc, chế lộc, quan điền, quan trại... vốn có từ các triều đại trước. Các vị vua đầu triều Nguyễn đã ban hành các mệnh lệnh thu hồi lại và gọi chung là quan điền quan trại, đặt dưới sự quản lý trực tiếp của nhà nước trung ương. Từ năm 1822, vua Minh Mạng cho chuyển dần quan điền quan trại thành ruộng đất công làng xã và đến giữa thế kỷ XIX thì cơ bản quan điền quan trại không còn tồn tại nữa. Vì vậy, tầng lớp hoàng thân quốc thích, quý tộc dưới triều Nguyễn không còn sở hữu nhiều ruộng đất, thậm chí có những ông hoàng bà chúa không có một mảnh ruộng đất nào trong tay. Tuy nhiên cũng có một vài trường hợp ông hoàng bà chúa có uy tín, công lao và được nhà vua yêu quý ban cho nhiều ruộng đất để thu hoa lợi và truyền lại cho con cháu họ làm ruộng đất hương hỏa. Điển hình là Thọ Xuân quận vương từng giữ chức kiêm nhiếp Tôn Nhân phủ Hữu tôn chính vào năm 1877, được vua Tự Đức quý mến ban cho nhiều ruộng đất: *“Thọ Xuân quận vương là người tuổi cao đức lớn, trung cần không dối dạ, trầm thường kính ái, tình ý không sao giải tỏ được. Vậy ủy cho Thừa Thiên phủ thần chọn quan điền, thửa nào là ruộng tốt lấy mười lăm mẫu và nếu không có quan điền thì xuất công quỹ lấy tiền mua tư điền cũng ngần ấy mẫu để cấp cho quận vương làm ruộng thế nghiệp, để cúng hương hỏa cho đáng tiền phi (mẹ quận vương) và để cung hậu sự cho quận vương sau này cho trầm được vui lòng đôi chút”* [113, tr. 101].

Hầu hết với mức thu nhập lương bổng hàng năm khiêm tốn, lại nhiều vợ và rất đông con cháu nên cuộc sống của nhiều ông hoàng bà chúa cũng không có vẻ xa hoa. Nhiều hoàng tử, công chúa phải xin vay tiền bạc của triều đình để sửa chữa phủ đệ khi hư hỏng hoặc gặp thiên tai, thậm chí không có khả năng chi trả đúng hạn bị triều thần tâu lên nhà vua như trường hợp vào năm 1875, *“Vĩnh Lộc quận công Miên Chí vay nợ ở nghĩa xương 1.000 quan tiền để sửa chữa phủ đệ (Nghị trước định: Hoàng thân sửa chữa phủ đệ, cho vay 1.000 quan, hàng năm trả nợ 300 quan tiền). Mới một tháng mà huy hoắc đã hết cả, lại xin lĩnh lương trước 2 - 3 năm, quan phủ Tôn nhân Miên Định lấy lý răn bảo, sợ không phục tình, bèn đem việc ấy hạch tâu”* [86, VIII. tr.105].

Những chế độ đãi ngộ cho tầng lớp quý tộc tôn thất trên đây đã thể hiện sự quan tâm, coi trọng, chu cấp cho họ cả về vật chất lẫn tinh thần; đồng thời nhằm phân biệt thứ lớp, danh phận, tước vị mà họ được nhà vua tấn phong. Họ sống an nhàn trong

những ngôi phủ đệ của mình, để ngâm vịnh thi ca, quản lý công việc của hoàng tộc, không còn có tư tưởng chống đối với vương triều, thực hiện ý đồ lật đổ ngôi vua, có chăng chỉ là trường hợp hy hữu đã xảy ra khi An Phong công Hồng Bảo mưu sự để tranh giành ngôi vị với vua Tự Đức<sup>7</sup> trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nguy cơ bị thực dân Pháp xâm lược. Kết quả là, đã có những vị hoàng thân như Thọ Xuân vương, Tuy Lý vương, Tùng Thiện vương, Hoài Đức quận vương không chỉ trở thành các vị quan lớn tham gia vào những công việc quốc gia đại sự, có uy tín cao trong hoàng tộc mà họ còn là những nhà văn hóa của xã hội đương thời.

#### **1.4.4. Nhân tố ý thức hệ phong kiến/Nho giáo**

Nho giáo là một hệ thống học thuyết về chính trị, tư tưởng và đạo đức, từ rất sớm các quốc gia phong kiến phương Đông đã vận dụng mô hình chính trị của Nho giáo vào việc trị nước và củng cố đế quyền của họ. Không phải là một trường hợp ngoại lệ, triều Nguyễn đã ra sức xây dựng và phát triển chế độ phong kiến trung ương tập quyền lấy Nho giáo làm nền tảng hệ tư tưởng chính thống. Theo quan điểm Nho giáo, muốn phát triển đất nước cường thịnh thì phải tổ chức xã hội có trật tự, trật tự mới ổn định và ổn định mới phát triển thịnh vượng. Vì vậy, trật tự chính là phương tiện duy nhất để đạt đến mục đích phát triển của một quốc gia hùng mạnh, thịnh vượng. Chính các sử gia triều Nguyễn cũng đã khẳng định: “*Vua [Gia Long] tôn chuộng đạo Nho*” [86, I; tr. 724].

Để nhấn mạnh quan điểm về tôn ti trật tự trong cộng đồng xã hội, học thuyết Nho giáo đề xuất tư tưởng chính danh. Và để thực hiện chính danh, Nho giáo đã đặt ra các quy tắc nhằm hướng dẫn con người sống đúng với vị trí và vai trò của mình trong từng môi quan hệ cụ thể nhằm đạt đến mục tiêu xây dựng trật tự xã hội. Mỗi người đều có vị trí, vai trò và trách nhiệm, bổn phận mỗi người phải thực thi trách nhiệm: “*Vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha, con ra con*”. Sự ra đời các phủ đệ triều Nguyễn ở Kinh đô Huế cũng chính là hình thức thể hiện rõ nét định hướng tư tưởng của triều đại dựa trên nền tảng của Nho giáo nhằm duy trì trật tự và đẳng cấp xã hội theo hướng quân chủ tập quyền, khẳng định địa vị tối cao của các vị vua với tư cách “*Thiên tử*” và theo tư tưởng “*Thiên mệnh*”. Các vị vua triều Nguyễn mới có quyền tấn phong hay truy phong các tước vị thân vương, thân công, công chúa, cấp bổng lộc cho các hoàng tử, công chúa, đồng thời ban cấp xây dựng thiết chế phủ đệ cho họ. Sự cách biệt có tính cách đẳng thứ giữa cung đình và dân gian trong các công trình kiến trúc phủ đệ đã luôn được thể chế hóa. Ngoài ra, do bị trói buộc bởi rất nhiều phép tắc của lễ giáo phong kiến nên các hoàng tử triều Nguyễn cũng không dám làm ra những hành động trái với đạo lý như soán ngôi đoạt vị hay công khai đấu đá tranh giành quyền lực chốn cung đình.

Mối quan hệ Thiên - Địa - Nhân hợp nhất trong tinh thần Nho giáo được khai thác rất phổ biến, từ việc tôn tạo ngoại cảnh, xây dựng công trình, cho đến thiết trí nội thất kiến trúc phủ đệ. Mỗi phủ đệ được xem như một tiểu vũ trụ, ở đó con người tồn tại dưới sự “*trời che, đất chở*” để tạo nên sự an nhiên, hòa hợp. Hoạt động thực hành nghi lễ tế tự hàng năm diễn ra tại phủ đệ phải tuân thủ điển chế về nghi lễ theo tư tưởng

<sup>7</sup> An Phong công Hồng Bảo (1825 - 1854), con trưởng của vua Thiệu Trị nhưng ông không được truyền ngôi mà ngôi vị thuộc về người em cùng cha khác mẹ Hồng Nhậm, tức vua Tự Đức.

Nho giáo. Tính điển chế được thể hiện rõ qua việc phân định rõ vai trò, danh phận của người tham gia cuộc lễ tế, nguồn gốc các loại lễ phẩm, hình dáng, chất liệu và màu sắc của các loại tế khí, nghi cụ,... Tất cả đều mang những ý nghĩa triết lý của Nho giáo, tương ứng với ngũ phương và ngũ hành theo kinh Dịch. Điều này đã tạo nên những đặc trưng trong việc thực hành nghi lễ tế tự diễn ra tại phủ đệ triều Nguyễn hết sức độc đáo so với những hình thức tương tự của các triều đại quân chủ khác trong lịch sử Việt Nam. Rõ ràng, phủ đệ triều Nguyễn được quy hoạch xây dựng, tổ chức, thực hành nghi lễ dựa trên ý thức hệ phong kiến Nho giáo.

#### **1.4.5. Nhân tố phong thủy và nguyên lý triết học cổ**

Trong số các công trình được xây dựng ở Kinh đô Huế dưới triều vua Gia Long, vua Minh Mạng, phủ đệ của các ông hoàng bà chúa đã được nhà vua đưa vào quy hoạch tổng thể trong quá trình xây dựng và hoàn thiện diện mạo Kinh thành Huế. Việc quy hoạch Kinh thành Huế nói chung và phủ đệ nói riêng dựa trên thuật phong thủy, những nguyên lý triết học cổ của phương Đông và theo truyền thống của Việt Nam, đồng thời có sự điều chỉnh phù hợp với đặc điểm địa hình và cảnh quan của xứ Huế, tạo nên sự hài hòa giữa quy hoạch kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên và con người mang nhiều ý nghĩa sâu sắc về thuật phong thủy. Vì vậy, Kinh thành Huế được xem là trung tâm chính trị của cả nước, là biểu trưng quyền lực của vương triều nhà Nguyễn.

Trong mối quan hệ giữa vị trí định đô và các yếu tố phong thủy cát tường, các vị vua Nguyễn đã khéo léo thiết lập một quy hoạch tổng thể Kinh đô Huế phối hợp với ngũ phương, ngũ hành và ngũ sắc. Ở Kinh đô Huế, mối quan hệ âm dương, ngũ hành thể hiện qua 5 phương hướng chủ yếu (Trung tâm, Đông, Tây, Nam, Bắc), 5 yếu tố cơ bản của tự nhiên (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) và 5 màu cơ bản (vàng, trắng, xanh, đen, đỏ) là cơ sở cho ý tưởng quy hoạch của Kinh thành Huế [6, tr. 107 - 123]. Trong tổng thể quy hoạch ấy, các phủ đệ được xây dựng ở những địa điểm khá quan trọng, cùng có chung những ảnh hưởng tốt đẹp từ các yếu tố tự nhiên về mặt phong thủy và được đặt trong mối tương quan với các công trình kiến trúc cung đình triều Nguyễn khác. Các phủ đệ của vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị, vua Tự Đức, vua Dục Đức, vua Hàm Nghi, vua Đồng Khánh,... khi còn là hoàng tử đều nằm bên trong Kinh thành Huế. Sau khi các ông hoàng đăng quang ngôi vị hoàng đế, phủ đệ cũ phần lớn đều bị triệt giải đem đi xây dựng các khu vườn ngự uyển, hành cung, chùa chiền... ở trong, ngoài Kinh thành. Điển hình như phủ đệ của hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm (vua Minh Mạng sau này) được chọn vị trí xây dựng nằm ở phường Đoan Hòa phía Đông Nam (gần cửa Thượng Tứ), bên trong Kinh thành Huế<sup>8</sup>.

Nếu như phủ đệ hoàng tử thể hiện nét vương giả thì phủ đệ công chúa mang nét đài đê, sang trọng. Để tạo nên diện mạo đặc trưng của phủ đệ ông hoàng bà chúa thì quá trình xây dựng phải được chuẩn bị rất cẩn trọng và chu đáo trong từng công đoạn. Việc đầu tiên

<sup>8</sup> Năm 1816, hoàng tử Đảm được triều đình chọn làm hoàng thái tử và chuyển đến ăn ở tại cung Thanh Hòa (ở phía Đông ngoài Hoàng thành). Phủ đệ của thái tử được nhường lại cho Thiệu Hóa công Nguyễn Phúc Chân. Nhưng, Thiệu Hóa công mất sớm vì bệnh vào năm 1824 và nơi đây trở thành phủ thờ. Ông được vua Minh Mạng truy phong là Thiệu Hóa quận vương. Năm 1839, vua Minh Mạng cấp cho con trai trưởng của Thiệu Hóa quận vương là Nguyễn Phúc Thiện Khuê một mảnh đất ở làng Vĩ Dạ để lập phủ thờ Thiệu Hóa quận vương và xây dựng tư thất để ở, lấy khu đất ấy để xây dựng chùa Giác Hoàng. Sau này, chùa Giác Hoàng cũng bị triệt giải, dành khu đất này để xây dựng Viện Cơ Mật (nay là trụ sở của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế).

phải tìm cuộc đất tốt lành để xây dựng phủ đệ. Đây là công việc hết sức hệ trọng nên việc chọn lựa vị trí được tiến hành một cách kỹ lưỡng và công phu. Hướng nhà chính phải dựa vào Bát quái đồng thời cũng phải căn cứ vào mệnh cung của chủ nhân phủ đệ. Dựa vào Bát quái tức dựa vào tám hướng của 8 quẻ trong Bát quái, nhưng hướng này phải thích hợp với chủ nhân, tức xem chủ nhân thuộc Đông hay Tây tứ trạch. Đông có 4 hướng, Tây có 4 hướng nhưng chỉ có hai hướng tốt. Nếu gặp trở ngại các nhà phong thủy sẽ chuyển hướng công phủ sao cho thích hợp cung mệnh của chủ nhân phủ đệ [18, tr. 142].

Các thầy địa lý, quan lại đại thần giới về phong thủy ở Khâm Thiên Giám đều được huy động để tham gia vào công việc xây dựng phủ đệ. Sau khi chọn được cuộc đất tốt lành, đích thân hoàng đế sẽ xem xét, quyết định phê duyệt ban cấp đất đai cho các hoàng tử, công chúa để xây dựng phủ đệ. Trong *Châu bản triều Nguyễn* có đoạn ghi chép vào năm 1897, vua Thành Thái sai quan lại ở Khâm Thiên Giám tìm đất xây dựng phủ đệ cho ba hoàng đệ của mình như sau: “*Khâm Thiên Giám tâu: Ngày tháng Ba năm nay, nhận tờ lục của Nội các trình việc phụng sắc chỉ: Ba hoàng đệ nay đã gần trưởng thành, vậy truyền cho Khâm Thiên Giám chọn một khu đất trong Thành nội cấm mốc giao cho Bộ Công dự trữ nhân công vật liệu xây dựng ba phủ đệ sao cho gần nhau để tiện ở đó học tập. Thần đã phái Giám thuộc Ngũ quan chính Nguyễn Như Bính tuân chỉ đến Thành nội chọn hai nơi bên phải Thành nội, ba phủ được liền kề nhau, đều hướng đông nam và ngày mùng Sáu tháng này đã cùng với Bộ Công, Nha Hộ thành cùng đo khám cấm mốc xong. Trong đó có một nơi bên phải điện Long An tại phường Quả Nghi, ... và một nơi ở sau miếu Thành Hoàng, phía bên trái đàn Xã Tắc ở phường Huệ Cát*” [102, tr. 204].

Bộ khung gỗ nhà chính phủ đệ có đặc điểm không sơn son thếp vàng mà để màu sắc và vân tự nhiên. Gỗ là hình ảnh sống động của sự sinh sôi nảy nở của sự sống, gắn bó với đời sống vật chất và tinh thần của con người từ xưa cho đến nay, luôn tạo nên cảm giác ấm áp và thân thiện. Theo quan niệm triết học cổ, gỗ thuộc hành Mộc tượng trưng cho mùa xuân, đại diện cho phương vị Đông và Đông Nam. So với các hành khác, hành Mộc chủ về Nhân để tạo không khí bình an, hài hòa và hạnh phúc. Nhiều hành Mộc hoặc cây cối mang đến cảm giác thư thái, an nhiên, dễ chịu cho những con người sống trong kiến trúc phủ đệ. Vì vậy, không gian phủ đệ luôn được chủ nhân chú ý quy hoạch có khu vườn bao bọc xung quanh. Qua đây cho thấy, công cuộc xây dựng phủ đệ triều Nguyễn là một việc làm hết sức hệ trọng và phải tuyệt đối đảm bảo các chuẩn mực của thuật phong thủy và các nguyên lý triết học cổ.

#### **1.4.6. Nhân tố giao thoa văn hóa Đông - Tây**

Theo một điều khoản trong Hiệp ước Giáp Tuất ký với triều đình Huế ngày 15/3/1874, Pháp cử một phái bộ ngoại giao đến thường trú tại Huế và bắt đầu xây dựng công trình nhà cửa để cư trú, làm việc lâu dài. Từ chỗ trú chân ban đầu này, Pháp đã gây sức ép ngày càng mạnh lên triều đình Huế để được cấp thêm đất đai xây dựng các cơ quan phối thuộc, phát triển bộ máy chính quyền thực dân tại chỗ. Ngoài ra các chính sách ngoại giao của An Nam đều phải được phía Pháp chấp thuận. Tuy nhiên không dừng ở đó, ngay khi vua Tự Đức băng hà, lợi dụng lúc triều đình Huế còn đang lúng

túng trong việc chọn người kế vị, ngày 20/8/1883, quân Pháp bắt ngờ đánh chiếm cửa biển Thuận An, cửa ngõ vào Kinh đô Huế, sau đó buộc triều đình Huế phải ký Hiệp ước Harmand ngày 25/8, trong đó triều đình nhà Nguyễn phải thừa nhận Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp và chấp nhận nền bảo hộ của Pháp ở Trung và Bắc Kỳ. Trong hoàn cảnh lịch sử này, khu đô thị thuộc địa tại Huế được người Pháp dần quy hoạch xây dựng nằm ở bờ Nam sông Hương, bảo tồn cấu trúc Kinh thành ở bờ Bắc, sông Hương trở thành trục cảnh quan nằm chính giữa lòng đô thị. Huế trở thành trung tâm chính trị của chính quyền thực dân Pháp ở Trung Kỳ, nhu cầu thiết lập các cơ quan công quyền, công trình công cộng càng trở nên bức thiết. Vì vậy, các công trình kiến trúc quân sự, công cộng, dân dụng, tôn giáo được xây dựng ngày càng nhiều theo các khuôn mẫu kiến trúc thuộc địa Pháp<sup>9</sup>. Mỗi công trình kiến trúc Pháp đều mang trên mình nét đặc sắc riêng về thẩm mỹ và lịch sử. Quá trình đô hộ kéo dài, thực dân Pháp đã có quá trình thuận hòa, ảnh hưởng không nhỏ đến kiến trúc truyền thống Huế. Không thể phủ nhận những tinh hoa kiến trúc Pháp đem lại, được tiếp nhận và tiếp biến bởi trí tuệ của các nghệ nhân người Việt, tạo nên sự hội tụ, giao thoa của hai nền văn hóa là phương Đông và phương Tây.

Vua Khải Định, Hoàng Hóa quận vương, Tuyên Hóa vương, Hoài Ân vương<sup>10</sup>, Tân Phong công chúa và đặc biệt là một số hoàng thân quốc thích được triều đình Huế cử đi du học Pháp rất chuộng các giá trị văn hóa, kiến trúc tân thời phương Tây nên các công trình kiến trúc cung đình, phủ đệ được xây dựng, trùng tu vào giai đoạn này có nhiều sự chuyển hóa, mang nhiều yếu tố nghệ thuật, kiến trúc thuộc địa Pháp. Nét giao thoa văn hoá Đông - Tây thể hiện chủ yếu trong kiến trúc nhà chính và cổng phủ. Các đặc điểm phủ đệ truyền thống thường thể hiện trong quy hoạch tổng thể công trình (thể hiện các quy tắc bố cục theo phong thủy), mặt bằng nhà chính với cấu trúc chia gian, hình thức cấu trúc trang trí bộ mái, các chi tiết hoa văn trang trí trên mặt đứng. Bên cạnh đó, các yếu tố phương Tây được thể hiện rõ nhất ở kỹ thuật và vật liệu xây dựng phủ đệ (bê tông, cốt sắt, dầm sắt) cho phép xây dựng các dạng kiến trúc hiện đại với khẩu độ không gian lớn hơn rất nhiều so với kiến trúc truyền thống. Có thể dẫn ra một số phủ đệ tiêu biểu như phủ Tuyên Hóa vương, Hoài Ân vương, cung An Định. Giải pháp thích nghi với điều kiện khí hậu xứ Huế đã thay đổi từ hệ mái hiên nhà chính phủ đệ vươn xa sang tổ chức không gian hành lang bên có cửa sổ. Cửa sổ, cửa đi đều dùng trong kính ngoài chớp, xây theo dạng vòm cuốn hoặc bán cung. Tường xây dày hơn để tránh các tác động về nhiệt vào không gian bên trong. Ảnh hưởng của kiến trúc Pháp thể hiện trong hình thức trang trí trên mặt đứng là một đặc trưng nổi bật của kiến trúc phủ đệ giai đoạn này. Các mô típ trang trí kiểu phương Tây cũng được sử

<sup>9</sup> Một số công trình tiêu biểu như: Nhà thương lớn (nay là Bệnh viện Trung ương Huế), Le Grand Hotel de Hue (Khách sạn Sài Gòn Morin), Tòa Công chánh (Bảo tàng Văn hóa Huế), Nhà ga, Trường Quốc Học, Trường Đồng Khánh (Trường Hai Bà Trưng), Dòng Chúa Cứu Thế, Trường Pellerin (Học viện Âm nhạc Huế), Đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong, Viện Dân biểu Trung Kỳ (Đại học Huế), Trường Thiên Hựu (Trường Đại học Khoa học Huế)...

<sup>10</sup> Hoài Ân vương Bửu Liêm (1884 -1940) là con trai thứ 10 của vua Dục Đức. Ông được phong tước Hưng Nhân quốc công (1903), Hưng Nhân công (1912). Do hai chữ huy hiệu Hưng Nhân của ông trùng với tên Nhân đình đặt ở Thế Miếu nên đổi thành Hoài Ân công (1919). Sau này, ông được vua Bảo Đại phong tước Hoài Ân quận vương (1933), Hoài Ân vương (1940). Năm 1909, ông được triều đình cử sang Pháp du học. Sau khi về nước, ông xây dựng phủ đệ của mình theo kiểu kiến trúc Pháp, dân gian thường gọi là lầu ông Hoàng Mười, một địa danh rất nổi tiếng ở khu phố Gia Hội - Chợ Dinh. Rất tiếc ngày nay phủ Hoài Ân vương đã không còn nữa, tọa lạc tại vị trí này nay là trường Trung học phổ thông Gia Hội.

dụng, tuy nhiên chỉ ở mức độ vừa phải, không quá lấn át các kiểu thức trang trí truyền thống. Từ việc chủ yếu trang trí trên các khung cột, liên ba, hệ vì kèo và mái, giờ đây các phủ đệ đã được trang trí trên khắp các mảng tường bằng các đề tài truyền thống xen lẫn đề tài văn hóa Pháp dưới nhiều hình thức, chi tiết khác nhau như: Hồ phù, ô hộc trang trí, các chi tiết có dạng phù điêu áp tường, gờ chỉ. Các đề tài trang trí có sự giao thoa văn hóa Đông - Tây tinh tế, các đề tài truyền thống như các hình tượng rồng, lân, rùa, phượng, hoa lá cách điệu, cùng với các hoành phi, câu đối bằng chữ Hán, xen lẫn là các mô típ trang trí theo văn hóa Tây phương như chùm nho, bình hoa, trụ tròn, trụ vuông. Sự kết hợp giữa các mô típ trang trí Đông - Tây, giao thoa phong cách kiến trúc Việt - Pháp, đã tạo ra bản sắc kiến trúc phủ đệ khác biệt so với các thời kỳ trước đó. Chính vì vậy, việc bảo tồn di sản phủ đệ triều Nguyễn ảnh hưởng kiến trúc Pháp chính là bảo tồn sự đa dạng của văn hóa và ghi nhận sự phát triển mối giao thoa văn hóa Đông - Tây trong dòng chảy văn hóa vùng đất Cố đô Huế.

## **Tiểu kết Chương 1**

Luận án đã bàn luận một số lý thuyết liên quan đến đề tài nghiên cứu nhằm vận dụng vào quá trình nghiên cứu. Đây là cơ sở lý luận cơ bản để tiếp cận di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu này cũng đã tiến hành, phân tích, đánh giá có tính hệ thống các công trình nghiên cứu đã được công bố liên quan đến đề tài. Trên cơ sở đó, các vấn đề được kế thừa và tiếp tục nghiên cứu được thể hiện cụ thể trong nội dung chương này. Ở đây các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành phủ đệ triều Nguyễn như nhân tố tự nhiên, lịch sử, kinh tế xã hội, ý thức hệ phong kiến, thuật phong thủy và nguyên lý triết học cổ, giao thoa văn hóa Đông - Tây đã được phân tích một cách cụ thể.

Phủ đệ là nơi hình thành, lan tỏa lối sống, phong cách và văn hóa cung đình đến với dân gian và theo chiều ngược lại, từ đó góp phần hình thành, phát triển tính cách con người xứ Huế, pha lẫn sự lịch lãm và đài đệ của mảnh đất xứ Thần kinh. Đây còn là chốn tụ hội của giới văn nhân thi sĩ xứ Huế đương thời để ngâm vịnh thơ ca và sáng tác lời Ca Huế. Ngày nay, kinh tế thành phố Huế đang từng ngày phát triển, cùng với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ đã tác động đến sự biến đổi của di sản phủ đệ triều Nguyễn ở vùng đất sông Hương, núi Ngự.

Như vậy, phủ đệ là một công trình kiến trúc độc đáo phản ánh đặc trưng giao thoa văn hóa cung đình và dân gian. Vấn đề ở đây là phủ đệ triều Nguyễn hình thành và phát triển trong lịch sử như thế nào? Sự phân bố, đặc điểm, vai trò, giá trị của phủ đệ cũng như những biến đổi của di sản này trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ra sao? Đó là những vấn đề đặt ra, gợi mở cho chúng ta tìm tòi nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về phủ đệ triều Nguyễn trong suốt chiều dài lịch sử hình thành, phát triển và biến đổi của nó.

## CHƯƠNG 2.

### PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN Ở KINH ĐÔ HUẾ TRƯỚC NĂM 1945

Phủ đệ được tạo dựng bởi tài năng, trí tuệ và công sức của các nghệ nhân tài hoa và sử dụng các vật liệu địa phương quý, nó không chỉ là thành tựu của sự chọn lọc những giải pháp tối ưu trong xử lý kỹ thuật mà còn là một tác phẩm kiến trúc nghệ thuật đã được đúc kết và hoàn thiện qua nhiều thế hệ. Thời gian phủ lên lớp rêu phong khiến phủ đệ hiện lên một cách tự nhiên, chân thật và tôn quý. Không gian văn hóa trong phủ đệ hàm chứa ngôn ngữ ẩn dụ và là sự khám phá cho những ai muốn tìm hiểu về con người, tính cách, nền nếp gia phong hoàng gia triều Nguyễn.

#### 2.1. Quá trình hình thành và phát triển phủ đệ triều Nguyễn

##### 2.1.1. Phủ đệ trong lịch sử

*- Phủ đệ của một số nước Đông Á*

Tại Trung Quốc, dưới triều Tống, sau khi các hoàng tử trưởng thành thì chỉ có hoàng thái tử mới được ở lại trong hoàng cung, còn các hoàng tử khác sau khi thành hôn và được phong tước đều phải di chuyển ra lập phủ đệ riêng ở ngoài hoàng cung. Nơi ở của hoàng thái tử tọa lạc ở phía Đông của hoàng cung trong Kinh thành, nên thường được gọi là Đông cung (東宮) và nơi học tập ở Điện Sùng Chính. Đến triều Thanh, các hoàng tử lúc còn nhỏ tuổi ở tại Đông Tây lục cung để tiện chăm sóc. Đến lúc 10 tuổi thì hoàng tử phải rời khỏi hậu cung, tạm thời sống ở Cung Dục Khánh hoặc Nam Tam Sở ở hai bên Tử Cấm Thành để học tập. Sau khi được phong tước thân vương thì phải rời khỏi Tử Cấm Thành đến vương phủ được nhà vua ban để ở. Hiện nay, Trung Quốc vẫn còn bảo tồn khá nguyên vẹn hai vương phủ nổi tiếng được xây dựng dưới triều nhà Minh và nhà Thanh.

Tĩnh Giang vương phủ (靖江王府) là nơi ở của hoàng tử Chu Thủ Khiêm (1370 - 1387), được xây dựng vào năm 1372, từng là nơi ở của 14 vị phiên vương nhà Minh. Vương phủ được xây dựng theo quy định của triều đình với tường cao, bốn cổng thành, phiến đá cẩm thạch khắc hình những đám mây ở lối vào, thể hiện đây là nơi ở của hoàng gia, nhưng không có hình rồng, chứng tỏ đây chỉ là phủ đệ của phiên vương chứ không phải hoàng cung của hoàng đế. Kiến trúc phủ Tĩnh Giang vương trông như một Tử Cấm Thành thu nhỏ. Ngày nay, phủ Tĩnh Giang vương thuộc khuôn viên trường Đại học Sư phạm Quảng Tây [71, tr. 421], Chính phủ Trung Quốc đã xếp hạng là di tích quốc gia vào năm 1993 và trở thành điểm tham quan thu hút khách du lịch nổi tiếng ở Quế Lâm.

Trịnh thân vương phủ (鄭親王府) là nơi ở của Tế Nhĩ Cáp Lãng (1599 - 1655), con trai thứ sáu của Thư Nhĩ Cáp Tề (em của Thanh Thái Tổ Nỗ Nhĩ Cáp Xích) tọa lạc ở Bắc Kinh. Vào năm 1636, ông được vua Sùng Đức phong tước Hòa Thạc Trịnh thân vương. Sau này, ông được vua Thuận Trị nể trọng và tấn phong tước Thúc Hòa Thạc Trịnh thân vương vào năm 1652. Đây là tước vị thân vương thế tập truyền đời của nhà Thanh. Do được ban ân cho con cháu tập tước không bị giáng vị, Trịnh thân vương trở



thành một trong Thiết mạo tử vương, có được sự tôn trọng cực kỳ lớn trong hoàng gia. Phủ Trịnh thân vương được xây dựng vào thời vua Thuận Trị. Lúc này, phủ xây dựng vượt quá quy định của điển lệ phủ đệ dành cho thân vương như xây dựng nền phủ cao quá quy định, tự ý đặt tượng sư tử, rùa, hạc bằng đồng tại sân phủ cho nên vào năm 1647, Trịnh thân vương bị triều thần tâu hặc lên và bị vua Thuận Trị phạt 2000 lạng bạc, không cho tham dự vào việc triều chính. Hiện nay, phủ Trịnh thân vương trở thành trụ sở làm việc của Bộ Giáo dục nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc.

Tại Nhật Bản, trong lịch sử các vị vua đều tự xưng thiên hoàng (天皇), ngang hàng với hoàng đế. Thiên hoàng phong tước vị thái tử cho hoàng tử sẽ trở thành thiên hoàng trong tương lai. Nơi ở của thái tử được gọi là Togu gosho (*Đông Cung ngự sở* - 東宮御所). Nơi ở của các vị hoàng tử khác gọi là ly cung (離宮). Điển hình có ly cung Katsura (Quế ly cung - 桂離宮) nằm ở bờ tây sông Katsuragawa, ngoại ô phía Tây Kyoto. Ly cung Katsura được xây dựng vào khoảng năm 1615 bởi hoàng tử Toshihito, người đứng đầu của hoàng tộc Hachijō-no-miya. Hoàng tử Toshihito có kiến thức uyên thâm về văn học cổ điển. Quần thể kiến trúc của ly cung có quy hoạch hồ lớn ở vị trí trung tâm của khu vườn, các ngôi nhà, quán trà mang phong cách đẹp và sang trọng. Sau khi hoàng tử Toshihito mất, trong khoảng 10 năm ly cung lâm vào cảnh xuống cấp, chỉ đến khi hoàng tử Toshitada (con của hoàng tử Toshihito) lấy bà Fuhima, con của một lãnh chúa giàu có, ly cung Katsura mới được trùng tu và mở rộng. Ly cung may mắn không bị đốt cháy bởi hỏa hoạn của chiến tranh, các ngôi nhà vẫn còn giữ được dáng vẻ ban đầu cho đến ngày nay. Khu vườn có nhiều loài hoa đẹp như hoa mai, hoa anh đào và hoa đỗ quyên... Ly cung Katsura được coi là một kiệt tác vườn cảnh, là một minh chứng điển hình về kiến trúc, thiết kế sân vườn truyền thống của Nhật Bản ở Kyoto. Hiện nay, ly cung Katsura do hoàng gia Nhật Bản quản lý và trở thành điểm tham quan du lịch nổi tiếng [137].

Tại Hàn Quốc, vương triều Joseon (tên chữ Hán là vương triều Triều Tiên - 朝鮮王朝) là một trong những triều đại tồn tại lâu nhất trong lịch sử Hàn Quốc với 27 triều vua kéo dài đến 518 năm (từ năm 1392 đến 1910). Quần thể kiến trúc hoàng cung vương triều Joseon bao gồm 5 cung: Gyeongbok, Changdeok, Changgyeong, Deoksu và Gyeonghui. Trong đó, Gyeongbok là cung điện có quy mô và quan trọng nhất trong quần thể kiến trúc hoàng cung triều Joseon. Cung Gyeongbok (Cảnh Phúc Cung) bao gồm 11 tòa nhà ở các vị trí khác nhau, trở thành biểu tượng cho một nền văn hoá đặc sắc và có bề dày lịch sử lâu đời. Trong đó, cung Geunjeongjeon (Điện Cần Chánh) tòa lớn nhất trong cung Gyeongbokgung, dùng làm nơi thiết triều và tiếp đón các sứ thần. Nằm gần với cung Geunjeongjeon là các cung điện có quy mô kiến trúc nhỏ hơn được quy hoạch xây dựng theo trục Bắc - Nam như: Sajeongjeon (Điện Tư Chính) và Sujeongjeon (Điện Tu Chính) để nhà vua giải quyết các công việc hoàng gia; Donggung (nơi ở của Thái tử); Gangnyeongjeon (Khang Ninh Điện) và Gyotaejeon (Giao Thái Điện) của đức vua và hoàng hậu. Donggung là nơi ở của thái tử vương triều Joseon. Hiện nay, Donggung trở thành một thắng cảnh nổi tiếng và thu hút du khách tham quan.

Điềm qua các loại hình kiến trúc dành cho hoàng thái tử, hoàng tử ở một số nước Đông Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, nghiên cứu này đưa ra một số nhận định như sau: Ở mỗi nước Đông Á đều có hoàn cảnh lịch sử khác nhau nên kiến trúc phủ đệ dành cho các vị hoàng thái tử, hoàng tử có tên gọi và đặc điểm kiến trúc riêng biệt để phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, song bên cạnh đó lại có những nét tương đồng là không gian sống của dòng dõi hoàng gia. Hiện nay, những công trình kiến trúc vương phủ (Trung Quốc), ly cung (Nhật Bản), Donggung (Hàn Quốc) đều do Nhà nước hoặc hoàng gia sở hữu và quản lý nhưng đặc biệt ở Thừa Thiên Huế (Việt Nam), hệ thống phủ đệ triều Nguyễn vẫn thuộc sở hữu, quản lý, bảo tồn của hậu duệ các ông hoàng bà chúa triều Nguyễn, nó đã trở thành đất hương hỏa, nơi lưu giữ các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, truyền từ đời này qua đời khác. Chính điều này đã tạo nên sự thống nhất và đa dạng của kiến trúc phủ đệ ở một số nước Đông Á.

*- Phủ đệ của các triều đại trước triều Nguyễn*

Ở Việt Nam, các triều đại trước triều Nguyễn, hình bóng các phủ đệ được mô tả qua một vài dòng sử liệu ngắn gọn. Dưới thời Lý - Trần, sự phát triển của kinh tế điền trang thái ấp cùng với việc cho phép các vương hầu quý tộc xây dựng phủ đệ, có quyền sử dụng, hưởng hoa lợi về đất đai, lập đội quân vương hầu riêng đã tạo ra ý nghĩa kinh tế, quân sự, càng tăng thêm thế nước, triều đình có thêm lực lượng vật chất để bảo vệ vương quyền và phòng giữ đất nước trước nạn giặc ngoại xâm. Dưới thời Lý (1009-1225), sách *Đại Việt Sử ký toàn thư* có ghi chép vào năm 1033 “*vua ra ngoài cửa Trường Quảng xem lạc thành phủ đệ của hoàng tử*” [60, tr. 288]. Cửa Trường Quảng là cửa phía Nam thuộc vòng thành ngoài cùng của thành Đại La. Điều này cho thấy, các phủ đệ hoàng tử có thể được quy hoạch xây dựng nằm ở bên ngoài thành Đại La. Đến thời Trần (1225-1400), phủ đệ đã được các sử gia đề cập một cách rõ ràng hơn. Dưới triều Trần có tồn tại chế độ thái ấp dành cho các vương hầu, quý tộc tôn thất. Địa bàn thái ấp vừa là nơi làm việc, nơi cư trú lại vừa là cơ sở sản xuất của tầng lớp quý tộc tôn thất. Trong thái ấp đều có xây dựng phủ đệ. Theo quy định của nhà Trần, “*các vương hầu đều ở phủ đệ nơi hương của mình, khi châu hầu thì đến kinh sư, xong việc lại về. Như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quốc Hương, Quốc Chân ở Chí Linh, đều thế cả*” [60, tr. 476]. Qua những dòng sử liệu nêu trên cho thấy, các vương hầu nhà Trần, ngoài việc nắm giữ những chức vụ quan trọng trong triều đình, còn được phân phong đi trấn trị các vùng đất trọng yếu của đất nước. Vương hầu có quyền hành và đặc quyền khá lớn ở vùng đất mình cai quản. Lúc đất nước hòa bình, thịnh vượng thì họ sống ở phủ đệ, lúc có biến cố, giặc ngoại xâm thì họ về kinh đô để bàn chuyện quốc gia đại sự, chống giặc ngoại xâm. Vì vậy, các vương hầu quý tộc đều có lực lượng vũ trang riêng (gia binh, gia nô). Tuy nhiên, do đặc điểm hạn chế về quyền sở hữu ruộng đất nên thái ấp không có khả năng hình thành và phát triển các yếu tố cát cứ đối kháng lại chính quyền trung ương. Phủ đệ dưới thời Trần có quy mô kiến trúc lộng lẫy và diện tích đất đai rất lớn. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có đoạn mô tả khá chi tiết về điều này như sau: “*Tĩnh Quốc Đại Vương Quốc Khang dựng phủ đệ ở Diên Châu, hành lang, điện vũ bão*

*quanh năm, tráng lệ khác thường. Vua nghe tin, sai người đến xem. Tỉnh Quốc sợ, mới tạc tượng phật để đó (nay là chùa Thông)” [60, tr. 485].*

Dưới triều Lê sơ (1428-1527), bên cạnh việc trùng tu, tôn tạo các cung điện, có nhiều công trình kiến trúc mới ở Kinh đô Thăng Long được chú trọng xây dựng. Cùng với đó, hàng loạt các phủ đệ, dinh thự, công đường sáu bộ và các cơ quan trọng yếu của triều đình, doanh trại quân đội... được xây dựng. Năm 1527, Mạc Đăng Dung lấy ngôi nhà Lê, lập ra triều Mạc (1527-1683), Nguyễn Kim nổi lên chống lại. Năm 1545, Nguyễn Kim bị hạ sát, con rể là Trịnh Kiểm thay cha vợ nắm giữ binh quyền. Sau đó, Trịnh Kiểm đầu độc chết con trai trưởng của Nguyễn Kim là Nguyễn Ưông. Năm Mậu Ngọ (1558), con thứ của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng lo lắng nên xin vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa (về sau gồm cả Quảng Nam), mở ra một trang sử mới cho vùng đất này. Năm 1600, chúa Nguyễn Hoàng dứt khoát bỏ miền Bắc, đặt Thuận - Quảng vào thế đứng biệt lập, đối kháng với Thăng Long, hay Đàng Trong biệt lập với Đàng Ngoài. Các chúa Trịnh đã tạo nên một thể chế chính trị hết sức độc đáo trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, chính quyền vừa có cung vua, vừa có phủ chúa, cạnh tranh nhau về quyền lực nhưng không tiêu diệt lẫn nhau, dựa vào nhau để cùng song tồn tại, phát triển và điều hành đất nước trong một thời gian khá dài.

Trong bối cảnh lịch sử này, vua Lê chúa Trịnh vẫn tiếp tục xây dựng phủ đệ để ban cho các hoàng tử, công chúa làm nơi ăn chốn ở. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có đoạn chép vào năm 1550, nhà vua sai binh lính “*làm nhà kho và phủ các thân vương công chúa*” [61, tr. 475]. Năm 1645, Trịnh Tráng tuổi đã già, xin vua Lê phong cho con thứ hai là Tây quận công Trịnh Tạc làm Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chủ dinh chương quốc quyền binh, tả tướng thái úy Tây Quốc công. Trịnh Tạc được chọn thay quyền cha giữ ngôi chúa, xây dựng phủ đệ Khiêm Định. Sử sách ghi chép: “*Trịnh Tráng phong cho con là Tạc làm thái úy Tây quốc công. Tạc lấy danh nghĩa là phó đô tướng thái bảo Tây quận công tiến phong thái úy tả tướng tiết chế các doanh quân thủy, quân bộ các xứ, giữ quyền binh trong nước, tước Tây quận công, mở phủ đệ Khiêm Định*” [85, tr. 256]. Các con của chúa Trịnh đến tuổi trưởng thành đều được ban cấp phủ đệ, cụ thể vào năm 1780, “*Khải là con Dương thị, một phi tần trong phủ chúa. Theo thể lệ cũ, con chúa cứ 7 tuổi cho ra ở nhà riêng để học, nếu là con trưởng thì 13 tuổi cho mở phủ đệ và được phong làm thế tử*” [85, tr. 751].

Cùng với sự phát triển và củng cố quyền lực vương quốc của họ Nguyễn ở Đàng Trong, mâu thuẫn với họ Trịnh ở Đàng Ngoài cũng ngày càng gay gắt, gây nên cuộc chiến tranh chia cắt đất nước trong suốt hơn 200 năm. Bên cạnh đó, công cuộc mở đất về phương Nam để mở rộng bờ cõi cũng được đẩy mạnh. Đến năm 1757, các chúa Nguyễn đã xác lập chủ quyền trên toàn bộ vùng đất Nam bộ như ngày nay. Cùng với quá trình xây dựng và phát triển chính quyền xứ Đàng Trong, thủ phủ của các chúa Nguyễn được xây dựng gắn liền với quá trình dời lập thủ phủ từ Ái Tử (1558 - 1570) đến Trà Bát (1570 - 1600), Dinh Cát (1600 - 1626), Phước Yên (1626 - 1636), Kim Long (1636 - 1687), Phú Xuân (1687-1712), Bắc Vọng (1712 - 1738) để rồi trở về

dùng chân ở Phú Xuân một lần nữa (1738 - 1775). Theo quy định của chúa Nguyễn, nhà chúa ở được gọi là phủ. Sách *Phủ biên tạp lục* có đoạn chép: “*Các bày tôi và nhân dân có trình bày điều gì với các chúa, thì dùng chữ thân [thay vì chữ tấu đối với vua], rồi được chúa châu phê [phê bằng son] giao phó thi hành. Tòa nhà của chúa ở thì gọi là phủ*” [29, tr.111]. Phủ của chúa Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725) đã được Thích Đại Sán mô tả trong sách *Hải ngoại kỷ sự* (viết năm 1695) như sau: “*Sắp đến Vương phủ, mệnh môn không có thành quách, chung quanh trồng tre gai làm rào; trong tre cất một hàng trại lợp bằng cỏ tranh; mỗi trại đều có đặt súng đồng, nặng từ vài trăm cân đến vài nghìn cân, đúc rất tinh xảo, khảm châu sa phi tủy, văn vẽ sáng ngời, nhờ công chùi đánh lâu năm mới được như thế; nếu đem số đồng này đúc lu, đúc bình, làm đồ gia dụng, quý giá chẳng biết bao nhiêu mà kể. Sau trại súng lại có hàng rào tre gai, phía trong có vòng tường thấp, rộng chừng một hai dặm, Vương phủ ở trong ấy*” [92, tr. 34]. Các dấu tích về thời kỳ đóng thủ phủ chúa Nguyễn ở Huế tuy không còn nhiều trên thực địa do bị phá hủy qua thời gian, nhưng vẫn giúp chúng ta có thể lần tìm ra nhiều vấn đề quan trọng của lịch sử.

Sau khi lên ngôi chúa, các chúa Nguyễn đều phong tước và ban cấp phủ đệ cho các con trai của mình đã trưởng thành, như chúa Nguyễn Phúc Tần phong cho công tử Nguyễn Phúc Trấn “*là Tả thủy dinh phó tướng Hoằng Ân hầu, làm phủ đệ tại dinh Tả thủy*” [86; I, tr. 96]. Rồi sau này, Nguyễn Phúc Trấn được kế vị ngôi chúa lại tiếp tục phong tước, ban cấp phủ đệ cho con trai là Nguyễn Phúc Chu là “*Tả bính dinh phó tướng Tô Trường hầu, làm phủ đệ ở cơ Tả bính*” [86; I, tr.105]. Trong *Phủ Biên tạp lục*, Lê Quý Đôn đã miêu tả lại khung cảnh tươi vui, duyên dáng của các phủ đệ công tử con các chúa Nguyễn như sau: “*Vườn sau, có các hòn núi giả tạo, có những hòn đá lạ lùng, có ao vuông vức, có hồ quanh co, có cầu nổi cao, có nhà làm trên mặt nước (thủy tạ). Tường trong và tường ngoài hai lớp đều được xây dày đến mấy thước. Tại những bức tường, người ta dùng đá, vôi và những miếng nhỏ đồ sứ làm hình những con long, con hổ, con kỳ lân, con phượng hoàng và các thứ hoa*” [29, tr. 192]. Hiện nay, Cố đô Huế vẫn còn bảo lưu được một số kiến trúc phủ đệ thời chúa Nguyễn tiêu biểu, như phủ Phúc quận công tọa lạc ở làng La Ý, phủ Cương quận công tọa lạc ở làng Lại Thế, phủ Quốc Oai công tọa lạc ở làng Vân Thê, phủ Huân Vũ hầu tọa lạc ở làng Lương Quán... (PL 3.6, tr. P28).

Năm 1775, dưới nhiều tác động của bối cảnh chính trị-xã hội, chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765 - 1777) - vị chúa cuối cùng trong các đời chúa Nguyễn đã để mất Phú Xuân vào tay quân Trịnh, tiếp đó là sự sụp đổ hoàn toàn trước sức mạnh của quân Tây Sơn cho đến khi một hậu duệ của họ Nguyễn khôi phục lại cơ đồ, dựng nên vương triều Nguyễn sau này. Vương triều Tây Sơn gắn liền với tên tuổi người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ (1753-1792) chỉ tồn tại ở Kinh đô Phú Xuân trong khoảng thời gian ngắn 15 năm (1786 - 1801) nên phủ đệ chưa được tiến hành quy hoạch xây dựng.

### **2.1.2. Phủ đệ triều Nguyễn - Sự hình thành và phát triển**

- *Phủ đệ từ khi triều Nguyễn ra đời đến trước năm 1885*

Triều Nguyễn được thành lập chính thức vào năm 1802, sau khi chúa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Gia Long và chính thức chọn Huế để xây

dựng kinh đô cho triều đại mới. Chính trên cơ sở mà tổ tiên đã dày công tạo dựng, vua Gia Long (1802 - 1820) đã cho xây dựng Kinh đô Huế với quy hoạch gần tương tự như thời kỳ Đô thành Phú Xuân của các chúa Nguyễn (PL 4.2, tr. P36), nhưng quy mô lớn hơn rất nhiều. Việc quy hoạch và xây dựng Kinh đô Huế diễn ra hơn 30 năm, kéo dài qua hai triều vua Gia Long và vua Minh Mạng (1820 - 1841). Kinh đô Huế là một phức hệ kiến trúc phong phú và hoàn chỉnh, bao gồm thành trì, cung điện, phủ đệ, đàn miếu, chùa quán, lăng tẩm, vườn ngự, hành cung...

Quy mô xây dựng phủ đệ của các ông hoàng bà chúa phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của điển lệ hoàng gia và có sự thay đổi qua các đời vua triều Nguyễn. Vua Gia Long đã đặt ra cơ sở đầu tiên cho các quy thức về quy hoạch và kiến trúc xây dựng phủ đệ. Năm 1816, vua Gia Long đã ban hành quy định xây dựng các phủ đệ như sau: “*Phàm dựng làm nhà phủ, hoàng tử, công chúa, thì chính đường 5 gian 2 chái, tiền đường 7 gian, chung quanh mái chông, hợp làm một tòa, lợp ngói âm dương, bốn chung quanh xây bao bằng tường gạch, mặt trước mặt sau mở một cửa vào, trong cửa xây bình phong*” [72; XIII, tr. 150]. Sau khi đã có quy định cụ thể về kiến trúc phủ đệ, năm 1817, vua Gia Long đã phong tước và xây dựng phủ đệ cho các hoàng thân, hoàng tử. Sử triều Nguyễn chép: “*Hoàng tử thứ năm là Đài làm Kiến An công, hoàng tử thứ sáu là Bính làm Định Viễn công, hoàng tử thứ bảy là Tấn làm Diên Khánh công, hoàng tử thứ tám là Phổ làm Điện Bàn công, hoàng tử thứ chín là Chấn làm Thiệu Hóa công, hoàng tử thứ mười là Quân làm Quảng Oai công, hoàng tử thứ mười một là Cự làm Thường Tín công, hoàng tử Kính làm Thái Bình công, hoàng tử Đán làm Ứng Hòa công; cho sách bạc, ấn bạc và ấn quan phòng mỗi người một cái. Ra lệnh phàm tờ biểu tờ khai đều xưng tước và tên... Giấy tờ các nha đưa lên thì xưng là bẩm. Nhà ở thì gọi là phủ*” [86; II, tr. 954-955].

Vua Minh Mạng đã tiếp tục đặt ra những quy thức, định chế về xây dựng phủ đệ cho các hoàng tử, công chúa một cách rõ ràng và thực thi các quy định này một cách nghiêm ngặt; sau này phủ đệ tiếp tục được bổ sung thêm một số quy chế xây dựng bởi các vị vua triều Nguyễn đời sau. Năm 1822, vua Minh Mạng đã quy định chặt chẽ hơn về quy mô và cảnh quan kiến trúc của phủ đệ: “*Phàm nhà phủ hoàng tử, hoàng đệ, trưởng công chúa, công chúa, chính đường và tiền đường đều 3 gian 2 chái, và lợp ngói âm dương, các khoản hành lang cánh gà, nhà bếp, chiếu theo lệ mà làm*” [72; XIII, tr. 151]. Năm 1838, để tiết kiệm kinh phí xây dựng, khống chế việc phủ đệ xây dựng theo chiều dọc (làm phủ chính kiểu “*trùng thiềm điệp ốc*”<sup>11</sup>) và trang trí quá cầu kỳ, triều đình lại ban hành quy định: “*Các phủ đệ vườn tược ở nhà riêng và đồ nghi trượng phục sức, vật dụng khí cụ đều không được làm, nhà lâu dài ba sống nóc và đắp vẽ rồng phượng mọi việc xa xỉ diễm lệ đều cấm hẳn*” [72; I, tr. 173]. Đến 1843, vua Thiệu Trị ban hành quy định giảm hẳn quy mô xây dựng kiến trúc phủ đệ, không cho làm theo kiểu nhà kép: “*Dựng nhà phủ hoàng tử công, hoàng tử, thân công, hoàng đệ, thái trưởng công chúa, trưởng công chúa*

<sup>11</sup> Trùng thiềm điệp ốc: Đề chỉ hai nhà cùng một không gian mặt bằng liên tục với nhau nhưng hai nóc nhà khác nhau gồm trước là tiền điện và nhà sau là chính điện.

và công chúa thì giảm bớt một tòa tiền đường, còn nhà chính thì 3 gian 2 chái, có tường bao bốn chung quanh, trước sau mở một cửa vòm, rộng 64 trượng, tường cao 5 thước 5 tấc, còn nhà khác thì chiều y kiểu mẫu cũ” [72; XIII, tr. 151].

Qua những thông tin sử liệu nêu trên, nghiên cứu này nhận thấy, ban đầu phủ đệ có quy mô khá lớn, tòa chính đường xây dựng theo kiểu “trùng thiềm điệp ốc” đồ sộ và có thể lên đến 7 gian, không hề thua kém các cung điện dành riêng cho hoàng đế ở trong hoàng cung. Trước thực trạng này, từ thời vua Minh Mạng trở đi đã ban hành quy định khống chế quy mô kiến trúc phủ đệ chỉ còn 3 gian 2 chái và nhà kếp không được làm đến 3 lớp. Thời vua Thiệu Trị thì quy định chặt chẽ hơn nữa, chỉ cho tòa chính đường làm dạng nhà rường đơn 3 gian 2 chái chứ không còn được làm nhà kếp. Điều này cho thấy vào thời vua Thiệu Trị nhu cầu xây dựng phủ đệ ngày càng nhiều vì nếu tính số lượng hoàng tử và công chúa con vua Minh Mạng và vua Thiệu Trị đến tuổi trưởng thành, được phong tước hơn 100 người mà ngân khố chi cấp xây dựng, tu bổ phủ đệ có hạn nên triều đình đã thu nhỏ quy mô xây dựng phủ đệ so với quy định của các triều vua trước, đồng thời chủ trương khuyến khích các hoàng tử, công chúa chủ động xây dựng phủ đệ bằng số tiền bổng lộc được cấp nhưng quy mô phủ đệ phải được xây dựng đúng theo điển lệ triều đình đã quy định.

Đầu triều Nguyễn, các phủ đệ đều tọa lạc bên trong Kinh thành Huế, theo nguyên tắc “nam tả, nữ hữu”, nghĩa là phủ của các hoàng tử thì ở về phía trái, còn đệ trạch của các công chúa thì ở về phía phải của Kinh thành. Một minh chứng điển hình rõ nét qua lời tâu của quan Võ Xuân Cẩn xin cho các hoàng tử đến tuổi trưởng thành được phép lập phủ đệ từ lời truyền ngôn của hậu duệ Tùng Thiện vương như sau: “Theo lệ, các hoàng tử lên 18 tuổi thì phải xuất phủ, nghĩa là phải ra ngoài Tử Cấm Thành, biệt lập gia đình như Võ Xuân Cẩn đã tâu, xin ơn cho các hoàng thân, hoàng tử. Tùng Thiện vương xuất phủ ở ngang với phủ Tuy Lý vương, tại phường Liêm Năng trong Kinh Thành, phía đông Lục Bộ. Hai anh em ngày nhỏ là bạn học, ngày ấy là bạn láng giềng, qua lại luôn, hễ gặp nhau, thì liên ngâm mỗi ngài một câu, ngài này xướng lên, ngài kia đáp lại” [118, tr. 58]. Phường Liêm Năng nằm ở bên trong Kinh thành Huế. Có lẽ, phủ đệ của Tùng Thiện vương và phủ đệ Tuy Lý vương tọa lạc ở phía sau Cơ Mật Viện. Sau này, phủ đệ của hai ông hoàng lần lượt được di dời ra khỏi Kinh thành để dành đất đai xây dựng các khu vườn ngự, các cơ quan của triều đình, chùa chiền...

- Phủ đệ triều Nguyễn từ năm 1885 đến năm 1945

Biến cố Kinh đô Huế (23/5 Âm lịch năm Ất Dậu, tức ngày 5/7/1885) là một đòn giáng vào cơ quan đầu não của triều Nguyễn ở Huế. Kể từ sau sự kiện này, quyền lực chính trị của triều đình nhà Nguyễn đã bị người Pháp thao túng, gần như chỉ còn trên danh nghĩa. Từ đây triều Nguyễn đã mất quyền tự chủ, tiềm lực kinh tế bị phụ thuộc, đồng thời cũng là giai đoạn tiếp thu ảnh hưởng của văn minh phương Tây ngày càng sâu sắc vào trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực kiến trúc nghệ thuật. Trước những biến động lịch sử nêu trên, từ triều vua Dục Đức đến vua Bảo Đại, phủ đệ ít được xây dựng mới và quan tâm trùng tu, tôn tạo. Tiền bạc lương bổng của triều

đình cấp hàng năm cho các ông hoàng, bà chúa ngày càng bị cắt giảm, thêm vào đó là cuộc sống phong lưu của họ vẫn cứ tiếp tục diễn ra khiến cho nhiều ông hoàng bà chúa rơi vào cảnh túng thiếu, nghèo khó, thậm chí đến khi phủ đệ bị hư hỏng xuống cấp nhưng không có tiền trùng tu, tôn tạo, có trường hợp phải bán kiến trúc phủ đệ để lấy tiền chi tiêu trong cuộc sống hằng ngày.

Trong thời kỳ này, một số phủ đệ được quy hoạch xây dựng nằm ngay sát bên ngoài khu vực thượng thành thuộc hệ thống Kinh thành Huế, điển hình như phủ đệ Tuyên Hóa vương Bửu Tán, Hoài Ân vương Bửu Liêm xây dựng nằm ở góc Đông Nam Kinh thành Huế. Đây là một điều chưa có tiền lệ so với giai đoạn trước năm 1885. Vì các phủ đệ này được xây dựng dưới triều vua Thành Thái (1889 - 1907), trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ dẫn đến mọi luật lệ được quy định kể từ các vị vua đầu triều Nguyễn đã trở nên loi lỏi. Phạm vi vùng cấm nghiêm ngặt của khu vực phòng vệ Kinh thành Huế đã không còn được thực thi một cách triệt để<sup>12</sup>. Ngoài ra, ông hoàng Bửu Tán, Bửu Liêm là em trai vua Thành Thái đang tại vị, được nhà vua yêu quý, cho phép và cấp tiền bạc để xây dựng phủ đệ. Do vậy với vị thế của mình, hai ông hoàng đã lựa chọn cho bản thân mình một cuộc đất tốt về phong thủy, hướng mặt ra dòng sông Hương và tọa lạc gần chợ Đông Ba như lời tiên nhân đã nói: “*Nhất cận thị, nhị cận giang*” (nhất gần chợ, nhì gần sông) như là chốn lý tưởng cho việc lựa chọn để xây dựng nhà cửa. Ý định trên của ông hoàng Bửu Tán, Bửu Liêm có thể thực hiện một cách dễ dàng mà không bị sự ngăn cản của triều đình lúc bấy giờ.

Khu phố Tây được hình thành bên bờ Nam sông Hương, đối diện với Kinh thành Huế. Do nhu cầu về sử dụng, người Pháp đã quy hoạch và xây dựng nhiều công trình kiến trúc thuộc địa có giá trị về kiến trúc, văn hóa và nghệ thuật. Những công trình được xây dựng mang đậm nét kiến trúc phương Tây phục vụ bộ máy hành chính Pháp là cách người Pháp muốn biểu dương uy thế và sức mạnh của mình để duy trì sự kiểm soát người dân bị đô hộ. Sau đó, xuất hiện những ngôi nhà, biệt thự, phủ đệ được xây dựng theo kiến trúc phương Tây nhưng thích nghi với điều kiện khí hậu và truyền thống địa phương vùng Huế. Chính từ quá trình tiếp thu ảnh hưởng văn hóa kiến trúc của phương Tây, sử dụng vật liệu mới nên quy thức kiến trúc phủ đệ được xây dựng, trùng tu trong giai đoạn này cũng mang nhiều đặc điểm độc đáo, vừa kế thừa những yếu tố truyền thống, vừa có những điểm mới lạ do tiếp thu các yếu tố văn hóa ngoại lai. Các loại vật liệu xây dựng, trùng tu phủ đệ thể hiện rõ tính chất thời đại. Trong giai đoạn các vua đầu triều Nguyễn đều sử dụng phổ biến các vật liệu truyền thống là gỗ, gạch ngói, đá thanh, nhưng giai đoạn các triều vua sau đã sử dụng cả vật liệu hiện đại nhập ngoại như ciment, sắt, ngói, sành sứ, gạch hoa... Điển hình như: Cung An Định, phủ đệ Tuyên Hóa vương là những công trình kiến trúc mang dấu ấn đậm nét của sự kết hợp giữa hai phong cách kiến trúc Á - Âu trong lịch sử mỹ thuật Huế cũng như của Việt Nam, tạo ra điểm nhấn không gian tuyệt mỹ trong Quần thể di tích Cố đô Huế.

---

<sup>12</sup> Trong bộ *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long) đã dành nhiều trang để nhấn mạnh đến sự tôn nghiêm của Kinh thành, đồng thời quy định rất rõ các loại tội trạng, định hãm chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với tất cả những ai tự tiện ra vào, xâm phạm địa giới Kinh thành Huế.

Phủ đệ Tuyên Hóa vương được hoàng tử Bửu Tán xây dựng vào năm 1900, khi ông hoàng được vua Thành Thái phong tước Tuyên Hóa quận công và cho lập phủ riêng. Sách *Đại Nam thực lục* có đoạn chép: “*Tân phong hoàng đệ Bửu Thiện (tức Bửu Tán, con thứ chín của Cung Huệ hoàng đế) là Tuyên Hóa quận công (kế sắc cho cưới Nguyễn Thị Đình con gái thứ của Diên Lộc quận công Nguyễn Thân cùng trích vật hạng trong kho và 5000 đồng ban cho, lại bàn chiếu lệ trích tiền công 4.000 quan xây dựng phủ đệ)*” [90, tr 379]. Phủ Tuyên Hóa vương quay mặt về hướng Nam, phía sông Hương. Cổng chính xây bằng gạch, vôi vữa theo dạng vòm, có cổ lâu ở phía trên. Xung quanh phủ có la thành bằng tường gạch bao bọc. Bức bình phong nằm phía sau cổng chính, xây bằng gạch theo kiểu cuốn thư, trang trí họa tiết “*Lưỡng long tranh châu*” và các biểu tượng truyền thống, màu sắc lộng lẫy bằng nghệ thuật khảm sành sứ. Phía sau bình phong là công trình kiến trúc chính của phủ Tuyên Hóa vương. Kiến trúc lầu 2 tầng, xây dựng bằng các vật liệu mới pha trộn các vật liệu truyền thống theo kiểu hiện đại, mang phong cách châu Âu. Mái lầu lợp ngói liệt, mặt trước lầu được trang trí rất công phu (PL 8.5, tr. P58). Phủ Tuyên Hóa vương là một công trình kiến trúc thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa hai nền văn hóa Đông - Tây, có niên đại xây dựng xếp vào hàng sớm nhất ở Huế, trước các công trình ảnh hưởng của kiến trúc Pháp như Ứng Lăng, cung An Định, lầu Kiến Trung,...

Tiền thân của cung An Định là phủ An Định, một công trình kiến trúc nhà rường như bao nhiêu phủ đệ của các ông hoàng bà chúa khác dưới triều Nguyễn. Phủ An Định đã được xây dựng vào năm 1902, dùng làm nơi ăn ở riêng cho hoàng tử Bửu Đảo khi vừa “*xuất phủ*” năm lên 18 tuổi. Sau khi đăng quang và bắt đầu sống trong hoàng cung từ năm 1916, vua Khải Định nghĩ đến việc cải tạo phủ An Định theo phong cách kiến trúc châu Âu kết hợp trang trí truyền thống cung đình. Cung An Định quay mặt về hướng Nam, phía sông An Cựu; có địa thế bằng phẳng, tổng diện tích mặt bằng 23.463m<sup>2</sup>, chung quanh có la thành bằng tường gạch, trên có hàng rào song sắt bao bọc. Khi còn nguyên vẹn cung có khoảng 10 công trình. Từ trước ra sau là: Bến thuyền, cổng chính, đình Trung Lập, lầu Khải Tường, nhà hát Cửu Tư Đài, chuồng thú, hồ nước... Trải qua thời gian và sự tàn phá của chiến tranh, đến nay cung An Định chỉ còn lại 3 công trình khá nguyên vẹn là cổng chính, đình Trung Lập và lầu Khải Tường. Cổng chính làm theo lối cửa vòm, có cổ lâu, trang trí bằng nghệ thuật khảm sành sứ rất tinh xảo. Đình Trung Lập, nằm phía trong cửa, kết cấu kiểu đình bát giác, nền cao. Lầu Khải Tường nằm phía sau đình Trung Lập, là công trình kiến trúc chính của cung An Định. Lầu 3 tầng, xây dựng bằng các vật liệu mới theo kiểu lầu đài châu Âu. Lầu được trang trí rất công phu, đặc biệt là phần nội thất của tầng 1 với các bức tranh tường có giá trị nghệ thuật rất cao. Màu sắc tinh tế, kỹ thuật trang trí cấu trúc đường nét và hoa văn, thủ pháp bố cục chặt chẽ. Mục đích là tạo ra một cơ ngơi to lớn hơn để kỷ niệm nơi nhà vua đã sinh trưởng và để ban tặng cho hoàng tử Vĩnh Thụy (vua Bảo Đại sau này) làm của riêng truyền từ lưu tôn (PL 7.4, tr. PL51). Dưới triều vua Khải Định (1916-1925) và vua Bảo Đại (1926-1945), cung An Định là nơi tổ chức các lễ tiếp tân, lễ khánh hỷ của hoàng gia với sự tham dự của đình thần và các quan chức thuộc chính phủ Bảo hộ Pháp.

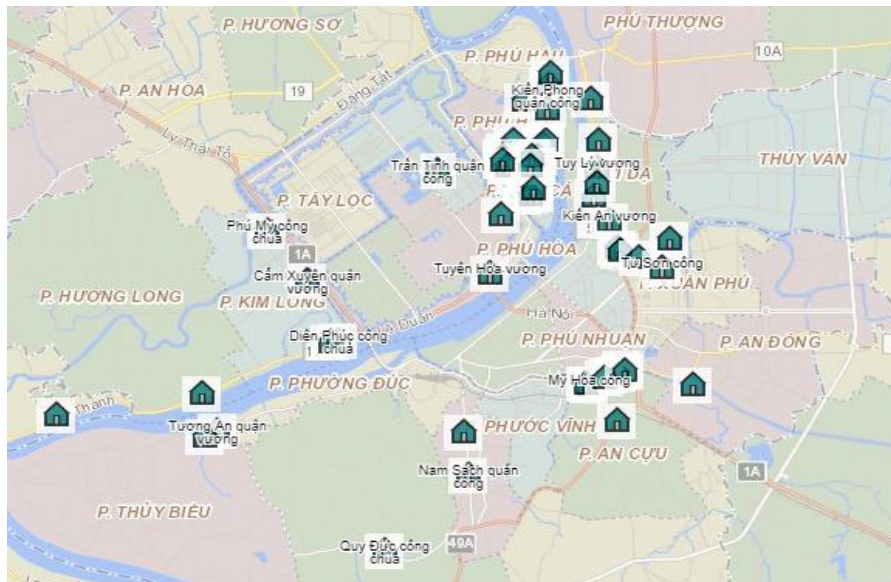


Sau năm 1945, triều Nguyễn cáo chung, Huế không còn giữ vị thế kinh đô, nhiều công trình kiến trúc phủ đệ đã bị thời gian, chiến tranh, thiên tai và cả do ý thức của con người tàn phá, làm hư hại nghiêm trọng, thậm chí có một số phủ đệ hoàn toàn biến mất và khó nhận diện trên thực địa. Tuy nhiên, Cố đô Huế ngày nay vẫn còn bảo lưu một số phủ đệ có giá trị độc đáo cả về yếu tố vật thể và phi vật thể (PL 3.5, tr. PL18).

### 2.1.3. Sự phân bố các phủ đệ triều Nguyễn

Các vị vua triều Nguyễn đã dành cho phủ đệ một vị trí xứng đáng với danh phận cao quý của các ông hoàng bà chúa. Ban đầu, hầu hết các phủ đệ đều tọa lạc bên trong Kinh thành, về sau phủ đệ di chuyển dần ra bên ngoài Kinh thành, với quy hoạch xây dựng tập trung tại các khu vực: Gia Hội - Chợ Dinh, Phủ Cam, Vĩ Dạ, Kim Long (Bản đồ 2.1)... Đây là những vùng đất nằm ven sông, trù phú, không quá xa khu dân cư, tốt lành về mặt phong thủy, giao thông đường thủy bộ đều thuận lợi và có truyền thống lịch sử gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vương triều nhà Nguyễn.

**Bản đồ 2.1. Phân bố di sản phủ đệ ở thành phố Huế**



[Nguồn: Tác giả cập nhật thông tin dựa trên bản đồ GIS]

#### - Khu vực Gia Hội - Chợ Dinh

Gia Hội - Chợ Dinh nằm phía Đông của Kinh thành Huế, có hình dáng giống như một ốc đảo nằm giữa sông đào Đông Ba và vòng cung sông Hương đoạn từ chợ Đông Ba về phố cảng Thanh Hà - Bao Vinh. Vùng đất này có địa thế nước phủ bốn bề, theo thuật phong thủy là nơi tụ thủy, đất phát tài. Quốc Sử Quán triều Nguyễn ghi chép trong cuốn *Đại Nam nhất thống chí* như sau: “Từ chợ Gia Hội thẳng đến áp Hạ chợ Dinh, chia đặt làm 8 hàng, là các hàng Gia Thái, Hoà Mỹ, Phong Lạc, Doanh Ninh, Hội Hạ, Mỹ Hưng, Thủy Lạc, Tam Đăng, gọi là tám hàng ven sông, dài 3 dặm linh, giữa là đường phố, tả hữu nhà ngói liền nhau, buôn bán tấp nập, ở sông thuyền buôn thuyền chài đi lại như mắc cửi” [81, tr. 182]. Vào đầu thế kỷ XIX, phố Gia Hội - Chợ Dinh là nơi giao thương buôn bán sầm uất vào bậc nhất của Kinh thành Huế. Gia Hội - Chợ Dinh cũng là nơi tọa lạc nhiều chùa chiền, hội quán, dinh thự..., đặc biệt là phủ đệ của các ông hoàng, bà chúa. Văn bia đình phường Phú Cát (thuộc phố Gia Hội) có đoạn viết mô tả về điều này như

sau: “Đất mở ra một dải ven sông, bốn bề là phủ đệ lâu đài, bên trong lại là một vùng đất an lạc” [126, tr. 234]. Qua chuyên khảo sát thực địa, chúng tôi nhận thấy phủ đệ triều Nguyễn tọa lạc ở khu vực Gia Hội - Chợ Dinh có số lượng nhiều nhất so với các vùng đất khác ở thành phố Huế và vùng phụ cận như Phủ Cam, Vĩ Dạ, Kim Long, Dương Xuân...

Khu vực Gia Hội - Chợ Dinh là nơi tọa lạc các phủ đệ tiêu biểu như: Phủ đệ Thọ Xuân vương, Thoại Thái vương, Hòa Thạnh vương, An Thành vương, An Xuyên vương, Gia Hưng vương, Hoài Đức quận vương, Hoằng Hóa quận vương, Vĩnh Tường quận vương, Lạc Biên quận công, Phú Mỹ quận công, Quảng Biên quận công, Vĩnh Lộc quận công, Cẩm Giang quận công, Tuy An quận công, Ngọc Sơn công chúa,...

- Khu vực Phủ Cam

Danh xưng Phủ Cam có lẽ ra đời gắn liền với một công trình kiến trúc có tên là Phủ Cam được xây dựng dưới thời chúa Nguyễn. Vì sự nổi tiếng của Phủ Cam nên được người xưa và nay gọi tên Phủ Cam để định danh cho một vùng đất dọc hai bên dòng sông Lợi Nông<sup>13</sup> (sông An Cựu) thuộc địa phận các làng Dương Phẩm, Dương Xuân Hạ và làng An Cựu. Vào thời các chúa Nguyễn, Phủ Cam nổi tiếng tập trung nhiều phủ đệ, dinh thự của các ông hoàng, bà chúa và quan lại quý tộc. Sách “*Phủ Biên tạp lục*” đã miêu tả như sau: “*Nhà vườn của các vị Công, Hầu và quan đại thần chia nhau ở la liệt tại hai bên bờ sông về mạn thượng lưu sông Phú Xuân (tức sông Hương) cùng hai bờ sông con (tiểu giang) ở về phía hữu Phủ Cam*” [29, tr. 192-193]. Năm 1775, quân đội Lê - Trịnh do Hoàng Ngũ Phúc tấn công và chiếm giữ Thuận Hóa - Đô thành của chúa Nguyễn. Sau khi chiếm đóng, đội quân này đã mặc sức vơ vét của cải trong kho tàng hoàng gia và các gia đình quý tộc, quan lại triều đình. Vì vậy, Phủ Cam có một thời gian rơi vào cảnh tiêu điều, đổ nát. Đến triều Nguyễn, Phủ Cam dần chiếm lại vị thế phồn hoa đô hội, nơi tập trung nhiều phủ đệ, tư dinh của các ông hoàng bà chúa, hoàng thân quốc thích, quan lại. Vua Khải Định lúc còn hoàng tử đã xây dựng phủ An Định tại đây và đã từng nói rằng: “*Ở Thừa Thiên Kim Long trước thịnh vượng mà nay suy vi, Phủ Cam trước hao tán mà nay trù mật, thời thế thay đổi phần lớn đều như thế*” [91, tr. 226].

Khu vực Phủ Cam là nơi tọa lạc của các phủ đệ tiêu biểu như: Phủ đệ Tùng Thiện vương, Kiên Thái vương, An Hóa quận vương, Ngọc Lâm công chúa, Mỹ Hóa công, Kiến Hòa quận công, Nghĩa Quốc công, cung An Định (trước đây là phủ đệ của Phụng Hóa công Bửu Đảo)...

- Khu vực Vĩ Dạ

Vĩ Dạ được thành lập khoảng thế kỷ thứ XV dưới thời vua Lê Thánh Tông, ở ven bờ Nam sông Hương. Địa thế làng Vĩ Dạ được bao bọc bởi dòng sông Hương ở phía Bắc, sông Thọ Lộc (dân gian thường gọi là sông Như Ý) ở phía Tây, sông đào Lại Thế ở phía Đông và cánh đồng lúa ở phía Nam tạo nên vẻ đẹp phong thủy hữu tình, trời, đất, nước, người cùng quyện hòa thành thái trong một không gian vườn cây xanh ngát. Chính đặc điểm thiên nhiên kỳ thú này đã khơi gợi nhiều gia đình hoàng thân quốc thích, danh gia vọng tộc đến cánh đồng lau lách Vĩ Dạ để sinh sống và lập

<sup>13</sup> Dòng sông Lợi Nông cũng được gọi là sông Phú Cam, đặc biệt người Pháp chú thích bản đồ đều dùng tên Phú Cam.

nghiệp. Năm 1847, Tuy Quốc công Miên Trinh xây dựng phủ đệ ở vườn Tỉnh Phố thuộc địa phận làng Vĩ Dạ và rước mẹ là bà Tiệp dư Lê Thị Ái về phụng dưỡng.

Khu vực Vĩ Dạ là nơi tọa lạc của các phủ đệ tiêu biểu như: Phủ đệ Kiến An vương, Diên Khánh vương, Tuy Lý vương, Thiệu Hóa quận vương, Kiến Tường công, Phong Quốc công, Tăng Duệ hoàng thái tử...

*- Khu vực Kim Long*

Kim Long nằm ở tả ngạn sông Hương, từ phía Tây Kinh thành lên đến gần dốc chùa Thiên Mụ, một vùng đất trù phú màu mỡ, vị trí thuận lợi, cảnh sắc nên thơ. Trong địa phận của làng Kim Long, ngoài sông Hương ở phía Nam còn có sông Kim Long ngăn cách làng Phú Xuân và Vạn Xuân, và sông Bạch Yến chảy ngang qua giữa làng. Cả hai con sông này đều là các chi lưu của sông Hương, chúng vừa tạo nên vẻ đẹp trữ tình cho vùng đất này. Năm 1636, chúa Nguyễn Phúc Lan (1601-1648) đã cho dời thủ phủ về đất Kim Long. Từ năm 1687, thủ phủ của chúa Nguyễn chuyển về đất Phú Xuân, nhưng Kim Long vẫn là nơi có phủ thờ các đời chúa và nhiều dinh thự của các vị quan lại quý tộc. Đến thời các vua Nguyễn, đất Kim Long tiếp tục được ban cấp cho các hoàng tử và công chúa để xây cất phủ đệ làm nơi ăn chốn ở. Sử triều Nguyễn có chép vào năm 1846, vua Thiệu Trị sai Bộ Công xây dựng phủ đệ “ở ba vườn Vĩnh Ám, Vĩnh Tú, Vĩnh Lệ để cho các công chúa Tĩnh Hảo, Nhân Yên, Huy Nhu ở” [86; VI tr. 820]. Ngày nay, chúng ta chỉ còn thấy được phủ đệ Diên Phúc trường công chúa Tĩnh Hảo, còn phủ đệ An Thạnh trường công chúa Nhân Yên<sup>14</sup>, phủ đệ An Mỹ công chúa Huy Nhu đã bị phá hủy hoàn toàn để nhường chỗ cho các công trình mới.

Khu vực Kim Long là nơi tọa lạc của các phủ đệ tiêu biểu như: Phủ đệ Cẩm Xuyên quận vương, Diên Phúc trường công chúa, Bình Thạnh công chúa, An Thạnh trường công chúa, Phú Mỹ công chúa, An Mỹ công chúa, Tân Phong công chúa...

*- Một số khu vực khác*

Ngoài các khu vực nêu trên là nơi tọa lạc nhiều phủ đệ triều Nguyễn còn có các khu vực khác cũng được các ông hoàng bà chúa lựa chọn xây dựng phủ đệ như: Khu vực Dương Xuân<sup>15</sup> có phủ Tương An quận vương, Hòa Quốc công, Nam Sách quận công, Ngọc Cơ công chúa; Khu vực phố Trần Hưng Đạo có phủ Tuyên Hóa vương, Hoài Ân vương; Khu vực Nam Phổ có phủ Định Viễn quận vương, Tuy An quận công; khu vực An Cựu có phủ Thái Thạnh quận vương, Sơn Tịnh quận công; Khu vực Xuân Các có phủ An Thường công chúa, Hàm Thuận công, Trần Quốc công...

## **2.2. Đặc điểm của phủ đệ triều Nguyễn**

Nhìn vào các đặc điểm của phủ đệ triều Nguyễn, người ta dễ dàng nhận ra được tâm hồn và phong cách sống của các ông hoàng bà chúa. Phủ đệ là một tổ chức không gian luôn có sự hòa điệu để cái khung cảnh thiên nhiên do con người kiến tạo có thể

<sup>14</sup> Vào năm 1888, Cha Louis Caspar Lộc mua mảnh đất của hậu duệ An Thạnh trường công chúa để xây dựng Đại Chủng viện. Hiện nay, trong khuôn viên Đại Chủng viện còn bảo lưu được tám biển bằng đá (trước đây gắn trên cổng phủ đệ) để chữ: “An Thạnh trường công chúa đệ” (Phủ đệ An Thạnh trường công chúa).

<sup>15</sup> Dưới triều vua Minh Mạng, xã Dương Xuân tách thành 2 xã Dương Xuân Thượng và Dương Xuân Hạ.

hòa vào cái tự nhiên của đất trời. Sự phối hợp giữa cảnh quan kiến trúc như bên phủ, cổng phủ, la thành, bình phong, bể cạn, hòn non bộ, viên tằm<sup>16</sup> với kết cấu kiến trúc nhà chính, nhà phụ đều là những thiết kế có dụng ý của chủ nhân phủ đệ.

### 2.2.1. Về quy hoạch

Triều Nguyễn chú trọng đến việc kết hợp các nguyên tắc quy hoạch kiến trúc truyền thống Việt Nam với tư tưởng triết lý phương Đông. Đó là những tiêu chí quy hoạch tổng thể kiến trúc được rút ra từ các nguyên lý triết học cổ và thuật phong thủy. Đây là tư tưởng chủ đạo trong quy hoạch tổng thể mặt bằng kiến trúc phủ đệ. Đầu triều Nguyễn, các phủ đệ đều tọa lạc ở trong Kinh thành Huế<sup>17</sup>, qua các đời vua sau phủ đệ lần lượt được di chuyển ra khỏi Kinh thành và được quy hoạch xây dựng tại các ngôi làng cổ ở vùng phụ cận Kinh thành Huế như Gia Hội - Chợ Dinh, Kim Long, Vĩ Dạ, Dương Phẩm, An Cựu, Dương Xuân Hạ... Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* cho biết, “*nội địa Kinh Thành từ trước đến nay vốn đã có phân chia đất để làm các phủ đệ và nhà ở cho quan chức và các ty*” [72; V, tr. 248]. Điểm nổi bật của phủ đệ triều Nguyễn là sự gắn kết thống nhất của chúng đối với Kinh thành và các công trình kiến trúc cung đình khác trong một quy hoạch thống nhất mà sông Hương đóng vai trò là trục nối kết. Phủ đệ của các triều đại trước của Việt Nam như thời Lý, Trần, Lê đều được quy hoạch xây dựng ở quê hương của họ và cách xa Kinh đô Thăng Long.

Vị trí xây dựng phủ đệ của các ông hoàng bà chúa đã được các vị vua triều Nguyễn lựa chọn cẩn thận, chứa đựng đầy đủ các đặc trưng địa lý như: Sông, hồ, núi, đất đai bằng phẳng và các nét đặc trưng cảnh quan. Phủ đệ triều Nguyễn thường được quy hoạch xây dựng theo thứ tự các tiêu chí như: “*Nhất cận thị, nhị cận lân, tam cận giang, tứ cận lộ, ngũ cận điền*”. Chủ nhân phủ đệ xem tính hợp lý gắn với ăn, ở, đi lại và các giao tiếp thuận lợi. Họ ít muốn đi lại, vì cái gì cũng gần: Gần chợ, gần phố, gần sông, gần đường đi, gần ruộng đồng và gần các ngôi quốc tự, quan tự của triều Nguyễn. Vì vậy, phủ đệ chủ yếu tọa lạc tại vùng đồng bằng, một vài phủ đệ tọa lạc ở vùng gò đồi như phủ Tương An quận vương, Hòa Quốc công, Nam Sách quận công và không có phủ đệ nào nằm gần biển. Điều đó cũng phản ánh nhân sinh quan và thế giới quan của cư dân trồng lúa nước. Điển hình như phủ Tùng Thiện vương, Kiên Thái vương, Kiến Hòa quận công, Ngọc Lâm công chúa được quy hoạch xây dựng nằm bên cạnh dòng sông Lợi Nông thuộc địa phận làng Dương Phẩm, An Cựu, Dương Xuân Hạ có đất đai trù phú, dân cư đông đúc, khá gần chợ Bến Ngự, chợ An Cựu, chùa Thiên Lâm, chùa Từ Đàm, chùa Báo Quốc, chùa Linh Quang, đình làng Dương Phẩm, đình làng An Cựu và đặc biệt nằm gần bên cạnh cánh đồng gạo de An Cựu - một loại gạo thơm đặc biệt, được dành cung tiến vào Đại Nội thời chúa Nguyễn, vua Nguyễn. Điều này cho thấy, phủ đệ là hình thái điển hình kết tinh tinh thần và màu sắc dân gian

<sup>16</sup> Dưới triều Nguyễn, quy chế về cách dùng danh xưng chung chỉ lăng mộ rất chặt chẽ. Chỉ có mộ của hoàng đế, hoàng hậu mới được gọi là lăng (陵) hay sơn lăng (山陵). Mộ của thân vương, thân công, công chúa, phi tần chỉ được gọi là tẩm (寢), còn của thân dân, không phân biệt giàu nghèo đều gọi là mộ (墓).

<sup>17</sup> Ngoại trừ Hoàng thành, kể từ thời vua Gia Long (1802 - 1820) trở đi, khu vực Kinh thành là nơi sinh hoạt, làm việc của các quan nha, đồn trú doanh trại quân đội, quan xưởng triều đình, dinh cơ tư thất của tầng lớp quan lại quý tộc và phủ đệ của các ông hoàng bà chúa.

trong một không gian cư trú của các ông hoàng bà chúa. Tính biểu cảm của nghệ thuật kiến trúc dân gian từ những ngôi nhà, làng xã truyền thống miền Trung và các đình làng, chùa làng xứ Huế có thể là tiền đề và là cội nguồn cảm xúc cho sự hình thành nghệ thuật kiến trúc phủ đệ. Mặc dù có những ranh giới cụ thể từ những điển chế, nhưng nghệ thuật kiến trúc phủ đệ vẫn bộc lộ sự kế thừa tính mộc mạc của dân gian, kết hợp với triết lý tư tưởng Nho - Phật - Lão và tinh thần của vương triều nhà Nguyễn để phát triển thành một loại hình kiến trúc mang nét đặc trưng riêng có. Đó cũng chính là sự phản ánh đặc điểm của nghệ thuật kiến trúc phủ đệ hòa nhập với không gian văn hóa làng xã để tạo ra cơ hội phát triển và thẩm đượm những giá trị của mỹ thuật truyền thống dân gian trong dòng chảy mỹ thuật cung đình triều Nguyễn.

Trong quy hoạch tổng thể kiến trúc phủ đệ có một giải pháp hết sức quan trọng để ứng phó với môi trường tự nhiên là chọn hướng phủ và thế đất ở theo các nguyên tắc được quy định trong thuật phong thủy ẩn hiện một cách tinh tế vào cách bài trí, bố cục, tạo sự cân bằng, bền vững giữa phủ và sân vườn. Đó là cách tận dụng tối đa thế mạnh của môi trường tự nhiên để tạo ra một môi trường sinh thái nhân văn theo ý đồ của chủ nhân phủ đệ. Những phương pháp điều tiết các yếu tố phong (gió) và thủy (nước) giúp dẫn khí lành và ngăn chặn khí hung vào nơi các ông hoàng, bà chúa sinh sống. Phủ đệ thường quay về hướng Nam như phủ đệ Tùng Thiện vương, Kiên Thái vương, Ngọc Lâm công chúa, Diên Phúc trưởng công chúa hoặc hướng Đông Nam như phủ đệ Hòa Thạnh vương, Thọ Xuân vương, Thoại Thái vương. Xuất phát từ quan niệm về phong thủy, hướng Nam là hướng của thánh thần, hướng tốt nhất mang lại sự thịnh vượng, giàu sang, sức khỏe và gió tốt cho phủ đệ. Đây cũng là hướng của Kinh thành Huế. Nhưng quan trọng là về tự nhiên, hướng này khá phù hợp với điều kiện khí hậu xứ Huế. Mặc dù vậy, nghiên cứu này nhận thấy, yếu tố cảnh quan tự nhiên là yếu tố chính quyết định đến việc lựa chọn hướng của kiến trúc phủ đệ. Chủ nhân phủ đệ thường lựa chọn theo hướng tận dụng được vẻ đẹp, điều kiện thuận lợi của địa thế tự nhiên, ví dụ nếu phủ đệ nằm bên cạnh sông thì kiểu gì hướng cũng phải quay mặt ra dòng sông, còn những phủ đệ không nằm cạnh sông thì thường chọn hướng Nam hoặc Đông Nam. Cụ thể, phủ đệ Gia Hưng vương quay ra mặt sông Đông Ba (hướng Tây Nam); phủ đệ Tuy Lý vương, Kiến Tường công, Thiệu Hóa quận vương, Phong Quốc công quay mặt ra sông Hương (hướng Tây); phủ đệ Mỹ Hóa công, Kiên Hòa quận công quay mặt ra sông An Cựu (hướng Bắc). Điều này cho thấy trong quy hoạch tổng thể xây dựng phủ đệ triều Nguyễn, các ông hoàng bà chúa luôn ưu tiên chọn hướng quay về dòng sông hơn là chọn hướng tốt.

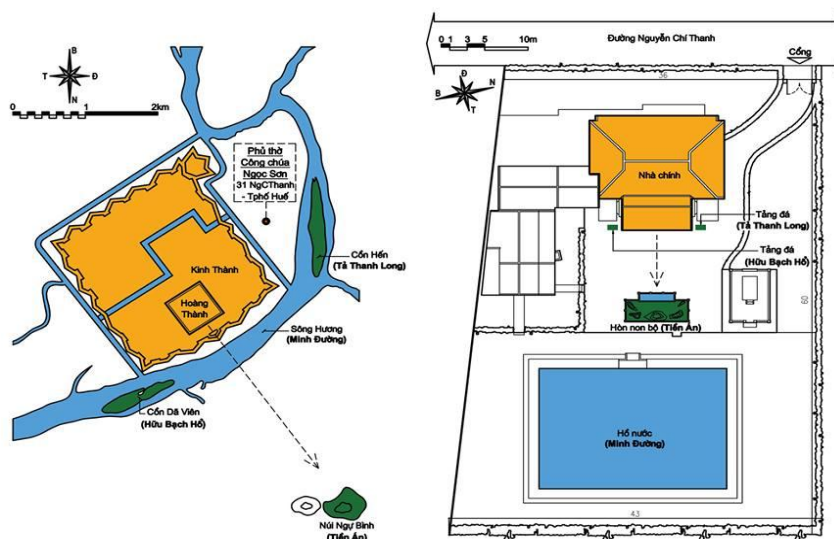
Phủ đệ thể hiện tính đăng đối trong quy hoạch tổng thể kiến trúc. Từ quy hoạch cảnh quan đến mặt cắt dọc và mặt cắt ngang của các khối kiến trúc phủ đệ. Các thành phần kiến trúc phủ đệ được các nghệ nhân tài danh bố cục thiết kế cân xứng qua một trục. Trên quy hoạch mặt bằng phủ đệ, đường “*dùng đạo*”<sup>18</sup> nằm trên đường trục đó. Nó xuyên suốt một loạt các hạng mục kiến trúc từ bên phủ, cổng phủ, bình phong, bệ

---

<sup>18</sup> Đường dùng đạo: Trục thẳng xuyên suốt trong bố cục kiến trúc cô đọng các khối kiến trúc bố trí đăng đối.

cạn, hòn non bộ, nhà chính, nhà phụ. Phủ đệ Ngọc Sơn công chúa là một ví dụ minh chứng điển hình (Bản vẽ 2.1).

**Bản vẽ 2.1. Mặt bằng tổng thể phủ đệ Ngọc Sơn công chúa**



[Nguồn: 124]

Phủ đệ của các ông hoàng bà chúa không tọa lạc mãi ở một vị trí cố định mà có thể chuyển dời qua nhiều vị trí khác nhau tùy thuộc vào quyền quyết định của nhà vua hay chủ nhân phủ đệ. Nếu việc chuyển dời phủ đệ sang vị trí mới xuất phát từ ý kiến cá nhân của chủ nhân phủ đệ hoặc con cháu của các hoàng tử, công chúa (khi chủ nhân phủ đệ đã qua đời) thì phải được sự đồng ý của nhà vua, Phủ Tôn Nhân. Ví dụ phủ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương ban đầu nằm ở phường Liêm Năng (bên trong Kinh thành Huế), sau này chuyển dời sang làng Vĩ Dạ và làng Dương Phẩm; phủ Diên Khánh vương nguyên được xây dựng năm 1817, tọa lạc tại làng Vân Thê (xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy), đến năm 1857, vua Tự Đức ban sắc cho chuyển dời lập phủ ở làng Vĩ Dạ (phường Vĩ Dạ, thành phố Huế).

### 2.2.2. Về cảnh quan

Phủ đệ được lựa chọn xây dựng ở cuộc đất cát tường về mặt phong thủy, nơi có phong cảnh sơn thủy hữu tình. Yếu tố mặt nước (Thủy 水) có vai trò rất quan trọng trong việc phối trí cảnh quan phủ đệ nên hầu hết các phủ đệ đều nằm dọc hai bên bờ sông hoặc ngã ba sông, một số phủ đệ còn quy hoạch tạo hồ nước bên trong khuôn viên phủ đệ như trường hợp phủ đệ Thọ Xuân vương<sup>19</sup>, phủ Vĩnh Tường quận vương, Lạc Biên quận công, Ngọc Sơn công chúa. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho đời sống sinh hoạt hằng ngày, phục vụ giao thông đường thủy mà còn có tác dụng giảm đi đáng kể cái nóng oi bức của mùa hè xứ Huế. Chính yếu tố nước đã làm nền hoặc phối cảnh cho các công trình kiến trúc phủ đệ trở nên mềm mại, nên thơ và giàu bản sắc hơn. Đây là cách

<sup>19</sup> Tiên thân hồ nước trong khuôn viên phủ Thọ Xuân vương thuộc Phủ Ao thời chúa Nguyễn (PL 4.2, tr. P36), sách *Đại Nam nhất thống chí* có chép: “Phủ cũ Đông Trì rộng hơn vài ba mẫu, tương truyền hồi mới dựng nước, lập kho tàng ở đây để đúc tiền đồng, tục gọi là tiền đồng Phủ Ao, lại thường duyệt binh ở đây, có một cái hồ lớn hơn vài mẫu, nước sâu không bao giờ cạn, vẫn còn dấu vết, nay là phủ đệ của Thọ Xuân vương” [81, tr. 78].

đưa thiên nhiên trở thành một nhân tố quan trọng, không thể thiếu trong phối trí cảnh quan phủ đệ. Điều đó cho thấy, sông nước có vai trò rất quan trọng trong sự tồn tại, phát triển của con người nói chung, cho lịch sử hình thành các phủ đệ triều Nguyễn nói riêng.

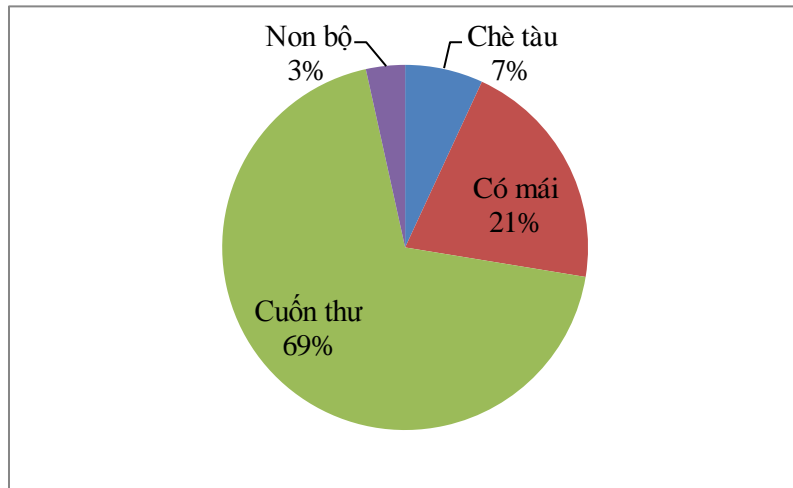
Hầu hết các phủ đệ đều nằm bên cạnh các dòng sông như sông Hương (phủ đệ Tuy Lý vương, Thiệu Hóa quận vương, Kiến Tường công, Diên Phúc trưởng công chúa, Quảng Biên quận công, Tuyên Hóa vương), sông An Cựu (phủ đệ Tùng Thiện Vương, Kiên Thái vương, An Hóa quận vương, Mỹ Hóa công, Kiến Hòa quận công, Ngọc Lâm công chúa), sông Như Ý (phủ đệ Kiến An vương, Tăng Duệ hoàng thái tử, Lạc Hóa quận công), sông Đông Ba (phủ đệ Gia Hưng vương), sông Kê Vạn (phủ đệ Cẩm Xuyên quận vương, Phú Mỹ công chúa). Vì vậy, trước mặt phủ đệ luôn có bến nước. Bến phủ thường là hạng mục kiến trúc được xây dựng đầu tiên bởi lẽ đây là đầu mối để vận chuyển nhân công, thợ thuyền, các vật liệu gỗ, gạch ngói, đá thanh để phục vụ cho công cuộc xây dựng phủ đệ. Đây là điểm dừng chân cũng như điểm xuất phát của các ông hoàng bà chúa trong các dịp vào Đại Nội, hầu vua, tham dự lễ cúng tế tại lăng tẩm, đền miếu, chùa chiền hay đi dạo chơi thăm viếng... Vì lúc bấy giờ giao thông đường bộ còn nhiều khó khăn nên các ông hoàng, bà chúa đều dùng thuyền là phương tiện chủ yếu. Thuyền do các hoàng tử, công chúa tự đóng mới từ nguồn tiền lương bổng được triều đình cấp hàng năm hoặc được nhà vua ưu ái ban tặng. Đơn cử vào năm 1840, vua Minh Mạng đã “*ban thuyền Lê có mũi cho các hoàng tử: Tùng quốc công Miên Thẩm, Ninh quốc công Miên Bật, Hoà quốc công Miên Quân, Hàm Thuận công Miên Thủ, Lạc Hoá quận công Miên Vũ, mỗi người một chiếc, để dùng trong khi đi theo hầu vua*” [86; V, tr. 671 - 672]. Bến phủ cũng là nơi đáp ứng nhu cầu cuộc sống sinh hoạt hằng ngày như tưới tiêu, ăn uống, tắm giặt... của những con người qua các thế hệ sinh sống trong phủ đệ và dân cư sống xung quanh khu vực tọa lạc phủ đệ.

Bình phong bắt nguồn từ các yếu tố “*triều*”, “*án*” trong phong thủy, chức năng chủ yếu là gia tăng tính bền vững của cuộc đất, ngăn chặn khí xấu và các yếu tố bất lợi xâm nhập vào phủ đệ. Ngoài ra, bình phong còn thực hiện chức năng trang trí mỹ thuật và trở thành một nhân tố không thể thiếu trong kiến trúc phủ đệ. Bình phong phủ đệ là một công trình kiến trúc mang nhiều giá trị về mặt thẩm mỹ, văn hoá nghệ thuật. Tùy theo quy mô, kiến trúc nhà chính phủ đệ mà bình phong có kích thước phù hợp, hài hòa, đúng thuật phong thủy. Tại phủ đệ Tuy Lý vương, bình phong có chiều cao 2,2m, dài 4,3m, dày 0,5m (PL 5.2, P38); còn tại phủ đệ Tùng Thiện vương, bình phong có chiều cao 2,2m, dài 3,4m, dày 0,5m. Phủ đệ có thể trùng tu, tôn tạo qua các giai đoạn khác nhau nhưng các bức bình phong hàng trăm năm tuổi đều được con cháu gìn giữ cẩn thận. Bình phong phủ đệ thường được xây dựng theo kiểu cuốn thư như phủ đệ Cẩm Xuyên quận vương, Diên Phúc trưởng công chúa, Vĩnh Tường quận vương, Hòa Thạnh vương, Ngọc Lâm công chúa; kiểu bình phong có mái như phủ đệ Thoại Thái vương, Thọ Xuân vương, Gia Hưng vương, Tuy Lý vương, Diên Khánh vương; và kiểu bình phong bằng bụi chè tàu như phủ đệ An Thường công chúa, Nghĩa Quốc công hoặc hòn non bộ thay cho bình phong như phủ đệ Ngọc Sơn công chúa.



Khảo sát 29 di sản phủ đệ vẫn còn bảo tồn được kiến trúc bình phong xưa cho thấy, các nghệ nhân tạo dựng bình phong phủ đệ với nhiều hình dáng phong phú. Biểu đồ 2.1 chỉ rõ, có 7% di sản phủ đệ làm bình phong theo kiểu chèo tàu, có 21% di sản phủ đệ xây dựng bình phong có mái, có 69 % phủ đệ xây dựng bình phong kiểu cuốn thư và có 3% bình phong theo kiểu hòn non bộ. Qua đó cho thấy, bình phong phủ đệ có nhiều hình dáng đa dạng, trong đó bình phong kiểu cuốn thư chiếm đa số.

**Biểu đồ 2.1. Hình dáng bình phong trong di sản phủ đệ**



[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Phía sau bình phong, chủ nhân phủ đệ Diên Phúc trường công chúa, Ngọc Sơn công chúa, Tương An quận vương, Vĩnh Tường quận vương thiết trí một bể cạn trước nhà chính đóng vai trò như một “*tiểu minh đường*” điều tiết vượng khí xung quanh phủ đệ. Trong bể thường tạo tác thêm hòn non bộ với nhiều kiểu dáng đẹp mắt và đầy triết lý. Bể cạn và hòn non bộ là sự kết hợp giữa nước (thủy) và đá (thạch). Có nhiều quan điểm khác nhau về chức năng của bể cạn, người thì cho rằng sự kết hợp với bình phong để cản bớt hỏa khí, “*tụ thủy, tích phúc*” cho chủ nhân phủ đệ nên cần phải xem xét vị trí đặt tại các sơn hướng Quan Phúc, Quan Quý, có người lại quan niệm là chỗ cản hỏa khí nên đương nhiên phải đặt trước nhà. Ngoài ra, non bộ còn có chức năng trang trí mỹ thuật, nghệ thuật xếp đá độc đáo, mang phong cách Huế. Thiết kế hòn non bộ với các hình tượng núi non trùng điệp, cảnh sinh hoạt con người đạt trình độ nghệ thuật cao, hàm chứa những triết lý nhân sinh quan độc đáo. Trên non bộ thường tạo tác những cảnh sắc bồng lai tiên cảnh và một số loại cây mọc trên đá, trên nước như bồ đề, sanh, sen, súng... cũng được chủ nhân phủ đệ trồng xen vào tạo nên những cảnh trí sinh động. Bên trong bể cạn là những đàn cá bơi lội, ẩn hiện sinh động dưới cánh bèo, lá súng. Điều này đã tạo ra một không gian thư giãn, nghỉ ngơi giải trí cho những con người sống trong phủ đệ.

Theo quan niệm kiến trúc phương Đông, vườn là “*một không gian kiến trúc dựa vào hình thể thiên nhiên để tạo nên không gian trữ tình có sự kết hợp giữa các yếu tố tự nhiên và kiến trúc, đặc biệt khai thác triệt để các yếu tố sông hồ, núi đồi, cây xanh và hoa trái, khai thác triệt để các yếu tố về đá, nước và cây*” [42, tr. 17]. Do vậy, cây cối, hoa cỏ (Mộc 木) luôn được các ông hoàng bà chúa quan tâm trồng mới, cải tạo và



chăm sóc. Kiến trúc phủ đệ đều được đặt trong những khu vườn tự nhiên thể hiện rõ lối kiến trúc cảnh vật hóa hướng đến sự trung hòa giữa âm và dương, giữa đất và trời, giữa tạo hóa và con người. Vườn hợp thể với kiến trúc, che bớt những đường nét khô cứng, hạn chế của công trình, tạo ra sự hòa hợp với cảnh quan kiến trúc phủ đệ. Đó là những góc nhìn từ các ô cửa nhà chính mở ra sân vườn phủ, mảng cây xanh kết hợp các trang trí được chạm khắc tinh xảo trên những cấu kiện kiến trúc nhà rường.

Cảnh quan phủ đệ là một yếu tố thẩm mỹ quan trọng: Vườn trước trồng cây cau như phủ đệ Tuy Lý vương, Ngọc Sơn công chúa. Cây cau vừa có giá trị thẩm mỹ về cảnh quan, vừa lấy bóng mát về mùa hè, tán cây cau có tác dụng ô che nắng nhưng vẫn cho gió hướng Nam thổi vào trong nhà chính ở phía phần thân gỗ của cây cau. Phía sau nhà chính (là hướng Bắc), là hướng gió lạnh về mùa đông, nên được trồng cây chuối có lá to bản, cây lại thấp nên có thể che bớt gió lạnh. “*Chuối sau, Cau trước*” là câu lưu truyền nhắc nhở các thế hệ sau này sống trong phủ đệ phải lưu tâm đến tổ chức cảnh quan phủ đệ và sống hài hòa với thiên nhiên<sup>20</sup> (PL 8.12, tr. P61).

Trong khuôn viên phủ đệ, việc sử dụng cây xanh rất quan trọng để điều tiết luồng khí, ứng phó với các tác hại từ bên ngoài, nâng cao tính thẩm mỹ, thúc đẩy sinh khí hưng vượng của không gian sống, cải thiện môi trường tự nhiên. Khu vườn phủ được quy hoạch thiết kế trong những khoảng không gian khá khiêm tốn, ít phô bày. Mỗi bụi cây, khóm hoa, cây trồng, đều được chủ nhân phủ đệ cân nhắc lựa chọn một cách tỉ mỉ, hợp lý về phương vị, màu sắc, hình thành nên các cảnh quan thiên nhiên thu nhỏ, nuôi dưỡng lại những loại cây có sẵn. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông nhận xét: *Vườn Huế điển hình của một loại không gian quy phạm trong hoang dã*” [107, tr. 85]. Vườn phủ đệ là bộ sưu tập các loài thực vật, có hệ cây ăn quả, có hệ cây hoa, có hệ cây thuốc từ khắp các vùng miền trong cả nước đưa về. Chủ nhân phủ đệ “*luôn coi đây là nơi gửi gắm tình cảm, tâm hồn, là người bạn tâm giao, là vật lưu truyền cho các thế hệ mai sau*” [96, tr. 30]. Đất đai xung quanh phủ đệ cũng thường trồng các loại cây to, cổ thụ như vải, nhãn, mít, măng cụt... nhằm về sau này nếu nhà chính phủ đệ có hư hỏng thì có sẵn gỗ để thay thế, ngoài ra còn tạo bóng mát làm nơi thư giãn, nghỉ ngơi và đặc biệt còn được xem là mốc giới tự nhiên nhằm phân định ranh giới đất đai của phủ đệ so với đất đai của các hộ dân sống xung quanh. Khi có một thành viên sống trong phủ đệ qua đời thì cây xanh trong vườn phủ cũng được đeo tang để thể hiện cây cối trong vườn cũng đau buồn mà để tang.

Đất vườn phủ đệ thường do vua ban và đặt tên như: Vĩnh Âm viên của Diên Phúc trưởng công chúa, Ký Thường viên của Tùng Thiện vương, Tĩnh Phổ viên của Tuy Lý vương, Túc Ung viên của Quy Đức công chúa, Đông Trì viên của Thọ Xuân vương, Tĩnh Cơ viên của Quảng Trạch quận công. Đạm Phương nữ sĩ đã miêu tả lại

---

<sup>20</sup> Các cụ cao niên sống trong phủ đệ cho biết, nhìn tán lá cây cau trồng như cái lọng. Phủ đệ là không gian sống của các ông hoàng bà chúa, lọng được dùng khi các vị ấy di chuyển. Đồng thời, lọng dùng để che các mâm bần lễ vật quý khi đưa rước. Hai hàng chèo tàu được cất tia trom tất ở phía dưới, hai hàng cau ngay hàng thẳng lối với vòm lá trông như hai hàng lọng ở phía trên, lối vào của một khu vườn phủ vừa biểu tượng niềm hy vọng về một cuộc sống hạnh phúc trong vinh hoa phú quý, vừa để che nắng cho người đi.

thời hoàng kim của phủ đệ Quy Đức công chúa nằm trong Túc Ung viên<sup>21</sup> như sau: “Túc Ung viên ngày trước trù mật biết bao, lệ chi trồng đủ các giống, những ba mươi sáu cây, hai hàng đứng ngoài trường lang, đến mùa đơm bông kết trái, lục trữu hồng sây, đầy vườn chói lói, còn trong bao lan thì bích đào, dạ hợp, lục ngạc, tỳ bà, các thứ kỳ hoa dị thảo, chẳng thiếu thức chi” [75, tr. 208]. Ngoài ra cũng có trường hợp các hoàng tử, công chúa tự bỏ tiền lương bổng của mình để mua thêm đất vườn để mở rộng không gian phủ đệ như phủ Phong Quốc công.

### 2.2.3. Về kiến trúc

Trên bình đồ kiến trúc, dựa vào sự bố trí của các công trình chính, chúng ta thấy phủ đệ triều Nguyễn chủ yếu có 2 kiểu kiến trúc phổ biến, đó là kiểu chữ “*Nhất*” (一) như phủ đệ Diên Khánh vương, Kiên Thái vương, Ngọc Sơn công chúa, kiểu chữ “*nhị*” (二) như phủ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương. Phủ đệ thường có các thành phần kiến trúc cơ bản gồm bốn phủ, cổng phủ, la thành, bình phong, bể cạn, hòn non bộ, nhà chính, nhà phụ và được bố cục theo nguyên tắc đơn tuyến. Từ ngoài vào trong các đơn nguyên kiến trúc theo thứ tự là cổng phủ, đến tám bình phong, đi qua một khoảng sân rộng mới vào công trình chính của phủ đệ. Tất cả đều nằm trên trục đứng đạo tạo thành một chiều sâu không gian và như vậy càng tăng thêm vẻ uy nghiêm của phủ đệ.

Từ ngoài đi vào phủ đệ là cổng ngõ. Chủ nhân phủ đệ rất coi trọng yếu tố phong thủy khi xây dựng cổng phủ, dù quy mô lớn hay nhỏ, thì việc mở cửa phủ rộng hẹp hay làm cổng hoặc cửa như thế nào, vị trí nên đặt ở đâu, cũng là điều hết sức hệ trọng. Họ quan niệm cổng phủ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự hưng thịnh, tồn vong của những con người sống trong phủ đệ. Mỗi cổng phủ đều có một kiểu thức riêng để biểu hiện danh phận, vị trí xã hội, tính cách và tâm hồn của chủ nhân phủ đệ. Cùng với tổng thể cấu trúc phủ đệ, cổng phủ đã tạo nên một không gian văn hóa có tính nghệ thuật, thẩm mỹ hài hòa và thống nhất. Hầu hết, cổng phủ bố trí ở vị trí trung tâm mặt chính diện như phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Thọ Xuân vương, Thoại Thái vương, Kiên Thái vương, Diên Phúc trường công chúa, đôi khi cũng bố trí lệch về một bên như phủ đệ Cẩm Xuyên quận vương, Ngọc Sơn công chúa. Một số phủ đệ mà chủ nhân có chức tước và uy quyền lớn trong triều đình mới được phép xây dựng cổng phủ theo kiểu tam quan với phần trán cửa nhô cao giả cổ lâu, trang trí nghệ thuật khảm sành sứ rất công phu, tinh tế như phủ đệ Tuy Lý vương, Thọ Xuân vương, Kiên Thái vương, Thoại Thái vương, Gia Hưng vương. Cổng phủ đệ còn bố trí một cổng chính ở mặt trước và hai cổng phụ ở hai bên như phủ đệ Tùng Thiện vương, Mỹ Hóa công. Nhưng cũng có cổng phủ được làm theo lối cửa “*vòm nguyệt môn*” như phủ đệ Hòa Thành vương, An Thành vương, Vĩnh Tường quận vương, Phong Quốc công, Cẩm Xuyên quận vương, An Hóa quận vương, Ngọc Lâm công chúa. Thậm chí có một số cổng phủ chỉ là hai cột trụ bằng gạch, trên gắn đôi búp sen hoặc cặp lân gốm như phủ Ngọc Sơn công chúa, Cẩm Giang quận công, Tuy An quận công. Các cổng phủ đệ phần lớn xây bằng gạch và vữa vôi. Một số ít được làm bằng gỗ, hay kết hợp cả gỗ và gạch, ngói, thường được tạo dáng độc

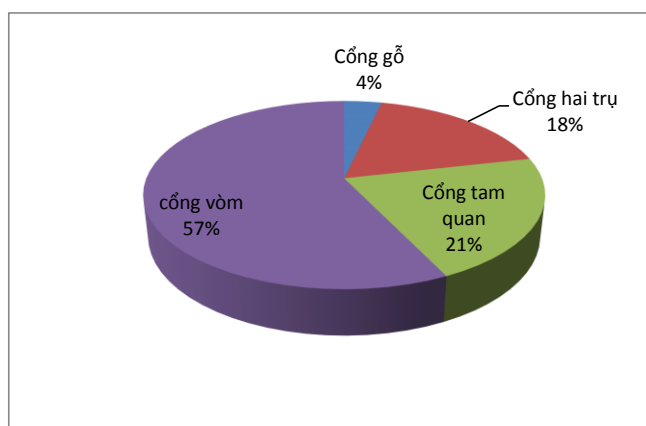
<sup>21</sup> Túc: Kính trọng; Ung: Hòa thuận. Túc Ung viên là vườn của công chúa Quy Đức nói lên sự hòa thuận kính trọng lẫn nhau giữa Quy Đức công chúa và phò mã Phạm Đăng Thuật.

đảo, hình thức trang nhã như phủ An Thường công chúa. Trên cửa chính viết tên gọi của vương phủ, công phủ của hoàng tử hay đệ trạch của công chúa như “*Gia Hưng công phủ*” (嘉興公府), “*Ngọc Lâm công chúa đệ*” (玉林公主第); tả hữu cổng phủ đệ thường ghi hai câu đối bằng chữ Hán nhằm thể hiện thái độ, quan điểm sống, hành trạng của chủ nhân hoặc mô tả về vị trí tọa lạc phủ đệ có phong cảnh hữu tình. Thông thường, cổng ngõ là công đoạn cuối cùng trong quy trình xây dựng phủ đệ. Vì thế đây là nơi chủ nhân phủ đệ tập trung nhiều tâm sức để thể hiện tâm nguyện của mình.

Cổng phủ đệ Tuy Lý vương xây dựng theo kiểu tam quan giả cổ lâu có chiều cao 6,5m rộng 8,04m dày 1,2m. Cổng chia thành ba lối đi, lối giữa cao 2,45m, rộng 1,64m, hai lối hai bên mỗi lối rộng 1,35m cao 2,24m. Lối giữa cổng phủ luôn đóng kín bằng cửa gỗ, chỉ mở cửa vào những ngày lễ tết, húy kỵ quan trọng trong năm. Trên cổng chính có đề các dòng chữ Hán: “*Tuy Lý vương từ môn*” (綏理王祠門), “*Hiếu trung ích mậu*” - 孝忠益茂 (Trung hiếu dồi dào) “*Văn chất kiêm ưu*” - 文質兼優 (Văn chất đều tốt). Cổng được xây bằng gạch, vôi vữa, kết hợp với nghệ thuật trang trí khảm sành sứ dưới nhiều hình thức, chi tiết khác nhau như: Con dơi, chữ thọ, ô học trang trí, các chi tiết có dạng phù điêu áp tường, gờ chỉ. Các họa tiết trang trí này được phân bố với một mật độ khá dày đặc, nhưng hài hòa cả về màu sắc, bố cục mang đến cho cổng phủ một nét kiến trúc tráng lệ độc đáo (PL 5.1, tr. P38). Còn cổng phủ đệ An Thành vương xây dựng theo kiểu vòm nguyệt môn có chiều cao 3m, rộng 2,7m, dày 1,6m; lối vào cao 2,05m, rộng 1,35m. Trên cổng chính có đề chữ Hán: “*An Thành vương từ môn*” (安城王祠門) và trang trí biểu tượng chiếc kim khánh bằng nghệ thuật nề ngỗ.

Kết quả khảo sát 28 di sản phủ đệ vẫn còn bảo tồn được kiến trúc cổng phủ xưa (biểu đồ 2.2) cho thấy: Có 4% làm phủ đệ theo kiểu cổng gỗ, có 18% di sản phủ đệ xây dựng theo kiểu cổng hai trụ, có 21 % phủ đệ xây dựng theo kiểu cổng tam quan và có 57% phủ đệ xây dựng theo kiểu cổng vòm. Qua đó cho thấy, cổng phủ đệ có nhiều hình dáng phong phú, trong đó cổng phủ đệ kiểu vòm chiếm đa số.

**Biểu đồ 2.2. Hình dáng cổng trong di sản phủ đệ**



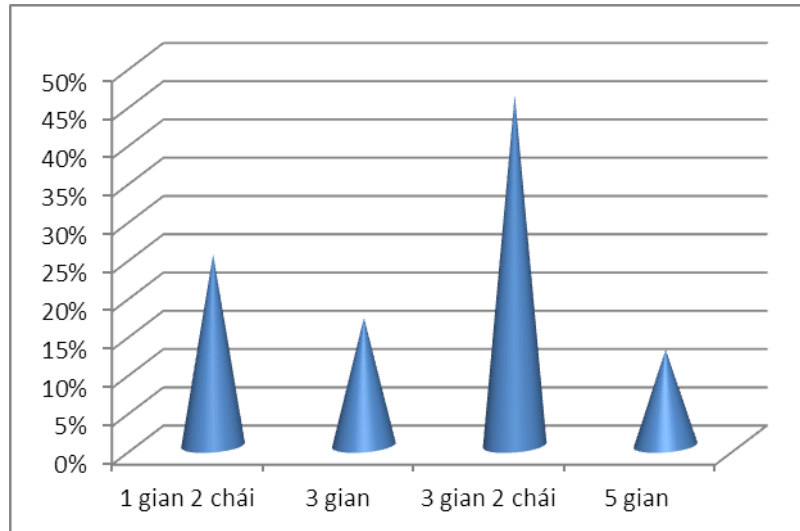
[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Hầu hết các phủ đệ đều có xây dựng la thành bao quanh bằng gạch đá nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của người lạ từ bên ngoài vào, đồng thời thể hiện sự vương giả, vị thế xã hội cao quý của chủ nhân phủ đệ. La thành đều dùng đá gan gà (còn gọi đá núi, đá tím, đá bột kết...) để xếp theo kỹ thuật xếp đá khan không sử dụng vữa kết dính như phủ đệ Vĩnh Tường quận vương, Hoài Đức quận vương, An Thành vương. Đá gan gà có rất nhiều ở vùng đồi núi phía Tây Kinh thành Huế và khai thác dễ dàng. Bên cạnh đó, một số phủ đệ dùng gạch vồ có trát vôi vữa để xây dựng la thành như phủ đệ Diên Phúc trường công chúa, An Hóa quận vương, Hoàng Hóa quận vương, Mỹ Hóa công. Thời vua Khải Định (1885 - 1925), triều đình bắt đầu sử dụng các loại vật liệu mới nhập khẩu (xi măng) để xây dựng, tu bổ la thành tại các phủ đệ tuy nhiên vẫn còn ở quy mô nhỏ do không đủ điều kiện. Ngoài ra, cũng có phủ đệ không xây dựng la thành mà thay vào đó là cây chè tàu và xen giữa dâm bụi được chủ nhân phủ đệ dùng làm hàng rào. Đây được ví như một loại thành xây bằng lá xanh nhằm phân định mốc ranh giới và điểm tô cho mảng xanh của phủ đệ như phủ đệ Ngọc Sơn công chúa, An Thường công chúa.

Phủ đệ là sự phát triển về quy mô, kết cấu kiến trúc và cầu kỳ hơn về nghệ thuật trang trí từ ngôi nhà rường dân gian truyền thống Huế. Nhà chính là tòa kiến trúc nhà rường đặt ở vị trí trung tâm của khu đất và nằm trên trục dũng đạo (trục chính) với mặt bằng tổng thể phủ đệ bố trí theo trục, xưa là nơi ở, nay trở thành nơi thờ tự chủ nhân đã kiến tạo phủ đệ đã qua đời. Quy mô khối tích của nó lớn nhất và tập trung mọi tinh hoa kiến trúc, nghệ thuật trang trí so với các khối còn lại. Nhà chính phủ đệ thường có kiến trúc 1 gian 2 chái, 3 gian 2 chái và 5 gian 2 chái. Vì tránh mưa bão ở Huế nên nhà chính phủ đệ thường được thiết kế nhà rường không cao và cũng để không vượt quá chiều cao của Hiểu Lâm Các - kiến trúc cao nhất trong Đại Nội. Một số phủ đệ có kết cấu kiến trúc gồm hai tòa nhà chính, một tòa nhà thờ Đức ông và một tòa nhà thờ Đức từ. Hiện nay, chúng ta chỉ còn trông thấy trong khuôn viên của phủ Tùng Thiện vương có ngôi nhà rường thờ Đức từ Thực tần Nguyễn Thị Bảo, thân mẫu Tùng Thiện vương hoặc trong phủ Tuy Lý vương có nhà rường thờ Đức từ Tiệp dư Lê Thị Ái, thân mẫu Tuy Lý vương. Có lẽ qua biết bao biến cố của lịch sử, kiến trúc nhà rường thờ thân mẫu của các vị hoàng tử khác đã được hạ giải do bị xuống cấp nghiêm trọng và đưa vào phối thờ trong tòa chính đường phủ đệ.

Tiến hành khảo sát 24 di sản phủ đệ vẫn còn bảo tồn được kiến trúc nhà rường truyền thống (biểu đồ 2.3), kết quả thu được như sau: Có 25% di sản phủ đệ còn giữ được kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, có 17% di sản phủ đệ còn giữ được kiến trúc nhà rường 3 gian, có 46% di sản phủ đệ còn giữ được kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái và có 13% di sản phủ đệ còn giữ được kiến trúc nhà rường 5 gian. Như vậy, phủ đệ có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái chiếm ưu thế, còn nhà rường kiểu 5 gian có xu hướng giảm dần. Các phủ đệ có kiến trúc 1 gian 2 chái như phủ đệ Tùng Thiện vương, Cẩm Xuyên quận vương, Nghĩa Quốc công, Ngọc Cơ công chúa; phủ đệ có kiến trúc 3 gian 2 chái như Tuy Lý vương, Tuy An quận công, An Thường công chúa; phủ đệ có kiến trúc 5 gian như phủ đệ Thoại Thái vương, Phú Mỹ công chúa.

**Biểu đồ 2.3. Kiến trúc nhà chính trong di sản phủ đệ**



[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Ngoài nhà chính, do phủ đệ là nơi sinh sống của nhiều người nên còn có xây thêm nhà phụ, nhà bếp... như phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Thoại Thái vương, Diên Khánh vương, Ngọc Sơn công chúa. Đó là những không gian dành cho sinh hoạt hàng ngày, nơi ăn ngủ của con cháu, gia nhân tùy tùng, nơi tiếp bạn bè, tổ chức sinh hoạt văn hóa nghệ thuật và chuẩn bị lễ vật cúng tế vào những ngày tổ chức lễ húy kỵ tại phủ đệ, ngoài ra nơi đây cũng được dùng làm kho lưu trữ lương thực, thực phẩm. Quy mô, cấu trúc nhà phụ thường nhỏ hơn nhà chính, nền nhà phụ thường thấp hơn nền nhà chính, chiều cao mái cũng thấp hơn, mái lợp ngói liệt và nguyên vật liệu được sử dụng để xây dựng cũng thường đơn giản ít cầu kỳ.

Ảnh hưởng sâu sắc quan niệm “*sinh kí tử quy*” (sống gửi, thác về), các hoàng tử, công chúa cũng hết sức quan tâm đến việc xây dựng viên tẩm - ngôi nhà ở thế giới bên kia của họ. Viên tẩm quy hoạch xây dựng tọa lạc ở vị trí rất lý tưởng và hoàn toàn đảm bảo thực hiện các quy tắc về phong thủy địa lý. Quy thức xây dựng tuân thủ điển lệ của triều Nguyễn về xây dựng viên tẩm cho thân vương, thân công, công chúa. Chúng ta có thể thấy rõ điều này qua những đặc điểm chung: Các viên tẩm đều nằm trên vùng đất cao, trước mặt đều có khe suối, dòng sông hoặc đồng ruộng làm “*tụ thủy*”. Hầu hết các viên tẩm nằm về phía Tây Nam của Kinh thành Huế như viên tẩm Diên Khánh vương, Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Thọ Xuân vương, Kiên Thái vương nhưng cũng có trường hợp nằm trong khuôn viên phủ đệ của các hoàng tử, công chúa ấy như trường hợp phủ đệ Tuy An quận công, Tương An quận vương<sup>22</sup>. Một số viên tẩm còn tọa lạc ở vị trí cách Kinh thành Huế khá xa như viên tẩm Thoại Thái vương<sup>23</sup>. Điều này chứng tỏ người xưa đã bỏ rất nhiều công sức cho việc tìm kiếm mảnh đất làm “*Sinh phần*” cho các ông hoàng, bà chúa. Hướng của các viên tẩm rất phong phú chứ không chỉ tuân theo nguyên tắc “*Nam diện*” (xoay mặt về hướng Nam) của hầu hết các công trình kiến trúc cung đình Huế. Đây là điều hết sức lý thú đối với

<sup>22</sup> Đặc biệt trong khuôn viên phủ đệ Tương An quận vương có viên tẩm mẹ ông là An Tàn Hồ Thị Tuy, viên tẩm chị gái là Phong Hòa công chúa và viên tẩm em trai là Nghĩa Quốc công, ngoài ra còn có rất nhiều ngôi mộ của các hậu duệ ngài Tương An quận vương được chôn cất tại đây.

<sup>23</sup> Viên tẩm Thoại Thái vương nay tọa lạc ở làng Long Khê, phường Hương Vân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

những ai muốn tìm hiểu phong thủy lăng mộ hoàng gia triều Nguyễn. Về quy mô, kiểu thức xây dựng viên tẩm các hoàng tử, công chúa đa số đều có hai vòng thành hình chữ nhật bao bọc, vòng ngoài xây bằng đá bazan nhưng phần mũ thành xây bằng gạch vồ, vòng trong xây hoàn toàn bằng gạch. Chiều cao của các vòng thành tương ứng đều như nhau. Phần mộ đều xây thấp, phẳng với 2 tầng, xây theo lối giạt cấp. Trước mộ có hương án, sau công có bình phong trang trí long mã. Tuy nhiên cũng có một số trường hợp phần mộ không xây thấp, phẳng với 2 tầng theo lối giạt cấp mà xây theo kiểu hình dáng một ngôi nhà rường như viên tẩm Diên Khánh vương, Tuy An quận công hoặc viên tẩm Tùng Thiện vương xây theo kiểu mộ nắm đất cao có vòng thành bao quanh.

Trong khuôn viên một số phủ đệ còn xây dựng chùa để thờ Phật. Cụ thể, phủ Tuy Lý vương có xây dựng chùa Phước Huệ, phủ Hoằng Hóa quận vương có xây dựng chùa Diệu Hỷ, phủ Phúc Long công có xây dựng chùa Phúc Hưng, phủ An Xuyên vương có xây dựng chùa Diên Thọ<sup>24</sup>. Tiền thân của chùa Phước Huệ là một thảo am của bà Tiệp dư Lê Thị Ái an trú tụng kinh niệm Phật. Đến năm Đinh Hợi (1887), Tuy Lý vương xây dựng lại với quy mô lớn, đặt tên là chùa Phước Huệ và mời hòa thượng Chơn Tâm<sup>25</sup> về trú trì. Cũng trong năm này, vua Đồng Khánh ban cho chùa một bức hoành phi đề chữ “*Sắc tứ Phước Huệ tự*” (敕賜福慧寺)<sup>26</sup>.

#### 2.2.4. Về kết cấu

Cấu trúc khung nhà trong các phủ đệ triều Nguyễn là một kiểu kiến trúc dân dụng truyền thống phổ biến và có sự phát triển về quy mô, kết cấu kiến trúc, tác giả Chu Sơn khẳng định “*Vua chúa ở nhà rường. Hoàng thân quốc thích ở nhà rường. Quan lại ở nhà rường. Người giàu ở nhà rường. Phật Thánh ở nhà rường. Ma quỷ cũng ở nhà rường. Ông bà tổ tiên ở nhà rường. Con cháu cũng ở nhà rường. Nhà rường vẫn là đặc trưng của kiến trúc, văn hoá Huế một thời xưa cũ*” [94, tr. 256]. Thêm vào đó, xét ở khía cạnh nghệ thuật kiến trúc, chúng ta thấy các kiến trúc phủ đệ và nhà ở dân gian xứ Huế đều có sự kế thừa và tương tác qua lại rõ rệt. Kiến trúc phủ đệ về căn bản là sự biến tấu, ghép nối từ các đơn nguyên kết cấu dân gian để có được không gian rộng hơn phù hợp với chức năng sử dụng của tầng lớp hoàng thân quốc thích. Thủ pháp kỹ thuật ghép nối các khối kiến trúc bằng trần thừa lưu là nét sáng tạo riêng có mang giá trị thực dụng cao của thợ mộc xứ Huế nhằm giúp có được những không gian nội thất sâu rộng thâm nghiêm hơn. Nhà chính phủ đệ nhìn chung có kích thước phù hợp tầm vóc con người và hài hòa với cảnh quan thiên nhiên xung quanh. Để tạo dựng một ngôi nhà chính trong phủ đệ, các nghệ nhân tài danh phải xác định được điểm trung tâm (gọi là Giáp Chuông). Đó là điểm giao nhau giữa hai trục trung tâm của nhà: Trục Bắc - Nam và trục Đông - Tây. Từ đây, họ tính ra các phía Nam (trước), Bắc (sau), tả (trái - Đông), hữu (phải - Tây). Các cấu kiện thuộc bộ giàn trờ bao gồm cột, kèo, xuyên, trên, xà đều được định vị theo nguyên tắc này. Sử dụng

<sup>24</sup> Phủ đệ của các vị hoàng tử được kế vị ngai vàng thường chuyển thành chùa thờ Phật như phủ hoàng tử Nguyễn Phúc Đàm (vua Minh Mạng) xây dựng thành chùa Giác Hoàng vào năm 1839, phủ Trường Khánh công Miên Tông (vua Thiệu Trị) xây dựng thành chùa Diệu Đế vào năm 1844. Vua Thiệu Trị xây dựng chùa Diệu Đế với mong muốn “*vua quan ngày ngày chiêm ngưỡng, càng tăng thêm màu sắc tươi thắm của chốn phồn hoa; xe qua thuyền ghé tấp nập, chen nhau như gấm dệt; mục đích vẫn thức tỉnh những tâm hồn hiếu lợi mê hoặc, vẫn lấy điều thiện làm căn bản*” [43, tr.67].

<sup>25</sup> Hòa thượng Chơn Tâm (1869 - 1895) thế danh Ứng Đổ. Thân phụ là ông Huỳnh Dực và thân mẫu là bà Võ Thị Quý. Ngài là cháu nội của Tuy Lý vương Miên Trinh.

<sup>26</sup> Chùa sắc tứ là ngôi chùa được các vị vua triều Nguyễn ban sắc chỉ chấp nhận chính thức và có tên trong danh sách của Bộ Lễ.

nguyên tắc đối xứng qua trục: Cột, gian nhà, bộ cửa và điều khắc có tính lặp lại và đồng dạng đăng đối qua trục.

Kiến trúc nhà chính được tạo thành từ hệ thống cột và các bộ phận liên kết cột hết sức phức tạp. Cách thức liên kết nhờ vào hệ thống mộng và các con nêm tạo thành bộ khung gỗ vững chắc với tổ hợp các cấu kiện cột - kèo - xuyên - trên - xà - đòn tay, phòng chống được với gió bão, mưa dầm của thời tiết xứ Huế. Hệ cột cao, tròn đều, thanh mảnh, thường được trau chuốt, dáng thượng thu hạ thách, các cột cái được nâng cao hơn bởi các bệ đá thanh. Đây là bộ phận chịu lực chủ yếu gánh lấy toàn bộ sức nặng của ngôi nhà và đè lên hệ thống các chân tảng được chạm khắc hoa văn. Tường được xây bằng gạch, bao quanh ba mặt nhà chính. Tường gạch bên ngoài không phải là cơ sở chịu lực mà chỉ có tác dụng nhằm ngăn che mưa nắng và tạo ra cho nhà chính có một không gian kín đáo. Bộ khung gỗ được đặt trên nền đất cao để chống ẩm thấp. Bộ khung nhà làm bằng gỗ kiên kiên hoặc mít nài, hệ thống liên ba, kèo hiên, đồ bản đều được trang trí tinh xảo bằng kỹ thuật chạm khắc gỗ theo các mô típ truyền thống, thậm chí có chạm khắc các thơ văn chữ Hán do chính chủ nhân phủ đệ sáng tác. Diên hình chúng ta còn trông thấy nhiều bài thơ chữ Hán được chạm khắc tinh xảo trên liên ba nội thất phủ đệ Thọ Xuân vương, Tuy Lý vương, Tùng Thiện vương, Thoại Thái vương<sup>27</sup>.

Sự liên kết giữa các bộ vì kèo tạo thành các gian chính của một ngôi nhà rường. Chái của kiến trúc phủ đệ thường là chái kép, tức có hai hàng cột ngoài cùng, gồm bốn cột đâm và bốn cột quyết. Cột quyết đứng ở vị trí các góc nhà, còn cột đâm nằm cùng hàng với cột cái theo chiều dọc, tất cả chúng đều được liên kết với cột cái thông qua các kèo đâm và kèo quyết. Ngoài ba gian nhà chính còn có thêm một hàng hiên phía trước dài suốt các gian, là khoảng đệm từ sân lên nhà chính tạo nên một không gian chuyển tiếp đa chức năng rất cơ động, phù hợp với thời tiết xứ Huế, có chức năng ngăn gió lạnh về mùa đông và bức xạ nhiệt về mùa hè.

Nền nhà thường được xử lý kỹ lưỡng bằng đất trộn vôi và tro đầm chặt thành nhiều lớp để chống ẩm mốc. Vía hè được bó bằng đá thanh, lát nền gạch Bát Tràng hoặc gạch hoa trắng men nhập khẩu từ Pháp như phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Thoại Thái vương, Gia Hưng vương, Ngọc Sơn công chúa, cung An Định.

Bộ mái nhà có vị trí quan trọng trên mặt chính và tổng thể kiến trúc. Hệ mái thường có 4 mái, gồm 2 mái chính trước, sau và 2 mái phụ của 2 chái ở hai đầu hồi. Tất cả những nơi gặp nhau giữa các mái đều được đắp cao bằng vôi vữa tạo thành các đường bờ nóc, tức gờ nổi 2 mái chính chạy dọc theo đòn dông và bờ dải, là những đường gờ nổi giữa 2 mái chính với 2 mái phụ. Mái thường chiếm quá nửa chiều cao nhà, che bớt một phần cột, tạo sự vững chãi, bám chắc vào nền nhà. Mái được lợp bằng ngói liệt gồm hai lớp, lớp trên có hai móc nhỏ gắn với đầu mép dưới để móc vào nền mái cho chắc. Giữa hai lớp ngói có lớp đệm trung gian bằng vôi hồ tạo độ kết dính, đồng thời chống nóng tốt cho ngôi nhà. Mái lợp kiểu này thích ứng với thời tiết khắc nghiệt, chống

<sup>27</sup> Trên liên ba nội thất phủ Thọ Xuân vương có trang trí bài thơ *Hữu đề Ái Phương viên* (Đề vườn Ái Phương) nằm trong tác phẩm *Tĩnh Minh Ái Phương thi tập* của Thọ Xuân vương, một trong những bài thơ còn sót lại trong tập thơ của ông, nội dung áng thơ mang đậm cảm nhận vui thú điền viên tiêu dao sơn thủy.

gió bão, mưa dầm và áp thấp nhiệt đới vùng thời tiết xứ Huế. Điểm đặc sắc ở bộ mái là tạo độ hơi cong ở các bờ nóc do trang trí tạo thành và đặc biệt có sự xử lý tinh tế giữa khối tích bộ mái với loại hình, kích thước trang trí.

Hệ thống cửa đi, cửa sổ các loại có kích thước và cách bố trí khác nhau. Các nghệ nhân làm nhà rất coi trọng kích thước (thông thủy) của chiều cao và chiều rộng cửa. Họ dùng thước Lỗ Ban đã được vua Gia Long sửa đổi để ấn định kích thước cửa khi làm nhà chính phủ đệ. Thời tiết Huế chỉ có hai mùa mưa và mùa nắng nên tạo sự thông thoáng và chống nóng về mùa hè và kín để chống gió lạnh về mùa đông. Cửa tránh mở hướng Bắc. Không bố trí cửa thẳng nhau để tránh gió lùa về mùa đông. Phía trước cửa sổ thường có cây xanh để tránh nắng, làm mát không khí, giới hạn tầm nhìn từ bên ngoài. Các gian phủ đệ có một bộ cửa, gọi là cửa bản khoa hay còn gọi là cửa thượng song hạ bản, cấu trúc cửa được chia thành năm phần: Dưới cùng là một bản nhỏ nằm ngang, tiếp đến là bản lớn dựng đứng, tiếp là một bản nhỏ nằm ngang, tiếp đến là phần song cửa và cuối cùng lại là một bản nhỏ nằm ngang ở trên cùng của cửa. Cửa bản khoa là một loại cửa đặc trưng của nhà rường truyền thống Huế, cửa được gắn bằng hai chốt trên và dưới với xà trên và xà dưới của khung cửa, không dùng lề cửa chỉ cần đẩy qua lại chốt gỗ được đặt ở xà trên, khi phủ đệ có tổ chức lễ cúng tế thì có thể tháo rời từng cánh một cách dễ dàng. Mỗi gian thường được bố trí từ năm đến sáu cánh, như vậy nhà chính 3 gian thường có từ mười lăm đến mười tám cánh cửa bản khoa, dựng trong phạm vi bốn cây cột lòng ba.

Vật liệu làm phủ đệ triều Nguyễn có nguồn gốc tự nhiên sẵn có ở địa phương. Gỗ mít thường là loại gỗ làm khung nhà rường được ưa chuộng nhất, rồi đến các loại gỗ lim, kiền, gõ... Màu sắc tự thân của bề mặt vật liệu với gam nóng ấm, có độ sáng phản xạ ánh nắng và ít hút nhiệt. Sống trong không gian phủ đệ tuy kín đáo nhưng không ngột ngạt, thấp mà không ẩm, ngôi nhà giao hòa với thiên nhiên cây xanh một cách sinh động, khiêm nhường ẩn mình trong nền cảnh của thiên nhiên đầy hoa lá.

Điển hình kiến trúc phủ Tùng Thiện vương tạo dựng theo kiểu nhà rường 1 gian 2 chái. Nhà rường nằm trên nền cao 0,3m, với diện tích có chiều dài 11m rộng 10m. Phía trước có hệ thống cửa bản khoa và 2 cửa lá sách, 3 phía còn lại xây tường gạch, mái lợp ngói liệt. Khung nhà rường gồm 4 cột cái và 12 cột biên. Bốn cột cái mỗi cột cao 4,5m, 12 cột biên mỗi cột cao 2,4m, 4 cột hiên mỗi cột cao 1,7m. Còn kiến trúc phủ Tuy Lý vương dựng theo kiểu “trùng thiềm điệp ốc” gồm hai khối nhà: Khối tiền đường ở phía trước và khối chính điện ở phía sau (Bản vẽ 2.2). Chính điện và tiền đường được liên kết với nhau bằng “vì vò cua”<sup>28</sup> thường thấy ở các cung điện triều Nguyễn. Mặt bằng có 32 cột gỗ, được chia làm 4 vì kèo, tạo thành tòa nhà rường 3 gian 2 chái, có chiều dài 14,84m rộng 21,52m cao 6,43m. Tiền đường gồm nhà rường 3 gian 2 chái với 8 cột cái mỗi cột cao 2,6m, 4 cột quân cao 2,3m, 4 cột biên cao 1,9m, cũng chia 4 vì kèo mỗi vì 3 cột tạo thành 4 cặp kèo nóc đỡ trùng lương. Chính điện

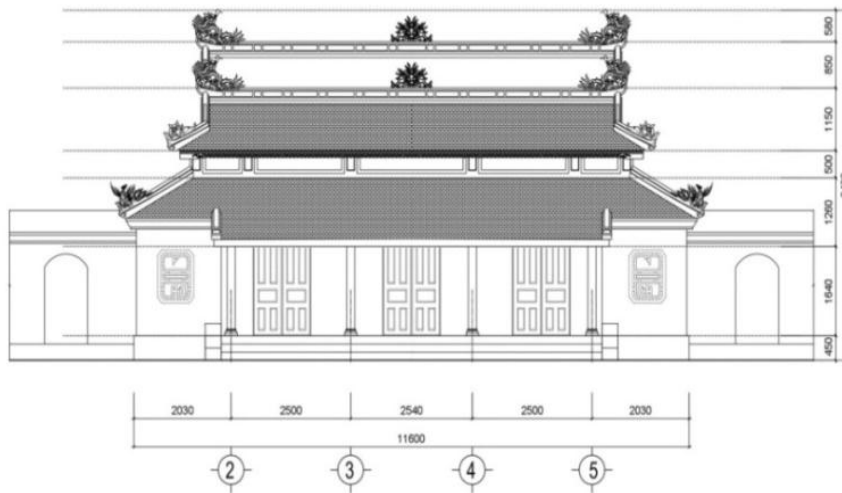
---

<sup>28</sup> “Vì vò cua” này có tác dụng làm không gian nội thất được liên tục, mở rộng diện tích sử dụng, xử lý được vấn đề cao độ không gian và thoát nước mái.



gồm nhà rường 3 gian 2 chái với 8 cột cái, mỗi cột cao 3,1m, 8 cột quân, mỗi cột cao 2,5m, 4 cột con, mỗi cột cao 1,8m và 6 cột biên, mỗi cột cao 1,7m.

**Bản vẽ 2.2. Mặt đứng phủ Tuy Lý vương**



[Nguồn: 13]

Sau khi người Pháp thiết lập quyền hành chính tại Huế thì kiến trúc phủ đệ đã đón nhận ảnh hưởng văn hóa phương Tây và kiến trúc thuộc địa. Những chủ nhân phủ đệ tiếp nhận thêm mặt tiền châu Âu nhưng bên trong vẫn là nhà rường truyền thống, bày biện thờ cúng, sinh hoạt trong nhà cũng theo lối xưa tạo nên những kiến trúc độc đáo. Phủ đệ Tuyên Hóa vương, Hoàng Hóa quận vương, Trương An quận vương, Hòa Quốc công, Ngọc Lâm công chúa, Ngọc Sơn công chúa là sự kết hợp khéo léo giữa kiến trúc cung đình Huế với sự chuyển hóa các nét kiến trúc, kỹ thuật xây dựng mới của phương Tây phù hợp với khí hậu và văn hóa bản địa, tạo nên một tổng thể cân đối, hài hòa có giá trị nghệ thuật cao. Trong tổng thể đó, đặc điểm kiến trúc truyền thống được thể hiện đậm nét ở cấu trúc và hình thức bộ mái công trình. Toàn bộ kết cấu mái được dựng bằng gỗ với hình thức hai bộ vì nóc đỡ hai mái là “*giao nguyên - trụ đội*”<sup>29</sup>, một kiểu vì nóc hay gặp ở cung điện. Bờ nóc, các bờ quyết của mái mang hình thức quen thuộc của kiến trúc cung đình Huế. Diềm mái gỗ chạm khắc hình lá đề. Trang trí chữ “*Phúc*”, “*Thọ*” cách điệu, họa tiết con dơi, đào, lựu được sử dụng trên các cột kèo, xuyên trên. Bên cạnh đó, các đặc điểm ảnh hưởng của kiến trúc thuộc địa ở đây được thể hiện ở phần chân móng công trình cao khoảng 80cm xây cuốn, trang trí ốp đá đều đặn hình lục lăng. Kết cấu công trình là sự kết hợp giữa khung cột - kèo gỗ truyền thống và tường gạch. Tường gạch bao che dày cách nhiệt tốt, trên đó cửa sổ, cửa đi sử dụng kiểu trong kính ngoài chớp, đặc trưng của các kiến trúc thuộc địa Pháp đã được thích ứng hóa thành công với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm xứ Huế. Với tỉ lệ hài hòa, chúng kết hợp hiệu quả với các chi tiết kiến trúc trang trí truyền thống. Công trình kiến trúc chính của phủ đệ Ngọc Sơn công chúa là một tòa nhà kép (dài 13,9m, rộng 13,5m): Tiền đường 3 gian có hàng cột hiên bằng gạch trát vữa, quét vôi màu vàng, với những chi tiết trang trí theo kiểu nhà châu Âu, vốn rất thịnh hành ở Huế vào hồi đầu thế kỷ XX; chính đường 3 gian 2 chái, theo đúng phong cách nhà rường truyền

<sup>29</sup> Vì giao nguyên - trụ đội: Sử dụng 2 kèo chính giao nhau ở đỉnh, 2 đầu kèo cắt nhau vượt lên trên đặt đòn dông. Dưới 2 kèo là trên nhỏ gọi là áp quả, dưới áp quả là trụ tiêu và con đội hay con tôm.

thông Huế với mái lợp ngói liệt, có đắp các chi tiết trang trí bằng vôi vữa chủ đề “*mây hóa long*”, có khung sườn bằng gỗ với bốn hàng cột mỗi chiều và những bộ vì kèo được chạm trổ tinh tế, cùng với những bức hoành phi, đôi liễn chạm khắc chữ Hán trang hoàng khắp ba gian nhà chính (PL 5.5, tr. P40).

### **2.2.5. Về nghệ thuật trang trí**

Trên bình diện thẩm mỹ, phủ đệ mang trong mình giá trị nghệ thuật cao. Nghệ thuật trang trí giữ vai trò quan trọng thể hiện địa vị quý tộc, uy quyền và tính cách của chủ nhân phủ đệ. Các mô típ trang trí trên các cấu kiện gỗ làm đẹp, tạo nét duyên dáng cho nội thất kiến trúc, tạo nên sự tinh tế, trang nhã của phủ đệ. Nếu như ở phía ngoài, chủ nhân phủ đệ tìm mọi cách để tạo ra không gian gắn chặt giữa thiên nhiên với kiến trúc bằng cách tìm kiếm, cải tạo, bố trí những gì có thể để làm tăng thêm vẻ đẹp hài hòa, gần gũi thì bên trong công trình chủ nhân phủ đệ thường tận dụng nhiều vị trí và các điểm trống của nhà chính để tạo ra không gian mỹ cảm bằng kỹ thuật chạm khắc gỗ một cách tinh xảo. Hệ trang trí ở phủ đệ khá phong phú và đa dạng với nhiều phong cách khác nhau. Đó là sự hòa hợp của tam giáo (Nho - Phật - Lão) thể hiện tư tưởng “*tam giáo đồng nguyên*”. Những dạng thức trang trí luôn xuất hiện, đan xen giữa nghệ thuật cung đình và dân gian, điều đó phản ánh triều Nguyễn đã tạo dựng được sức sống mới đầy khởi sắc về nghệ thuật trang trí truyền thống, tạo nên sự hài hòa giữa chất liệu và tôn thêm vẻ đẹp trân quý.

Một bộ khung nhà chính phủ đệ phải được nhiều nhóm thợ làm trong một thời gian khá dài mới xong. Điều này cho thấy nếp nhà không chỉ là nơi ăn chốn ở, mà còn thực sự là một không gian văn hóa, sản phẩm nghệ thuật đặc sắc. Trên toàn bộ khung gỗ chịu lực, ngoài hàng cột tròn được làm nhẵn thì mỗi bộ phận cột kèo, xà dọc, xà ngang... mỗi nơi có một cách thức trang trí riêng. Hệ thống các đòn tay, các xà ở mặt tiền, nhất là những xà và đòn tay nằm trên kèo cù được chạm trổ mặt dưới bụng nổi dài theo từng đoạn cách nhau đều đặn. Trên các kèo thượng, hạ, kèo cù, bộ phận trên không chỉ có hình dáng đẹp do được bào nhẵn, các cạnh vuông, sắc, uốn cong duyên dáng mà còn được khắc nổi những đường gờ tinh xảo. Đặc biệt, tay kèo cù bao giờ cũng được tạo dáng theo hình một con rồng biến thể gọi là con cù với dáng lượn mềm mại và những mô típ chạm khắc tỉ mỉ sắc nét. Ở các đầu trên, các đuôi kèo của các tay kèo thượng, hạ là những nơi thể hiện tập trung nhất và tuyệt vời nhất trình độ chạm trổ tinh xảo của những nghệ nhân tài danh. Bên cạnh các mảng trang trí ở các cấu kiện trong bộ khung gỗ chịu lực, các mô típ chạm gỗ phủ đệ còn tập trung thể hiện ở liên ba, đồ bản như phủ đệ An Hóa quận vương, Ngọc Sơn công chúa, An Thường công chúa. Ngoài ra, các bức hoành phi, câu đối cũng là những mảng trang trí làm cho kiến trúc phủ đệ đẹp lộng lẫy. Những đề tài chủ yếu trong trang trí kiến trúc phủ đệ gồm: Đề tài động vật (hình tượng con rồng, phượng hoàng, kỳ lân, rùa, doi, cá...), thực vật (hoa mai, lan, cúc, sen, tùng, lựu, đào, măng cầu...), tĩnh vật (cái bầu, cái quạt, thanh gươm, chiếc đàn, thảo sách, cuốn thư...), chữ Hán. Bờ nóc, bờ mái phủ đệ thường trang trí biểu tượng “*lưỡng long triều nguyệt*” được đắp nổi bằng vôi vữa, khảm sành sứ. Nghệ thuật trang trí phủ đệ thể

hiện sự đan xen, tương đồng và khác biệt trong nghệ thuật tạo hình hoa văn giữa dân gian và cung đình và những mối liên hệ, tương tác, đan xen với thẩm mỹ cung đình.

Nhiều phủ đệ như Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Thọ Xuân vương, Thoại Thái vương, An Hóa quận vương còn sử dụng nghệ thuật khảm cẩn, khảm trai, pháp lam lên các bức liên ba làm cho ngôi nhà rường trông sang trọng, quý phái. Nhiều góc ngách không ai để ý cũng có khi được chạm trổ, chạm nổi bằng những chi tiết nhỏ mà mắt thường khó thấy được. Đặc biệt, hệ thống mái hiên của phủ đệ được các nghệ nhân bậc thầy trang trí hình rồng cách điệu, hoa lá. Tất cả được thể hiện một cách khéo léo, tinh xảo. Nghệ thuật khảm sành sứ trên công phủ Tuy Lý vương, Cẩm Xuyên quận vương, Diên Phúc trưởng công chúa đã chứa đựng tính dân tộc rõ nét, đậm đà tính dân gian. Đó là những mảnh gốm sứ, mảnh chai cắt tĩa theo hình dáng và màu sắc, được gắn khảm rất tinh tế, bằng những chất kết dính (vôi hào, mật mía đường) cùng những phụ gia kết nhuyển (giấy dó, nhựa bông cẩn, dây tơ hồng). Các nghệ nhân xưa đã sử dụng kỹ thuật ghép khảm sành sứ trên chất liệu nề ngõa, tạo ra mối quan hệ khăng khít như chất kết dính, làm tăng thêm nét thẩm mỹ cho tổng thể kiến trúc phủ đệ, xóa đi giới hạn cứng nhắc, xù xì của chất liệu để làm toát lên tinh thần mềm mại, sinh động dưới mỗi mô típ trang trí. Ranh giới cung đình - dân gian trong nghệ thuật khảm sành sứ vừa mong manh, vừa ý nhị trong biểu tả và tất yếu nó phản ánh rõ nét tâm hồn, bút pháp miêu tả của những người thợ khảm tài hoa. Các chất liệu trong kỹ thuật nề ngõa, khi được kết hợp với nhiều chất liệu khác, tạo nên một bức tranh có vẻ đẹp hấp dẫn mang bản sắc Huế trong nền nghệ thuật dân tộc Việt Nam.

Các đề tài trang trí bình phong phủ đệ được thể hiện trên chất liệu nề vữa, khảm sành sứ rất tinh tế, khéo léo và luôn hàm chứa nhiều giá trị tạo hình độc đáo, đi kèm là ý nghĩa tâm linh với những biểu trưng nhất định. Người xưa tin rằng “long mã” là hóa thân của kỳ lân, một trong tứ linh (long, lân, quy, phụng), là linh vật báo hiệu điềm lành; là biểu tượng của sự thông thái, trường thọ và hạnh phúc nên hình tượng của long mã xuất hiện nhiều trong bình phong phủ đệ. Đề tài trang trí hình lân hay long mã được người nghệ nhân tài hoa luôn tạo dáng như đang chạy trên mặt nước, thể hiện biểu cảm của con vật linh. Trong cấu trúc long mã ở bình phong phủ Diên Khánh vương, Tuy Lý vương, Kiên Thái vương, Thọ Xuân vương, Mỹ Hóa công; các nhịp điệu của hình thể long mã được các nghệ nhân tính toán thật tỷ lệ sao cho khép kín mặt phẳng của bình phong và tạo được ấn tượng sinh động, phản ánh chức năng biểu tượng cho bình phong phủ đệ.

Như vậy, cho dù chịu ảnh hưởng bởi những đặc điểm lịch sử xã hội của chế độ phong kiến trọng Nho, mà các đề tài trang trí thường bị khống chế bởi những quy định của triều đình, bố cục trang trí thường đăng đối nghiêm ngặt, nặng tính kỷ cương ở phủ đệ triều Nguyễn. Tuy nhiên, các nghệ nhân tài danh đã biến sự gò bó đó thành sự phá cách đầy trí tuệ, góp phần làm phong phú trong ngôn ngữ, hình thức tạo hình thể hiện. Nghệ thuật trang trí đã làm cho những hình khối vô tri vô giác của kiến trúc phủ đệ và những mảng trang trí trở nên sinh động, đa dạng hơn, biến những đồ án trang trí tuy cùng chung một đề tài nhưng không đơn điệu, lặp lại. Sự eo hẹp của đề tài không làm

cho nghệ thuật trang trí phủ đệ trở nên nhàm chán, sự gò bó của những quy định điển chế khắt khe của triều đình không làm giảm đi tính sáng tạo của người nghệ nhân. Đó là nhờ vào tài năng và sự tìm tòi, sáng tạo các kiểu thức trang trí mới của các nghệ nhân bậc thầy đã làm phong phú những đồ án trang trí trong kiến trúc phủ đệ. Nghệ thuật trang trí phủ đệ mang giá trị về ý nghĩa văn hóa, triết học và tâm linh, là những đóng góp quan trọng để góp phần hình thành diện mạo đặc trưng của văn hóa mỹ thuật Huế.

Một số phủ đệ được xây dựng vào đầu thế kỷ XX còn thể hiện sự giao thoa của hai nền văn hóa Á - Âu biểu hiện trong kiến trúc, kỹ thuật và vật liệu xây dựng hay các yếu tố trang trí mỹ thuật cổ điển Pháp. Tuy nhiên, các mô típ trang trí kiểu châu Âu được sử dụng ở mức độ vừa phải, không quá lấn át các kiểu trang trí truyền thống. Đến thăm phủ đệ Tuyên Hóa vương, Ngọc Lâm công chúa, Ngọc Sơn công chúa, Hòa Quốc công, Tương An quận vương, cung An Định..., chúng ta có thể cảm nhận được các kiểu thức trang trí ảnh hưởng châu Âu qua các họa tiết cổ điển còn lưu lại trên nhà chính, bình phong, cổng, hệ thống ban công, cửa sổ...

### **2.2.6. Về không gian sinh hoạt và nghi lễ**

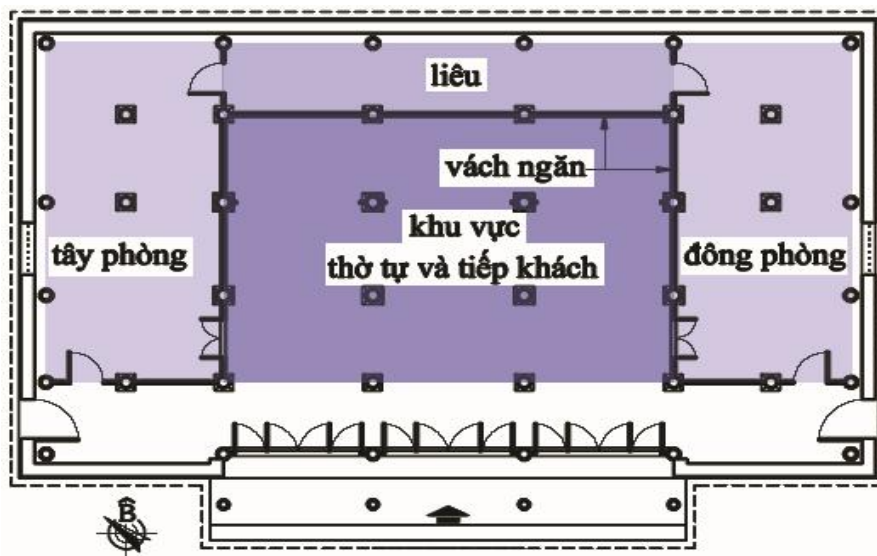
Không gian sinh hoạt và nghi lễ diễn ra chủ yếu ở nhà chính của phủ đệ. Vị trí trang trọng nhất trong không gian sinh hoạt là không gian thờ cúng, sau đó là không gian tiếp khách. Nội thất nhà chính, giữa gian giữa và 2 gian chái được ngăn cách bởi vách ngăn bằng gỗ, mặt hướng ra gian giữa được chạm khắc gỗ công phu. Phía trong cùng của gian giữa là nơi đặt khám thờ, án thờ tổ tiên. Thiết trí màu sắc, ánh sáng trong không gian tâm linh này cũng là một nghệ thuật, nó thể hiện vừa độ về ánh sáng, màu sắc thì rực ấm của các ngọn nến, các đồ tự khí sơn son thếp vàng tượng trưng cho sự thân thiện, ấm áp và linh thiêng. Không gian hai bên và phía trước của bàn thờ thường được kê sập gụ, bộ ngựa, bộ bàn ghế để chủ nhân phủ đệ ngủ, đọc sách, tiếp khách, ngâm thơ, đây cũng là nơi lễ bái và sinh hoạt chính của phủ đệ. Vì vậy, có thể xem không gian này là không gian trung tâm của phủ đệ. Phía trước bàn thờ có bức trần phong hoặc ở ngoài hiên nhà thường có bố trí tấm màn để che nắng và có chức năng tạo ra sự kín đáo, tránh người đi từ bên ngoài nhìn trực tiếp vào bàn thờ nhưng vẫn tạo được sự thông thoáng do vật liệu là tre, nứa.

Không gian thờ tự ở nhà chính luôn thiết trí án thờ ở giữa để thờ phụng mẹ các hoàng tử đã quá cố hoặc có trường hợp xây riêng một ngôi nhà trong khuôn viên phủ đệ để thờ tự hương khói như trường hợp phủ đệ Tùng Thiện vương và Tuy Lý vương. Chủ nhân phủ đệ thiết trí các không gian thờ cúng uy nghiêm trong nhà chính để bày tỏ sự tri ân với trời, Phật và tổ tiên. Họ khu trú ngôi nhà thành những không gian riêng biệt để duy trì tôn ti trật tự trong phủ đệ, răn dạy con cháu phải tuân theo luân lý “*tam cương ngũ thường*” của Nho giáo. Việc thờ phụng người đã mất vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ của thế hệ những người đang sống, thể hiện lòng thành kính, đạo lý uống nước nhớ nguồn đối với những người đã có công sinh thành và dưỡng dục mình. Học giả Léopold Cadière đã có nhận xét: “*Sự trường tồn của Tổ tiên, sự hiện diện của*

*các ngài ở giữa gia đình, không phải là một sáo ngữ, một lối nói, một cách bóng gió thị vị, mà là một thực tại sâu xa, ai ai cũng thừa nhận” [57, tr. 167].*

Không gian sinh hoạt nằm ở 3 gian chính thông nhau và hoàn toàn không có vách ngăn. Các chức năng chính diễn ra trong không gian này bao gồm: Tiếp khách, các sinh hoạt thường ngày. Không gian này là nơi có thể tổ chức họp mặt các thành viên trong phủ đệ trong những ngày húy kỵ, lễ Tết hàng năm. Không gian phía trước nhà chính được mở rộng còn phía sau nhà thường được đóng kín và nếu có mở cửa thì cũng chỉ là những ô cửa nhỏ bố trí ở hai bên của gian chính. Hai chái hai bên là hai buồng gọi là đông phòng và tây phòng, là buồng ngủ dành cho các phủ thiếp và con cái (Bản vẽ 2.3).

**Bản vẽ 2.3. Bố cục không gian nội thất phủ đệ**



[Nguồn: 121, tr.15]

Nhà phụ là nơi tổ chức sinh hoạt thường xuyên. Gian nhà này có thể bao gồm nhà bếp, nơi ăn uống và chỗ ngồi sinh hoạt, cũng được dùng làm kho dự trữ lúa gạo. Khách không quan trọng hoặc khách thân thuộc thường được tiếp ở nhà này. Đây là nơi diễn ra nhiều hoạt động thường nhật của những người sống trong phủ đệ, tuy được xây cất đơn giản hơn nhưng tiện lợi, linh hoạt, thoải mái, không bị gò bó với nhiều phép tắc như ở nhà chính. Cửa nhà dưới cũng là nơi ra vào thường xuyên hơn.

Nghi lễ diễn ra tại phủ đệ có vị trí quan trọng trong các hoạt động của các bộ và nhiều cơ quan chức năng của triều đình nhà Nguyễn. Điều này thể hiện trong việc điều hành, giám sát quá trình thực hiện các điển lệ nghi lễ ở phủ đệ với sự xuất hiện của nhiều cơ quan của triều đình như: Phủ Tôn Nhân, Bộ Lại, Bộ Lễ, Bộ Hộ, Bộ Công... Triều đình đề ra những quy định chặt chẽ, cụ thể, chi tiết về thời gian, địa điểm, người phụ trách tế lễ, thành phần tham dự nghi lễ; số lượng và loại lễ phẩm dùng làm mâm cúng. Bên cạnh đó, triều đình còn quy định về người phụ trách kiểm tra, chuẩn bị và tiến hành cúng tế; hình thức xử phạt đối với người không làm tròn nhiệm vụ trong các lễ cúng tế tại phủ đệ. Việc ban cấp phẩm vật, quy định về cỗ cúng trong các ngày tổ chức lễ cúng tế tại phủ đệ cũng rất chi tiết, tỉ mỉ, thể hiện sự coi trọng nghi lễ của triều Nguyễn. Cụ thể vào niên hiệu Minh Mạng thứ 20 (1839), triều đình quy định nghi lễ tế tự tại phủ đệ Vĩnh Tường quận vương như sau: “*Hằng năm*

mùa xuân mùa thu 2 kỳ tế, lễ phẩm bằng 1 con trâu, 1 con lợn, 1 mâm xôi, 1 mâm cỗ, 4 mâm quả phẩm; các tiết tuế trừ, đoan dương, lễ phẩm bằng 1 con lợn, 1 mâm xôi, 1 mâm cỗ, 4 mâm quả phẩm” [72; VI, tr. 487].

Trong quá trình giao lưu, trao đổi một phần lễ nghi, kiểu cách từ các phủ đệ lan tỏa vào đời sống dân gian và ngược lại những tinh túy của tầng lớp bình dân này cũng xâm nhập vào phủ đệ. Rõ nhất là nghệ thuật âm thực. Những năm đầu thế kỷ XX, sách *Thực phổ bách thiên* do bà Trương Đăng Thị Bích, con dâu ông hoàng Miên Thẩm biên soạn được xuất bản nhằm dạy nấu 100 món ăn Huế từ dân dã đến sang trọng nơi cung đình. Điều này cho thấy, yếu tố dân gian ảnh hưởng một cách sâu đậm trong không gian phủ đệ của các ông hoàng bà chúa. Phủ đệ các ông hoàng bà chúa còn là nơi khởi nguồn của loại hình nghệ thuật Ca Huế độc đáo. Nghệ thuật Ca Huế đã được hình thành bằng sự tích hợp các yếu tố của âm nhạc cung đình và âm nhạc dân gian Huế. Do vậy, Ca Huế là nhịp cầu nối giữa cung đình và dân gian, một thể loại đậm đà bản sắc văn hóa Huế và còn in đậm dấu ấn hội tụ và lan tỏa trong lịch sử âm nhạc cổ truyền dân tộc. Ông hoàng Nam Sách, Tuyên Hóa, Tương An đã sáng tác nhiều điệu hát Nam ai, Nam bình và Quả phụ nổi tiếng trong Ca Huế. Nội dung các bài bản Ca Huế thường ngợi ca phong hoa tuyết nguyệt, là nổi tự sự về thể thái nhân tình. Học giả Thái Văn Kiểm đã nhận định: “Sau công chúa Diệu Liên, có Tuyên Hóa quận vương, Tương An quận vương cũng có nhiều bài Nam âm được nhạc sĩ truyền bá... Quốc âm đời bấy giờ như thế, tương cũng ít nhà văn sánh kịp. Tuyên Hóa quận vương đã soạn khá nhiều từ khúc, được xứ Huế truyền tụng, nhất là bài *Quả phụ hàm oan*” [tr. 189]. Ngoài ra, ông hoàng Tuyên Hóa thường dựng rạp để các diễn viên ở Thanh Bình Thự biểu diễn tuồng trong phủ đệ cho mọi người quanh vùng thưởng thức. Đồng thời, đội ca vũ tuồng cung đình do Mỹ Lương công chúa lập ra và huấn luyện trong phủ đệ của bà đã trình diễn trong hoàng cung từ cuối triều vua Thành Thái, qua các triều vua Duy Tân, vua Khải Định và nhất là vua Bảo Đại. Điều này tạo điều kiện cho tuồng cung đình lan tỏa, phát triển ra ngoài dân gian và ngược lại các nghệ nhân dân gian cũng có cơ hội tham gia biểu diễn nghệ thuật tuồng trong phủ đệ.

### 2.2.7. Về cơ cấu tổ chức quản lý

Phủ đệ chịu sự quản lý và điều hành của Tôn Nhân Phủ<sup>30</sup> (PL 3.9, tr. P33). Mỗi phủ đệ đều có tên riêng, dựa theo tước vị của hoàng tử, công chúa được nhà vua ban phong như phủ đệ Thọ Xuân vương, Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, An Thường công chúa. Đồng thời, tổ chức phủ đệ của hoàng tử cũng được gọi với danh xưng là phòng<sup>31</sup>. Mỗi phủ đệ của hoàng tử đều được nhà vua ban cấp ấn chương như: Diên Khánh công ấn, Thọ Xuân công ấn, Phú Bình công ấn, Tùng Thiện công ấn, Từ

<sup>30</sup> Phủ Tôn Nhân (宗人府) là cơ quan quản lý hoàng tộc tồn tại từ các vương triều trước nhà Nguyễn. Khi vua Gia Long lên ngôi chính thức lập ra Phủ Tôn Nhân triều Nguyễn. Người đứng đầu Phủ Tôn Nhân do nhà vua trực tiếp đặt cử, Tôn nhân lệnh là chức cao nhất, được coi trọng hơn cả đại thần trật nhất phẩm, dưới là chức Tả và Hữu Tôn nhân hàm chánh nhị phẩm, tiếp đến Tả và Hữu Tôn khanh lấy một văn một võ hàm tam phẩm trong tôn thất. Dưới nữa là chức Tả, Hữu Tá lý đều lấy chức Lang trung ở bộ Lại và bộ Lễ là người Tôn thất kiêm giữ, các chức Tư giáo, Tộc trưởng, Thừa biện ty mỗi hệ một người giúp việc ở phủ. Thời Pháp thuộc, từ năm 1897, Hội đồng Tôn Nhân Phủ đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của Toà Khâm sứ Trung Kỳ. Vào năm 1942, Phủ Tôn Nhân quản lý 9 hệ tôn thất và 6 hệ chánh, với tổng số 10.800 người [22, tr. 30].

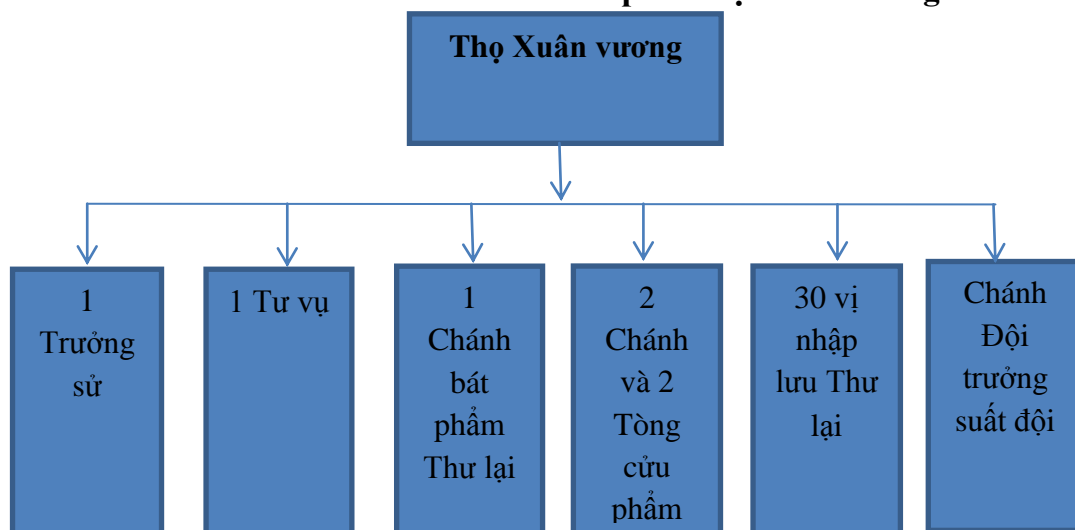
<sup>31</sup> Cụ thể như Thọ Xuân vương phòng, Tùng Thiện vương phòng, Tuy Lý vương phòng....

Sơn công ấn, An Khánh công ấn. Việc sử dụng và cất giữ ấn chương của phủ đệ phải tuân thủ theo quy chế của triều đình đã ban hành như việc cất giữ, niêm phong hòm ấn, chìa khóa hòm ấn phải chính người được phong cất giữ. Mọi công văn, giấy tờ của phủ đệ nào thì phải đóng dấu ấn của phủ đệ ấy, và những quan hệ giữa các thân công với Phủ Tôn Nhân, lục Bộ... trong vấn đề văn bản giấy tờ cần đóng dấu cũng phải thực hiện đúng như quy định đã được hoàng đế phê duyệt.

Các vị hoàng thân nắm các chức vụ quan trọng trong triều đình rất ít, còn chủ yếu được phân công giao chức vụ quản lý hoàng tộc, lăng mộ vua chúa và tổ chức nghi lễ cúng tế ở các đàn miếu, lăng tẩm, chùa chiền... Niên hiệu Gia Long năm thứ 6 (1807) và năm thứ 15 (1816), Minh Mạng năm thứ 19 (1838) ra các sắc dụ quy định các hoàng tử, hoàng tôn đều theo thứ tự thay vua làm chủ tế và bồi tế lâu dài. Đến năm 1842, vua Thiệu Trị đã ban hành dụ về việc nhiều hoàng tử còn ít tuổi chưa lo liệu hoàn toàn được việc chủ tế, nên chuẩn cho Thân Đãi và Bộ Lễ lựa chọn hoàng tử và thân công thay vua tế ở Thế Miếu; thân công thay vua tế Thái Miếu; quốc công, quận công thay vua tế Triệu Miếu, Hưng Miếu [72; I, tr.161-164].

Hàng năm, các hoàng tử, công chúa được chu cấp bổng lộc để chi dùng trong đời sống và sinh hoạt hàng ngày, cụ thể năm Đồng Khánh thứ 2 (1887) quy định: “*Thân vương tiền bổng 2100 quan, 600 phương gạo; Quận vương tiền bổng 1700 quan 500 phương gạo; Thân công tiền bổng 1400 quan, 400 phương gạo; Quốc công tiền bổng 950 quan, 250 phương gạo; Quận công tiền bổng 800 quan, 200 phương gạo; Công chúa tiền bổng 520 quan, 180 phương gạo*” [83; III, tr. 123]. Phủ đệ có biên chế tổ chức bộ máy khác nhau tùy thuộc vào tước vị do các vị vua triều Nguyễn tấn phong. Điển chế quy định phủ Thân vương (Sơ đồ 2.1): Có 1 Trưởng sử, 1 Tư vụ, 1 Chánh bát phẩm Thư lại, 2 Chánh và 2 Tòng cửu phẩm Thư lại, 30 vị nhập lưu Thư lại, Cai đội hoặc Chánh Đội trưởng suất đội, 5 đội Thuộc binh, mỗi đội 50 người; còn phủ Thân công: Có 1 Trưởng sử hoặc Phó Trưởng sử, 1 Tư vụ, 1 Chánh và 1 Tòng bát phẩm Thư lại, 2 Chánh và 2 Tòng cửu phẩm Thư lại, 25 vị nhập lưu Thư lại, 3 Cai đội hoặc Chánh Đội trưởng suất đội, 3 đội Thuộc binh [86; VI, tr. 231].

**Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức phủ Thọ Xuân vương**



[Nguồn: Tác giả]

Các đội thuộc binh tại phủ đệ triều Nguyễn không chỉ làm nhiệm vụ canh gác bảo vệ phủ đệ mà còn đảm bảo an ninh cho cuộc sống của nhân dân sống xung quanh, thậm chí lúc có chiến sự hoặc thổ phỉ quấy rối vùng biên giới phía Bắc thì các đội thuộc binh này có thể được triều đình điều động ra trận mạc phối hợp với quân đội của triều đình để đánh giặc, góp phần kịp thời ngăn chặn những hành động quấy nhiễu, cướp bóc, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Vì vậy, dưới triều vua Gia Long, vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị phủ đệ còn được trang bị súng thần công, voi chiến để luyện tập cho các đội thuộc binh trở thành đội quân tinh nhuệ. Quan lại phục vụ tại phủ đệ được triều đình trả lương bổng tùy thuộc vào chức vụ, phẩm hàm và những công lao của họ. Tất cả những đặc ân mà các vị hoàng đế triều Nguyễn đã ưu ái dành cho các chủ nhân phủ đệ cho thấy tính chất quan trọng của phủ đệ trong xã hội thời bấy giờ cũng như địa vị cao quý của họ.

### **2.3. Vai trò của phủ đệ triều Nguyễn**

#### **2.3.1. Không gian sống của các ông hoàng bà chúa triều Nguyễn**

Phủ đệ vừa là nơi làm việc, nơi cư trú sinh hoạt của các ông hoàng bà chúa và gia quyến, rồi sẽ trở thành nơi thờ tự chính họ sau khi qua đời. Công việc trong phủ đệ thường do 1 Trưởng sử trông coi. Các thuộc viên có 1 Tư vụ, 2 Chánh và 2 Tòng cử phẩm Thư lại, 25 vị nhập lưu Thư lại chia giữ sổ sách. Còn việc sai phái, bảo vệ canh gác phủ đệ thì có các đội Thuộc binh dưới quyền điều khiển của Chánh đội trưởng suất đội. Phủ đệ vừa là không gian sống vừa thể hiện uy quyền, đẳng cấp quý tộc của các hoàng tử, công chúa triều Nguyễn. Bên cạnh đó, phủ đệ là nơi các ông hoàng bà chúa học tập, tu dưỡng đạo đức để trở thành một bậc hiền tài phụng sự đất nước và đặc biệt có đủ tư cách, phẩm chất đạo đức để trở thành người kế vị ngai vàng trong tương lai. Điều này được minh chứng qua sự kiện vào năm 1840, vua Minh Mạng ban cho hoàng trưởng tử Trường Khánh công khu vườn Thường Mậu, Thọ Xuân công khu vườn Diệm Lục, Ninh Thuận công khu vườn Tư Thịnh để làm phủ đệ. Sau đó, vua Minh Mạng triệu các hoàng tử vào điện và ban dụ: *“Các người nay đã trưởng thành, cho vườn nhà là để làm chỗ nghỉ ngơi, đọc sách, nên chú trọng đến việc sách vở bút mực, để cho ngày một tu tiến”* [80, tr. 113].

Dưới triều Nguyễn, các vị vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị, vua Tự Đức đều là những vị vua hay chữ. Vua nào cũng có sở thích tham gia sáng tác văn chương và để lại những *“Ngự chế thi tập”* và *“Ngự chế văn tập”* gồm hàng ngàn bài thơ và hàng trăm bài văn. Trong bối cảnh đó, các hoàng tử, công chúa được đào tạo chính quy và bài bản về Nho học cũng được khích lệ sáng tác thi ca và đã để lại một khối lượng tác phẩm lớn. Với thân phận là hoàng thân quốc thích nên lúc sinh thời các ông hoàng, bà chúa không đi dự thi như các Nho sĩ khác, nhưng về tài năng, nhất là tài làm thơ phú thì khó ai sánh kịp. Phủ đệ của các ông hoàng, bà chúa thi sĩ trở thành chốn tụ hội của giới văn nghệ sĩ xứ Huế đương thời, nơi gặp gỡ của các tao nhân mặc khách ngâm vịnh thi ca. Một số ông hoàng, bà chúa đã giữ vị trí quan trọng như là những người tổ chức, lĩnh xướng tạo đàn thơ văn; điển hình có Tùng Thiện vương đã lập nên *Tùng*



*Vân thi xã*, về sau đổi thành *Mặc Vân thi xã*. Họ quan niệm rằng, “*văn chương của nhà nho cho đến lễ, đến nhạc, đến thi, đến ca đều là những cơ quan để tuyên truyền đạo lý*” [118, tr. 19]. Có thể kể đến những tên tuổi nổi tiếng trong giới văn học như: Tùng Thiện vương Miên Thẩm với *Thương Sơn thi tập*, Tuy Lý vương Miên Trinh với *Vĩ Dạ hợp tập*, Tương An quận vương Miên Bửu với *Khiêm Trai thi tập*, Quy Đức công chúa với *Nguyệt Đình thi thảo*, Mai Am công chúa với *Diệu Liên thi tập*, Thuận Lễ công chúa với *Huệ Phố thi tập*... Đương thời có câu truyền tụng: “*Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường*” [118, tr. 10]. Sau này, Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương và Tương An quận vương “*đã được người đời xưng tụng là Tam Đường của triều Nguyễn*” [52, tr. 9]. Những sáng tác thơ văn của họ đã góp phần quan trọng trong quá trình phát triển của văn học Việt Nam vào thế kỷ XIX. Thơ văn của các ông hoàng bà chúa phản ánh khá đầy đủ mọi sinh hoạt đời sống xã hội, thể hiện suy nghĩ của những người trí thức luôn trăn trở trước vận mệnh đất nước và trước tình thế mới của thời đại cũng như tình cảm cá nhân (của họ) trước cuộc đời.

Ngoài ra, phủ đệ là nơi hình thành và lan tỏa nghệ thuật Ca Huế, góp phần phát triển nghệ thuật Tuồng. Nhiều ông hoàng bà chúa và con cháu của họ đã tham gia tích cực trong việc sáng tác lời Ca Huế, soạn các vở tuồng như Tương An quận vương, Nam Sách quận công, Tuyên Hóa vương, Ứng Bình,... sáng tác nhiều lời Ca Huế nổi tiếng; còn Diên Khánh vương tham gia biên soạn vở trường thiên “*Vạn Bửu Trình Tuồng*”. Đây là bộ Tuồng đồ sộ nhất, với 108 hồi, tác phẩm nặng về tư tưởng tôn quân, lấy trung hiếu, tiết nghĩa làm đạo lý.

### **2.3.2. Củng cố thế lực đế quyền triều Nguyễn**

Diễn chế tấn phong tước vị và ban cấp phủ đệ cho các thân vương, thân công nhằm gây dựng lòng trung thành tuyệt đối của các thành viên hoàng gia với các vị vua triều Nguyễn và có lợi cho nền chuyên chế quân chủ triều Nguyễn. Họ phải luôn thực hiện nghĩa vụ là thân phiến, giảm bớt những hận thù và tư tưởng chống đối nếu có để góp phần bảo vệ vững chắc ngai vàng của nhà vua. Vì vậy, vua Minh Mạng từng ban dụ: “*Từ đời xưa những đấng thánh đế minh vương, chẳng ai là chẳng dựng mối phiến thân cho đông đảo, để cho mạnh vương thất, kính vâng đức Thế tổ Cao hoàng đế ta, lo sâu về kế hoạch vun trồng, mọi hoàng tử đều phong cho công tước, theo xưa lấy áp ăn lộc mà đặt tên nhưng vẫn phải về kinh triều yết, phép tắc rất lớn vậy*” [80, tr. 90].

Các phủ đệ được quy hoạch xây dựng hoàn toàn nằm ở Kinh đô Huế, nhưng phải nằm ngoài Kinh thành. Bác sỹ người Pháp Auvray có thời gian sống ở Huế vào năm 1879 - 1880, dưới thời vua Tự Đức đã góp phần lý giải điều này như sau: “*Các vị hoàng thân đều không được ở trong Kinh thành, phải ở tại các làng lân cận, có thể mới kiểm chế họ nổi, họ không thể đột nhập cung cấm, mà cũng không thể xúi loạn các tỉnh ngoài được, nhưng họ cũng như vua, được ở nhà có tầng lầu, phủ đệ của họ thường có tường gạch bao bọc*” [111]. Do vậy, phủ đệ luôn phải chịu sự quản lý và giám sát chặt chẽ của nhà vua, Phủ Tôn Nhân và Lục bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Mọi hành động, việc làm trong phủ đệ phải tuân thủ nghiêm ngặt điển lệ đã

được quy định, nếu có vấn đề phát sinh mới phải báo cáo cho Phủ Tôn Nhân, trình nhà vua xem xét phê duyệt. Năm 1836, vua Minh Mạng ban hành quy định cấm các quan lại không được đến giao thiệp, bàn chuyện chính sự triều đình tại các phủ đệ: “*Các người là hoàng tử tước công, hoàng tử thân công, cốt ở học tập kịp thời, cử động hợp lễ, không dính líu đến chính sự triều đình. Còn các quan trong triều đều có chức phận, không can thiệp đến nhau. Các thánh ta đã có hiến chương rõ ràng: phạm những quan viên giao thông với hoàng thân, phải tội đến cách, bãi. Sự ngăn ngừa từ lúc mới nhen, tỏ ra lo nghĩ sâu xa lắm. Ta kính nói nghiệp trước, mong giữ những cách thức then chốt cho được chu đáo chặt chẽ... Nay cho 2 bộ Lại, Lễ hội đồng bàn kỹ; quan chức văn võ từ phẩm nào trở lên không được đến tư yết ở nhà riêng hoàng tử tước công, hoàng tử thân công; nếu ai vi phạm thì nên trị tội*” [86; V, tr. 977 - 978]. Tuy nhiên năm 1839, hộ vệ ty Tôn Thất Huy trái lệ cấm, đi lại giao thiệp với phủ đệ Điện Bàn công. Việc bị phát giác, Huy bị phạt đánh 100 trượng, phát làm lính vệ Thủ hộ, Điện Bàn công bị phạt không cấp lương 3 tháng [86; V, tr. 637]. Điều này cho thấy, các vị vua triều Nguyễn luôn đề phòng, cảnh giác và ngăn chặn sự liên kết của tầng lớp hoàng thân quốc thích với quan lại quý tộc làm chuyện mờ ám, gây ra tình trạng kéo bè kết cánh, tạo thế lực của riêng mình làm rối loạn triều đình, thậm chí tạo phản, lật đổ ngai vàng nhà vua<sup>32</sup>. Cho nên việc phát sinh chính biến trong triều đình gần như là điều không thể xảy ra. Đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng giúp vương triều Nguyễn hạn chế được cảnh các hoàng tử đấu đá tranh quyền lực.

Phật giáo đã nhận được nhiều ân điển của các vị vua triều Nguyễn, sự hộ trì của các vị hoàng tử, công chúa, phi tần, quan lại qua việc xây dựng và tu sửa các chùa chiền ở khắp nơi. Đặc biệt, trong khuôn viên nhiều phủ đệ thường xây dựng chùa chiền với quy mô nhỏ để thờ Phật và các vị hoàng đế luôn ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi bằng việc cấp tiền bạc, nhân lực để xây dựng. Bởi lẽ, triết lý của đạo Phật chủ trương “*bất bạo động*” đề cao lòng từ bi, khoan dung, giải thích mọi việc dựa vào thuyết luân hồi, nghiệp báo, nhân quả. Những điều này đã gieo vào trong tâm tưởng của con người về sự nhẫn nhịn, khuyên con người chấp nhận hiện tại. Do đó, Phật giáo cũng sẽ làm hạn chế tinh thần phản kháng, tránh tư tưởng tranh giành quyền lực trong tầng lớp thân vương, thân công, từ đó sẽ không ảnh hưởng xấu đến ngôi vị hoàng đế.

### **2.3.3. Duy trì trật tự trong đời sống hoàng tộc triều Nguyễn**

Những thành viên sống trong phủ đệ phải luôn học tập và làm theo tư tưởng “*Tam cương ngũ thường*” của Nho giáo. Duy trì trật tự đời sống hoàng tộc trong không gian văn hóa phủ đệ triều Nguyễn được thể hiện qua việc đặt tên cho các con cháu sống tại các phủ đệ, nét đặc trưng riêng có duy nhất trong tất cả các dòng họ trên đất nước Việt Nam. Cách đặt tên này được vua Minh Mạng quy định và thực hiện một

<sup>32</sup> Ngoài ra, hôn nhân của con cháu các vị thân vương, thân công cũng bị giới hạn về dòng dõi để không thể thông qua những cuộc hôn nhân chính trị nhằm tạo phe cánh và cũng không có cách nào gây dựng thế lực cho riêng mình. Dưới thời vua Minh Mạng, quy định con cái, cháu các quan ở Kinh từ Tam, Tứ phẩm và ở ngoài các tỉnh từ Bồ, Ân, Lãnh binh trở lên, không được kết hôn với con cái các thân công. Sang triều vua Tự Đức còn quy định thêm con cháu các thân phiến, hoàng thân gả chồng, lấy vợ cần phải đều là người ở Kinh, hoặc người quê ở hạt khác, cũng phải nhà ở tại Kinh, mới có thể được làm thông gia. Nếu ở ngoài, thì nhất thiết không cho.

cách chặt chẽ để duy trì tôn ti trật tự trong dòng tộc hoàng gia. Sự quy định theo một khuôn phép rất chặt chẽ đến từng chi tiết cho các hệ, các phủ - phòng... Tiên hệ tức tính từ chúa Nguyễn Hoàng cho đến chúa Nguyễn Phúc Thuần gồm chín đời chúa có cách đặt tên khác; chánh hệ là con cháu của vua Gia Long trở về sau. Đế hệ thì dùng chỉ con cháu của vua Minh Mạng và Phiên hệ thì để chỉ con cháu của những hoàng thân là anh em ruột của vua Minh Mạng. Đế hệ thi và Phiên hệ thi được soạn theo thể thức thơ tứ tuyệt có nội dung một bài thơ hoàn chỉnh. Có thể nói, “*cách đặt tên của vua Minh Mạng qua 11 bài thơ có tác dụng rất giống với cách đặt pháp danh trong Phật giáo Đàng Trong qua các bài kệ của các vị Tổ sư; để đời sau chỉ nghe tên là có thể nhận biết ngay thể thứ, vai vế*” [25, tr. 53]. Sau khi Đế hệ thi<sup>33</sup> và Phiên hệ thi được vua Minh Mạng ban cho (PL 7.1, tr. P42), các thế hệ con cháu từ đời này qua đời khác của vua Minh Mạng cứ thế mà đặt chữ lót trước tên cho thống nhất. Bài Đế hệ thi gồm một bài thơ 4 câu, mỗi câu 5 chữ, thành 20 chữ:

*“Miên Hồng (Hùng) Ứng Bửu Vĩnh (綿洪膺寶永)  
Bảo Quý Định Long Trường (保貴定隆長)  
Hiền Năng Kham Kế Thuật (賢能堪繼述)  
Thế Thoại Quốc Gia Xương (世瑞國嘉昌)”* [40, tr. 267].

Đến năm 1845, vua Thiệu Trị còn ban cho các em mình một bộ chữ dùng để chọn thứ nhì cho song danh; còn chữ thứ nhất thì vẫn dùng các chữ trong bài Đế hệ thi. Việc dùng chữ của bộ này sẽ tiếp tục hết đời này sang đời khác, khi nào hết chữ trong bộ thì sẽ tâu lên nhà vua (của lúc đó) để xin một bộ chữ khác<sup>34</sup> (PL 7.3, tr. P48). Từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945, triều Nguyễn đã không còn tồn tại, nhưng các thế hệ hậu duệ hoàng gia triều Nguyễn sống ở trong và ngoài nước đều vẫn theo Đế hệ thi và Phiên hệ thi mà đặt chữ lót cho con cháu thuộc các phủ đệ từ đời này sang đời khác<sup>35</sup>.

#### 2.3.4. Giữ gìn nền nếp gia phong hoàng tộc triều Nguyễn

Các vị vua triều Nguyễn luôn có ý thức giữ gìn, bảo tồn truyền thống văn hóa của dân tộc, đặc biệt là việc thờ cúng tổ tiên. Trong một cuộc tranh luận với Pigneau de Behaine vào năm 1789, trước khi lấy lại được kinh đô, vua Gia Long đã từng khẳng định quan điểm của mình: “*Tôi muốn thể hiện cho mọi người thấy rằng tôi không thể quên tổ tiên và đem lại cho thần dân của tôi một mẫu mực về lòng hiếu thảo... Tôi kiên trì thờ cúng ông bà theo cách mà tôi đã trình bày với ngài, bởi tôi coi đó như là một trong những cơ sở của nền giáo huấn của chúng tôi*” [47; tr. 302]. Các vị hoàng đế tin rằng việc thờ cúng tổ tiên chu đáo có vai trò quan trọng góp phần tạo nên sức mạnh

<sup>33</sup> Kim sách Đế hệ thi bằng vàng với 13 tờ vàng, dài 23,2cm, rộng 13,7cm được đúc năm 1823 dưới triều vua Minh Mạng. Sách chép 20 chữ bộ Nhật và bài ngự chế Đế hệ thi do vua Minh Mạng ban hành năm 1823. Với bài ngự chế này, nhà vua mong muốn thế hệ sau truyền nối ngôi vua tới 20 đời, được 500 năm, nhưng cuối cùng chỉ dừng lại ở chữ Vĩnh tức đời thứ 5, do 11 vị vua nối tiếp thuộc cả chi khác hoặc thế hệ trước.

<sup>34</sup> Ví dụ, phòng Tùng Thiện vương Miên Thẩm được vua Thiệu Trị ban cho bộ chữ Nhục (肉), do đó các hậu duệ của ngài Miên Thẩm lần lượt là Hồng Kháng (con), Ứng Trình (cháu nội), và Bửu Can (chắt, hay cháu cố). Các tên (Kháng 靑, Trình 脛 và Can 肝) đều là những chữ thuộc bộ Nhục.

<sup>35</sup> Đối với các người phái nữ thuộc hoàng tộc triều Nguyễn thì cần phải biết tên của anh em trai của họ thì mới xác định được họ thuộc phủ đệ nào và đời nào. Một cách nữa là nhìn vào chữ lót thêm vào giữa tên của họ để biết họ thuộc đời nào, cụ thể: Công nữ (cháu gái nội của vua), Công tôn nữ (chắt gái nội của vua), Công tằng tôn nữ (thuộc cháu 4 đời), Công huyền tôn nữ (thuộc cháu 5 đời). Hiện nay, các đời kế tiếp thường chỉ còn giữ tên gọi ngắn gọn là Tôn nữ.

tin thần cho một triều đại hưng thịnh, đồng thời để nhấn mạnh tính chính thống của triều đại mình. Nhận thức điều này, các thân vương, thân công, công chúa luôn dành cho phủ đệ một không gian thờ cúng tổ tiên một cách tôn nghiêm để tưởng nhớ những người đã có công sinh thành, dưỡng dục mình. Nội thất gian giữa nhà chính là khoảng không gian tâm linh “*sum hạp*” giữa con cháu và tổ tiên, giữa người sống và người đã khuất trong phạm vi không gian kiến trúc phủ đệ.

Trong ngày húy kỵ tại phủ đệ, con cháu dù ở xa hay bận bịu công việc cũng phải cố gắng thu xếp về dự lễ, thăm viếng, thắp một nén nhang khấn vái trước lăng mộ và bàn thờ tổ tiên; trong một số trường hợp, con cháu ở nước ngoài không có đủ điều kiện về dự lễ húy kỵ thì thường gửi tiền về góp phần tổ chức lễ tế, để có được cảm giác gắn bó với cội nguồn, và hơn nữa, để thực thi trách nhiệm đạo lý - tâm linh của mình. Con cháu vui vẻ, hoà thuận trong cuộc sống cũng như trong việc hiếu sự đối với tổ tiên là thể hiện sâu sắc nền nếp gia phong của phủ đệ. Điển hình như: Tại phủ Thọ Xuân vương, lịch kỵ chạp trong năm như sau: 30 Tết cúng tất niên, 12h trưa; mùng 4 Tết cúng đưa, 12h trưa; 16 tháng 2 Âm lịch kỵ Đức từ Gia phi Phạm Thị Tuyết, 12h trưa; 9 tháng 10 Âm lịch kỵ ngài Thọ Xuân vương, 12h trưa; 10 tháng 12 Âm lịch lúc 7h sáng, tập trung ở phủ đệ đi chạp lăng mộ. Hiếu kính với tổ tiên là phải chăm lo phụng dưỡng ông bà, cha mẹ, chu toàn lăng mộ, giỗ chạp, anh em hòa thuận, dạy dỗ con cháu nên người để làm rạng danh dòng tộc. Do vậy, phủ đệ là di sản luôn nhận được sự tự hào và quan tâm của các con cháu trong phủ đệ, đối với người cao tuổi, phủ đệ còn đem đến cảm giác hoài cổ nhớ thương.

Phủ đệ đã tạo nên một sức ảnh hưởng không nhỏ hình thành đặc điểm tính cách con người mảnh đất xứ Huế. Chữ Hiếu luôn được xem là một chuẩn mực hàng đầu trong xã hội phong kiến, là tiêu chuẩn rèn luyện và đánh giá nhân cách con người. Do vậy, nét gia phong đứng hàng đầu trong lễ nghi và sự giáo dục tại các phủ đệ là chữ “*Hiếu*”. Ngài Tuy Lý vương là một tấm gương sáng tiêu biểu về sự đề cao chữ Hiếu. Ông có mẹ là bà Tiệp dư Lê Thị Ái. Đức ông Tuy Lý vương hết sức chăm nom và phụng dưỡng mẹ già, là tấm gương sáng về hiếu hạnh trong hoàng tộc và dân chúng, được người đời ngưỡng mộ và kính phục. Không phải ngẫu nhiên mà người dân đất Thần kinh tôn xưng ông là “*ông Hoàng hiếu*” để ca ngợi tấm lòng hiếu nghĩa của một người con thân mang vương tước như ông.

## **2.4. Giá trị của phủ đệ triều Nguyễn**

### **2.4.1. Giá trị lịch sử - văn hóa**

Di sản phủ đệ mang nhiều nét đặc trưng của nhiều giai đoạn phát triển khác nhau trong dòng chảy văn hóa lịch sử xứ Huế, đồng thời là sự kết tinh của trí tuệ, lao động sáng tạo của nhiều thế hệ nghệ nhân lành nghề. Tư duy về cảnh quan kiến trúc, sự uyên bác trong nghệ thuật trang trí của chủ nhân phủ đệ đã tạo dựng nên những tác phẩm nghệ thuật kiến trúc mang dấu ấn riêng biệt góp phần làm cho di sản phủ đệ thêm phong phú về loại hình, lại vừa chứa đựng tính thẩm mỹ cao. Phủ đệ là nơi lưu giữ, hội tụ và lan tỏa các giá trị văn hóa cung đình và văn hóa dân gian, như nhận xét của nhà nghiên

cứu Trịnh Bách: “*Chính các phủ đệ của ông hoàng bà chúa đã tạo ra cái phong cách Huế cho dân đế đô, vì chúng được xây ngoài phạm vi hoàng thành, xen lẫn với phố xá làng mạc. Cư dân chung quanh ngày xưa rất hãnh diện với các vương phủ trong bản hạt của họ. Họ cung cấp mọi dịch vụ cần thiết cho phủ, và cùng lúc đó họ học hỏi phong cách sống cung đình từ người trong phủ*” [93, tr. 51]. Trong không gian văn hóa phủ đệ, nếu dấu ấn Nho giáo được biểu hiện qua sự chỉnh chu và đăng đối thì dấu ấn Đạo giáo được thể hiện qua sự u nhàn và thoát tục, và dấu ấn Phật giáo thể hiện qua vẻ thiên vị trong bố cục và thiết trí kiến trúc và cảnh quan di sản phủ đệ. Hầu hết các phủ đệ đều được bao quanh bởi nhiều loại cây xanh. Đây là yếu tố quan trọng góp phần bảo vệ sự trong lành của không khí và làm đẹp cảnh quan kiến trúc phủ đệ.

Di sản phủ đệ gìn giữ và bảo lưu các bảo vật quý như sách đồng, chế phong, sắc phong, gia phả, châu bản... mang tính độc bản và rất có giá trị<sup>36</sup>. Các di sản này được các thế hệ con cháu sống trong phủ đệ coi là vật gia bảo, cất giữ cẩn thận, trân trọng lưu truyền từ đời này sang đời khác, khiến cho những mạch nguồn giá trị văn hóa vật chất và tinh thần ấy luôn được bền vững mãi mãi. Gia phả của phủ đệ là tài sản thiêng liêng lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bồn phận của các thế hệ con cháu sống trong phủ đệ là phải giữ gìn, bổ sung để ngày càng hoàn thiện gia phả và giữ gìn nền nếp gia phong của dòng tộc. Con cháu thông qua gia phả không chỉ nhớ đến tên tuổi, thân thế của từng người quá vãng trong phủ đệ, mà còn nhớ đến những ngày húy kỵ, vị trí lăng mộ của tổ tiên ông bà; từ đó con cháu có căn cứ để tìm về cội nguồn, phụng thờ, tổ chức cúng kỵ và chăm sóc lăng mộ của tổ tiên chu đáo. Nhiều phủ đệ còn truyền tụng cho nhau gia phong, gia huấn để khuyên răn, giáo dục mọi người giữ gìn nếp sống văn hoá, khuyến khích con cháu học hành, tu dưỡng đạo đức để làm rạng danh dòng tộc. Điển hình như phủ Phong Quốc công còn lưu giữ tập tôn phả ghi chép bốn vị vua đầu triều Nguyễn (vua Gia Long, vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị, vua Tự Đức). Tập tôn phả này được biên chép vào năm 1923 hoặc văn bản ghi chép về đất hương hỏa phủ Phong Quốc công do Thống chế Ứng Đàm, chủ tự phòng Phong Quốc công lập vào năm 1934. Qua nội dung văn bản cho thấy phủ đệ là một công trình kiến trúc rất thiêng liêng, con cháu trong phủ đệ cần phải bảo vệ và giữ gìn nguyên vẹn. Đồng thời, nhờ có văn bản đất hương hỏa này mà hiện nay phủ Phong Quốc công vẫn còn gìn giữ gần như nguyên vẹn hơn 10.000m<sup>2</sup> đất mặc cho Cố đô Huế đã trải bao phen dâu bể (PL 7.7, tr. P55). Bên cạnh đó, một số di sản phủ đệ gắn liền với cuộc đời, sự nghiệp của nhiều nhân vật lịch sử - văn hóa nổi tiếng như: Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Trương An quận vương, Nam Sách quận công, An Thường công chúa...

Các hoành phi, câu đối chữ Hán trang hoàng khắp các gian nhà chính phủ đệ lưu giữ những giá trị về truyền thống văn hóa đạo đức và phản ánh nếp nhà, gia phong của các gia đình, dòng họ hoàng tộc triều Nguyễn. Đó là cách mà các chủ nhân phủ đệ

<sup>36</sup> Năm 1862, sau khi để mất 3 tỉnh miền Đông Nam bộ vào tay thực dân Pháp, vua Tự Đức phải huy động rất nhiều vàng bạc và cổ vật trong kho tàng của mình để đền trả số chiến phí mà Pháp đòi là 4 triệu piastre (quy đổi thành hơn 2,8 triệu lượng bạc). Nhiều tư liệu cho biết nhà vua đã phải lấy rất nhiều đồ vật quý chế tác bằng vàng ngọc, thậm chí tận thu những kim ấn, kim sách của hoàng tử, công chúa, thân vương, thân công; các tư trang bằng vàng, bạc của cung phi để trả nợ. Vì lý do này, phần lớn cổ vật chế tác bằng vàng bạc của Huế nói chung và phủ đệ nói riêng trở nên khan hiếm.

muốn lưu truyền những lời răn dạy, đạo lý tốt đẹp cho con cháu đời sau noi theo như: Giáo dục chữ “hiếu”, chữ “nhân”, chữ “nghĩa”, lòng yêu nước, tình cảm yêu thương con người và yêu thiên nhiên... ; Cụ thể tại phủ Tuy Lý vương có treo hai bức hoành phi viết chữ: “Đạt Thiên Hạ Tôn” - 達天下尊 (Được thiên hạ tôn trọng) và “Hà Gian Đại Nhã” - 河間大雅 (Dáng dấp tao nhã của Hà Gian). Qua nội dung các hoành phi, câu đối cho chúng ta thấy được sự uyên bác trong việc chọn lựa câu, chữ để thể hiện mong muốn của từng chủ nhân phủ đệ. Những từ ngữ được chọn để viết trên các hoành phi, câu đối luôn được chọn lọc rất kỹ càng bởi chữ ít, ý nhiều hay một chữ cũng gửi gắm biết bao tâm tư, tình cảm của người xưa.

Phủ đệ triều Nguyễn là nơi bảo lưu hình bóng của một triều đại với tất cả lối sống, văn hóa ẩm thực một thời vàng son. Văn hóa ẩm thực phủ đệ có cội nguồn triết lý riêng, ẩn chứa nét tinh tế, thanh nhã, vượt khỏi nhu cầu vật chất tầm thường và tiến đến một loại hình nghệ thuật mang đặc trưng phong cách riêng. Từ sau năm 1945, Việt Nam không còn chế độ quân chủ, Quang Lộc tự, đội Thượng thiện, Ty Lý thiện tan rã, những món ăn cung đình chỉ còn lại trong sử sách. Tuy nhiên, may mắn là con cháu hoàng tộc triều Nguyễn sống ở các phủ đệ vẫn còn nhớ và lưu giữ các công thức chế biến một số món ăn cung đình. Chính họ là những “báu vật nhân văn sống” đã gìn giữ hồn cốt di sản, là những truyền nhân trong việc phục dựng lại các món ăn cung đình xưa. Văn hóa ẩm thực phủ đệ phản ánh khá rõ nét qua tác phẩm “*Thực phổ bách thiên*” do bà Trương Thị Bích, vợ công tử Hồng Kháng, con dâu Tùng Thiện vương biên soạn xuất bản năm 1915. Với kiến thức văn học và kỹ năng chế biến món ăn đặc sắc, bà đã đem tài năng tâm huyết của mình trình bày bí quyết và kỹ năng chế biến món ăn thành thơ để dạy con cháu trong phủ Tùng Thiện vương. *Thực phổ bách thiên* không chỉ đơn thuần dạy cách nấu 100 món ăn Huế, mà còn đề cập nhiều vấn đề của nghệ thuật nội trợ để làm nên bữa ăn ngon trong gia đình tùy theo điều kiện kinh tế của mình. Đúng như bài thơ tổng luận mở đầu cho *Thực phổ bách thiên* đã viết: “*Có khi cá thịt, có khi rau/ Nấu nướng chiên xào phải đủ màu/ Trong sạch là gương, tùy mặn nhạt/ Dẻo dai cơm chín đủ làm đầu*” [16, tr.1].

Phủ đệ là nơi hình thành và phát triển nghệ thuật Ca Huế. Từ phủ đệ, Ca Huế đã dần lan tỏa ra ngoài dân gian, tiếp nhận thêm một số điệu hò, điệu lý để tạo nên một loại hình âm nhạc đặc sắc. Nét độc đáo của nghệ thuật Ca Huế là sự kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa, tinh tế giữa hai dòng nhạc bác học và dân gian. Ca Huế là sự kết hợp giữa thanh nhạc và khí nhạc trong một hệ thống những bài bản có cấu trúc chặt chẽ, chuẩn mực. Các vị Tuyên Hóa vương, Tương An quận vương, Nam Sách quận công nổi tiếng về soạn lời Ca Huế và trình diễn các loại nhạc cụ truyền thống (tranh, tỳ, nhị, nguyệt, bầu) một cách điêu luyện.

Phủ đệ là nơi góp phần bảo lưu và lan tỏa văn hóa Huế, đặc biệt là tính cách con người Huế: Ý nhị, lịch lãm, khuôn phép và bí ẩn. Bởi, phủ đệ “là nơi trung chuyển lối sống và văn hóa cung đình đến với dân gian xứ Huế, từ đó, góp phần hình thành nên tính cách Huế” [93, tr. 51]. Điều này được minh chứng qua phiên chợ Tết Gia Lạc

được tổ chức tại phủ đệ Định Viễn quận vương. Thời kỳ đầu, ông hoàng Định Viễn chỉ tổ chức chợ phiên ngày Tết dành cho hoàng thân quốc thích và quan lại nhằm trao đổi hàng hóa, vui chơi mùa xuân. Sau này, người dân quanh vùng cũng đến mua bán, thêm vào các trò chơi dân gian để thu hút mọi người và không khí trở nên náo nhiệt hơn. Từ đó, chợ Gia Lạc đã trở thành một hình thức hội chợ phiên vui xuân nổi tiếng trong những ngày đầu năm mới ở Kinh đô Huế. Phiên chợ này cũng cuốn hút những vị khách phương Tây đến tham dự và để lại nhiều kỷ niệm khó quên. Trong cuốn hồi ký “*Mười tám tháng ở Huế*”, ông A. Auvray đã miêu tả sống động khung cảnh phiên chợ Gia Lạc vào năm 1880 như sau: “*Mỗi năm, trong mấy ngày Tết, một vị hoàng thân mở phiên chợ tại phủ đệ, bán đủ thứ. Cũng có lợi. Năm 1880, chợ ấy nhóm tại bên kia sông, phía đông Công sứ quán.... Các công tử, công nữ mặc áo lục, bọn nô bộc trong phủ đệ mặc áo màu sắc sỡ, cũng lẫn lộn trong đám đông người. Thành ra một cảnh tượng hoa hòe rực rỡ. Đàng sau là lầu ngói chỉ có các vị hoàng thân mới được ở nhà có tầng trên, còn người thường hoặc các quan đều không được*” [111]. Sau hơn 200 năm hình thành và phát triển, diện mạo phủ đệ triều Nguyễn biến chuyển không ngừng, gắn liền với những bước thăng trầm của lịch sử vùng đất Thừa Thiên Huế.

#### **2.4.2. Giá trị kiến trúc - nghệ thuật**

Phủ đệ triều Nguyễn đã góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của quần thể di tích Cố đô Huế. Kiến trúc phủ đệ tuân thủ các nguyên lý triết học cổ, thuật phong thủy, thân thiện với môi trường. Các phủ đệ đều đạt được tỷ lệ hài hòa cũng như tương quan thích hợp giữa các thành phần kiến trúc, có giá trị thẩm mỹ cao. Hầu hết các phủ đệ được quy hoạch xây dựng ở những vị trí đẹp, nằm bên cạnh dòng sông hoặc các khu dân cư truyền thống tạo ra điểm nhấn cho không gian đô thị di sản Huế. Nhiều phủ đệ có diện tích khuôn viên rộng, ngoài công trình nhà chính còn có sân vườn và các hạng mục kiến trúc khác như: Bể nước, cổng ngõ, la thành, bình phong, bể cạn, hòn non bộ, hồ nước tạo ra những không gian xanh, phá vỡ sự đơn điệu của phố phường nhộn nhịp ở Huế hiện nay.

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô nội thất, nhiều phủ đệ quy hoạch kiến trúc nhà chính theo mô thức “*trùng thiềm điệp ốc*” không thua kém so với một số cung điện trong Đại nội Huế. Hai nóc kiến trúc độc lập, được nối bằng bộ phận trần thừa lưu hay võ cưa. Nóc trước cao hơn nóc sau nên người xem cứ lầm tưởng đó chỉ là một đơn nguyên kiến trúc. Kiến trúc phủ đệ An Khánh vương (qua Hưng Miếu ngày nay) là một ví dụ điển hình về một tòa kiến trúc kép khá lớn mà ở tiền đường còn có bộ vì kiểu giả thủ đẹp không kém gì cung điện. Đây là nơi hội tụ được những ưu thế về kỹ thuật và mỹ thuật của nhà rường truyền thống xứ Huế (PL 8.18, tr. P64).

Hệ thống các thanh kèo, đầu cù, đòn tay, xuyên trên trong nhà chính phủ đệ được bàn tay tài hoa của các nghệ nhân chạm trổ tinh tế với những đề tài như: Bát bửu, tứ quý, tứ linh, hoa lá cách điệu... Ngoài ra, họ còn phô diễn nghệ thuật trang trí ở bên ngoài, trên chất liệu vôi vữa, khảm sành sứ. Người thợ nề, ngõa đã ghép lên đó những mảnh sành, sứ nhiều màu sắc để tạo ra những tác phẩm nghệ thuật khảm sành sứ độc

đáo, trở thành một nét đặc trưng trong trang trí kiến trúc phủ đệ. Nội thất phủ đệ thiết trí các hương án, sập thờ, khám thờ chạm trổ các hoa văn họa tiết tinh xảo, kết hợp với các câu đối, hoành phi sơn son thếp vàng lộng lẫy trang trí khắp các gian nhà. Câu đối thường được treo hai bên phải trái của cửa ra vào hoặc các cột, được phối trí thêm các bức hoành phi treo trên liên ba tạo thành một hình thế chữ môn (門門). Sự kết hợp này đã tạo nên một tổng thể tạo hình nhất quán, hợp lý trên cùng một tổng thể kiến trúc, góp phần mở rộng hơn nữa về ngôn ngữ nghệ thuật trang trí triều Nguyễn. Như vậy, nghệ thuật trang trí đã tô điểm diện mạo kiến trúc phủ đệ một vẻ đẹp rực rỡ và sang trọng, cả về hình thức, lẫn những ý nghĩa cao quý tốt đẹp, gắn với thâm mỹ quý tộc, cho thấy tài năng và ước vọng của người xưa.

Phủ đệ Tuyên Hóa vương, Hoảng Hóa quận vương, Tương An quận vương, Hòa Quốc công, Ngọc Lâm công chúa, Ngọc Sơn công chúa, cung An Định là những công trình phủ đệ ảnh hưởng kiến trúc Pháp có nhiều giá trị, góp phần làm phong phú thêm cho bức tranh toàn cảnh đô thị di sản Huế nói chung và kiến trúc phủ đệ xứ Huế nói riêng. Phần lớn các công trình phủ đệ thể hiện xu hướng kiến trúc kết hợp Á - Âu trong giai đoạn này đều do chính các nhóm thợ lành nghề người Việt thuộc Bộ Công xây dựng sau khi tiếp thu những ảnh hưởng văn hóa cũng như kỹ thuật công nghệ hiện đại đương thời phương Tây, tiêu biểu là phủ đệ Tuyên Hóa vương, cung An Định. Đặc điểm này đã mang đến cho các công trình kiến trúc phủ đệ những sắc thái riêng hết sức độc đáo. Có thể nói, đây chính là phong cách kiến trúc phủ đệ mới do người Việt sáng tạo ra và là những giá trị văn hóa - lịch sử đáng trân trọng.

### **2.4.3. Giá trị kinh tế du lịch**

Du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh và giá trị của di sản đến với khách du lịch có hiệu quả nhất, đặc biệt đối với bạn bè quốc tế. Bên cạnh đó, du lịch còn tham gia vào hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Bởi công tác bảo tồn và phát huy các di sản đòi hỏi có kinh phí cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ như: Suu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, tu sửa, tôn tạo... Do vậy, di sản và hoạt động phát triển du lịch bền vững có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Đứng từ góc độ này, các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở Huế được xem là nguồn tài nguyên du lịch độc đáo có thể khai thác tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn thu hút khách tham quan trong và ngoài nước. Qua hoạt động du lịch, du khách không chỉ được tận mắt chiêm ngưỡng, thưởng lãm mà còn có những hiểu biết nhất định về di sản phủ đệ triều Nguyễn. Bên cạnh đó, hoạt động du lịch phát triển cũng có một vai trò quan trọng đối với công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản phủ đệ triều Nguyễn ở Huế. Vì vậy, bảo tồn di sản phủ đệ không những giúp giữ được phần hồn và bản sắc trong quá trình phát triển mà còn là điểm du lịch thu hút du khách mong muốn đến tìm hiểu, nghiên cứu và đem lại lợi nhuận kinh tế về du lịch - dịch vụ, giúp cho thành phố Huế có kinh phí quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị kiến trúc phủ đệ trong bối cảnh hiện nay.

Phủ đệ là những di sản văn hóa sống động, góp phần quan trọng tạo nên những giá trị nổi bật và độc đáo của đô thị di sản Huế, song hành bên cạnh Quần thể Di tích



Cố đô Huế, gắn liền với quá trình hình thành, phát triển về cảnh quan và kiến trúc đô thị Huế trong dòng chảy văn hóa lịch sử. Hầu hết, các công trình kiến trúc di sản phủ đệ không chỉ có giá trị về mặt kiến trúc mà còn ở khía cạnh văn hóa, lịch sử và nghệ thuật, vì vậy rất cần được quan tâm quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị trong đời sống đương đại, tránh nguy cơ bị biến dạng hoặc phá hủy dần trong tương lai.

## **Tiểu kết Chương 2**

Phủ đệ triều Nguyễn là một loại hình kiến trúc quý tộc, có vị trí quan trọng trong Quần thể kiến trúc Cố đô Huế. Tiếp thu những giá trị truyền thống trong kiến trúc phủ đệ của các triều đại trước, kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn đã có những bước phát triển vượt bậc và thể hiện sự sáng tạo phong phú, phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên của vùng đất xứ Huế. Chính vì vậy, phủ đệ triều Nguyễn có một phong cách kiến trúc nghệ thuật rất riêng và đạt đến trình độ cao. Về quy mô kiến trúc, nghệ thuật trang trí phủ đệ triều Nguyễn cũng có sự phát triển vượt bậc, mỗi phủ đệ là một chỉnh thể kiến trúc hoàn chỉnh. Bộ cục phủ đệ khá phong phú trong một phong cách đồng nhất. Nghệ thuật trang trí tại các di sản phủ đệ triều Nguyễn đã tạo nên những giá trị nghệ thuật đặc sắc với sự đan xen, cộng hưởng hài hòa của khuynh hướng nghệ thuật trang trí cung đình và dân gian. Bên cạnh đó, vật liệu kiến trúc xây dựng phủ đệ trong giai đoạn muộn đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn minh phương Tây, thể hiện rõ tính chuyển giao của thời kỳ lịch sử đặc biệt này.

Không gian văn hóa phủ đệ bảo lưu những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các gia đình, dòng họ hoàng tộc triều Nguyễn. Trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử vẫn không làm phai mờ vẻ đẹp tinh tế đầy tính nghệ thuật, kết tinh thành nét đẹp văn hóa kiến trúc đặc trưng trong mỗi phủ đệ. Phủ đệ được xem là di sản văn hóa - lịch sử sống động và đã thực sự trở thành nét văn hóa, nghệ thuật đặc trưng riêng trong quỹ kiến trúc đô thị di sản Huế hiện nay. Có biết bao nhiêu điều thú vị, bí ẩn đằng sau cánh cửa phủ đệ khiến du khách thập phương khi đến thăm Cố đô Huế không khỏi bị cuốn hút được thưởng lãm, khám phá.

Tuy nhiên cùng với quá trình đô thị hóa, di sản phủ đệ triều Nguyễn đã có nhiều biến đổi về nhiều mặt, như quy hoạch, cảnh quan, kiến trúc, kết cấu, nghệ thuật trang trí... Những biến đổi đó đã đặt ra nhiều vấn đề nghiên cứu, như các yếu tố tác động, hệ quả, xu hướng của quá trình biến đổi. Đây là những vấn đề quan trọng cần phải nghiên cứu để góp phần quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản độc đáo này trong bối cảnh đô thị hóa ở thành phố Huế hiện nay.

### CHƯƠNG 3.

## BIẾN ĐỔI DI SẢN PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN Ở THÀNH PHỐ HUẾ

Nhận diện, đánh giá sự biến đổi của di sản phủ đệ triều Nguyễn là một công việc quan trọng, là cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay. Các vấn đề này phải được khảo cứu, đánh giá một cách kỹ lưỡng trên nhiều khía cạnh khác nhau, đặc biệt cần phải nghiên cứu, phân tích được các biểu hiện, yếu tố tác động, hệ quả, xu hướng biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đương đại.

### 3.1. Tình hình di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế từ năm 1945 đến năm 1986

Năm 1945, triều Nguyễn chấm dứt vai trò lịch sử và Huế cũng chấm dứt vai trò là kinh đô của cả nước dưới triều Nguyễn. Huế trở thành cố đô. Tiếp đó là 30 năm chiến tranh ác liệt chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975) và 11 năm thời kỳ bao cấp (1975 - 1986), kết quả hệ thống di sản phủ đệ triều Nguyễn đã dần bị mai một, tàn phá và hủy hoại do nhiều yếu tố tác động.

#### 3.1.1. Trong giai đoạn 1945 - 1954

Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã kết thúc 143 năm trị vì của vương triều Nguyễn, biến vương triều này trở thành triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Trên một góc độ khác của lịch sử, sự cáo chung của triều Nguyễn cũng chính là khởi đầu giai đoạn mai một, biến đổi hệ thống kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn. Các nghi lễ tế tự tại phủ đệ không còn được triều đình chu cấp kinh phí để tổ chức thường xuyên và chu đáo theo nhật kỳ tế tự thời quân chủ như xưa. Các thành viên sống trong phủ đệ không còn được cấp lương bổng hàng năm và hầu hết diện tích ruộng đất hương hỏa đã bị tịch thu. Điển hình như 15 mẫu ruộng ở làng Mậu Tài do vua Thành Thái ban tặng cho phủ Tuy Lý vương vào năm 1899 để thu hoa lợi phục vụ thờ cúng đã bị tịch thu sung công. Phủ đệ trong giai đoạn này vẫn còn bảo tồn khá nguyên vẹn các hạng mục kiến trúc như bên phủ, cổng phủ, bình phong, nhà chính, nhà phụ sau những biến cố của thời cuộc. Qua lời kể của cụ Bửu Kế (1913 - 1989), hậu duệ phủ Lạc Biên quận công chúng ta có thể cảm nhận một phần nào về không gian kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn thời bấy giờ: “*Bác tôi được thừa hưởng một cái gia tài khá lớn của ông tôi để lại gia tài của một vị hoàng tử được vua cha yêu mến. Chỗ bác tôi ở bây giờ là phủ của ông tôi ngày trước. Một nếp nhà cổ rộng rãi, nằm lọt vào giữa một khu vườn trồng hầu đủ các thứ cây quý. Nhà lợp bằng ngói âm dương, bốn góc có rồng phun. Mấy hàng cột lim to ước chừng một người ôm không hết, dựng lên trên những phiến đá thanh đen láng soi rõ bóng người. Trước mặt nhà là một cái hồ bán nguyệt, xây gạch bát tràng, trồng sen tịnh đế, sen bá diệp, cứ đến tiết hè, hương ngào ngạt bay tản mạn từ trong nhà ra ngoài ngõ*” [49, tr. 18].

Phủ Tôn Nhân đã tan rã nên không còn quản lý và điều hành hệ thống phủ đệ như trước đây. Tôn Nhân Phủ chuyển đổi thành một tổ chức dòng họ lấy tên là Hội đồng trị sự

Nguyễn Phước Tộc do cụ Bửu Ngự<sup>37</sup> làm Chủ tịch Hội đồng, dưới sự cố vấn trực tiếp của bà Từ Cung<sup>38</sup> để tiếp tục điều hành công việc của tôn tộc và chăm lo phụng thờ các vị vua chúa nhà Nguyễn. Trong hoàn cảnh này, các thành viên sống trong phủ đệ vẫn cố gắng bảo tồn, duy trì thực hành nghi lễ tế tự theo nghi thức truyền thống, trở thành một hoạt động văn hóa tâm linh mang đậm bản sắc của nghi lễ cung đình Huế. Đến năm 1948, bà Từ Cung chỉ định cụ Bửu Ngự đảm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ với mong muốn phục hưng lại vị trí và vai trò của Tôn Nhân Phủ giống như giai đoạn triều Nguyễn còn tồn tại; đồng thời chuẩn bị đón cựu hoàng Bảo Đại “*hồi loan*”. Trong giai đoạn này, cụ Bửu Ngự đã có nhiều công lao trong việc sắp xếp tổ chức lại Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ; kêu gọi trùng tu, tôn tạo các cung điện, tôn miếu, lăng tẩm, phủ đệ bị hư hỏng, sập đổ do chiến tranh. Sau khi cụ Bửu Ngự qua đời vào ngày 17/6/1949, cụ Ứng Bàng<sup>39</sup> lên thay thế làm Chủ tịch Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ [37, tr. 325]. Tháng 7/1949, cựu hoàng Bảo Đại quay trở lại làm Quốc trưởng dưới sự bảo hộ của người Pháp. Được sự nhất trí của Cao ủy Pháp tại Đông Dương, ngày 15/4/1950, cựu hoàng Bảo Đại ký “*Dụ số 6*” thành lập “*Hoàng triều cương thổ*” gồm vùng đất 5 tỉnh Tây Nguyên hiện nay và một số tỉnh miền núi phía Bắc, thủ phủ đặt tại Đà Lạt. Tại “*Hoàng triều cương thổ*”, ngoài vai trò “*Quốc trưởng*” thì cựu hoàng Bảo Đại vẫn là “*Hoàng đế*”. Từ năm 1950, các hoạt động bảo tồn, trùng tu và tổ chức nghi lễ tế tự tại các di sản kiến trúc cung đình Huế nói chung, di sản phủ đệ nói riêng được quan tâm phục hồi và duy trì kể từ sau biến động lịch sử năm 1945. Những thành viên sống trong phủ đệ vẫn tiếp tục tham dự vào các dịp cúng tế của hoàng tộc tại tôn miếu, lăng tẩm, đồng thời bảo lưu, thực hành những nghi lễ tế tự hoàng gia triều Nguyễn khỏi bị mai một và mất đi theo thời gian.

Một sự kiện cần phải nhắc đến, vào năm 1950, cựu hoàng Bảo Đại cho gọi Ý Trinh, hậu duệ đời thứ 5 của An Khánh vương<sup>40</sup> đến gặp và tỏ ý muốn mua lại tòa nhà kếp với chính đường 3 gian 2 chái kếp, tiền đường 5 gian 2 chái đơn thuộc phủ An Khánh vương tọa lạc ở làng Xuân Hòa (nay là phường Hương Long, thành phố Huế) để phục dựng lại Hưng Miếu (đã bị đốt cháy vào năm 1947). Ông Ý Trinh vâng theo lời của cựu hoàng Bảo Đại. Năm 1951, kiến trúc phủ An Khánh vương được hạ giải và giao lại cho nhà thầu khoán Nguyễn Ngọc Bang tái dựng lại thành Hưng Miếu mới. Về cơ bản, Hưng Miếu kế thừa kiến trúc của phủ An Khánh vương. Nhưng vì mặt bằng của Hưng Miếu cũ nhỏ hơn nên khi xây dựng người ta buộc phải di chuyển hai hàng

<sup>37</sup> Bửu Ngự (1899 - 1949) là con trai cụ Ứng Linh, cháu nội ngài Gia Hưng vương. Năm 1922, vua Khải Định ban sắc chỉ cho Bửu Ngự qua quá kế phòng Vĩnh Quốc công (con trai thứ 7 của vua Thiệu Trị) để trong coi việc tế tự, đổi tên của Ngự thành Hoàng, tập phong tước làm Vĩnh Đình hầu.

<sup>38</sup> Đây là bà Hoàng Thái hậu cuối cùng của triều Nguyễn: Đoàn Huy Hoàng Thái hậu, tên thật là Hoàng Thị Cúc, vợ vua Khải Định (1916 - 1925), mẹ vua Bảo Đại (1926 - 1945).

<sup>39</sup> Ứng Bàng (1881 - 1959) là con trai thứ 5 của cụ Hồng Phì, cháu nội ngài Tùng Thiện vương. Sau khi về hưu được tặng hàm Hiệp tá Đại học sĩ trí sự.

<sup>40</sup> An Khánh vương Nguyễn Phúc Quang (1811 - 1845) là hoàng tử thứ 12 của vua Gia Long. Ông qua đời mà không có con thừa tự nên được thờ tại Triền Thân từ. Năm 1890, vua Thành Thái chuẩn cho lấy một người con trai của Diên Khánh vương, tên là Diên Điệp (1842 - 1909) qua quá kế phòng An Khánh để trong coi việc tế tự, đổi tên của Điệp thành Khâm Thịnh, phong làm An Khánh huyện công, về sau nâng lên quận công. An Khánh quận công Khâm Thịnh có một bà thứ thất Nguyễn Ngọc Thị Can (1863 - 1932) nổi tiếng giàu có, được dân làng An Bình (thuộc phường Hương Hồ, thị xã Hương Trà) tôn là hậu khai canh của làng. Phủ An Khánh vương được xây dựng kiến trúc quy mô lớn và có nhiều ruộng đất là do công lao đóng góp của bà vợ này.

cột mỗi bên và cắt bớt một số mái ở cả hai bên [7, tr. 82]. Hiện nay, chúng ta vẫn có thể hình dung được quy mô kiến trúc tuyệt đẹp của phủ An Khánh vương qua diện mạo Hưng Miếu (PL 8.18, tr. P64). Điều này cho thấy sau năm 1945, nhiều phủ đệ vẫn còn bảo tồn được kiến trúc có quy mô lớn.

Đến năm 1952, cụ Ứng Bình<sup>41</sup> được bà Từ Cung đề cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ<sup>42</sup>. Tuy Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ lúc này không còn quyền lực như thời hoàng kim nhưng tổ chức này vẫn có nhiều đóng góp quan trọng trong việc quản lý và điều hành hệ thống phủ đệ đi vào quy cũ, thường xuyên tổ chức các nghi lễ tế tự tại tôn miếu, lăng tẩm và tái lập các đội Nhạc Chánh và Ba Vũ để duy trì hoạt động của Nhã nhạc cung đình Huế. Cũng trong năm 1953, tại Cố đô Huế đã xảy ra một trận lũ lớn làm cho các di sản phủ đệ bị nhiều hư hại và chìm trong nước lũ nhiều ngày.

### 3.1.2. Trong giai đoạn 1954 - 1975

Chiến tranh, con người và khí hậu khắc nghiệt xứ Huế đã trở thành yếu tố làm biến đổi, phá hoại nhiều di sản phủ đệ triều Nguyễn. Con cháu của các ông hoàng bà chúa sống trong phủ đệ vẫn quen sống trong dư dả, sung sướng, phong lưu, không làm việc vất vả của ăn, có kẻ hầu người hạ và sẵn lòng ban ơn cho kẻ dưới, dẫn cho có lúc kẻ dưới đó là người giàu có nhiều của cải, tiền bạc hơn so với mình. Điều này thể hiện tính cách “Mẹ”<sup>43</sup> một cách rất rõ nét. Ngoài ra, phủ đệ luôn phải tổ chức nhiều nghi lễ cúng tế, tiếp đãi khách thân quen đến ăn uống vào các dịp cúng kỵ và thậm chí một số người sống trong phủ đệ còn đam mê đá gà, đánh bạc... dẫn đến tài sản tiền bạc trong phủ đệ ngày một tiêu tán càng nhanh hơn. Kết quả khi tiền bạc trong phủ đệ không còn một đồng nào để chi dùng buộc người quản lý phủ đệ phải bán các mẫu ruộng đất hương hỏa, các cổ vật quý giá, thậm chí bán luôn nhà rường cổ do chính các vị vua triều Nguyễn ban tặng cho các ông hoàng bà chúa năm xưa. Đằng sau cánh cổng, la thành phủ đệ uy nghiêm, bề thế đó, đời sống riêng của tầng lớp quý tộc hoàng gia triều Nguyễn mấy ai được hiểu rõ một cách tường tận. Cụ Bửu Kế đã miêu tả sinh động về tính cách mẹ và cuộc sống đầy khó khăn của người thân của mình hiện đang giữ vai trò thừa tự, quản lý phủ đệ Lạc Biên quận công, và đặc biệt là sự mất mát lớn về các cổ vật quý như đồ thờ tự, bàn ghế, vật dụng sinh hoạt... Ông đã viết: “*Tiền ra thì có, tiền vào thì không, bác tôi phải bán lần bán hồi cả mấy mẫu ruộng. Rồi các bảo vật cũng lần lượt rủ nhau đến ở với nhà giàu. Một cảnh tượng hết sức não lòng còn in mãi trong trí tôi khiến tôi không sao quên được. Hồi đó túng quá, bác tôi phải gọi người đến bán cái tủ gụ, bộ ngựa và mấy cái bàn ghế. Trả giá đã xong xuôi nhưng đến mười hai giờ khuya, chờ ai nấy ngủ yên, bác tôi mới cho chở. Tay bác tôi cầm một cây đèn gương hình trái bí, hai mắt có ngấn lệ nhìn theo những vật thân yêu sắp về tay người khác. Bác tôi vừa*

<sup>41</sup> Ứng Bình (1877 - 1961) là con trai của Hiệp tá Hồng Thiết, cháu nội ngài Tuy Lý vương. Ông đỗ cử nhân Hán học (1909), được bổ làm tri huyện, rồi tri phủ, bổ chánh Hà Tĩnh, Tuần vũ, Phủ doãn Thừa Thiên, khi về hưu được phong hàm Thượng thư trí sự (1933), Hiệp tá Đại học sĩ (1943), từng giữ chức Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kỳ (1940 - 1945).

<sup>42</sup> Qua bài thơ “*Cáo từ chức Hiệp lý Phủ Tôn Nhân*” của cụ Ứng Bình sáng tác vào năm 1953, chúng ta được biết người đứng đầu Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ lúc này còn có danh xưng là “*Hiệp lý*”.

<sup>43</sup> Mẹ là từ người Huế dùng để gọi phụ nữ ngoài 60 tuổi, cũng là danh xưng mà con cháu gọi người bà của mình, là mẹ nội, mẹ ngoại. Song chữ mẹ trong tiếng Huế còn dùng để gọi những ông hoàng bà chúa và con cháu của họ. Ngày nay, hậu duệ của dòng dõi Nguyễn Phúc Tộc vẫn gọi nhau bằng từ mẹ, dù họ là nam hay nữ.

ra dẫu vừa nói nhỏ nhỏ với bọn phu chuyên chở, bảo chúng đừng gào thét to tiếng quá, đừng làm bàn ghế xô chạm vào nhau mạnh quá. Chao ôi! Nếu để cho những người quanh xóm hay được rằng bác tôi đã quá nghèo nàn đến nỗi phải bán bớt bàn ghế thì còn gì là thể thống nữa?” [49, tr. 21]. Qua câu chuyện của cụ Bửu Kế, tuy chỉ nói về hoàn cảnh của phủ Lạc Biên quận công nhưng nó đã giúp chúng ta cảm nhận được một cách sâu sắc về bức tranh toàn cảnh thực trạng đáng buồn đã từng diễn ra tại các phủ đệ trong lịch sử giai đoạn 1954 - 1975 ở Cố đô Huế, đồng thời đây là ví dụ điển hình về chân dung các mẹ thuở phong kiến mặt kỳ nhưng vẫn cố gắng giữ nét ứng xử của mẹ, để làm sao vẫn giữ được cốt cách của tầng lớp quý tộc hoàng gia triều Nguyễn.

Nhiều phủ đệ công chúa đã bị con cháu chuyển đổi thành nhà thờ họ của ông phò mã hoặc phủ đệ bị xuống cấp, hư hỏng do chiến tranh, thiên tai nên hậu duệ của họ buộc lòng phải hạ giải kiến trúc nhà rường truyền thống, sau đó khám thờ vị công chúa được đưa vào phối thờ trong nhà thờ họ của ông phò mã. Điển hình như phủ đệ Mai An công chúa đã bị phá hủy do chiến tranh nên khám thờ Mai An công chúa cùng phò mã Thân Trọng Di được thiết trí thờ phụng tại nhà thờ họ Thân ở làng Nguyệt Biều<sup>44</sup>. Vì vậy, kiến trúc phủ đệ công chúa triều Nguyễn còn bảo tồn rất ít cho đến ngày nay.

Sau khi phụ trách quản lý Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ một thời gian thì cụ Ứng Bình giao lại chức Chủ tịch Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ cho cụ Ứng Úy<sup>45</sup>. Với vai trò phụ trách Tôn Nhân Phủ, cụ Ứng Úy đã tiếp tục điều hành tổ chức các nghi lễ tế tự tại các liệt miếu, lăng tẩm và quản lý hệ thống phủ đệ triều Nguyễn. Tuy nhiên, một biến cố lịch sử lại tiếp tục xảy ra đối với hoàng tộc triều Nguyễn, ngày 23/10/1955, Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc “*trung cầu dân ý*” phế truất cựu hoàng Bảo Đại và lên làm Quốc trưởng. Chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam ra đời ngày 26/10/1955 và Ngô Đình Diệm trở thành Tổng thống. Sau khi lên nắm quyền, Ngô Đình Diệm đã tịch thu cung An Định và nhiều tài sản của cựu hoàng Bảo Đại, các hoàng thân quốc thích. Nhiều diện tích đất đai của phủ đệ bị chính quyền tịch thu. Trong thời gian này, cơ quan quản lý phủ đệ triều Nguyễn không còn được gọi tên là Hội đồng trị sự Tôn Nhân Phủ như dưới thời cựu hoàng Bảo Đại mà quay trở lại tên gọi Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc do cụ Bửu Vu<sup>46</sup> làm Chủ tịch Hội đồng.

Năm 1963, bà Từ Cung tiến cử cụ Vĩnh Tăng<sup>47</sup> làm Chủ tịch Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc. Đến năm 1965, cụ Vĩnh Tăng bàn giao trách nhiệm quản lý Hội đồng Nguyễn Phước Tộc cho ông Tôn Thất Đính (1926 - 2013). Qua các thời Chủ tịch Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc khác nhau, dấu ấn về vai trò của bà Từ Cung rất quan trọng trong Hội đồng và hệ thống di sản phủ đệ triều Nguyễn. Những hoạt động

<sup>44</sup> Nhà thờ họ Thân làng Nguyệt Biều (thuộc phường Thủy Biều, thành phố Huế) hiện nay vẫn còn bảo quản một số hiện vật quý liên quan đến Mai An công chúa như chiếc giường, tủ, hoành phi... Đặc biệt, chiếc giường được làm bằng gỗ, ở các vị trí thành giường, chân giường, khung giường đều được chạm trổ theo mô típ cung đình Huế.

<sup>45</sup> Ứng Úy (1889 - 1970) là con trai ông Hồng Thi, cháu nội của Tuy Lý vương. Ông từng giữ chức Tổng đốc tỉnh Thanh Hóa, Thượng thư Bộ Công và nghi lễ triều vua Bảo Đại.

<sup>46</sup> Bửu Vu (1903 - 1978) là con trai trưởng của cụ Ứng Thiết (thuộc phòng Phong Quốc công).

<sup>47</sup> Vĩnh Tăng (1911 - 1986) là con trai trưởng của Kiên Thụy hương công Bửu Thạch (1875 - 1952). Ông được tập ấm tước Kỳ ngoại hầu, sung chức Miếu lang lăng vua Gia Long kiêm Chủ tự phủ Thoại Thái vương. Ông từng viết văn, làm báo, là ký giả của báo Le Chasseur de l'Indochine.

hội họp của Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc để bàn luận về nghi lễ cúng tế, giải quyết công việc liên quan đến các phủ đệ trong giai đoạn này đều chủ yếu diễn ra ở nhà bà Từ Cung<sup>48</sup>.

Sự kiện năm Mậu Thân 1968, phủ đệ triều Nguyễn bị bom đạn chiến tranh tàn phá rất nặng nề. Ngoài việc nhiều kiến trúc phủ đệ bị cháy, phá hủy do bom đạn còn xảy ra tình trạng cướp phá, ăn trộm cổ vật quý (sắc phong, chế phong, sách đồng, đồ sứ ký kiểu...) diễn ra thường xuyên tại các phủ đệ. Vì các thành viên sống trong phủ đệ phải đi tản cư ra khỏi vùng chiến sự một thời gian khá dài, phủ đệ không có ai bảo vệ, quản lý. Qua lời kể của ông Vĩnh Hương, hậu duệ phủ Nam Sách quận công chúng ta có thể hình dung một phần nào về di sản phủ đệ trong bối cảnh chiến tranh diễn ra ác liệt ở Cố đô Huế: *“Chiến tranh năm 1968, một quả bom thả gần phủ Nam Sách quận công đã làm cháy kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, cổng phủ và bình phong đều bị phá hủy. Cha của tôi chỉ còn kịp mang theo các bài vị tổ tiên và một số sắc phong, sắc chỉ, gia phả chạy ra khỏi đám cháy. Phủ của chúng tôi không biết đến bao giờ mới được phục hồi lại được như xưa”* (PL 2, tr. P4).

Trong những năm 70 của thế kỷ XX, nhiều phủ đệ đã được quan tâm trùng tu, tôn tạo nhưng vẫn không thể phục hồi lại được vẻ đẹp cổ kính như xưa. Với tư cách là Phó Chủ tịch Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc, ông Bửu Oai đã có nhiều dịp đi thăm viếng và tham dự nhiều buổi lễ tế cúng diễn ra tại các phủ đệ. Sau đó, ông đã có nhận xét: *“Sau một thời gian dài đàng đẵng, kể từ năm 1942 đến nay, chư Phủ - Phòng thuộc đại tộc Nguyễn Phước do những thăng trầm biến đổi đã không trực tiếp liên lạc với Phủ Tôn Nhon. Các Tôn tộc chỉ biết đóng khung trong Phủ - Phòng của mình, không trực nhân sự liên lạc của Hệ và hệ thống điều hành Trung ương. Do đó, Tôn Nhon Phủ khó lòng can thiệp giúp đỡ mỗi khi các Phủ - Phòng gặp điều bất lợi. Trong số 130 Phủ - Phòng, tôi được hân hạnh đến thăm viếng, dự lễ và tìm hiểu, có thể có ước chừng 50 Phủ - Phòng còn giữ lễ lối cũ, thờ phụng tôn nghiêm, tổ chức nội phòng chu đáo”* [74]. Điều này cho thấy trong giai đoạn năm 1954 - 1975, Cố đô Huế vẫn còn bảo lưu được 130 phủ đệ có quy mô kiến trúc khác nhau và vẫn còn khoảng 50 phủ đệ bảo tồn được kiến trúc truyền thống, thực hành các nghi lễ tế tự một cách khá thường xuyên.

### **3.1.3. Trong giai đoạn 1975 - 1986**

Sau khi thống nhất đất nước vào năm 1975<sup>49</sup>, lịch sử dân tộc đã sang trang nhưng số phận của di sản phủ đệ triều Nguyễn đã phải trải qua nhiều biến động. Với cái nhìn định kiến của một số người bấy giờ, phủ đệ triều Nguyễn được cho là tàn dư của chế độ cũ nên một số phủ đệ tiếp tục bị lãng quên. Một vài kiến trúc phủ đệ không còn được con cháu thờ phụng và quản lý nên đã bị đưa vào sử dụng với những mục đích khác nhau như phủ đệ Tuyên Hóa vương, An Hóa quận vương, Mỹ Lương công chúa được chia cho nhiều hộ gia đình ở. Nhiều phủ đệ bị hư hỏng, bị đột nát, nứt vỡ bờ

<sup>48</sup> Vào năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tịch thu cung An Định, vốn là nơi sinh sống của bà Từ Cung. Bà đã mua lại ngôi nhà của một trong những người vợ vua Khải Định là bà Ân Phi tại 79 Phan Đình Phùng (nay là số 145 Phan Đình Phùng, thành phố Huế).

<sup>49</sup> Chính quyền Cách mạng đã tiếp quản và chuyển trả cung An Định cho đức Từ Cung, nhưng bà tự nguyện hiến công trình này cho chính quyền.

nóc, bờ quyết, các cấu kiện chịu lực mục ruỗng, thậm chí có nguy cơ đổ sụp vào bất kỳ lúc nào. Khi không còn đủ khả năng giữ gìn, trùng tu thì con cháu của các ông hoàng bà chúa đã triệt giải một số công trình kiến trúc nhà rường trong phủ đệ đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Bên cạnh đó, dưới tác động của một số chính sách văn hóa được thực hiện trong giai đoạn này, hoạt động nghi lễ tế tự tại các phủ đệ cũng bị ảnh hưởng, gián đoạn cho đến khi Nhà nước bắt đầu thi hành chính sách đổi mới (1986).

Trong giai đoạn này, kinh tế đất nước rất khó khăn, nhiều gia đình sống trong phủ đệ triều Nguyễn đã bán dần tài sản có giá trị để cải thiện đời sống. Lúc đầu, họ chỉ bán các vật dụng, vàng bạc, tiếp đến là đồ thờ tự, các cổ vật quý do các vị vua triều Nguyễn ban tặng cho các ông hoàng bà chúa như sắc phong, sách đồng, chiếu chỉ... và cuối cùng bán luôn cả nhà rường, chỉ giữ lại cho mình mảnh đất nhỏ để mưu sinh và thờ tự tổ tiên. Nhiều cổ vật đáng giá và rất có giá trị đã bị đưa ra nước ngoài bởi các tay buôn đồ cổ. Ngoài ra, đất vườn phủ đệ rộng nhưng ít có giá trị, không có người ở và canh tác. Vì vậy, nhiều người sinh sống ở những nơi khác đã đến xin làm nhà ở tạm, sau này họ chiếm luôn làm đất ở lâu dài và tình trạng lấn chiếm đất đai phủ đệ diễn ra một cách thường xuyên khiến cảnh quan phủ đệ ngày càng bị thu hẹp và biến đổi nhiều. Ngoài ra, một số phủ đệ triều Nguyễn được giao lại quyền quản lý cho con cháu ngoại giữ gìn, hương khói vì con cháu trực hệ đã di chuyển ra nước ngoài sinh sống. Trong thập niên 1980, nhiều viên tẩm của các ông hoàng bà chúa tọa lạc ở trong khu vực thành phố Huế và vùng phụ cận bị kẻ gian bắt chắp mọi luân thường, đạo lý, đào phá, lấy đi rất nhiều đồ tùy táng có giá trị. Điển hình là viên tẩm Kiên Thái vương<sup>50</sup> tọa lạc tại vùng Dương Xuân bị kẻ gian đào bới, lấy đi rất nhiều đồ tùy táng có giá trị. Ngoài ra, năm 1985, một trận bão lớn đã đổ bộ vào Cố đô Huế, khiến nhiều phủ đệ bị tốc mái, hư hỏng nặng, nhiều cây xanh bị bật gốc và ngã đổ.

Sau khi bà Từ Cung qua đời vào năm 1980, tổ chức Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc cũng dần giải tán, tạm ngừng hoạt động. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến hệ thống di sản phủ đệ triều Nguyễn. Bởi, phủ đệ không còn được sự quản lý và điều hành của Hội đồng Nguyễn Phước Tộc thống nhất trong toàn quốc, đặc biệt là mất đi vai trò điều hành, hỗ trợ của đức Từ Cung - một người rất có uy tín và tiếng nói vô cùng trọng lượng trong hoàng tộc triều Nguyễn. Gần 10 năm sau, trong dịp lễ cung nghinh long vị liệt thánh về thờ ở Triệu Tổ Miếu vào tháng 5 năm Kỷ Tỵ (1989), con cháu trong dòng họ Nguyễn Phúc đã nối kết lại, cùng nhau thành lập Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc do ông Tôn Thất Hàng làm Chủ tịch, ông Bửu Dục làm Phó Chủ tịch để lo liệu các công việc liên quan đến dòng họ, tổ chức cúng tế tại tôn miếu và lắng tẩm các vị vua chúa nhà Nguyễn. Kế nhiệm ông Tôn Thất Hàng là ông Tôn Thất Hanh làm Chủ tịch Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc<sup>51</sup> từ năm 1991 - 2007 và hiện nay đương kim Chủ tịch Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc là ông Tôn Thất Viễn Bào.

<sup>50</sup> Kiên Thái vương Hồng Cai (1845 - 1876) là thân sinh của 3 vị vua triều Nguyễn: Vua Đồng Khánh, vua Hàm Nghi và vua Kiến Phúc).

<sup>51</sup> Phó Chủ tịch Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc gồm có ông Bửu Tu, Chiêm Tứ, Nguyễn Phước Lô.

### **3.2. Sự biến đổi của di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa (giai đoạn 1986 - 2018)**

#### **3.2.1. Quá trình đô thị hóa ở thành phố Huế từ năm 1986 đến năm 2018**

Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI vào tháng 12/1986 đã mở ra một thời kỳ phát triển mới trong lịch sử dân tộc. Với đường lối, chính sách đổi mới, kinh tế - xã hội bắt đầu phát triển đi lên, tác động trực tiếp đến các đô thị ở miền Trung, tạo nên sự bùng nổ đô thị hóa trên mọi miền đất nước. Nền kinh tế nhiều thành phần đã làm cho đời sống các gia đình có nhiều thay đổi, đặc biệt là sự xuất hiện của kinh tế hộ gia đình. Chính sách phát triển công nghiệp ngoài quốc doanh, việc nới lỏng kiểm soát về hộ khẩu khiến tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, dòng di cư từ nông thôn ra đô thị ngày càng lớn.

Theo Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg ngày 23/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 đã xác định, mạng lưới đô thị cả nước được hình thành và phát triển trên cơ sở các đô thị trung tâm, gồm Thành phố trung tâm cấp quốc gia như: Thủ đô Hà Nội, các Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Huế. Theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 khi định hướng tổ chức không gian hệ thống đô thị cả nước đã nêu rõ, mạng lưới đô thị quốc gia được phân theo các cấp, bao gồm: Các đô thị trung tâm cấp quốc gia; các đô thị trung tâm cấp vùng liên tỉnh; các đô thị Trung tâm cấp tỉnh; các đô thị Trung tâm cấp huyện; các đô thị Trung tâm cụm các khu dân cư nông thôn và các đô thị mới. Mạng lưới đô thị cả nước được hình thành và phát triển trên cơ sở các đô thị Trung tâm, gồm Thành phố trung tâm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế như: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng và Huế. Như vậy, Huế được xác định là 1 trong 5 đô thị trung tâm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Từ định hướng phát triển trên, quá trình đô thị hóa Huế không ngừng được đẩy mạnh, nhất là khu vực trung tâm thành phố. Hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ du lịch, các khu dân cư được chính quyền địa phương quy hoạch, đầu tư một cách đồng bộ và có tầm ổn định dài hạn, từ đó góp phần tạo nên diện mạo mới của các phường/xã ở thành phố Huế.

Năm 1990, thành phố Huế có 17 xã tách ra nhập trở về các huyện. Sau khi điều chỉnh, thành phố Huế còn 18 phường và 5 xã, với tổng diện tích là 6.777,2 ha, dân số 259.838 người. Có thể nói, “*vào cuối những năm 90 của thế kỷ XX, đô thị hóa ở Thừa Thiên Huế chủ yếu tập trung ở trung tâm hành chính tỉnh lý thành phố Huế dưới 50% cư dân vẫn là nông nghiệp, thì hiện nay quá trình đô thị hóa đã chuyển đổi lực lượng lao động sang phi nông nghiệp, với tỷ lệ trên dưới 90%*” [68, tr. 51]. Tháng 10/1993, thành phố Huế được công nhận đô thị loại 2. Đến ngày 24/8/2005, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 209/2005/QĐ-TTg công nhận thành phố Huế là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là công nhận của Trung ương về sự phát triển



toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội...; trong đó có nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy các giá trị của di sản văn hóa Huế. Chính phủ và các tổ chức quốc tế, đặc biệt là UNESCO đã ghi nhận và đánh giá cao Thừa Thiên Huế thực hiện tốt việc kết hợp hài hòa giữa phát triển đô thị và bảo tồn giá trị văn hóa lịch sử. Qua các lần chia tách vào 22/11/1995, 27/3/2007 và 25/03/2010, thành phố Huế có 7.099 ha diện tích tự nhiên và 339.822 nhân khẩu, có 27 phường trực thuộc, gồm: An Cựu, An Hòa, An Đông, An Tây, Hương Sơ, Kim Long, Phú Bình, Phú Cát, Phú Hậu, Phú Hiệp, Phú Hòa, Phú Hội, Phú Nhuận, Phú Thuận, Phước Vĩnh, Phường Đức, Tây Lộc, Thuận Hòa, Thuận Lộc, Thuận Thành, Trường An, Vĩnh Ninh, Vĩ Dạ, Xuân Phú, Hương Long, Thủy Xuân, Thủy Biều. Trên cơ sở quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 6/5/2014, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Kế hoạch số 51/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 về tổ chức lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (giai đoạn 2017-2020). Cụ thể, đã hoàn thành việc lập và phê duyệt một số đồ án quy hoạch như: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 khu vực Thủy Xuân, Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 khu vực Hương Long, quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500), khu dịch vụ du lịch cao cấp Cồn Hến, phường Vĩ Dạ, thành phố Huế. Đồng thời, đang tiến hành lập, điều chỉnh các quy hoạch khác như: Quy hoạch phân khu phường An Tây, quy hoạch phân khu phường Kim Long, điều chỉnh Quy hoạch phân khu Trung tâm văn hóa phía Tây Nam, điều chỉnh quy hoạch phân khu các phường Phú Hậu - Phú Hiệp - Phú Cát, điều chỉnh quy hoạch Khu trung tâm phía Nam thành phố Huế, Quy hoạch chi tiết hai bên bờ sông Hương, đặc biệt hiện đang xây dựng Thiết kế đô thị các trục đường Lê Lợi, Hùng Vương, Nguyễn Huệ... Các khu vực dân cư được quy hoạch đầy đủ, bố trí các cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa, công cộng cơ bản đáp ứng từng bước và hoàn thiện đối với các khu dân cư mới được hình thành.

Dân số trung bình của thành phố Huế năm 2017 là 356.159 người, chiếm 31,01% dân số toàn tỉnh, trong đó: Nam có 176.132, nữ có 180.027 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2010 là 11,62%; năm 2017 giảm còn 10,90% [110]. Công tác dân số kết hợp lồng ghép các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình được duy trì thường xuyên. Tuy nhiên, việc giảm tỷ suất sinh hằng năm chưa được vững chắc, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm chậm, một số phường có chiều hướng tăng.

Trong những năm qua, trên cơ sở khai thác những lợi thế của thành phố Festival và về di sản văn hoá, cơ sở vật chất - kỹ thuật và nguồn nhân lực du lịch được cải thiện, ngành du lịch của thành phố phát triển nhanh về các loại hình kinh doanh sản phẩm du lịch. Đã có những chuyên biển lớn, thu hút được các thành phần kinh tế tham gia, phát triển du lịch cả về quy mô, số lượng và chất lượng dịch vụ; các hoạt động quảng bá, giới thiệu tiềm năng, xúc tiến đầu tư, khai thác thị trường được chú trọng và đẩy mạnh, đội ngũ lao động ngành du lịch được đào tạo, nâng cao nghiệp vụ. Ngành du lịch tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp khách sạn, nhà hàng, nhà vườn sinh thái, gắn với tổ chức các hoạt động lễ hội, đặc biệt là Festival Huế, Festival làng nghề

truyền thống Huế. Tổng lượt khách đến Huế năm 2018 ước đạt 2,6 triệu lượt khách tăng 10,6% so với năm 2017. Doanh thu du lịch ước đạt 2.750 tỷ đồng tăng 18,5% so với cùng kỳ [117].

Thành phố Huế đã khẳng định được vị thế về văn hóa, chính trị, nhân văn đối với quốc gia, khu vực và toàn thế giới. Điều này được thể hiện qua việc thành phố Huế được công nhận “*Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam*” (2007), “*Thành phố Văn hóa ASEAN*” (2014), “*Thành phố Bền vững môi trường ASEAN*” (2014), “*Thành phố Xanh quốc gia*” (2016). Tuy nhiên, nhiều thách thức đặt ra cho Huế khi giữ gìn và phát triển cảnh quan môi trường của vùng đất lịch sử, văn hóa trước sự bùng nổ của đô thị hóa hiện đại. Hiện nay, Thừa Thiên Huế đang tiếp tục phát triển và phấn đấu thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2025 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế.

Đô thị hóa thành phố Huế ngày càng được đẩy mạnh và tạo nên nhiều chuyển biến lớn trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội,... đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó có di sản phủ đệ triều Nguyễn. Kinh tế phát triển nên người dân có điều kiện quan tâm trùng tu, tôn tạo các di sản phủ đệ, đồ thờ được phục chế, đồ lễ đa dạng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, chính quá trình đô thị hóa hiện nay đã tác động, ảnh hưởng rất lớn đến các di sản phủ đệ triều Nguyễn. Nhìn một cách tổng thể có thể thấy, thực trạng phát triển đô thị hóa ở thành phố Huế hiện nay là rất đáng lo ngại. Các công trình hiện đại mọc lên ngày càng nhiều, ngay trong khoảng vùng bảo vệ di tích phủ đệ là một vấn đề khó giải quyết trong công tác bảo tồn và quản lý di tích phủ đệ ở thành phố Huế hiện nay.

Diện tích lớn đất nông nghiệp được chuyển dịch sang đất phi nông nghiệp do việc trưng dụng đất để xây dựng các công trình sự nghiệp, cơ sở hạ tầng phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó chủ yếu là các công trình đường giao thông, nhà ở. Đô thị hóa với việc chỉnh trang đô thị, gia tăng dân nhập cư, chuyển đổi nghề nghiệp, đời sống vật chất cao hơn, đa dạng hóa ngành nghề, thiên về phát triển công nghệ, dịch vụ, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, hình thành lối sống đô thị... khiến di sản phủ đệ cũng chịu tác động mà thay đổi theo. Sự yếu kém trong quản lý đô thị thể hiện cụ thể qua sự tập trung quá lớn các công trình cao tầng vào vùng lõi khu di sản Huế và sự phát triển cơ sở hạ tầng ở các khu vực cận kề các khu vực tập trung nhiều di sản phủ đệ. Điều đó khiến không gian bảo vệ di sản phủ đệ bị thu hẹp, bị ô nhiễm về nhiều mặt, các yếu tố thiên nhiên vốn là điều kiện cần làm nên vẻ đẹp của kiến trúc phủ đệ đã bị mai một rất nhiều. Đồng thời, di sản phủ đệ cũng đứng trước nguy cơ bị biến đổi về quy hoạch, cảnh quan, kết cấu, kiến trúc, nghệ thuật trang trí, không gian xã hội... Chính vì vậy, công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay đã và đang đứng trước những thử thách lớn, cần có những giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn đạt hiệu quả, đi vào cuộc sống người dân.

### 3.2.2. Sự biến đổi của di sản phủ đệ triều Nguyễn trong quá trình đô thị hóa từ năm 1986 đến năm 2018

Thế giới trầm mặc của những phủ đệ triều Nguyễn mang nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa, kiến trúc và nghệ thuật độc đáo vẫn đang bị biến đổi một cách nhanh chóng trong quá trình đô thị hóa hiện nay.

#### - Sự biến đổi về quy hoạch

Phủ đệ triều Nguyễn được quy hoạch nằm ở những vùng đất bằng phẳng, bên cạnh các dòng sông hoặc những cánh đồng lúa mênh mông. Tuy nhiên hiện nay, những con sông đã bị kè bê tông, cánh đồng lúa đã biến thành khu đô thị, dân cư sầm uất<sup>52</sup>. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến giá trị quy hoạch tổng thể kiến phủ đệ triều Nguyễn. Hình ảnh phủ đệ Kiên Thái vương, An Hóa quận vương, Mỹ Hóa công, Kiến Hòa quận công nằm bên cạnh cánh đồng gạo de An Cựu xanh tươi chỉ còn lưu lại trong tâm thức của những người Huế xưa. Theo những con đường Nguyễn Sinh Cung<sup>53</sup>, Chi Lăng, Nguyễn Chí Thanh, rất nhiều nhà cửa, nhà hàng, khách sạn và hàng quán được xây dựng nối tiếp xen kẽ với nhiều phủ đệ triều Nguyễn có công phủ cổ kính.

Hiện nay, không còn nhiều không gian bốn phía bao quanh phủ đệ mà hầu hết chỉ còn hình thái ngôi nhà chính có duy nhất hình chữ nhật theo phương dọc. Không gian quy hoạch tổng thể kiến trúc phủ đệ từ không gian lớn đang biến đổi sang không gian nhỏ với khuôn viên khu đất vườn phủ ngày càng bị thu hẹp, nhiều công trình xây dựng mới để phục vụ nhu cầu ăn ở của con cháu sống trong phủ đệ. Có chăng chỉ còn lại một số phủ đệ còn giữ được khá nguyên vẹn cảnh quan kiến trúc phủ đệ truyền thống như: Phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Phong Quốc công, An Thường công chúa, Ngọc Sơn công chúa... Thực trạng nhiều phủ đệ có khuôn viên đất đai đã bị phân lô, tách thửa bán đất cho người ngoại tộc xây nhà ở, buôn bán; trường hợp khác, di sản phủ đệ bị người dân sống xung quanh lấn chiếm trái phép để xây dựng công trình hiện đại nên diện tích phủ đệ ngày càng bị thu hẹp, ảnh hưởng xấu đến cảnh quan kiến trúc phủ đệ truyền thống như: Phủ đệ Diên Khánh vương, Hoài Đức quận vương, Phú Bình quận vương, Thọ Xuân vương, Vĩnh Tường quận vương. Kết quả di sản phủ đệ trở nên nhỏ bé và khiêm nhường nằm xen giữa phố thị đông đúc. Thuật phong thủy và các nguyên lý triết học cổ đã được người xưa áp dụng một cách chặt chẽ khi quy hoạch xây dựng phủ đệ nhưng nay đã bị biến đổi rất nhiều.

Các hồ nước vừa để tôn tạo và cân bằng quy hoạch cảnh quan, vừa giải quyết vấn đề tiêu thông thoát nước, tránh tình trạng úng ngập trong phủ đệ vào mùa mưa nhưng hiện nay hầu hết hồ nước trong phủ đệ đều bị san lấp, lấn chiếm lấy mặt bằng xây dựng nhà ở và các công trình công cộng như phủ đệ Thọ Xuân vương, Lạc Biên quận công, Vĩnh Tường quận vương. Nhiều hộ dân sống xung quanh phủ đệ đã xây dựng nhà ở theo nhiều

<sup>52</sup> Ví dụ điển hình vào năm 1998, khi đô thị mới Nam Vĩ Dạ (thuộc phường Vĩ Dạ) đầu tiên của Huế hình thành ngay trên 80ha đất ruộng cạnh bên. Từ một tuyến đường chính chạy xuyên suốt, cả Vĩ Dạ được định hình 42 tuyến đường trải nhựa; ruộng đồng được san lấp thành phố, kiệt ngõ mở rộng thành đường phố, nhà cửa san sát.

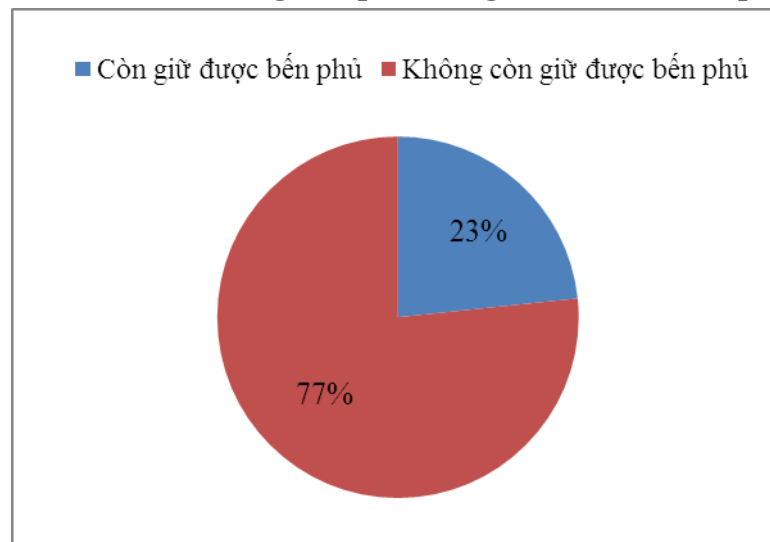
<sup>53</sup> Các cụ cao niên kể lại, trước đây đường Nguyễn Sinh Cung (Thuận An xưa) xuyên qua làng Vĩ Dạ rợp bóng cây sanh, bò đề, hai bên là từng khu nhà vườn, phủ đệ nối tiếp vườn, rồi công ngõ rêu phong cổ kính với từng dãy chèo tàu, hàng cau phẳng phiêu hay tre trúc, giậu hoa.

kiểu khác nhau. Điều đó đã tạo ra sự biến đổi lớn về hình thái quy hoạch tổng thể khu vực phủ đệ triều Nguyễn mà chúng ta có thể thấy như hiện nay.

*- Sự biến đổi về cảnh quan*

Ngày xưa, bến phủ đáp ứng nhu cầu đi lại, sinh hoạt thường ngày của các ông hoàng, bà chúa và những người sống trong phủ đệ. Nhưng nay nhu cầu đó không còn vì chủ yếu con cháu sống trong phủ đệ đi lại bằng đường bộ, đã có nước sạch đến từng nhà nên bến phủ không còn đóng vai trò quan trọng trong mỗi phủ đệ, có chăng chỉ còn trong ký ức của các vị cao niên sống trong phủ đệ. Để đánh giá được hiện trạng bến phủ hiện nay ở thành phố Huế, nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát 60 công trình di sản phủ đệ, kết quả (biểu đồ 3.1) thu được như sau: Có 23% di sản phủ đệ còn giữ được bến phủ và có 77% di sản phủ đệ không còn giữ được bến phủ. Điều này cho thấy, bến phủ dần dần bị phá hủy và quên lãng trong quá trình đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế.

**Biểu đồ 3.1. Hiện trạng bến phủ trong kiến trúc di sản phủ đệ**



[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Nhiều bến phủ bị phá hủy trong quá trình xây dựng kè bờ sông, bị sạt lở trong những trận lũ lụt hoặc bị chuyển đổi thành cống thoát nước. Có trường hợp người quản lý phủ đệ hiện nay đồng ý cho các công nhân phá bến nước để xây kè vì họ cảm thấy không cần thiết phải giữ lại bến phủ. Cụ thể, bến phủ Tuy Lý vương bị chuyển đổi thành cống thoát nước, bến phủ Cẩm Xuyên quận vương bị phá hủy để làm kè sông Kè Vạn, bến phủ Mỹ Hóa công bị phá hủy làm kè sông An Cựu, bến phủ An Thường công chúa, Lạc Hóa quận công bị sạt lở nghiêm trọng, còn bến phủ Thọ Xuân vương, Thoại Thái vương, Hòa Thạnh vương bị các hộ dân lấn chiếm hoặc bị phá hủy lúc làm con đường Trịnh Công Sơn nằm dọc sông Hương (thuộc phố cổ Gia Hội - Chợ Dinh).

Hiện nay, đa số phủ đệ không còn giữ được kiến trúc bình phong xưa như: Phủ đệ Phú Bình quận vương, Tuy An quận công, Kiến Hòa quận công, Phú Mỹ quận công... Trường hợp khác, bình phong đã bị biến đổi về mặt cấu trúc, nghệ thuật trang trí qua các lần trùng tu, tôn tạo phủ đệ, đặc biệt các biểu tượng trang trí khảm sành sứ đã bị bong tróc, hư hại rất nhiều như phủ đệ Kiên Thái vương, Mỹ Hóa công, An Hóa

quận vương. Tuy nhiên vẫn còn một số phủ đệ bảo lưu được bình phong xưa như phủ Tuy Lý vương, Tùng Thiện vương, Vĩnh Tường quận vương... (Bảng 3.1)

**Bảng 3.1. Thống kê phủ đệ còn giữ được bình phong**

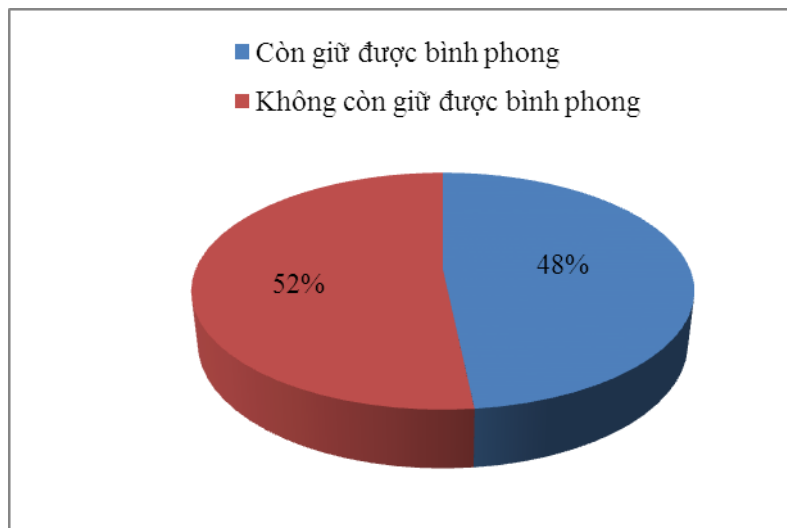
PHÂN LOẠI	BÌNH PHONG PHỦ ĐỆ Ở HUẾ																																		
1. CHÈ TÀU																																			
2. CỐ MÁI																																			
3. CUỐN THỦ																																			
	4. NON BỘ																																		
<p><b>CHÚ THÍCH</b></p> <table border="0"> <tr> <td>1 NGHĨA QUỐC CÔNG</td> <td>8 TÙNG THIÊN VƯƠNG</td> <td>15 HẠM THUẬN CÔNG</td> <td>22 KIẾN PHONG CÔNG</td> </tr> <tr> <td>2 AN THƯỜNG CÔNG CHÚA</td> <td>9 AN HÒA CÔNG</td> <td>16 HOÀNG HÒA QUẬN VƯƠNG</td> <td>23 HÒA QUỐC CÔNG</td> </tr> <tr> <td>3 KIẾN AN VƯƠNG</td> <td>10 AN THÀNH VƯƠNG</td> <td>17 PHỦ MỸ CÔNG CHÚA</td> <td>24 TỬ SƠN CÔNG</td> </tr> <tr> <td>4 KIẾN THÁI VƯƠNG</td> <td>11 CẨM XUYÊN QUẬN VƯƠNG</td> <td>18 LẠC HÒA QUẬN CÔNG</td> <td>25 TẶNG DUYE HOÀNG THÁI TỬ</td> </tr> <tr> <td>5 MỸ HÓA CÔNG</td> <td>12 DIỄN KHÁNH VƯƠNG</td> <td>19 NGỌC LÂM CÔNG CHÚA</td> <td>26 TRẦN TÍNH QUẬN CÔNG</td> </tr> <tr> <td>6 PHONG QUỐC CÔNG</td> <td>13 DIỄN PHÚC CÔNG CHÚA</td> <td>20 HÒA THÀNH VƯƠNG</td> <td>27 TƯƠNG AN QUẬN CÔNG</td> </tr> <tr> <td>7 THỌ XUÂN VƯƠNG</td> <td>14 GIA HƯNG VƯƠNG</td> <td>21 THOẠI THÁI VƯƠNG</td> <td>28 VĨNH TƯỜNG QUẬN CÔNG</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td>29 NGỌC SƠN CÔNG CHÚA</td> </tr> </table>				1 NGHĨA QUỐC CÔNG	8 TÙNG THIÊN VƯƠNG	15 HẠM THUẬN CÔNG	22 KIẾN PHONG CÔNG	2 AN THƯỜNG CÔNG CHÚA	9 AN HÒA CÔNG	16 HOÀNG HÒA QUẬN VƯƠNG	23 HÒA QUỐC CÔNG	3 KIẾN AN VƯƠNG	10 AN THÀNH VƯƠNG	17 PHỦ MỸ CÔNG CHÚA	24 TỬ SƠN CÔNG	4 KIẾN THÁI VƯƠNG	11 CẨM XUYÊN QUẬN VƯƠNG	18 LẠC HÒA QUẬN CÔNG	25 TẶNG DUYE HOÀNG THÁI TỬ	5 MỸ HÓA CÔNG	12 DIỄN KHÁNH VƯƠNG	19 NGỌC LÂM CÔNG CHÚA	26 TRẦN TÍNH QUẬN CÔNG	6 PHONG QUỐC CÔNG	13 DIỄN PHÚC CÔNG CHÚA	20 HÒA THÀNH VƯƠNG	27 TƯƠNG AN QUẬN CÔNG	7 THỌ XUÂN VƯƠNG	14 GIA HƯNG VƯƠNG	21 THOẠI THÁI VƯƠNG	28 VĨNH TƯỜNG QUẬN CÔNG				29 NGỌC SƠN CÔNG CHÚA
1 NGHĨA QUỐC CÔNG	8 TÙNG THIÊN VƯƠNG	15 HẠM THUẬN CÔNG	22 KIẾN PHONG CÔNG																																
2 AN THƯỜNG CÔNG CHÚA	9 AN HÒA CÔNG	16 HOÀNG HÒA QUẬN VƯƠNG	23 HÒA QUỐC CÔNG																																
3 KIẾN AN VƯƠNG	10 AN THÀNH VƯƠNG	17 PHỦ MỸ CÔNG CHÚA	24 TỬ SƠN CÔNG																																
4 KIẾN THÁI VƯƠNG	11 CẨM XUYÊN QUẬN VƯƠNG	18 LẠC HÒA QUẬN CÔNG	25 TẶNG DUYE HOÀNG THÁI TỬ																																
5 MỸ HÓA CÔNG	12 DIỄN KHÁNH VƯƠNG	19 NGỌC LÂM CÔNG CHÚA	26 TRẦN TÍNH QUẬN CÔNG																																
6 PHONG QUỐC CÔNG	13 DIỄN PHÚC CÔNG CHÚA	20 HÒA THÀNH VƯƠNG	27 TƯƠNG AN QUẬN CÔNG																																
7 THỌ XUÂN VƯƠNG	14 GIA HƯNG VƯƠNG	21 THOẠI THÁI VƯƠNG	28 VĨNH TƯỜNG QUẬN CÔNG																																
			29 NGỌC SƠN CÔNG CHÚA																																

[Nguồn: Tác giả]

Nhiều phủ đệ xây dựng bình phong mới do bình phong cổ đã bị phá hủy từ lâu nhưng không thể nào làm giống như xưa vì các yếu tố gốc cấu thành bình phong đã bị phá hủy từ lâu nên bình phong mới xây dựng có trường hợp quá to so với nhà chính hoặc nhỏ so với nhà chính nên đã xảy ra hiện tượng không cân đối, ảnh hưởng đến cảnh quan và không phát huy hiệu quả thuật phong thủy theo ý đồ của tiên nhân tạo dựng phủ đệ. Nhiều bình phong được xây mới theo kiến trúc hiện đại, nghệ thuật trang trí đơn giản, không còn thực hiện những mảng trang trí mang đậm dấu ấn cung đình triều Nguyễn như biểu tượng rồng, phượng hoàng, long mã. Để đánh giá được hiện trạng bình phong xưa tại các di sản phủ đệ còn gìn giữ được hiện nay ở thành phố Huế,

tác giả luận án này đã tiến hành khảo sát 60 công trình di sản phủ đệ, kết quả (biểu đồ 3.2) thu được như sau: Có 48% di sản phủ đệ còn giữ được bình phong và có 52% di sản phủ đệ không còn giữ được bình phong. Điều này cho thấy, bình phong phủ đệ cổ đang dần bị phá hủy để xây dựng lại theo kiểu thức mới.

**Biểu đồ 3.2. Hiện trạng bình phong trong kiến trúc di sản phủ đệ**



[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

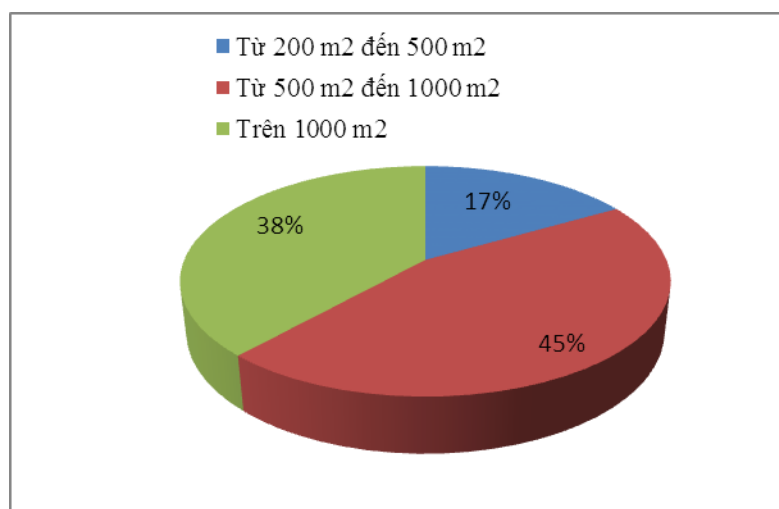
Trải qua thời gian dài, hầu hết bể cạn, hòn non bộ ở phủ đệ đã bị phá hủy hoặc thay đổi chức năng trong các đợt trùng tu, sửa chữa phủ đệ như bể cạn ở phủ Tuy Biên quận công đã thay đổi chức năng thành chậu đổ đất trồng cây. Những trường hợp bảo tồn khá nguyên vẹn yếu tố bể cạn sau bình phong như: Phủ đệ Vĩnh Tường quận vương, Tương An quận vương, Ngọc Sơn công chúa ngày càng trở nên hiếm hoi.

Di sản phủ đệ triều Nguyễn bao giờ cũng là sự kết hợp giữa khuôn viên đất đai và kiến trúc (nhà chính, nhà phụ). Hiện nay, tính về mặt tỉ lệ thì những khu vườn phủ xưa so với hệ nhà rường hiện nay thì nó đang trong chiều hướng suy giảm. Khu vườn phủ có thể bị chia cho các thành viên sống trong phủ đệ, để hình thành nơi cư trú và sinh hoạt của các tiểu gia đình. Diện mạo vườn phủ đệ ngày càng bị biến đổi và thu hẹp theo thời gian bởi thiếu sự chăm sóc tận tình, kỹ lưỡng của người trực tiếp tạo lập nên và sở hữu phủ đệ, đồng thời đất vườn bị phân lô để đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà ở của con cháu hoặc bán đất cho người ngoại tộc để xây dựng nhà cửa và kinh doanh. Bên cạnh đó cũng có trường hợp con cháu trong phủ đệ quyết định tách thửa bán đất trong khuôn viên phủ đệ để có tiền trùng tu, tôn tạo phủ đệ đang trong tình trạng xuống cấp nặng nề. Vì vậy, không gian di sản phủ đệ trở thành những ngõ xóm với hàng chục hộ gia đình sinh sống trong khuôn viên đất đai phủ đệ xưa. Các xóm phủ Thọ Xuân, xóm phủ Thoại Thái, xóm phủ Hoài Đức, xóm phủ Gia Hưng... lần lượt ra đời và trở thành các địa danh lịch sử. Ngày nay, thật hiếm thấy di sản phủ đệ có diện tích đất hàng ngàn mét vuông như phủ đệ Phong Quốc công, Diên Phúc trưởng công chúa, Hòa Quốc công, Tương An quận công mà thay vào đó là thực trạng diện tích đất phủ ngày càng bị thu hẹp, điều này dẫn đến không gian vườn phủ cũng bị thu hẹp, biến đổi theo. Để đánh giá được hiện trạng tổng diện tích đất vườn trong di sản phủ đệ ở



thành phố Huế, nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát 60 công trình di sản phủ đệ, kết quả (biểu đồ 3.3) thu được như sau: Có 17% di sản phủ đệ có diện tích đất từ 200 m<sup>2</sup> đến 500 m<sup>2</sup>, có 45% di sản phủ đệ có diện tích đất từ 500 m<sup>2</sup> đến 1000 m<sup>2</sup> và có 38% di sản phủ đệ có diện tích đất trên 1000 m<sup>2</sup>. Qua khảo sát cho thấy, diện tích đất vườn của các di sản phủ đệ triều Nguyễn ngày càng bị thu hẹp, thay đổi theo thời gian.

**Biểu đồ 3.3. Hiện trạng tổng diện tích đất vườn trong di sản phủ đệ**



[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Các tầng cây xanh theo trục dọc cũng như sự phân bố các giống loài trên mặt bằng ngày càng xa dần với mẫu hình vườn truyền thống Huế. Những khu vườn phủ đặc trưng đầy hoa thơm dị thảo đã dần bị mai một, suy thoái thay vào đó là hình ảnh của những tiểu cảnh Nhật Bản hoặc Trung Hoa. Mặt khác, do ảnh hưởng của thời tiết, nhiều loại cây trồng bị sâu bệnh phá hoại, một số nơi bị ngập lụt thường xuyên nên không còn giữ được hệ cây xanh đa dạng đặc trưng như ngày xưa. Ông Vĩnh Thao - hậu duệ phủ Thọ Xuân vương còn cho biết: “*Những năm tháng khó khăn thời bao cấp, con cháu trong phủ đệ đa số nghèo khổ, buộc lòng phải chặt cây cổ thụ tại phủ đệ để làm củi đốt hoặc bán lấy tiền chi dùng vào việc cúng tế tại phủ đệ. Chúng tôi nghĩ cây cổ thụ do ông bà trồng thì giờ chặt cây cổ thụ bán lấy tiền phục vụ cúng tế lại cho ông bà, tổ tiên. Hiện nay, khi đời sống con cháu trong phủ đệ trở nên khá khá, giàu có thì chúng tôi lại cảm thấy tiếc nuối về những cây cổ thụ đã bị chặt hạ trong quá khứ*” (PL 2, tr. P4). Bên cạnh đó, nhiều cây quý như mai vàng, mộc... do chủ nhân phủ đệ xưa trồng cũng bị con cháu sống trong phủ đệ hiện nay đào bới đem bán cho những người chơi cây cảnh. Điều này đã làm biến đổi nghiêm trọng cảnh quan phủ đệ triều Nguyễn.

Ngày xưa, chủ nhân phủ đệ tạo lập vườn nhằm thỏa mãn thú chơi cầu kỳ, tao nhã với những loài hoa, cây trồng mà họ thích<sup>54</sup> nhưng đối với các thế hệ con cháu tiếp theo kế thừa vườn phủ sau này lại xem đất vườn là kế sinh nhai, mang lại hiệu quả kinh tế cho các thành viên sống trong di sản phủ đệ. Bởi vậy, cơ cấu cây trồng tại phủ đệ có sự thay đổi, việc chặt hạ những loại cây không mang lại hiệu quả kinh tế là điều

<sup>54</sup> Thời phủ đệ còn thịnh vượng, các ông hoàng bà chúa đi giao lưu với họ tộc, bạn bè và lại được sai phái đi khắp cả nước, tới đâu, thấy cây gì quý, trái gì ngon là lấy giống đem về trồng tại phủ đệ của mình.

tất yếu, thay vào đó là những loại cây trồng như hoa quả, rau xanh... để đem ra chợ bán cải thiện đời sống hàng ngày. Hiện nay chỉ còn một vài phủ đệ như phủ đệ Hoàng Hóa quận vương, Mỹ Hóa công, An Thường công chúa, Diên Phúc trưởng công chúa vẫn còn bảo vệ, gìn giữ được vài cây mộc, vài cổ thụ hơn 100 năm tuổi.

- Sự biến đổi về kiến trúc

Hiện nay, qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, bình đồ kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn chủ yếu theo kiểu chữ “nhất” (一), tức là những phủ đệ chỉ có một nếp nhà nằm ngang. Khi những vị thân vương, thân công, công chúa qua đời thì chính đường (nơi ở và sinh hoạt hàng ngày của họ lúc sinh thời) trong phủ đệ trở thành nơi thờ tự của chính họ. Lúc này, con cháu của họ tiến hành trùng tu phủ đệ, đồng thời cũng thay biển ngạch đề danh trước cổng cho phù hợp, đổi với chữ phủ (hay chữ đệ) đổi thành chữ từ (hay từ đường) hoặc cũng có trường hợp con cháu xây dựng thêm một cổng phủ khác nằm bên cạnh cổng cũ. Trường hợp này hiện nay chúng ta vẫn còn nhìn thấy tại phủ đệ Gia Hưng vương<sup>55</sup>, vừa có cổng vòm đề chữ “*Gia Hưng công phủ*” - 嘉興公府, vừa có cổng tam quan đề chữ “*Gia Hưng vương từ môn*” - 嘉興王祠門 (PL 8.7, tr. P59) hoặc tại phủ đệ Ngọc Lâm công chúa, vừa có cổng đề chữ “*Ngọc Lâm công chúa đệ*” - 玉林公主第, vừa có cổng đề chữ “*Ngọc Lâm công chúa từ*” - 玉林公主祠 (PL 8.8, tr. P59). Theo hậu duệ của các ông hoàng bà chúa hiện đang sinh sống trong khuôn viên di sản phủ đệ Gia Hưng vương, Ngọc Lâm công chúa cho biết, cổng phủ xưa gắn bó nhiều tình cảm của chủ nhân phủ đệ lúc sinh thời và cũng là một công trình có nhiều giá trị về kiến trúc, mỹ thuật nên phải giữ gìn cẩn trọng để làm kỷ niệm.

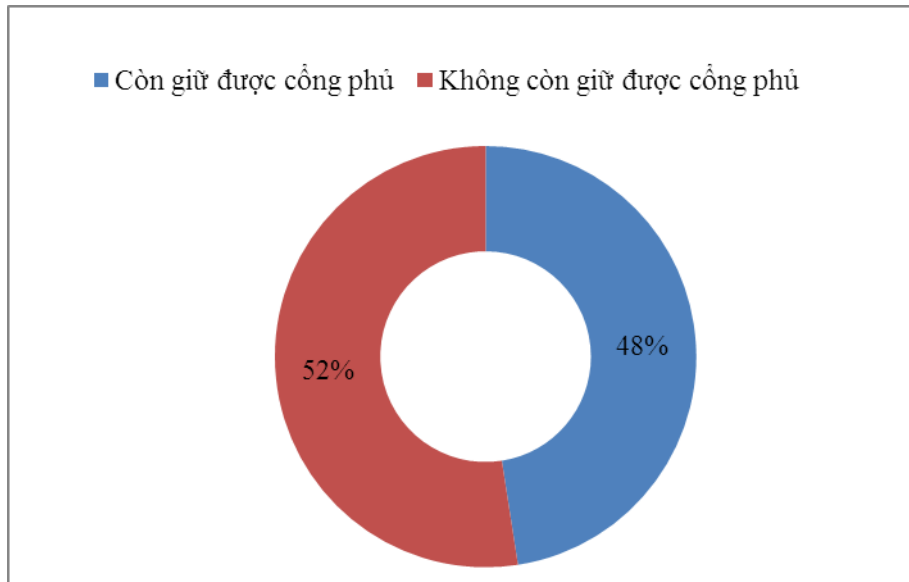
Những chiếc cổng phủ xưa là một bộ phận kiến trúc quan trọng không chỉ góp phần tôn lên vẻ đẹp cho di sản phủ đệ tạo nên sự hài hòa đăng đối cho tổng thể cảnh quan kiến trúc chung mà còn thể hiện địa vị cao quý của dòng họ hoàng gia triều Nguyễn. Tuy nhiên, trong quá trình đô thị hóa gắn liền với việc quy hoạch mở rộng đường phố đã dẫn đến tình trạng làm biến đổi, di chuyển vị trí hoặc thậm chí phá hủy cổng phủ để đáp ứng nhu cầu xây dựng đường phố phục vụ yêu cầu đi lại của người dân như cổng phủ Kiến Tường công bị phá hủy để phục vụ công tác mở rộng đường Thuận An (nay là đường Nguyễn Sinh Cung). Sau đó, hậu duệ phủ Kiến Tường công được Nhà nước bồi thường một khoản tiền để xây dựng một cổng phủ mới ở vị trí lùi vào phía trong khuôn viên đất phủ; tuy cổng phủ xây mới có hình dáng và kích thước như xưa nhưng không thể nào bảo tồn, phục hồi được những mảng trang trí nề ngỗ, khám sành sứ đã đạt đến trình độ tinh xảo của các nghệ nhân tài danh xưa. Trường hợp khác như cổng phủ Quảng Biên quận công bị xe ô tô tải tông sập. Ông Lê Xuân Bình, người sống trong phủ cho biết: “*Vào khoảng năm 1990, lúc này đường Chi Lăng chưa được mở rộng, đường sá còn chật hẹp, một chiếc ô tô tải lớn trong lúc quay đầu xe trên đường Chi Lăng (vị trí trước mặt cổng phủ) do không để ý quan sát, cộng thêm đường hẹp đã húc đổ chiếc cổng vòm phủ xưa. Sau đó, mẹ tôi phải thuê thợ nề xây*

<sup>55</sup> Năm 1884, vua Kiến Phúc tấn phong Hồng Hưu làm Gia Hưng vương, địa vị rất cao quý, vì trước thân vương của triều Nguyễn rất ít khi được ban, thường chỉ truy phong sau khi đã qua đời.



*dựng lại một công phủ mới nhưng không đẹp và không có các họa tiết trang trí tinh xảo như công cổ. Chúng tôi lúc đó cảm thấy rất buồn và tiếc nuối khi công phủ bị xe tải tông đổ sập xuống đường”* (PL 2, tr. P4). Qua đây cho thấy quá trình đô thị hóa, kinh tế phát triển ở Huế đã dẫn đến nhu cầu giao thông ngày càng cao và ảnh hưởng lớn đến hệ thống di sản phủ đệ tọa lạc ở vị trí mặt tiền đường phố. Để đánh giá về hiện trạng công phủ xưa hiện nay ở thành phố Huế, tác giả luận án này đã tiến hành khảo sát 60 công trình di sản phủ đệ, kết quả (biểu đồ 3.4) thu được như sau: Có 48% di sản phủ đệ còn giữ được công phủ và có 52% di sản phủ đệ không còn giữ được công phủ. Điều này cho thấy, kiến trúc công phủ đệ nguyên gốc đang dần bị phá hủy để xây dựng công phủ có kiến trúc mới hoặc theo hướng giả kiến trúc công phủ truyền thống nên không còn phát huy tối đa tác dụng về mặt phong thủy, phá vỡ cảnh quan kiến trúc di sản phủ đệ.

**Biểu đồ 3.4. Hiện trạng công phủ trong kiến trúc di sản phủ đệ**
































[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Một số công phủ được con cháu sống trong phủ đệ tiến hành tu bổ, trùng tu bằng những vật liệu hiện đại, đắp nổi, vẽ thêm các họa văn trang trí, sơn quét làm khỏa lấp những câu đối khảm sành sứ xưa nên đã làm ảnh hưởng đến sự nhận diện những nét nguyên thủy ban đầu của kiến trúc công phủ như phủ đệ Hòa Thành vương, Kiên Thái vương hoặc công phủ đệ xưa đã bị phá hủy hoàn toàn để xây dựng công phủ mới theo kiến trúc hiện đại như phủ đệ Kiến Hòa quận công, Phú Mỹ quận công, Phú Mỹ công chúa. Kết quả công phủ được xây dựng mới hoặc trùng tu lại có hình dáng, mô típ trang trí mới đã làm mất vẻ đẹp hài hòa, giá trị nghệ thuật trang trí và không còn cân đối với không gian kiến trúc phủ đệ truyền thống. Trường hợp khác, di sản phủ đệ không còn giữ được kiến trúc công phủ như phủ đệ Hoài Đức quận vương, Phú Bình quận vương, Thiệu Hóa quận vương, Kỳ Phong quận công nên đã làm mất đi hiệu quả thuật phong thủy và các nguyên lý triết học cổ mà chủ nhân phủ đệ xưa đã dày công

kiến tạo. Bên cạnh đó vẫn còn một số phủ đệ vẫn còn bảo tồn được cổng xưa có nhiều giá trị độc đáo (Bảng 3.2).

**Bảng 3.2. Thống kê phủ đệ còn giữ được cổng xưa**

PHÂN LOẠI	CÔNG PHỦ ĐỆ Ở HUẾ
1. CÔNG GỖ	 1
2. CÔNG 2 TRỤ	 2  3  4  5  6
3. CÔNG TAM QUAN	 7  8  9  10  11  12
4. CÔNG VÒM	 13  14  15  16  17  18  19  20  21  22  23  24  25  26  27  28  29

**CHÚ THÍCH**

- |                       |                      |                         |                            |
|-----------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------|
| 1 AN THƯỜNG CÔNG CHÚA | 8 GIA HÙNG VƯƠNG     | 15 CẨM XUYẾN QUẬN VƯƠNG | 22 NGỌC LÂM CÔNG CHÚA      |
| 2 CẨM GIANG QUẬN CÔNG | 9 KIẾN THÁI VƯƠNG    | 16 DIÊN KHÁNH VƯƠNG     | 23 PHONG QUỐC CÔNG         |
| 3 NGHĨA QUỐC CÔNG     | 10 THỌ XUÂN VƯƠNG    | 17 HÒA THÀNH VƯƠNG      | 24 TẦNG DUYỆ HOÀNG THÁI TỬ |
| 4 NGỌC SƠN CÔNG CHÚA  | 11 THỌ THÁI VƯƠNG    | 18 HOÀNG HÓA QUẬN VƯƠNG | 25 TRẦN TÍNH QUẬN CÔNG     |
| 5 TỪ SƠN CÔNG         | 12 TUY LÝ VƯƠNG      | 19 KIẾN AN VƯƠNG        | 26 TÙNG THIÊN VƯƠNG        |
| 6 TUY AN QUẬN CÔNG    | 13 AN HÓA QUẬN VƯƠNG | 20 LẠC HÓA QUẬN CÔNG    | 27 TUYÊN HÓA VƯƠNG         |
| 7 DIÊN PHÚC CÔNG CHÚA | 14 AN THÀNH VƯƠNG    | 21 MỸ HÒA CÔNG          | 28 VINH TƯỜNG QUẬN VƯƠNG   |
|                       |                      |                         | 29 CUNG AN ĐỊNH            |

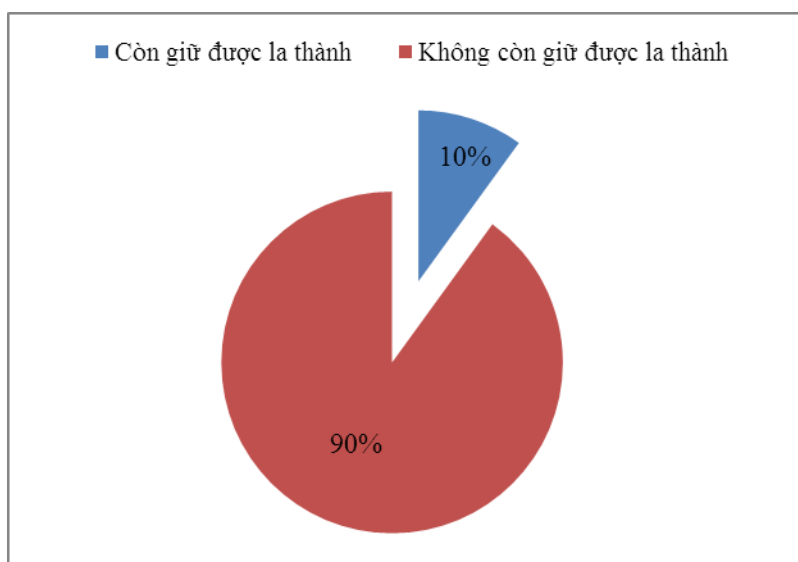
[Nguồn: Tác giả]

La thành phủ đệ xưa chủ yếu được xây dựng bằng kỹ thuật xếp đá khan, chỉ ổn định khi các mặt đá còn ma sát; sau thời gian dài đá bị phong hóa, hết ma sát nên không còn liên kết được với nhau dẫn đến nhiều đoạn tường thành bị sụt lún, thậm chí bị sụp đổ hoàn toàn. Bên cạnh đó, nhiều đoạn la thành của phủ đệ bị phủ kín rêu phong, cây cối bám vào tường gạch gây nứt vỡ, nhiều nơi do mưa bão, lũ lụt nên nhiều đoạn tường bị sụt lở dẫn đến nguy cơ bị sụp đổ như phủ đệ Vĩnh Tường quận vương, Hoài Đức quận vương, An Thành vương, Diên Phúc trưởng công chúa. Hiện nay, các mỏ đá gan gà ở vùng xung quanh Huế cũng cạn kiệt và bị cấm khai thác, đồng thời người thợ ngày nay cũng không thể thực hiện được kỹ thuật xếp đá khan, không có

vừa kết dính như ngày xưa nên khả năng trùng tu la thành theo kỹ thuật xếp đá khan tại di sản phủ đệ là việc làm khó thực hiện. Nhiều la thành phủ đệ xưa đã bị phá hủy hoàn toàn để xây dựng tường thành mới với vật liệu hiện đại.

Nhiều phủ đệ nằm trong khu vực quy hoạch, mở rộng đường phố nên bắt buộc người quản lý phủ đệ phải phá hủy la thành, điều này đã làm phá vỡ cảnh quan di sản phủ đệ truyền thống. Cụ thể khi thực hiện dự án mở rộng nâng cấp đường Nguyễn Chí Thanh đã ảnh hưởng lớn đến hệ thống la thành của nhiều phủ đệ tọa lạc dọc hai bên con đường, bao gồm phủ đệ Vĩnh Tường quận vương, Ngọc Sơn công chúa, Phú Mỹ quận công, Tuy An quận công, Cẩm Giang quận công. Để đánh giá được hiện trạng la thành xưa tại các di sản phủ đệ còn gìn giữ được ở thành phố Huế hiện nay, nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát 60 công trình di sản phủ đệ, kết quả (biểu đồ 3.5) thu được như sau: Có 10% di sản phủ đệ còn giữ được la thành và có 90% di sản phủ đệ không còn giữ được la thành. Số liệu này cho thấy, số lượng la thành phủ đệ xưa còn lại đến ngày nay rất ít, vì vậy cần có biện pháp bảo vệ và trùng tu kịp thời.

**Biểu đồ 3.5. Hiện trạng la thành trong kiến trúc di sản phủ đệ**



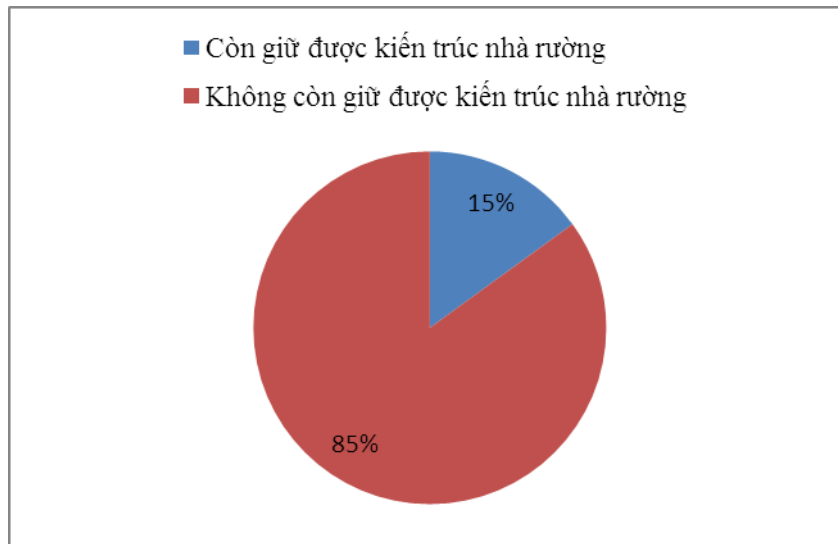
[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Hiện nay, hầu hết nhà chính phủ đệ chủ yếu là nơi thờ phụng và diễn ra các nghi lễ tế tự. Những trường hợp di sản phủ đệ có nhà chính vừa là nơi thờ phụng vừa là nơi ở của hậu duệ các ông hoàng bà chúa thì nhà chính ưu tiên diện tích thờ cúng và tiếp khách, đồng thời cũng là nơi nghỉ ngơi của các thành viên nam giới trong gia đình. Thông thường nhà rường 3 gian 2 chái thì gian giữa thờ Phật, thờ phụng các ông hoàng bà chúa, hai gian bên thờ những người trong dòng tộc đã qua đời. Phòng khách chiếm toàn bộ không gian phân nửa phía trước của nhà chính. Hai gian chái phần phía sau là hai buồng ngủ. Không gian chạy dọc ba gian sau bàn thờ thường là kho lưu giữ tài sản quý của gia đình. Ngoài ra, trước nhà chính phủ đệ, phía ngoài khoảng sân xuất hiện một vài am thờ được xây bằng gạch theo một kiểu thức chung là có một cột trụ, trên có một am để thờ vị thần cai quản, giám sát đất đai của gia đình sống trong khuôn viên phủ đệ hoặc thờ phụng những con cháu trong phủ đã quá vãng.

Nhà phụ tại di sản phủ đệ thường bị hạ giải kiến trúc nhà rường để xây dựng lại kiểu mới theo hướng tân thời, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của các con cháu sống trong phủ đệ. Việc xây mới nhà phụ (thậm chí to hơn, đồ sộ hơn kiến trúc nhà chính) trong khi vẫn

còn bảo tồn kiến trúc truyền thống ở nhà chính vô hình chung đã tạo ra sự mất hài hòa, phá vỡ cảnh quan kiến trúc phủ đệ. Để đánh giá được hiện trạng nhà phủ vẫn còn bảo tồn được kiến trúc nhà rường truyền thống tại các di sản phủ đệ ở thành phố Huế hiện nay, nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát 60 công trình di sản phủ đệ, kết quả (biểu đồ 3.6) thu được như sau: Có 15% còn giữ được kiến trúc nhà rường và có 85% không còn giữ được kiến trúc nhà rường. Qua đây cho chúng ta thấy thực trạng hạ giải nhà phủ theo kiểu kiến trúc nhà rường để xây dựng kiểu hiện đại bê tông cốt thép có xu hướng tăng nhanh và trở thành một điều tất yếu không thể tránh khỏi trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay.

**Biểu đồ 3.6. Hiện trạng kiến trúc nhà phủ trong di sản phủ đệ**



[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Viên tẩm của các ông hoàng, bà chúa nằm trong khuôn viên đất đai của phủ đệ đều có hậu duệ chăm sóc cẩn thận, hương khói thường xuyên, nhất là vào các dịp giỗ chạp, tế lễ như phủ đệ Tương An quận vương, Tuy An quận công. Nhưng cũng không ít viên tẩm nằm xa di sản phủ đệ đã rơi vào tình trạng bị lãng quên, rêu phong cỏ mọc, gai góc mọc um tùm, thậm chí hàng chục năm qua không ai thăm viếng hương khói nên ngày càng bị xuống cấp nghiêm trọng như viên tẩm Ba Xuyên quận công, An Khánh vương. Nhiều khu vực xung quanh viên tẩm bị người dân lấn chiếm để xây dựng nhà cửa, kinh doanh hoặc nằm trong diện quy hoạch phải di dời giải tỏa để thực hiện dự án khu quy hoạch phân lô bán đất xây dựng nhà ở. Cụ thể, viên tẩm Lạc Hóa quận công nằm trong đất dự án khu quy hoạch Bàu Vá nên phải di dời đến nghĩa trang phía Nam vào năm 2018 hay khu viên tẩm Quảng Biên quận công nằm ở phường Trường An, thành phố Huế bị các hộ dân sống xung quanh lấn chiếm xây dựng nhà cửa sinh sống và kinh doanh làm phá vỡ cảnh quan kiến trúc khu viên tẩm.

Trước đây, những ngôi chùa trong phủ đệ được làm theo kiểu nhà rường truyền thống như: Chùa Phước Huệ thuộc phủ Tuy Lý vương, chùa Diệu Hỷ thuộc phủ Hoằng Hóa quận vương, chùa Phúc Hưng thuộc phủ Phúc Long công; nhưng nay các vị trí trì chùa đã hạ giải kiến trúc nhà rường truyền thống để xây dựng lại chùa bằng kiến trúc bê tông cốt thép. Kiến trúc chùa mới đã làm phá vỡ cảnh quan kiến trúc phủ đệ truyền thống. Ngoài ra, trong khuôn viên phủ Thọ Xuân vương, Kỳ Phong quận công còn xây dựng thêm điện thờ thánh Mẫu hoặc nội thất nhà chính phủ Thoại Thái vương còn thiết trí khám thờ Quan Công.



- Sự biến đổi về kết cấu

Qua thời gian, các công trình phủ đệ ngày càng bị xuống cấp nên con cháu trong phủ đệ buộc phải tiến hành trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ, đồng thời sử dụng kết hợp các vật liệu mới như sắt thép, gỗ công nghiệp,... để thay thế nguồn nguyên liệu gỗ ngày càng khan hiếm và đắt đỏ trong quá trình trùng tu, tôn tạo phủ đệ. Sự tham gia của các vật liệu xây dựng mới biểu hiện khá rõ trong kết cấu nhà chính, đặc biệt ở phần nội thất và hệ thống cửa. Trước đây, vật liệu bao quanh nhà chính là ván gỗ, sau này chủ yếu là tường được xây bằng gạch trát vữa, bao quanh ba mặt nhà chính. Tường gạch bên ngoài không phải là cơ sở chịu lực mà chỉ có tác dụng nhằm ngăn che mưa nắng và tạo ra cho phủ đệ có một không gian kín đáo phù hợp với thời tiết khí hậu xứ Huế. Chủ sở hữu di sản phủ đệ có tâm lý thích nâng cột chính để làm nền nhà cao hơn so với sân vườn, tránh ngập úng vào mùa mưa bão, lũ lụt, tránh không gian ẩm mốc cho kiến trúc phủ đệ vào mùa đông. Tuy nhiên, thực trạng này đã làm cho kiến trúc nhà rường bị biến đổi, không còn hài hòa với cảnh quan kiến trúc xung quanh. Tuy nhiên, một số phủ đệ vẫn còn bảo tồn được kiến trúc nhà rường truyền thống đặc trưng (Bảng 3.3).

**Bảng 3.3. Thống kê phủ đệ còn giữ được nhà chính xưa**

PHÂN LOẠI	NHÀ CHÍNH PHỦ ĐỆ Ở HUẾ			
1. NHÀ RƯỜNG 1 GIAN 2 CHÁI				
				
2. NHÀ RƯỜNG 3 GIAN				
3. NHÀ RƯỜNG 3 GIAN 2 CHÁI				
				
				
4. NHÀ RƯỜNG 5 GIAN				
5. ẢNH HƯỞNG KIẾN TRÚC THUỘC ĐỊA				

**CHÚ THÍCH**

1 CẨM XUYẾN QUẬN VƯƠNG  
2 DIÊN PHÚC CÔNG CHÚA  
3 NGHĨA QUỐC CÔNG  
4 NGỌC LÂM CÔNG CHÚA  
5 QUY ĐỨC CÔNG CHÚA  
6 TÙNG THIÊN VƯƠNG

7 AN THÀNH VƯƠNG  
8 HÒA THÀNH VƯƠNG  
9 MỸ HÒA CÔNG  
10 TỬ SƠN CÔNG  
11 AN THƯỜNG CÔNG CHÚA  
12 DIÊN KHÁNH VƯƠNG  
13 GIA HƯNG VƯƠNG

14 HOÀNG HÓA QUẬN VƯƠNG  
15 KIẾN THÁI VƯƠNG  
16 LẠC BIÊN QUẬN CÔNG  
17 AN HÒA QUẬN VƯƠNG  
18 MỸ LƯƠNG CÔNG CHÚA  
19 NGỌC SƠN CÔNG CHÚA  
20 PHONG QUỐC CÔNG  
21 TUY LÝ VƯƠNG

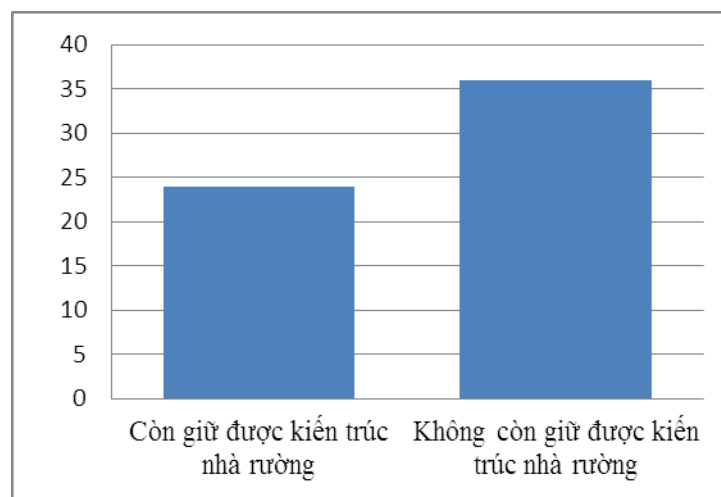
22 PHỦ MỸ CÔNG CHÚA  
23 THOẠI THÁI VƯƠNG  
24 TUYÊN AN QUẬN CÔNG  
25 HÒA QUỐC CÔNG  
26 KIẾN PHONG QUẬN CÔNG  
27 TƯƠNG AN QUẬN CÔNG  
28 CUNG AN ĐỊNH

[Nguồn: Tác giả]

Trong quá trình trùng tu, tôn tạo phủ đệ, hầu hết các con cháu trong phủ đệ không có đủ kinh phí trùng tu phục hồi nguyên trạng nhà chính như xưa nên họ buộc lòng phải hạ giải 2 mái. Kết quả nếu nhà chính thuộc dạng 3 gian 2 mái sẽ trở thành kết cấu nhà chính 3 gian bít đốc hoặc 1 gian 2 mái. Hệ thống mái ngói liệt truyền thống trải qua thời gian mưa bão bị thấm dột, hư hỏng nhiều nên chủ sở hữu phủ đệ phải thay bằng mái ngói móc (ngói Hạ Long) hoặc mái tôn như phủ An Thành vương, Hòa Thạnh vương, Ngọc Lâm công chúa, Quy Đức công chúa. Bởi vì phương án lợp mái ngói móc, mái tôn rất tiện lợi và chi phí rẻ, ngược lại nếu họ tiến hành phục hồi hệ thống mái ngói liệt truyền thống thì phải bỏ ra khoản chi phí mua vật liệu cao và chi trả công thợ rất đắt.

Nền phủ đệ thường được lát gạch men hoặc tráng xi măng thay cho gạch Bát Tràng như phủ Cẩm Xuyên quận vương, Vĩnh Tường quận vương, Kiến An vương. Ngoài ra có nhiều trường hợp phủ đệ bị hạ giải hoàn toàn kiến trúc nhà rường truyền thống để thay thế kết cấu kiến trúc bê tông cốt thép như phủ An Phúc quận vương, Phú Mỹ quận công, Vĩnh Tường quận vương, Quảng Biên quận công... Để đánh giá hiện trạng nhà chính tại các di sản phủ đệ hiện nay ở thành phố Huế còn gìn giữ được kiến trúc nhà rường truyền thống, tác giả luận án đã tiến hành khảo sát 60 công trình di sản phủ đệ, kết quả (biểu đồ 3.7) thu được như sau: Có 24 phủ đệ còn giữ được kiến trúc nhà rường và có 36 phủ đệ không còn giữ được kiến trúc nhà rường. Điều này cho thấy, di sản phủ đệ có kiến trúc nhà rường truyền thống dần suy giảm theo thời gian, hiện tượng hạ giải nhà rường để xây dựng kiến trúc theo kiểu hiện đại đang diễn ra một cách khó kiểm soát. Một số di sản phủ đệ còn giữ gìn kiến trúc nhà rường truyền thống khá nguyên vẹn thì cũng đang đứng trước những thử thách rất lớn của con lốc kinh tế thị trường, giá đất tăng cao và kinh phí trùng tu, tôn tạo nhà rường rất lớn.

**Biểu đồ 3.7. Hiện trạng kiến trúc nhà chính trong di sản phủ đệ**

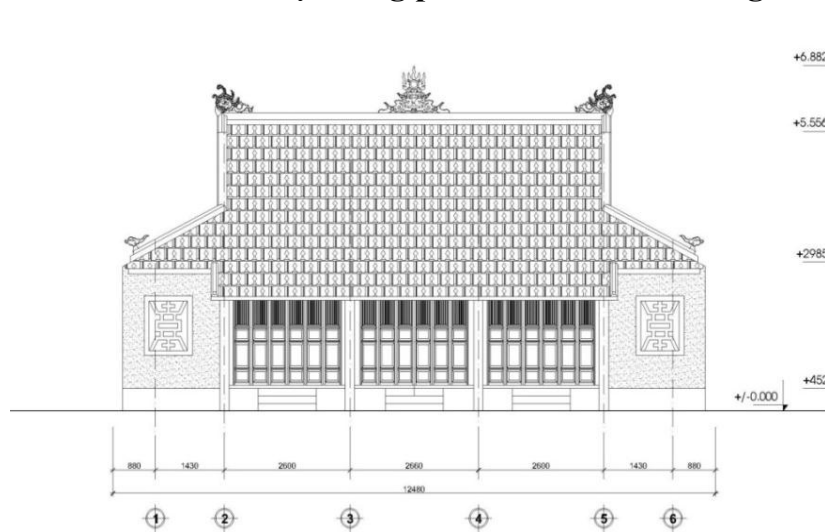


[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

Vật liệu sử dụng chủ yếu trong việc trùng tu di sản phủ đệ là bê tông, sắt thép và các trang thiết bị nội thất tương đối hiện đại. Xuất hiện phủ đệ có kiến trúc nhà rường truyền thống kết hợp với hiên mái bằng (hiên Tây), lan can hiên có đắp phào bê tông

hoặc đắp hoa văn bê tông, kết cấu trong nhà chính phủ đệ vẫn là vì kèo gỗ 2 cột, phần còn lại tựa trên tường xây chịu lực hoặc bộ vì kèo không còn cột mà tựa trực tiếp lên tường gạch chịu lực, cột hiên cũng xây bằng gạch, mái nhà rường lợp ngói Hạ Long như phủ Diên Khánh vương (Bản vẽ 3.1), cửa ra vào không sử dụng cửa bức bản khoa truyền thống mà thay vào đó là cánh cửa treo trên khuôn gỗ hoặc tường chịu lực. Trước đây, khi xây dựng phủ đệ, các nghệ nhân xưa cũng cân nhắc màu vôi: Sang trọng và không lòe loẹt. Màu vôi thường được sử dụng cho nhà chính là màu vàng đất pha một tí trắng và dần một ít màu đen. Hiện nay, nhiều phủ đệ được trùng tu đã quét sơn màu tươi mới, chói mắt, dẫn đến tình trạng không bảo đảm các màu sắc phối hợp với nhau một cách hài hòa, nhã nhặn cho toàn bộ công trình.

**Bản vẽ 3.1. Mặt đứng phủ Diên Khánh vương**



[Nguồn: 12]

*- Sự biến đổi về nghệ thuật trang trí*

Trong quá trình xây dựng phủ đệ triều Nguyễn, các nghệ nhân đã thể hiện tài nghệ qua những mảng chạm khắc, nghệ thuật trang trí độc đáo, tinh xảo các biểu tượng gắn với đời sống hoàng gia triều Nguyễn như: Lưỡng long triều nguyệt, long mã hà đồ, rùa đội thư sách, hồ phù nhà chữ “hỷ”, hoa lá cách điệu thành rồng, chữ vạn, hoa sen, tứ linh (long, lân, quy, phụng), tứ thời (mai, lan, cúc, trúc), hai con dơi ngậm chữ “phúc”... Tất cả các mảng trang trí này đều được đặt ở những vị trí quan trọng, nổi bật, tạo nên điểm nhấn đặc sắc trong một tổng thể kiến trúc phủ đệ. Trải qua thời gian dài tồn tại dưới điều kiện khí hậu khắc nghiệt xứ Huế, các cấu kiện gỗ có trang trí điêu khắc bị xuống cấp hoặc phá hủy, đặc biệt là những mảng chạm khắc tinh xảo hình tượng đầu rồng, họa tiết hoa lá ở các đầu cột kèo hiên. Hiện nay, ít thấy phủ đệ nào còn bảo tồn nguyên vẹn mái hiên cổ vì đa số đã bị hạ giải để xây dựng mái hiên mới, vững chắc bằng vật liệu bê tông hoặc mái tôn. Điều này dẫn đến sự biến đổi hoặc biến mất rất nhiều họa tiết trang trí độc đáo trên cấu kiện gỗ mái hiên phủ đệ. Theo quan sát của chúng tôi, các phủ đệ có lịch sử trùng tu, tôn tạo từ ba lần trở lên, đặc biệt là những lần chủ nhân quản lý, giữ gìn di sản phủ đệ hiện nay tiến hành trùng tu trong

vòng 20 năm trở lại đây đều xuất hiện những mảng trang trí hiện đại, không phù hợp với không gian kiến trúc phủ đệ truyền thống.

Những bức hoành phi, câu đối, bài thơ chữ Hán là thành tố trang trí nội thất quan trọng trong di sản phủ đệ. Tuy nhiên, các phủ đệ còn bảo lưu khá nguyên vẹn hệ thống hoành phi, câu đối cổ treo khắp các gian nhà chính, như Phủ Tuy Lý vương, Tùng Thiện vương, Hoằng Hóa quận vương, Gia Hưng vương, Mỹ Hóa công, Ngọc Sơn công chúa là những trường hợp ngày càng hiếm ở Huế hiện nay (PL 8.13, tr. P62). Nhiều phủ đệ không còn gìn giữ được các bức hoành phi, câu đối cổ mà thay vào đó là những hoành phi, câu đối mới, được làm trong khoảng 10 năm trở lại đây. Ở một số phủ đệ khác, tòa chính đường không còn bảo lưu được một bức hoành phi hay câu đối cổ nào, như trường hợp phủ Kiến Tường công, Kiến Hòa quận công, Hậu Lộc quận công, Ngọc Lâm công chúa. Trước đây, do hoàn cảnh chiến tranh, nên trong lúc chạy loạn, hoành phi, câu đối bị mất trộm, bị cháy hoặc do lâu ngày bị mục nát. Một số trường hợp khác, do không hiểu biết giá trị của những cổ vật quý này, chủ sở hữu phủ đệ đã bán cho những người buôn đồ cổ. Sự mất mát lớn về các hiện vật hoành phi, câu đối đã làm biến đổi không gian nội thất phủ đệ, làm suy giảm vẻ đẹp truyền thống, tinh thần hiếu học, coi trọng chữ nghĩa của các gia đình hoàng tộc xưa.

*- Sự biến đổi về không gian sinh hoạt và nghi lễ*

Hiện nay, các di sản phủ đệ trở thành nơi thờ tự các ông hoàng, bà chúa và cũng là nơi thờ phụng hậu duệ của họ đã mất qua các thế hệ. Phủ đệ thường được khóa kín cổng phủ, chỉ mở cửa vào mỗi ngày Rằm, mùng 1, ngày tổ chức lễ húy kỵ của Đức từ, các ông hoàng bà chúa và cúng kỵ các con cháu trong phủ đã qua đời. Nội thất các gian nhà chính phủ đệ đều đặt án thờ, khám thờ. Cụ thể tại phủ đệ Thọ Xuân vương, gian giữa đặt án thờ Đức từ Gia phi Phạm Thị Tuyết<sup>56</sup>, gian bên phải (nhìn từ ngoài vào) đặt án thờ Thọ Xuân vương, gian bên trái đặt án thờ Hồng Các<sup>57</sup>, còn hai trái đặt hai án thờ nam vô tự, nữ vô tự. Tại phủ đệ Ngọc Sơn công chúa, ngay giữa chính đường là gian thờ trung tâm, được bài trí theo nguyên tắc “*tiền Phật hậu linh*”, phía trước thờ Phật, phía sau thờ phụng các vị: Đông Các đại học sĩ Nguyễn Hữu Thảng, phò mã Nguyễn Hữu Tiễn, hai bà công chúa, quận chúa, cùng các thế hệ hậu duệ đã khuất từng sống tại phủ đệ. Nối với tòa nhà chính là một hành lang dẫn ra khu nhà phụ ở phía phải, nơi ngày trước là chỗ ở của các gia nhân phục dịch, còn bây giờ là không gian sinh hoạt chung của hậu duệ sống trong phủ đệ. Hiện nay, khi ứng xử văn hóa phát triển theo chiều hướng giản lược, không cầu kỳ như xưa thì những phân chia rạch ròi về giới và thứ bậc trong không gian sinh hoạt tại phủ đệ cũng bị thu hẹp, cùng với sự cắt giảm về phép tắc và thực hành nghi lễ trong phủ đệ. Tuy vậy, nhà chính vẫn phải phân định không gian thờ tự - tiếp khách với không gian sinh hoạt thường ngày của những người sống trong phủ đệ. Ngoài ra, các gian thờ tại phủ đệ Kỳ Phong quận công còn phối thờ thánh Mẫu.

<sup>56</sup> Gia phi Phạm Thị Tuyết (? - 1812) là mẹ của Thọ Xuân vương, phi tần của vua Minh Mạng.

<sup>57</sup> Hồng Các (1834-1880) là con trai thứ 7 của Thọ Xuân vương, tập phong Thọ Xuân quận công.



Dưới triều Nguyễn, những buổi cúng tế tại phủ đệ thường do Bộ Lễ đứng ra lo liệu lễ phẩm. Tại phủ đệ Diên Phúc trường công chúa, triều đình quy định “*hàng năm có 2 lần tế xuân thu (mỗi lễ cúng heo, xôi, hào soạn, quả phẩm mỗi thứ 1 mâm, cùng vàng bạc, hương đèn, trầu rượu, ở sau cũng thế), lễ kỵ (heo, xôi, quả phẩm mỗi thứ 1 mâm, 2 mâm hào soạn), và các lễ (Thượng tiêu, Chánh đán, Mồng hai, Mồng 3 Tết, Đoan dương, Thanh minh, Tinh táo mỗi lễ 1 mâm hào soạn), và đĩa dầu thắp sáng mỗi đêm hàng tháng (mỗi đĩa nặng 3 lạng)*” [84, V; tr. 149]. Đến thời vua Đồng Khánh do ngân sách tài chính của triều đình hạn chế nên đã ban hành quy định khuyến khích các chủ tự phủ đệ lĩnh tiền tự lo liệu vật phẩm dâng cúng tại phủ đệ. Bên cạnh đó, triều đình Huế cũng có ban tiền bạc để xây dựng, trùng tu phủ đệ và cấp ruộng đất làm hương hỏa cho các thân vương, thân công, công chúa có nhiều công lao với đất nước, được nhà vua kính mến. Sách *Đại Nam thực lục* có ghi chép vào niên hiệu Thành Thái thứ 11 (1899), nhà vua phê “*chuẩn trích quan điền (15 mẫu) ở xã Mậu Tài huyện Phú Vang sung làm ruộng thờ cho Tuy Lý vương (quan điền ở xã Mậu Tài có 75 mẫu, nguyên cho lãnh thuê lấy tiền cung tiến, đến lúc ấy bọn Hồng Nhung xin trích cấp 15 mẫu để sung vào việc hương hỏa cho vương. Cơ Mật Viện nghĩ Tuy Lý vương trước kia sung Phụ chính rất có huân lao, bèn nghĩ chuẩn trích cho 15 mẫu giao cho người cai quản việc thờ cúng*” [90, tr. 343]. Ngày nay, triều Nguyễn đã cáo chung (1945), các hậu duệ sinh sống tại phủ đệ không còn được hưởng chế độ tập ấm, được cấp lương bổng, ruộng đất hương hỏa như xưa nhưng các kỳ lễ húy kỵ của các ông hoàng, bà chúa vẫn được con cháu trong các phủ đệ cùng nhau đóng góp tiền bạc để tổ chức chu đáo nhằm thể hiện truyền thống thờ cúng tổ tiên, bảo lưu nhiều yếu tố văn hóa cổ truyền, tuy nhiên có sự gia giảm cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện kinh tế hiện nay. Nghi lễ thờ cúng tại phủ đệ hiện nay cho dù có nhiều thay đổi nhưng vẫn thực hành các nghi lễ cúng tế truyền thống, hương khói thường xuyên như một cách thích ứng trước áp lực của của quá trình đô thị hóa hiện nay và vẫn giữ nguyên những giá trị văn hóa tâm linh. Tại phủ Tuy Lý vương, lịch tổ chức kỵ chạp được tổ chức vào các ngày sau: Ngày 25 và 26 tháng 8 Âm lịch kỵ Đức từ Tiệp dư Lê Thị Ái; ngày 23 và 24 tháng 10 Âm lịch kỵ Đức ông Tuy Lý vương; ngày 10 và 11 tháng 7 Âm lịch kỵ đức bà Tuy Lý vương, ngày 20 tháng Chạp kỷ niệm ngày sinh của ngài Tuy Lý vương và cũng là ngày tảo mộ chung. Dù con cháu trong phủ Tuy Lý vương đi làm ăn xa cũng cố gắng sắp xếp thời gian về sum họp tại phủ đệ vào các ngày tổ chức lễ húy kỵ để lễ bái Tổ tiên, để được gắn bó với cội nguồn, và hơn nữa, để thực thi trách nhiệm đạo lý - tâm linh của mình. Ngoài con cháu nội ngoại trong phủ dự lễ cúng tế tại phủ đệ còn có con cháu trong các phủ đệ đồng từ<sup>58</sup>, đại diện chính quyền phường Vĩ Dạ, các thành viên Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc và các vị khách mời cũng đến tham dự.

Tinh thần chủ đạo hiện nay trong thực hành các nghi lễ cúng tế ở phủ đệ là đơn giản hóa, thể hiện ở sự thu hẹp về thời gian, duy trì hoặc thu nhỏ quy mô tổ

<sup>58</sup> Đồng từ tức các vị hoàng tử, công chúa có cùng chung một mẹ. Ví dụ bà Tiệp dư Lê Thị Ái sinh hạ Tuy Lý vương, Kiến Tường công, Hòa Mỹ công chúa và hoàng nữ Nguyễn Phúc Nhân Trinh. Bốn vị nêu trên được xem là đồng từ.

chức, bỏ bớt một số tiêu lễ, cũng như không cầu kỳ, cầu nệ trong lễ vật dâng cúng tổ tiên. Cụ thể, tổ chức các lễ húy kỵ tại di sản phủ đệ Tuy Lý vương, các vật phẩm, đồ lễ, thức ăn không còn do con cháu trong phủ đệ tự nấu nướng mà chủ yếu mua sẵn ngoài chợ về chế biến hoặc có khi đặt làm theo dịch vụ. Vì điều kiện kinh tế khá giả, trong lễ cúng, họ đặt nấu hơn 5 bàn cúng với các món ăn mang tính chất tiệc như thịt gà, thịt heo, lẩu, thức uống là bia và nước ngọt. Các phủ đệ thường có hơn 20 lễ cúng kỵ trong năm nên họ thống nhất tổ chức lễ hiệp kỵ các vị quá cố thờ phụng tại phủ đệ vào một ngày, chỉ còn tổ chức cúng tế riêng cho Đức từ (mẹ của ông hoàng, phi tần của vua) và Đức ông (chủ nhân kiến tạo phủ đệ). Bởi theo họ nếu tổ chức cúng tế riêng lẻ trong năm sẽ mất nhiều kinh phí và con cháu không có thời gian tham dự lễ cúng vì phải bận công việc làm ăn.

Các ngôi chùa Phước Huệ, chùa Diệu Hỷ, chùa Phúc Hưng do chủ nhân xưa xây dựng trong khuôn viên phủ đệ Tuy Lý vương, Hoàng Hóa quận vương, Phúc Long công đế thờ Phật và tu tập Phật pháp thì bây giờ chủ sở hữu phủ đệ không còn quản lý và thực hiện các nghi thức tụng niệm. Chùa đã được các chư tôn đức tăng ni tiếp quản trú trì, thờ Phật trang nghiêm và trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý.

Ngày nay, nhiều phủ đệ như Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Thoại Thái vương, Phong Quốc công đều thành lập quỹ khuyến học, dưới sự bảo trợ tài chính của những người thành đạt thuộc phủ phòng ở trong và ngoài nước để động viên tinh thần học tập, phấn đấu thành danh trong sự nghiệp của con cháu. Cũng từ đây, nhiều người mang huyết thống hoàng tộc triều Nguyễn đã trở nên thành công, có địa vị và đóng góp nhiều cho xã hội. Truyền thống hiếu học của các gia đình, dòng họ hoàng tộc triều Nguyễn sống tại các phủ đệ là một truyền thống tốt đẹp, luôn được bảo tồn và phát huy. Chính điều này đã tạo nên một nét gia phong đặc sắc trong các di sản phủ đệ.

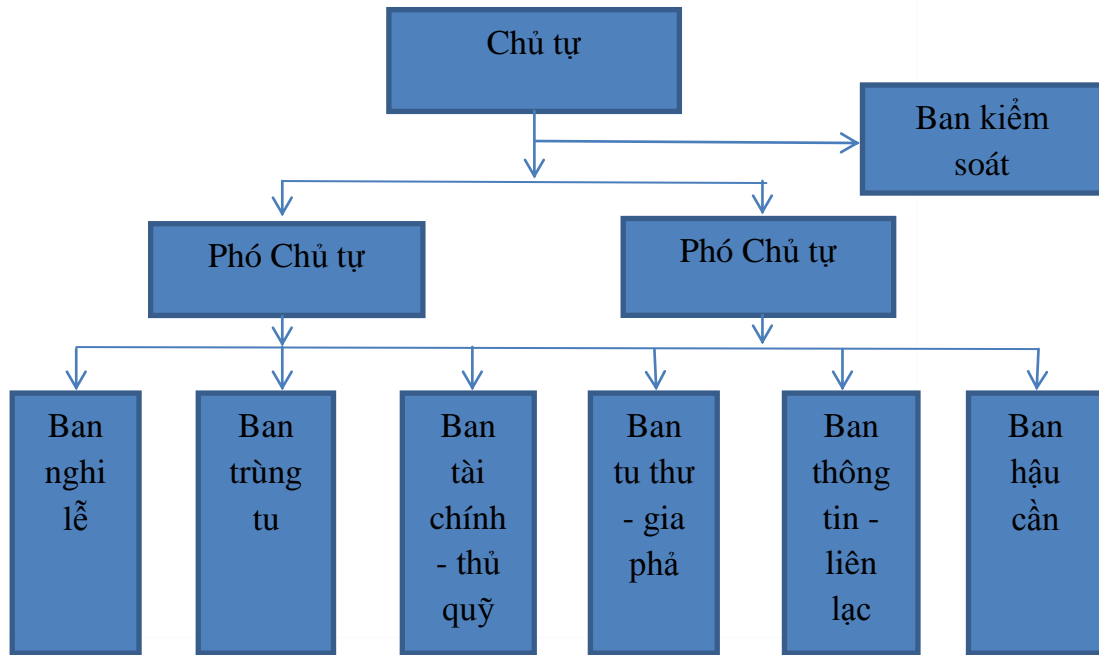
#### *- Sự biến đổi về cơ cấu tổ chức quản lý*

Sau khi các ông hoàng, bà chúa qua đời, đa số sự kế thừa các di sản phủ đệ thuộc về con cháu trực hệ nhưng cũng có một số phủ đệ do con cháu ngoại gìn giữ như phủ đệ Kiên Thái vương, An Phúc quận vương. Tính chất sử dụng các công trình di sản này phần nào thay đổi, phủ đệ trở thành nơi thờ tự nhưng đồng thời cũng là nơi các thế hệ con cháu của chủ nhân phủ đệ xưa tiếp tục sinh sống. Bên cạnh các khám thờ, án thờ của chủ nhân phủ đệ ban đầu, dần xuất hiện thêm những khám thờ, bài vị của con cháu trong phủ đệ đã qua đời. Như vậy, phủ đệ giống như một nhà thờ họ của người bình dân, chỉ khác một điều, đây là nhà thờ họ của hậu duệ các vị vua triều Nguyễn. Hiện nay, di sản phủ đệ có cơ cấu tổ chức quản lý gồm chủ tự, phó chủ tự, ban nghi lễ, ban trùng tu, ban tài chính - thủ quỹ, ban tu thư gia phả, ban thông tin - liên lạc, ban hậu cần<sup>59</sup> (Sơ đồ 3.1). Người được bầu giữ chức chủ tự khá lớn tuổi và luôn có uy tín trong phủ đệ. Chủ

<sup>59</sup> Trước đây còn có thêm chức trưởng phòng (lớn hơn chức chủ tự). Trưởng phòng quản lý tất cả mọi hoạt động của phủ đệ, con cháu hoàng phái sinh ra đời thì cha mẹ phải báo cho trưởng phòng để ghi vào sổ. Sau đó, trưởng phòng có nhiệm vụ đi báo cáo với Tôn Nhân Phủ. Trải qua chiến tranh con cháu hoàng phái sống phân tán và giờ con cháu sinh ra đều phải làm giấy khai sinh với chính quyền địa phương nên chức trưởng phòng không còn cần thiết. Hiện nay, cơ cấu tổ chức quản lý phủ đệ không còn chức trưởng phòng.

tự có nhiệm vụ quản lý chung những vấn đề liên quan đến phủ đệ như giữ gìn gia phong, phụ trách việc chủ trì các nghi lễ tế tự tại phủ đệ, tổ chức trùng tu, tôn tạo các lăng mộ thuộc phủ đệ. Chủ tự phủ đệ có thể ở trong khuôn viên phủ đệ hoặc làm nhà ở một nơi khác nằm xa phủ đệ, còn di sản phủ đệ được giao cho một người trong phủ gìn giữ, hương khói hàng ngày, gọi là thủ từ. Cụ thể hiện nay, chủ tự phủ Tùng Thiện vương là ông Bửu Tộ, chủ tự phủ Tuy Lý vương là ông Vĩnh Phú.

**Sơ đồ 3.1. Cơ cấu tổ chức phủ Tuy Lý vương**



[Nguồn: Tác giả]

Hiện nay, các phủ đệ như Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Thọ Xuân vương, Cẩm Xuyên quận vương, Phong Quốc công... đều sinh hoạt chung trong Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc (PL 3.11, tr. P34). Khi các phủ đệ tổ chức các lễ cúng kỵ đều mời các thành viên Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc đến dự và dâng hương. Mỗi khi có tổ chức lễ hỷ kỵ tại các liệt miếu, lăng tẩm vua chúa nhà Nguyễn thì Hội đồng trị sự sẽ phát hành giấy mời đến các phủ đệ để cùng nhau quyên góp tài chính, tổ chức hiếu sự và thực hành nghi lễ tế tự. Ngoài ra, Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc còn đại diện cho tiếng nói của các thành viên thuộc phủ đệ để làm việc với chính quyền khi có yêu cầu.

### **3.3. Yếu tố tác động đến quá trình biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn**

#### **3.3.1. Sức ép dân số, thay đổi về mật độ dân cư**

Sức ép dân số, thay đổi về mật độ dân cư là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến biến đổi di sản phủ đệ truyền thống ở Cố đô Huế. Bởi, sự phát triển nhanh và tập trung đông dân cư trong khu vực đô thị khá nhỏ hẹp. Thành phố Huế chỉ có diện tích 70,67 km<sup>2</sup> nhưng dân số đến 356.159 người, mật độ dân số là 5.040 người/km<sup>2</sup>, trong khi đó diện tích toàn tỉnh là 5025,30 km<sup>2</sup> nhưng dân số 1.154.310 người, mật độ dân số chung là 230 người/km<sup>2</sup>. Cụ thể, dân số phường Kim Long (nơi tập trung nhiều di sản phủ đệ) vào thời điểm năm 2000 có mật độ dân số trung bình là 12.239 người thì đến năm 2017 tăng lên con số 15.654 người. Qua số liệu đó cho thấy nhu cầu quỹ đất phục vụ

yêu cầu đất ở, phục vụ dân sinh, kinh doanh tăng lên đã ảnh hưởng xấu đến cảnh quan kiến trúc di sản phủ đệ truyền thống. Những phủ đệ có con cháu trong dòng tộc đông buộc phải phân lô, tách thửa để xây dựng nhà ở phục vụ nhu cầu sinh sống, kinh doanh và phát triển kinh tế.

Trước đây, các thân vương, thân công thường lấy nhiều phủ thiếp nên đông con, mỗi người con trai sau khi lớn lên lập gia đình xây dựng nhà cửa trong khuôn viên phủ đệ vì vậy trải qua nhiều thế hệ, phủ đệ dần dần bị thu hẹp diện tích. Ông Vĩnh Hượu, hậu duệ phủ Phong Quốc công đã chia sẻ: “Ngài *Phong Quốc công* ít con nên đất phủ đệ giữ lại được nhiều (hiện nay có hơn 10,000m<sup>2</sup> đất), không đem chia nhiều cho con cháu. Như phủ *Diên Khánh vương* phân chia cho các công tử rồi công tử phân lại cho con cháu nên đất phủ ngày càng thu hẹp” (PL 2, tr. P4).

### **3.3.2. Nhu cầu về phát triển kinh tế**

Do nhu cầu mưu sinh, cải thiện đời sống kinh tế, nhiều gia đình sống trong di sản phủ đệ đã tận dụng diện tích đất vườn phủ đệ nằm ở vị trí mặt tiền đường phố để kinh doanh quán cà phê hoặc xây dựng ki ốt bán hàng quán như: Phủ đệ *Diên Phúc* trường công chúa, *Hòa Thạnh vương*, *Kiến Tường công*, *Trần Tĩnh quận công*, *Quảng Biên quận công*, *Mỹ Hóa công*... Việc kinh doanh hàng quán nếu chưa được quy hoạch, đánh giá tác động một cách khoa học sẽ ảnh hưởng xấu đến cảnh quan kiến trúc di sản phủ đệ và làm mất tính tôn nghiêm ở chốn thờ tự.

Những năm trở lại đây vấn đề xây dựng công trình mới có sử dụng yếu tố kiến trúc truyền thống phát triển mạnh. Xuất hiện nhiều người ráo riết tìm mua những bộ khung gỗ nhà rường chạm trổ tinh xảo tại các phủ đệ với giá thành rất cao. Sau khi mua về, tùy loại nhà, chất gỗ, với những ngôi nhà còn nguyên vẹn chỉ cần tân trang, lắp ghép bán cho khách để sử dụng vào chức năng nhà hàng, gallery tranh, triển lãm, dựng trên sân thượng của nhà mới để tạo thành không gian thờ cúng và nghỉ ngơi thư giãn. Chơi nhà rường cổ đã trở thành một thú đẳng cấp để phân biệt trong giới đại gia. Trong hoàn cảnh này, nhiều người buôn nhà cổ đến các di sản phủ đệ triều Nguyễn tìm cách thương lượng với người quản lý phủ đệ để mua bộ khung nhà rường. Tâm lý nhiều người quản lý phủ đệ muốn bán bộ khung nhà rường đang bị xuống cấp để cải thiện đời sống kinh tế và có kinh phí xây dựng, trùng tu phủ đệ theo kiểu kiến trúc hiện đại để thờ tự tổ tiên. Vì vậy, nhiều di sản phủ đệ đã bị hạ giải kiến trúc nhà rường truyền thống để xây mới trong thời gian vừa qua.

### **3.3.3. Sự chuyển đổi về mô hình gia đình và không gian cư trú**

Khi kinh tế xã hội phát triển, sự hội nhập với nhiều nền văn hóa khác nhau là tất yếu, cộng với tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, đã tác động rõ nét đến quy mô và nếp sống gia đình, dòng dõi hoàng gia triều Nguyễn. Sự biến đổi từ gia đình gia trưởng truyền thống sang gia đình kiểu dân chủ hiện đại tác động đến sự chuyển đổi phủ đệ truyền thống. Trước kia, một gia đình thường quy tụ nhiều thế hệ sống chung trong một mái nhà, trong đó có ông bà, bố mẹ, các con. Hiện nay, khi con cái trưởng thành, cha mẹ lo việc dựng vợ gã chồng cho con cũng muốn các con mình được ra ở riêng để

tự tạo lập cuộc sống, không bị bó buộc bởi nếp sinh hoạt khác nhau của nhiều thế hệ. Do vậy, chia tách đất vườn phủ đệ để cho con cái xây dựng nhà ở là một việc làm phù hợp với tình mẫu tử, xu hướng tất yếu của đời sống hiện đại. Ngoài ra, trong xã hội hiện đại, mọi người con đều bình đẳng trong thừa kế. Vì vậy, việc chia tách thửa đất trong khuôn viên phủ đệ, cất đất cho con, cháu, anh em làm nhà ở là điều khó tránh khỏi. Cũng có trường hợp người chủ sở hữu phủ đệ đã tuổi cao sức yếu muốn bán toàn bộ vườn phủ đệ theo con cháu đang sinh sống và làm ăn xa hoặc phủ đệ không có người kế tự nên không còn ai thờ tự hương khói và dần rơi vào quên lãng.

Ở phương diện văn hóa truyền thống, sự chuyển đổi không gian cư trú với sự xuất hiện của nhiều người dân từ nơi khác trong thành phố hay từ các tỉnh thành khác trong nước đã làm lỏng lẻo phần nào sự cố kết cộng đồng về mặt văn hóa tâm linh thông qua giữa những người sống trong cùng một địa phận như trước đây. Không gắn bó lâu dài với mảnh đất, không có sự hiểu biết về các địa danh lịch sử - văn hóa khiến những người dân mới đến thêm xa rời với di sản phủ đệ triều Nguyễn tọa lạc tại địa phương từ xưa cho đến nay. Điều này minh chứng thêm cho quan điểm của Louis Wirth, đô thị hóa đã tạo nên những cư dân đô thị “*vô danh, tách biệt khỏi hàng xóm của họ, liên quan đến những người khác chủ yếu để tăng tối đa lợi ích - kinh tế cá nhân của họ*” [24, tr. 83]. Từ đó có thể thấy, sự thay đổi về mô hình gia đình và không gian cư trú là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến sự chuyển đổi di sản phủ đệ trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Huế.

#### **3.3.4. Sự thay đổi về nhận thức của các thành viên sống trong phủ đệ**

Nếu người quản lý di sản phủ đệ ý thức được giá trị của kiến trúc di sản phủ đệ do tổ tiên để lại thì sẽ thường xuyên giữ gìn, trùng tu, tu bổ để kéo dài tuổi thọ kiến trúc nhà rường truyền thống nhưng vẫn còn không ít trường hợp người quản lý phủ đệ hiện nay muốn dỡ bỏ nhà rường cổ để xây dựng kiểu nhà mới hiện đại đảm bảo điều kiện phù hợp với đời sống hiện nay. Di sản phủ đệ là công trình mang tính thờ tự, trở thành từ đường của cả dòng họ nên rất nhạy cảm trong vấn đề quản lý, sử dụng. Về mặt tâm lý, phần lớn người sống trong phủ đệ rất e ngại khi có sự can thiệp lưu tâm của Nhà nước đến di sản phủ đệ của họ dù dưới bất cứ hình thức nào. Thái độ không mấy mặn mà này là trở ngại lớn trong việc xếp hạng di tích phủ đệ triều Nguyễn hoặc công tác thực hiện hiệu quả chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ trong chiến lược phát triển du lịch bền vững. Khi chúng tôi trao đổi với một hậu duệ sống trong di sản phủ đệ về việc ông có muốn đề nghị xếp hạng di tích cho di sản phủ đệ mà ông đang quản lý hay không? Ông ấy chia sẻ: “*Tôi không muốn xếp hạng di tích phủ đệ vì nếu di sản phủ đệ của chúng tôi được công nhận di tích thì sẽ gặp rất khó khăn trong việc trùng tu phủ đệ lúc bị xuống cấp vì phải xin phép Nhà nước, nhiều thủ tục rườm rà và có lúc chúng tôi muốn tách thửa đất đai phủ đệ để bán khi có chuyện cần đến tiền cũng không được phép*” (PL 2, tr. P4).

Những thành tựu trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố Huế đã mang lại nhiều đổi mới tiên bộ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho

người dân xứ Huế. Một khi đời sống người dân trở nên khấm khá hơn thì nhu cầu tâm linh được nâng lên bằng cách vận động con cháu trong phủ phòng đóng góp trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ. Đồng thời không thể không nói đến nguồn hỗ trợ đáng kể từ những người con xa xứ - bộ phận kiều bào đang sinh sống ở nước ngoài. Do vậy, nhiều di sản phủ đệ được trùng tu, tôn tạo ở những mức độ khác nhau, sinh hoạt nghi lễ tế tự được phục hồi. Tuy nhiên thật đáng tiếc khi có nhiều trường hợp di sản phủ đệ đã bị hạ giải kiến trúc nhà rường truyền thống để xây lại thành kiến trúc bê tông hiện đại, đồ thờ được thay mới cho những món đồ cổ quý giá.

### **3.3.5. Chủ trương, chính sách của chính quyền địa phương**

Từ định hướng phát triển đô thị theo hướng hiện đại đã đẩy nhanh quá trình đô thị hóa ở thành phố Huế. Hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ du lịch, các khu dân cư nhà cao tầng được quy hoạch, đầu tư xây dựng đã tác động đến cảnh quan kiến trúc di sản phủ đệ. Các hoạt động trùng tu, tôn tạo của người sở hữu phủ đệ hiện nay còn mang tính tự phát và lệ thuộc rất lớn vào tình hình kinh tế của dòng tộc nên các cơ quan chức năng khó quản lý việc trùng tu, tôn tạo phải đảm bảo giữ nguyên yếu tố gốc, hạn chế việc thay thế các vật liệu mới làm phá vỡ kiến trúc và cảnh quan di sản phủ đệ truyền thống. Trong quá trình trùng tu phủ đệ phải tháo rời thì trước khi tiến hành trùng tu cần có bản vẽ, ảnh chụp, đánh dấu các cấu kiện một cách rõ ràng, cụ thể để cho việc lắp ráp khi phục dựng lại... Tuy nhiên, trong thực tế, việc trùng tu phủ đệ không phải khi nào những người có trách nhiệm cũng thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên.

Những thay đổi về chủ sở hữu di sản phủ đệ đã dẫn tới những thay đổi khác liên quan đến không gian chức năng và các đặc điểm kiến trúc nguyên bản của một số di sản phủ đệ sau này. Chính sách phân phối nhà ở từ thời kỳ bao cấp là lý do chính dẫn tới việc hiện nay có nhiều hộ gia đình cùng sở hữu và sinh sống trong một kiến trúc di sản phủ đệ ở thành phố Huế như: Phủ đệ An Hóa quận vương, phủ đệ Mỹ Lương công chúa... Qua thời gian, từ những thế hệ đầu tiên tiếp nhận kiến trúc phủ đệ An Hóa quận vương, phủ đệ Mỹ Lương công chúa để ở cho đến nay, số lượng người trong các hộ gia đình tăng lên đã khiến các di sản này bị biến dạng so với kiến trúc ban đầu. Nhiều không gian mới được coi nói nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, kinh doanh buôn bán của người dân, dẫn tới những biến đổi nghiêm trọng về kết cấu kiến trúc của di sản phủ đệ. Các chi tiết kiến trúc bên trong lẫn mặt đứng bên ngoài phủ đệ đã và đang bị can thiệp một cách nghiêm trọng, không chỉ đe dọa trực tiếp tới tính nguyên bản của kiến trúc phủ đệ mà còn gây ra sự xuống cấp nhanh chóng của di sản phủ đệ hiện nay.

### **3.3.6. Ảnh hưởng của thời gian và tác động do sự biến đổi khí hậu**

Di sản phủ đệ ở thành phố Huế được kể truyền qua nhiều đời từ khi phủ đệ được khởi dựng cho đến nay. Do tuổi thọ của vật liệu gỗ chỉ nằm trong giới hạn trên dưới 100 năm nên nếu phủ đệ không được chăm sóc bảo quản tốt thì chất lượng nhà chính phủ đệ sẽ nhanh chóng bị xuống cấp và biến đổi. Khi gỗ bị chết, yếu tố chịu lực rất ít, các cấu kiện gỗ dễ dàng đổi diện nguy cơ bị mối mọt, côn trùng, nấm mốc tác

động dẫn đến làm biến dạng kết cấu bộ khung gỗ, tường bao che, mái ngói liệt khiến công trình phủ đệ có thể bị phá hủy, đổ nát trong tương lai nếu không có giải pháp trùng tu, tôn tạo kịp thời và phù hợp.

Huế có khí hậu khắc nghiệt và chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Vùng duyên hải và đồng bằng có hai mùa rõ rệt: Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8, trời nóng và oi bức, có lúc lên tới 40°C. Từ tháng 8 đến tháng 1 là mùa mưa và hay xảy ra bão lụt, nhiệt độ trung bình 19,7 °C, cũng có khi hạ xuống còn 8,8 °C, trời lạnh. Với khí hậu khắc nghiệt xứ Huế chính là một yếu tố khiến đa số các di sản phủ đệ truyền thống bị xuống cấp một cách nhanh chóng. Ngoài ra, hiện tượng lũ lụt, mưa bão đã gây nên tình trạng thấm dột, ngập úng, lụt lội vào mùa mưa, nước tràn vào trong phủ đệ khiến cho các cấu kiện gỗ, chân cột, án thờ, khám thờ, bàn ghế, sập gụ... nhanh chóng bị ẩm mốc, mục nát, còn cây xanh đổ ngã, chết úng. Trận lụt lịch sử năm 1999 đã làm cho nhiều phủ đệ bị sập đổ, hư hại và ngập nước nghiêm trọng<sup>60</sup>.

### **3.3.7. Tác động của tiến bộ khoa học - kỹ thuật và vật liệu xây dựng**

Phủ đệ triều Nguyễn là di sản vật chất hữu hình, là sản phẩm của sự tổ hợp và chế tác các thành phần vật liệu trên cơ sở các tri thức về kỹ thuật và công nghệ truyền thống, được thực hiện bởi các kỹ năng sử dụng công cụ truyền thống của các nghệ nhân tài danh. Tuy nhiên hiện nay, việc sử dụng các vật liệu không mang tính truyền thống trong quá trình trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ còn phổ biến. Người sở hữu phủ đệ đã thay thế các vật liệu mới một cách tự do, tùy tiện trong điều kiện nguyên vật liệu gỗ (nhất là những chủng loại gỗ quý) khan hiếm, giá thành khá cao đã phá vỡ tính nguyên gốc vốn đã được bố cục quy hoạch rất hài hòa, tinh tế trong kết cấu của di sản phủ đệ truyền thống. Đồng thời, việc đưa các công cụ, máy móc, đặc biệt là máy móc về đồ gỗ, để phục vụ thi công mang tính đồng loạt (như phục chế cột, rui, đòn tay, cửa...) đã góp phần làm giảm đi tính chân xác, biến đổi trong trùng tu di sản phủ đệ.

## **3.4. Hệ quả của quá trình biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn**

### **3.4.1. Thích ứng với cuộc sống xã hội đương đại**

Biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay là một điều tất yếu. Sự biến đổi này cũng mang lại sự hài lòng của người dân khi sống trong di sản phủ đệ đã tồn tại hàng trăm năm qua. Quả thực, nếu giữ nguyên quan điểm khu vực di sản phủ đệ phải được bảo tồn nguyên trạng, bảo tàng hóa di sản phủ đệ, tránh sự biến đổi về cảnh quan kiến trúc, kết cấu kiến trúc, không gian xã hội, mọi sự trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ nhằm mục đích bảo lưu yếu tố gốc, không thể bị thay thế là điều khó có thể thực hiện được trong đời sống xã hội hiện nay. Từ tính đặc thù là một “*di sản sống*” nên việc bảo tồn di sản phủ đệ phải vừa bảo tồn tối đa các yếu tố nguyên gốc của kiến trúc phủ đệ nhưng phải vừa đáp ứng tối đa các nhu cầu cuộc sống của cư dân hiện đang sinh sống trong các di sản phủ đệ đó.

---

<sup>60</sup> Trận lũ lịch sử năm 1999 gây mất mát rất lớn về người, tài sản cho khu vực các tỉnh miền Trung. Trong đó, Thừa Thiên Huế có 373 người tử vong, hơn 900.000 dân chịu ảnh hưởng, thiệt hại kinh tế hơn 2.000 tỷ đồng.

Chính vì vậy, sẽ không thể chấp nhận được nếu như có tham vọng bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ mà không đem lại cuộc sống ngày càng đầy đủ, văn minh hơn cho những con người hiện đang sinh sống trong di sản phủ đệ truyền thống, bởi vì chính họ đã đồng hành và giữ gìn cho di sản phủ đệ tồn tại đến ngày hôm nay. Xuất phát từ quan điểm đó, chúng ta phải nhìn nhận phủ đệ truyền thống như một “*co thể*” đang phát triển, hậu duệ sở hữu phủ đệ hiện nay có thể cải tạo về cảnh quan kiến trúc, kết cấu kiến trúc phủ đệ truyền thống cho phù hợp với cuộc sống hiện đại nhưng không làm phá vỡ cảnh quan kiến trúc, vẫn giữ được những giá trị đặc trưng của di sản phủ đệ triều Nguyễn. Cụ thể trong từng di sản phủ đệ, điều cần bảo tồn là kết cấu kiến trúc cơ bản của nhà chính (hệ thống cấu trúc khung gỗ, nghệ thuật trang trí truyền thống...), song, cái có thể tôn tạo, cải tạo để thích nghi với công năng sử dụng mới là hệ thống công trình phụ (điện, cấp - thoát nước, vệ sinh...), hệ thống phòng cháy chữa cháy, cột chống sét... là sự ứng phó với những cơn thịnh nộ của thiên tai và phòng chống hỏa hoạn trong mỗi di sản phủ đệ. Nhưng các loại thiết bị mới này phải được người sở hữu phủ đệ lắp đặt, bố trí một cách gọn gàng, kín đáo, vẫn đảm bảo được tính thẩm mỹ, sự hài hòa và không làm giảm đi các công năng cần có, hạn chế tối đa sự xuất lộ ra ngoài làm mất vẻ mỹ quan phủ đệ truyền thống.

Cảnh quan kiến trúc di sản phủ đệ có sự biến đổi, đặc biệt là hạng mục la thành, bến phủ để phù hợp với đời sống hiện đại đề cao tính an toàn. Sự phức tạp của môi trường sống và sự gia tăng các tệ nạn xã hội ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay làm cho các thành viên sống trong phủ đệ cẩn trọng hơn và điều này thể hiện rõ nét trong việc biến đổi bến phủ, la thành của di sản phủ đệ. Nếu như trước đây la thành tương đối thấp nay đã chuyển thành những tường thành kiên cố bằng bê tông, lưới sắt hay những phủ đệ tọa lạc sát bờ sông có bến nước đều phải rào lại hoặc lấp bến phủ. Theo những người sinh sống tại phủ đệ, tường thành xây dựng bằng gạch, lưới sắt hoặc rào chắn bến nước nhằm bảo vệ an ninh cho phủ đệ, vì quá trình đô thị hóa đã xuất hiện nhiều kẻ trộm hàng ngày luôn rình rập vào phủ đệ có ý đồ đánh cắp cổ vật quý giá bằng đường bộ, đường sông... chưa kể là việc hái trộm hoa quả trong phủ đệ cũng thường xuyên xảy ra.

Ngoài ra, không gian thờ cúng, các nghi lễ tế tự tại di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh xã hội hiện nay chắc chắn sẽ có sự biến đổi, không còn đủ những yếu tố triết lý trong nghi thức như xưa nhưng vẫn không ngoài mục đích thể hiện sự thành kính với người đã khuất và cầu mong tổ tiên ông bà phù hộ độ trì cho con cháu trong phủ đệ có cuộc sống hạnh phúc, an khang thịnh vượng.

### **3.4.2. Sự mai một các giá trị di sản phủ đệ**

Biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay đã để lại nhiều mặt hạn chế cần phải nhìn nhận và khắc phục trong thời gian sắp tới. Một thực trạng rất đáng quan ngại là trong những năm gần đây, di sản phủ đệ có hiện tượng biến đổi về cảnh quan kiến trúc, kết cấu kiến trúc, nghệ thuật trang trí và không gian văn hóa - xã hội, trong đó có nhiều phủ đệ có giá trị nghiên cứu khoa học. Một số



phủ đệ đã được cơ quan chức năng đưa vào danh sách kiểm kê bảo tồn nhưng vẫn bị cải tạo, xây mới các hạng mục kiến trúc hiện đại làm phá vỡ cảnh quan kiến trúc phủ đệ truyền thống. Một số phủ đệ truyền thống khác có kiến trúc nhà chính bị xuống cấp nghiêm trọng do mối mọt xông, mục nát cấu kiện gỗ nên buộc người sở hữu phủ đệ phải tháo dỡ, hạ giải kiến trúc nhà rường để xây dựng lại nhà mới bằng vật liệu kiên cố để thờ phụng tổ tiên. Bên cạnh đó, một số người quản lý phủ đệ đã tiến hành thay mái ngói liệt bằng ngói móc hoặc tôn giả ngói, ván vách bằng tường gạch, thay cột gỗ bằng cột bê tông hoặc giả gỗ, nền lát gạch men... Công phủ được xây mới không còn giống trước. Dáng cổng phổ biến trước kia như cổng vòm nay đã không còn nữa. Sự biến đổi nêu trên cho thấy số lượng phủ đệ bảo lưu hình ảnh kiến trúc truyền thống ngày một suy giảm.

Phần lớn chủ sở hữu di sản phủ đệ triều Nguyễn có đời sống kinh tế còn khó khăn, thu nhập thiếu ổn định trong khi lại cần nhiều khoản chi phí cho sinh hoạt đời sống hằng ngày, lại thêm việc trùng tu, tôn tạo phủ đệ bằng các loại gỗ quý hiếm, tốn kém đòi hỏi một nguồn kinh phí lớn, có khi lên đến tiền tỷ nên các thế hệ con cháu đành bất lực đối với việc bảo tồn, gìn giữ phủ đệ có kiến trúc nhà rường truyền thống do ông cha để lại trước sự xuống cấp ngày càng nghiêm trọng. Trên thực tế, hầu hết các công trình kiến trúc gỗ cứ sau 20 năm thì phải trùng tu một lần, nhưng di sản phủ đệ ở Huế thì không thể làm như vậy do thiếu kinh phí. Do vậy, các thành viên sống trong phủ đệ ngậm ngùi bất lực đứng nhìn phủ đệ dần bị xuống cấp, các hạng mục cấu kiện gỗ bị mục nát, mái ngói liệt bị thấm dột, thậm chí họ phải cam lòng bán bộ khung nhà rường cổ mong có tiền xây dựng kiến trúc mới để thờ phụng tổ tiên được đàng hoàng hơn.

Nhịp sống hiện đại đang từng ngày biến đổi một cách nhanh chóng, đời sống của con người lại càng đề cao các giá trị tiện ích. Điều này được bộc lộ rõ qua việc xây dựng kiến trúc hiện đại trong khuôn viên phủ đệ truyền thống, đi theo hướng tôn sùng công năng sử dụng, công nghệ và vật liệu mới, thể hiện sự khô cứng, vô tính về không gian kiến trúc. Những vật liệu mới mà người quản lý di sản phủ đệ đã và đang sử dụng hôm nay đều tạo ra nhiều chất thải gây nguy hại đến nguồn nước, không khí, đến tầng ozone mà nhiều nhà môi trường đang cảnh báo như lượng khí thải độc, bụi, khói từ các nhà máy sản xuất xi măng, từ nhà máy thép, kính, inox, nhôm, nhựa; gạch nung bằng củi, than đá; các mỏ đá được khai thác bằng hoá chất, chất nổ.... Trước đây, hệ thống mái ngói liệt, bộ khung gỗ nhà rường và khu vườn phủ đệ truyền thống giảm các tác động ô nhiễm môi trường nói trên, giữ cho kiến trúc phủ đệ ấm áp vào mùa đông, mát mẻ vào mùa hè, góp một phần tiết kiệm năng lượng điện, không phải sử dụng quạt khi có người sinh sống trong di sản phủ đệ hoặc những ngày tổ chức cúng kỵ tại phủ đệ.

Sự biến đổi quy hoạch cảnh quan, kết cấu kiến trúc, không gian văn hóa xã hội và nghệ thuật trang trí điêu khắc trong phủ đệ truyền thống như hiện nay đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiềm năng và triển vọng phát triển du lịch di sản phủ đệ ở thành phố Huế. Cảm nhận của du khách trong nước và quốc tế sẽ thay đổi khi không còn được tận mắt thưởng lãm hệ thống di sản phủ đệ truyền thống có kiến trúc nghệ thuật hòa hợp với cảnh quan thiên nhiên, phân bố tập trung tại các khu vực Kim Long, Vĩ Dạ,

Gia Hội - Chợ Dinh, Phủ Cam... như xưa. Nếu tình trạng này cứ tiếp diễn trong một thời gian dài thì sản phẩm du lịch di sản phủ đệ triều Nguyễn sẽ bị mất niềm tin và lung lay trong con mắt của du khách trong và ngoài nước.

### **3.5. Xu hướng biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn**

#### **3.5.1. Xu hướng xuống cấp, biến mất di sản phủ đệ**

Trong những thay đổi tiện nghi hơn về điều kiện sống, người dân Huế trong xã hội hiện đại dễ chấp nhận sự thay thế các yếu tố truyền thống bằng các nhân tố mới. Trước luồng gió hiện đại hóa, đô thị hóa tốc độ cao với sự hấp dẫn nhiều lúc không cưỡng nổi, sự chống cự của các giá trị truyền thống dường như trở nên yếu ớt, thậm chí bị lãng quên. Diện mạo xã hội thay đổi nhanh từng ngày, từng giờ. Những di sản phủ đệ được hình thành, phát triển trong thời gian dài của lịch sử đã và đang bị biến đổi rất nhanh trong một thời gian ngắn, có thể coi là khoảnh khắc đối với lịch sử. Như vậy, thách thức của quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế là rất lớn. Đô thị hóa đã làm thay đổi bộ mặt đô thị cả về quy hoạch, kiến trúc lẫn cơ cấu cư dân. Sự xáo trộn nguồn dân cư gây ra xung đột giữa quy hoạch xây dựng đô thị và bảo tồn di sản phủ đệ. Ví dụ như khu vực vùng phố cổ Gia Hội - Chợ Dinh, nơi có số lượng di sản phủ đệ tọa lạc nhiều nhất, quá trình đô thị hóa ồ ạt, cùng với địa thế, cảnh quan thiên nhiên nhiều ưu đãi đã khiến giá đất và tiền thuê nhà ở khu vực này ngày càng tăng cao. Khu vực này có tỷ lệ người ở nơi khác đến mua nhà hoặc thuê nhà còn cao hơn dân gốc. Những người mới đến ở phố cổ Gia Hội - Chợ Dinh sẽ có lối sống khác, văn hóa khác nhau và hầu như không biết đến di sản văn hóa địa phương. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến các giá trị di sản phủ đệ ở khu vực này.

Hiện nay đang diễn ra xu hướng chỉ có người cao tuổi mới đến tham dự các lễ húp kỵ tổ chức tại di sản phủ đệ triều Nguyễn, còn con cháu trẻ tuổi thì không quan tâm đến việc tham dự cúng tế, thậm chí chưa từng một lần nào đến tham dự lễ kỵ chạp và không biết phủ đệ của dòng tộc mình nằm ở đâu. Chúng tôi tham dự một số buổi lễ húp kỵ tại phủ đệ thì trông thấy đa số là người cao tuổi tham dự, còn người trẻ tuổi hầu như vắng bóng. Một hậu duệ trẻ tuổi (sinh năm 1996) chia sẻ: *“Mặc dù là con cháu họ Nguyễn Phúc, dòng dõi hoàng tộc triều Nguyễn nhưng từ nhỏ đến lớn em không một lần nào tham dự lễ húp kỵ ở phủ đệ và phủ đệ của dòng họ em cũng không biết nằm ở đâu?”* (PL 2, tr. P4). Điều này cho thấy, con cháu trẻ tuổi sống ở xa di sản phủ đệ đang thiếu quan tâm tìm hiểu về lịch sử dòng họ, tìm hiểu về phủ đệ, nơi thờ phụng tổ tiên mình.

Việc xây dựng các công trình cao tầng, hiện đại và nhu cầu cuộc sống tiện nghi đã làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan kiến trúc di sản phủ đệ. Trong cuộc xung đột này, phát triển đô thị và di sản phủ đệ đang được đặt lên bàn cân. Một mặt là nhu cầu phát triển của dân số ngày càng tăng, và mặt khác là nhu cầu cấp thiết để bảo vệ di sản phủ đệ, duy trì bản sắc tinh thần của cộng đồng. Các công trình hiện đại mọc lên ngày càng nhiều, ngay trong khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích phủ đệ là một vấn đề khó giải quyết trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ ở thành phố Huế hiện nay.

Tại di sản phủ đệ triều Nguyễn, việc kết hợp nhà chính có kiến trúc nhà rường truyền thống với nhà bê tông cốt thép một cách tự phát, không có tư vấn của chuyên gia, nhà bảo tồn và quá trình lắp dựng không đồng bộ, cùng với sự quản lý thiếu chặt chẽ của chính quyền địa phương làm cho việc sử dụng kiến trúc hiện đại không ăn nhập với kiến trúc phủ đệ truyền thống có xu hướng gia tăng. Tâm lý chung của người dân khi xây nhà là muốn xây cao hơn nhà bên cạnh, do đó họ thường tôn nền cao để lắp dựng nhà, mái của nhà cũng dốc hơn để đạt được độ cao tương xứng với nhà 2 hoặc 3 tầng bên cạnh. Điều này làm phá vỡ cảnh quan kiến trúc phủ đệ truyền thống, đồng thời cũng gây khó khăn cho việc thoát nước vào mùa mưa do sự chênh lệch về cao độ nền giữa các lô đất, gây ra tình trạng ngập úng di sản phủ đệ vào mùa mưa bão.

Xu hướng xây dựng các ki ốt ra mặt đường làm dịch vụ kinh doanh khiến cảnh quan kiến trúc phủ đệ truyền thống dễ bị phá vỡ. Hoạt động kinh doanh buôn bán này nếu không có sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền địa phương, chuyên gia bảo tồn kiến trúc cổ sẽ tác động đến sự biến đổi phủ đệ truyền thống ở Huế ngày càng nghiêm trọng và mạnh mẽ. Bên cạnh đó, nếp sống mới - nếp sống văn hóa, văn minh đô thị cũng in dấu trong việc thực hành nghi lễ tế tự tại di sản phủ đệ. Trong các lễ húy kỵ tại phủ đệ, con cháu trong phủ đã áp dụng các yếu tố khoa học công nghệ, kỹ thuật được đưa vào sử dụng giúp cho việc thực hành nghi lễ được thuận tiện. Mặt khác, lối sống đô thị với đặc điểm nhanh và thực dụng in dấu trong cuộc sống và tâm linh, tín ngưỡng, thể hiện ở sự biến đổi theo hướng đơn giản hóa: Mua sớ cúng in sẵn thay vì viết tay như trước nên dẫn đến tính thiêng và lòng thành kính đối với người quá cố bị giảm bớt, đặt đồ cúng hoặc mua sẵn, lược bỏ một số lễ thức, không quá nhiều kiêng kỵ đối với lễ vật dâng cúng tổ tiên như dọn thức ăn chay hay mặn.

Hiện nay, công tác bảo tồn di sản phủ đệ mới chỉ tập trung tu bổ kiến trúc nhà chính, bình phong, cổng phủ mà bỏ qua một số giá trị khá cốt lõi của phủ đệ truyền thống; đó là giá trị cảnh quan, văn hóa của cây trồng trong khuôn viên phủ đệ không chỉ ở vẻ đẹp cảnh quan với các tổ hợp giàu chất thơ như hàng chè tàu, cây cau, cây vải... mà còn ở cả giá trị về y tế, bảo vệ sức khỏe của những người đang sống trong phủ đệ. Vườn phủ đệ cũng là vườn thuốc: Cây hoa cúc làm sáng mắt, hoa nhài ướp chè, lá hẹ chữa viêm họng, rau sam chữa nhiệt, lá ổi chữa tiêu chảy... Những giá trị đó nếu không gìn giữ được trong công tác bảo tồn di sản phủ đệ thì quả là sự mất mát lớn. Bên cạnh đó, hệ thống bên nước ở các phủ đệ ngày càng xuống cấp và có thể biến mất trong quá trình đô thị hóa hiện nay. Các giá trị văn hóa phi vật thể, giá trị cảnh quan kiến trúc phủ đệ hiện nay chưa được quan tâm đúng mức, trong cả quá trình đánh giá và quá trình thực hiện bảo tồn di sản phủ đệ. Rất cần có sự thay đổi mạnh trong nhận thức của các nhà quản lý di sản, cộng đồng để công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ có kết quả tốt hơn trong giai đoạn tới.

### 3.5.2. Xu hướng duy trì, phục hồi và phát huy các giá trị di sản phủ đệ

Với bề dày truyền thống lịch sử văn hóa, Cố đô Huế là một trong những nơi tập trung nhiều di sản nhất trong cả nước. Ý thức được sự cần thiết phải bảo tồn các di sản văn hoá, đặc biệt là các di sản có giá trị, ngành Văn hoá đã xác định xếp hạng di tích là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý, bảo tồn di sản, trong đó có di sản phủ đệ triều Nguyễn, có xếp hạng di tích thì mới có cơ sở pháp lý để bảo vệ và phát huy giá trị di sản một cách bền vững trong bối cảnh đô thị hóa. Xuất phát từ nhận thức trên, trong những năm qua, ngành Văn hoá đã tiến hành khảo sát, kiểm kê, nghiên cứu thực địa nhằm xác định giá trị di sản, từ đó xây dựng kế hoạch xếp hạng di tích theo từng năm, triển khai lập hồ sơ theo quy định của pháp luật và trình UBND tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích cấp quốc gia. Hiện nay đã có 3 phủ đệ được xếp hạng di tích quốc gia (phủ đệ Tuy Lý vương, phủ đệ Diên Khánh vương và cung An Định) và có 8 phủ đệ đã đưa vào danh mục kiểm kê bảo vệ.

Xã hội càng phát triển, đời sống vật chất được nâng cao, đời sống tinh thần càng phong phú thì nhu cầu đời sống tâm linh của người dân ngày một nâng cao, như hệ quả của quy luật phát triển. Vì vậy, hậu duệ của các phủ đệ ngày càng quan tâm hơn đến việc trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ, lăng mộ, tìm kiếm các tư liệu để hiểu biết về lịch sử phủ đệ, truyền thống tổ tiên, tìm kiếm lăng mộ bị thất lạc, soạn thảo nội quy hoạt động của phủ đệ, thiết lập nề nếp gia phong một thời bị đứt quãng do hoàn cảnh chiến tranh, loạn lạc và đời sống kinh tế còn nhiều nghèo khó. Điển hình là “*Nhóm Lửa Nhỏ*” bao gồm một nhóm người thuộc hậu duệ (nội, ngoại) của Nguyễn Phúc Tộc, được lập ra từ năm 2017 để tự nguyện tìm kiếm, trùng tu và xây dựng lại các ngôi mộ thất lạc của dòng tộc Nguyễn Phúc. Hơn hai năm qua, nhóm đã tìm ra hơn 400 lăng mộ thất lạc, trong đó có hơn 50 lăng mộ đã được tu bổ, gắn bia quốc ngữ và định vị trên bản đồ. Ông Vĩnh Ba, thành viên của Nhóm Lửa Nhỏ đã chia sẻ: “*Chúng tôi là một nhóm anh em cùng chung nỗi xót xa trước tình trạng nhiều lăng mộ tiền nhân bị lãng quên, hoang phế mà cùng nhau kết hợp đi tìm kiếm lăng mộ. Tìm được lăng mộ nào thì thông báo lên Facebook, thông báo cho bà con Nguyễn Phúc Tộc trong và ngoài nước được biết. Những lăng mộ có sự ủng hộ của hậu duệ hay người hảo tâm, thì chúng tôi tiến hành tu bổ như xây lại tấm mộ, dựng bia. Còn lại đại đa số vẫn chưa được tu bổ, chúng tôi chỉ phát quang được cây cối rậm rạp xung quanh và định vị trên bản đồ, gắn tấm bia quốc ngữ định danh để mọi người sau này dễ thăm viếng, trùng tu*” (PL 2, tr. P4). Những hành động thiết thực này đã góp phần bảo tồn di sản phủ đệ dựa vào cộng đồng, góp phần nâng cao nhận thức của các thế hệ con cháu trong các phủ đệ nhằm bảo tồn di sản văn hóa của tổ tiên.

Ngày nay, con cháu trong phủ đệ đều có tâm nguyện phục hồi lại di sản phủ đệ đã bị chiến tranh tàn phá hoặc bão lụt làm sụp đổ thờ phụng tổ tiên, ông bà. Họ vận động tài chính của các con cháu thành đạt sống trong toàn quốc, những người sống và làm việc ở nước ngoài, đồng thời, họ cũng tìm cách để đòi lại đất đai của phủ đệ bị người ngoài chiếm dụng trái phép. Ông Tôn Thất Lý Huy - hậu duệ phủ Thiệu Hóa quận vương chia sẻ: *“Phủ đệ Thiệu Hóa quận vương đã bị sập đổ hoàn toàn nhưng tương lai phải phục hồi lại giống như xưa, chứ không bao giờ coi như sập đổ là bỏ đi, sau này sẽ xây dựng lại đàng hoàng. Vì bà con dòng tộc còn rất nhiều, khi còn khó khăn thì để như vậy, khi có điều kiện ai cũng muốn xây dựng, trùng tu phủ đệ để có nơi thờ tự tổ tiên một cách tôn nghiêm”* (PL 2, tr. P4).

Việc sử dụng những vật liệu hiện đại như gạch, xi măng, sắt thép... để thay thế vật liệu gỗ truyền thống trong bối cảnh nguồn gỗ ngày càng cạn kiệt để xây dựng nhà phủ trong di sản phủ đệ là cách tiết kiệm hiệu quả, bền vững trước khí hậu khắc nghiệt xứ Huế. Những ngôi nhà phủ kiên cố được xây dựng trong khuôn viên phủ đệ, nó không làm phá vỡ cảnh quan kiến trúc phủ đệ, đồng thời đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của đời sống hiện đại. Nhà phủ này sẽ là nơi trú ngụ an toàn cho các thành viên gia đình sống trong di sản phủ đệ trong những mùa bão lụt hàng năm, chống sự biến đổi khí hậu. Đồng thời, các ngôi nhà này giải quyết vấn đề tăng nhân khẩu, gia đình hạt nhân trong các đại gia đình truyền thống sống trong khuôn viên di sản phủ đệ ở thành phố Huế. Đặc điểm những đường nét của nhà phủ được lược giản, thì việc thiết trí trang trí nội thất cũng được đơn giản hóa theo. Bàn ghế không còn kiểu cách cầu kỳ, chạm khắc long phượng hay hoa văn chìm nổi, mà trái lại, những đường nét mạnh mẽ, góc cạnh và dứt khoát sẽ chi phối toàn bộ không gian nhà phủ. Ngôi nhà phủ sẽ thoáng hơn, giãn rộng ra khiến người sống ở đây cảm thấy thoải mái, dễ chịu.

Hầu hết các di sản phủ đệ là những mảnh vườn xanh tươi bao quanh những ngôi nhà rường cổ kính. Những phủ đệ là nơi tiềm ẩn, chứa đựng tư tưởng, tính cách của con người Huế xưa, tính cách “*Mẹ*”. Vì vậy, di sản phủ đệ đã và đang trở thành sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, đóng góp đáng kể cho chiến lược phát triển du lịch bền vững. Do đó, người quản lý phủ đệ có thể xây dựng những hạng mục nhà rường mới, nhà vệ sinh, phòng nghỉ... nhưng phải đảm bảo sự hài hòa với cảnh quan kiến trúc phủ đệ nhằm phục vụ nhu cầu kinh doanh dịch vụ du lịch. Sau khi du khách được tạo điều kiện về chỗ ăn, ngủ chu đáo, du khách sẽ ở chung và sinh hoạt chung với người dân như thành viên trong gia đình, thông qua những hoạt động cộng đồng đó để trải nghiệm các giá trị sống và văn hóa ẩm thực phủ đệ. Và người quản lý phủ đệ chính là những hướng dẫn viên sống động giới thiệu đến du khách những nét giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật và những câu chuyện liên quan đến di sản phủ đệ mà mình đang giữ gìn, thờ phụng. Như vậy, tiềm năng và triển vọng phát triển du lịch di sản phủ đệ sẽ hứa hẹn trở thành một sản phẩm du lịch đặc

trung, độc đáo trong tương lai nhằm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Một khi người dân được hưởng lợi trực tiếp từ du lịch, họ sẽ tái đầu tư chăm sóc, tu bổ đảm bảo giữ nguyên cảnh quan kiến trúc phủ đệ truyền thống, tránh những biến đổi tiêu cực để có thể tham gia hoạt động du lịch một cách lâu dài, bền vững. Điều này sẽ thổi luồng gió mới vào công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ dựa vào cộng đồng, làm cho những người quản lý di sản phủ đệ và du khách cùng hưởng lợi.

Xu hướng biến đổi di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay là một quy luật tất yếu của sự phát triển xã hội. Tuy vậy, nếu mỗi người quản lý di sản phủ đệ có ý thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ truyền thống, cùng với sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương cộng thêm tư vấn của các nhà quản lý di sản văn hóa, chuyên gia bảo tồn kiến trúc cổ sẽ giúp cho cộng đồng bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ truyền thống một cách có hiệu quả trong đời sống đương đại.

### **Tiểu kết Chương 3**

Trải qua hàng trăm năm, những giá trị đặc trưng của di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế có vai trò quan trọng trong đời sống đương đại. Phủ đệ là di sản độc đáo phản ánh khả năng lao động, sáng tạo, tính thẩm mỹ, nề nếp gia phong của những gia đình, dòng họ hoàng tộc triều Nguyễn qua nhiều thế hệ trong quá trình lịch sử. Phủ đệ không đơn thuần chỉ là nơi sinh sống, thờ tự của các ông hoàng, bà chúa mà còn là nơi bồi đắp, tích tụ các giá trị văn hóa và thể hiện rõ sự sáng tạo trong kiến trúc, nghệ thuật sống giao hòa, cộng cảm với thiên nhiên của con người mảnh đất xứ Thần kinh. Nhìn vào mỗi di sản phủ đệ, người ta thấy rõ điều kiện và không gian sống đặc trưng riêng có của tầng lớp “*cành vàng lá ngọc*” vang bóng một thời.

Thời gian qua, cùng với sự phát triển kinh tế, quá trình đô thị hóa của thành phố Huế, đô thị mở rộng, nông thôn mới được xây dựng, đời sống nhân dân được nâng cao. Nhưng chính sự phát triển đó cũng đã làm biến đổi và cuốn đi nhiều giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn mà các thế hệ tiền nhân đã để lại cho chúng ta. Đó là sự biến đổi nhanh chóng về cảnh quan kiến trúc, kết cấu kiến trúc, không gian xã hội, nghi lễ tế tự tại các di sản phủ đệ trong quá trình đô thị hóa hiện nay. Hiện tượng, di sản phủ đệ bị xây dựng nhà mới hoặc đất đai phủ đệ bị phân lô, tách thửa làm phá vỡ cảnh quan kiến trúc di sản phủ đệ truyền thống ở thành phố Huế đang diễn ra một cách đáng báo động. Ngoài ra, tốc độ đô thị hóa từng bước làm thay đổi tính cách con người, đặc biệt là lớp trẻ dễ dàng tiếp nhận sự du nhập cách sống, điều kiện sinh hoạt hiện đại đã ảnh hưởng đến cách ứng xử, nề nếp gia phong phủ đệ. Vì vậy, cần phải thực thi có hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong quá trình đô thị hóa hiện nay. Bảo tồn và phát triển bền vững di sản phủ đệ chính là bảo lưu một phần lịch sử và văn hóa xứ Huế.

## CHƯƠNG 4.

# BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN Ở THÀNH PHỐ HUẾ TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA HIỆN NAY

Hiện nay, nhiều di sản phủ đệ triều Nguyễn có giá trị độc đáo tọa lạc ở thành phố Huế đang đối diện với những biến đổi nhanh chóng trong bối cảnh đô thị hóa, nếu di sản này không sớm được quan tâm khảo sát nghiên cứu, đánh giá nhằm đưa ra các giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị một cách kịp thời thì sự mai một và thậm chí là biến mất của loại hình di sản này ở Cố đô Huế chỉ còn là vấn đề thời gian.

### 4.1. Cơ sở bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn

#### 4.1.1. Các văn bản pháp luật liên quan đến bảo tồn di sản phủ đệ

Hoạt động trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ phải tuân thủ hệ thống nguyên tắc của hoạt động bảo tồn di sản đã được xác định, thống nhất trong hệ thống lý thuyết về bảo tồn di sản, các Công ước quốc tế, các văn bản pháp lý do Chính phủ Việt Nam ban hành, cụ thể:

- *Các văn kiện quốc tế liên quan đến bảo tồn di sản*

+ Hiến chương Athens về trùng tu di tích lịch sử (1931) - The Athens charter for the restoration of historic monuments (1931).

+ Hiến chương Venice - Hiến chương quốc tế về bảo tồn và trùng tu di tích và di chỉ (1964) - The Venice Charter (1964).

+ Hiến chương Washington về bảo vệ thành phố và khu vực đô thị lịch sử (1987) - The Washington Charter (1987).

+ Văn kiện Nara về tính xác thực (1994) - The Nara Document on Authenticity (1994).

+ Công ước quốc tế về du lịch văn hoá (1999) - International Cultural Tourism Charter (1999).

- *Các văn bản pháp lý về bảo tồn di sản của Việt Nam và Thừa Thiên Huế*

+ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009.

+ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Di sản văn hoá.

+ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

+ Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.

+ Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

+ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Chương trình hành động số 69-CTr/TU ngày 3/2/2020 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế triển khai thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Quyết định 25/2015/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 về việc phê duyệt Đề án Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng.

+ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **4.1.2. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức về bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn**

Cùng với sự phát triển của các lý thuyết bảo tồn di sản, cách thức tiếp cận đến di sản càng ngày trở nên rộng và linh hoạt hơn. Di sản phủ đệ không nên bảo tồn bằng cách tách biệt nó ra khỏi tự nhiên và sự phát triển, sự thay đổi và vận động tự nhiên. Nói cách khác, bảo tàng hóa di sản phủ đệ là một cách tiếp cận không còn phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Thêm vào đó, công tác bảo tồn di sản phủ đệ không nên coi là công việc riêng của các nhà chuyên môn mà sự tham gia của cộng đồng càng ngày càng đóng vai trò quan trọng có tác động lớn đến hiệu quả của công tác bảo tồn di sản độc đáo này. Năm được bối cảnh bảo tồn của di sản phủ đệ là cơ sở cho các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị, do đó các yếu tố nội tại và những yếu tố ngoại cảnh tác động đến di sản phủ đệ cần được nghiên cứu và đề cập trước khi đưa ra bất cứ đề xuất, giải pháp nào cho việc cải thiện công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay. Đánh giá SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức) được áp dụng như một công cụ hiệu quả để khái quát bối cảnh bảo tồn các di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế hiện nay (Bảng 4.1).

**Bảng 4.1. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức về bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn**

<b>Điểm mạnh</b>	<b>Điểm yếu</b>
- Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế đã thúc đẩy công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế nói chung và di sản phủ đệ nói riêng có nhiều chuyên	- Thời gian thực hiện các thủ tục thỏa thuận, thẩm định, phê duyệt dự án tu bổ các di tích phủ đệ phải qua nhiều bước, kéo dài. Ngoài ra nhiều điểm còn chồng chéo giữa quy định của Luật Di sản văn



<p>biến tích cực và đạt được những thành tựu quan trọng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hệ thống văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước và các Hiến chương, Công ước quốc tế về bảo tồn và trùng tu di tích mà Việt Nam là thành viên như: Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn ngày 18/6/2009.</li> <li>- Công tác trùng tu, tôn tạo các di tích trên địa bàn toàn tỉnh Thừa Thiên Huế được quan tâm; nguồn kinh phí tu bổ được tập trung đầu tư, hỗ trợ kịp thời cho các di tích bị xuống cấp; phát huy nguồn nội lực của nhân dân ngày càng mang tính xã hội hóa cao; việc tu bổ, trùng tu các di tích Huế được thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.</li> <li>- Hầu hết kiến trúc phủ đệ triều Nguyễn là một cấu trúc gỗ linh hoạt có khả năng lắp dựng và hạ giải dễ dàng nên tạo điều kiện thuận lợi cho công tác trùng tu, tôn tạo khi có điều kiện về kinh phí.</li> <li>- Các di sản phủ đệ triều Nguyễn còn bảo lưu được nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, trong đó có một số phủ đệ được xếp hạng di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh và đưa vào danh mục kiểm kê bảo vệ.</li> <li>- Di sản phủ đệ luôn nhận được sự tôn trọng và tình cảm thiêng liêng của các con cháu sống trong phủ đệ, đặc biệt là người cao tuổi.</li> </ul>	<p>hóa với Luật Xây dựng gây khó khăn cho công tác trùng tu, tôn tạo và huy động các nguồn lực để bảo tồn phủ đệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu gỗ kém bền vững và nhạy cảm với các tác động của thiên nhiên, thời tiết khắc nghiệt xứ Huế. Các hư hỏng, xuống cấp thường thấy trong di sản phủ đệ đều có liên quan đến sự phá hoại của côn trùng và điều kiện độ ẩm cao.</li> <li>- Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ chưa chính thức được cơ quan quản lý Nhà nước đặt ra thành nhiệm vụ. Việc nghiên cứu, phục hồi và phát huy giá trị di sản phủ đệ mang tính tự phát, chủ yếu từ các nhà nghiên cứu độc lập.</li> <li>- Thiếu chính sách, chiến lược quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ, đặc biệt là Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ.</li> <li>- Trong công tác quản lý Nhà nước, chúng ta đang còn khá cứng nhắc khi phân loại, ứng xử với di sản phủ đệ. Tiếp cận một di sản phủ đệ, dù được xếp hạng di tích hay chưa, trước hết, phải tôn trọng và ứng xử khách quan, nhân văn. Nếu nhìn nhận giá trị di sản phủ đệ chỉ dựa trên phương diện hành chính (xếp hạng di tích) sẽ dễ dẫn đến tình trạng máy móc, bỏ sót nhiều di sản phủ đệ có giá trị độc đáo. Với các quy định, tiêu chí kiểm kê và xếp hạng di tích như hiện nay thì rất nhiều di sản phủ đệ triều Nguyễn có thể bị mai một, lãng quên là điều tất yếu sẽ xảy ra.</li> </ul>
<b>Cơ hội</b>	<b>Thách thức</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng công trình được xếp hạng di tích ngày càng nhiều nhưng ngân sách Nhà nước có hạn nên khó tập trung đầu tư</li> </ul>

<p>đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó nhấn mạnh mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cổ đô và bản sắc văn hóa Huế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Với khả năng thiết lập các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ sẽ đưa ra các khuyến nghị thông qua các Công ước quốc tế, đồng thời thiết lập các quỹ bảo tồn di sản văn hóa, nhằm hỗ trợ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn.</li> <li>- Di sản phủ đệ được đánh giá cao về tầm quan trọng đối với tiềm năng phát triển du lịch bền vững, phát triển kinh tế - xã hội và quảng bá hình ảnh điểm đến cho du khách trong và ngoài nước.</li> <li>- Nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ của chính quyền địa phương và người dân ngày càng được nâng cao.</li> <li>- Đề án “<i>Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng</i>” được triển khai có hiệu quả. Một số phủ đệ đã tham gia vào đề án, đây là cơ hội để các di sản phủ đệ có giá trị được đầu tư kinh phí trùng tu, tôn tạo nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị một cách có hiệu quả.</li> </ul>	<p>kinh phí tu bổ, tôn tạo cho các di tích, trong đó có di tích phủ đệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều di sản phủ đệ đã và đang rơi vào tình trạng bị hư hỏng và xuống cấp. Những hoạt động xây dựng, tu bổ đối với phủ đệ trong thời gian trước đây không lưu trữ các hồ sơ kỹ thuật như bản vẽ kỹ thuật thi công hoặc ghi chép mô tả về các chuyển đổi về kiến trúc.</li> <li>- Dưới sức ép của quá trình đô thị hóa, sức ép về gia tăng dân số việc giữ gìn di sản phủ đệ tạo nên bản sắc đô thị di sản Huế là điều không dễ dàng.</li> <li>- Hệ thống cơ sở dữ liệu về di sản phủ đệ chưa được quan tâm thực hiện để phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị. Nguồn tư liệu sống từ các vị cao tuổi sống trong phủ đệ đang bị mất dần theo thời gian.</li> <li>- Biến đổi khí hậu đang diễn biến ngày càng phức tạp (gia tăng về tần suất và cường độ). Thành phố Huế trong tương lai sẽ đối mặt với nhiều tai biến thiên nhiên do sự biến đổi khí hậu như: Lũ lụt, gió bão, mưa đá, sạt lở đất...</li> </ul>
---	---

## **4.2. Thực trạng hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn trong thời gian qua**

### **4.2.1. Về kiểm kê, xếp hạng di tích phủ đệ**

Ngày 8/10/1993, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 1046/QĐ-UBND về Bảo vệ đợt 1 các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh (kèm theo Danh mục 153 di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cần được bảo vệ), trong đó danh mục di tích ở

thành phố Huế có mục phủ đệ gồm: Diên Khánh vương, Thiệu Hóa quận vương, Phong Quốc công, Thọ Xuân vương, Phú Bình quận vương, Gia Hưng vương, Kỳ Phong quận công, Kiên Thái vương, Quảng Ninh quận công, Ba Xuyên quận công, Hòa Thành vương, Cẩm Giang quận công, Bảo An quận công, Tấn Quốc công, Tuy An quận công, An Quốc công, Tĩnh Gia công, Tùng Thiện vương, Thoại Thái vương, cung An Định. Nội dung Quyết định số 1046/QĐ-UBND nêu rõ: Điều II. Nghiêm cấm mọi hoạt động xây dựng, khai thác trong khu vực bảo vệ của di tích và danh lam thắng cảnh; trường hợp đặc biệt cần sử dụng đất thuộc khu vực di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh phải thực hiện đúng quy định của pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh và các quy định hiện hành của Nhà nước. Điều III. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay nhiều di sản phủ đệ nằm trong Danh mục bảo vệ di tích nêu trên như phủ đệ Thiệu Hóa quận vương, Phú Bình quận vương, Quảng Ninh quận công, Ba Xuyên quận công... đã bị xuống cấp nghiêm trọng hoặc đã bị hạ giải kiến trúc nhà rường truyền thống để xây dựng kiến trúc mới bê tông. Điều này cho thấy công tác quản lý di sản phủ đệ của chính quyền địa phương còn nhiều hạn chế. Ngoài ra, nhiều người không biết phủ đệ mình đang quản lý nằm trong danh mục bảo vệ di tích; chứng tỏ công tác tuyên truyền, phổ biến về danh mục bảo vệ di tích phủ đệ đến người dân, đặc biệt là người đang trực tiếp quản lý, gìn giữ di sản phủ đệ chưa được coi trọng.

Thực hiện Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; ngày 26/4/2019, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 1057/QĐ-UBND phê duyệt, công bố Danh mục Kiểm kê 205 công trình, địa điểm lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu theo tiêu chí quy định tại Điều 28, Luật Di sản văn hóa và Khoản 9, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó có 8 công trình phủ đệ ở thành phố Huế được đưa vào danh mục kiểm kê, gồm: Phủ đệ Diên Phúc trưởng công chúa, Gia Hưng vương, Thoại Thái vương, Ngọc Sơn công chúa, Tuy An quận công, Kiên Thái vương, Hòa Quốc công, Tùng Thiện vương. Đây là cơ sở quan trọng để bảo tồn và phát huy giá trị các di sản phủ đệ triều Nguyễn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hiện nay, Huế có 3 di sản phủ đệ đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia: Phủ đệ Tuy Lý vương (theo Quyết định số 866-QĐ/VH ngày

20/5/1991), cung An Định (theo Quyết định số 100/2006/QĐ-BVHTT ngày 13/12/2006) và phủ đệ Diên Khánh vương (theo Quyết định số 19/QB-BVHTTDL ngày 3/1/2020).

#### **4.2.2. Về trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ**

Công tác trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ triều Nguyễn ngày càng được quan tâm và đầu tư nhiều hơn. Năm 1991, Nhà nước đầu tư kinh phí trùng tu phủ Tuy Lý vương như thay mái ngói liệt, thay thế các cột kèo bị mối mọt. Từ năm 2002, CHLB Đức tài trợ dự án bảo tồn, phục hồi nội thất và tranh tường cổ ở cung An Định. Dự án được triển khai từ tháng 6/2002 do CHLB Đức tài trợ 17.580 euro để phục hồi sáu bức tranh tường ở Khải Tường Lâu với kỹ thuật sơn dầu trên chất liệu vữa (giai đoạn 1). Ở giai đoạn 2, CHLB Đức tiếp tục cử chuyên gia và đầu tư 444.810 euro; trong đó vốn đầu tư không hoàn lại của CHLB Đức là 355.000 euro, còn lại là vốn đối ứng của Việt Nam để phục hồi khoảng 3.610 m<sup>2</sup> tranh, họa tiết trang trí các tường và trần nhà của cung An Định. Hiện nay, dự án bảo tồn, phục hồi nội thất và tranh tường cổ ở cung An Định đã thực hiện thành công và mở cửa phục vụ khách tham quan, nghiên cứu.

Năm 2012, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế phối hợp Viện Nghiên cứu di sản thế giới UNESCO, thuộc Đại học Waseda (Nhật Bản) tiến hành trùng tu phủ đệ Diên Phúc trường công chúa với tổng kinh phí hơn 2,2 tỉ đồng do Viện Nghiên cứu di sản thế giới UNESCO tài trợ và nguồn lực xã hội hóa của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (600 triệu đồng). Năm 2013, phủ Diên Khánh vương được đầu tư trùng tu, tôn tạo với kinh phí 300 triệu đồng. Năm 2017, Ban Quản lý và Bảo vệ nhà vườn Huế, Quỹ hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng đã tiến hành tu bổ, chống xuống cấp phủ đệ Ngọc Sơn công chúa với tổng kinh phí hơn 750 triệu đồng. Qua việc trùng tu phủ đệ Tuy Lý vương, cung An Định, Diên Phúc trường công chúa, Diên Khánh vương, Ngọc Sơn công chúa nhằm bảo tồn các công trình kiến trúc truyền thống đặc trưng và tiêu biểu của Huế, qua đó tạo thêm điểm đến tham quan du lịch hấp dẫn thu hút du khách trong và ngoài nước đến thăm Cố đô Huế.

Năm 2018, thực hiện chương trình khảo sát việc thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa Huế, Đoàn công tác của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội do đồng chí Phan Thanh Bình - Chủ nhiệm Ủy ban làm trưởng đoàn đã đến khảo sát thực địa tại phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương, Ngọc Sơn công chúa. Tại các phủ đệ đến thăm, Đoàn khảo sát đã lắng nghe, tiếp nhận nhiều ý kiến của người quản lý, giữ gìn phủ đệ, chính quyền địa phương về thực trạng quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ, từ đó tổng hợp làm cơ sở thảo luận tại Hội nghị tham vấn chính sách về pháp luật, cũng như tháo gỡ khó khăn về mặt cơ chế, chính sách cho công tác trùng tu, tôn tạo di sản văn hoá Huế nói chung và di sản phủ đệ nói riêng (PL 8.19, tr. P65)

### **4.2.3. Về sưu tầm, số hóa tài liệu Hán Nôm tại di sản phủ đệ**

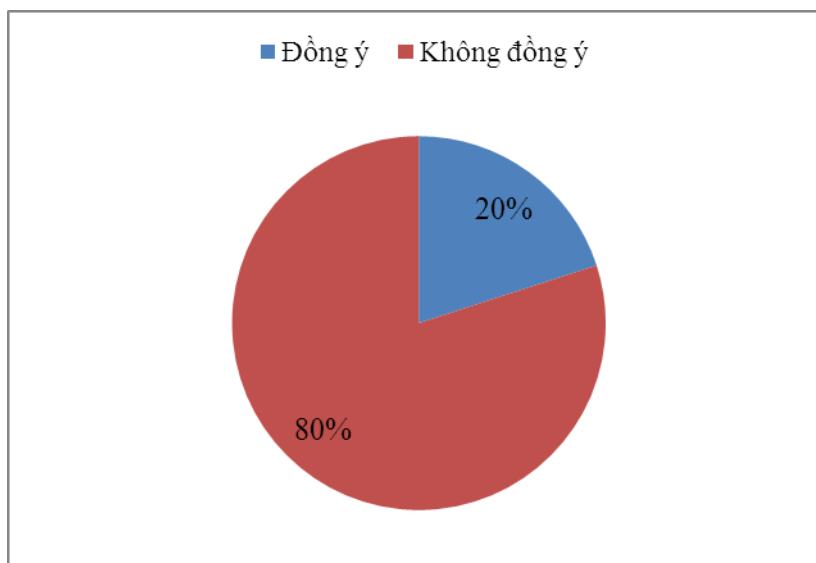
Phủ đệ triều Nguyễn hiện đang lưu giữ nguồn di sản Hán Nôm phong phú và đa dạng (sách đồng, thẻ sách, sắc phong, văn bằng, chiếu chỉ, gia phả...) (PL 7.6, tr. P54). Các văn bản này có tính độc đáo, độc bản và quý hiếm, thể hiện truyền thống đáng tự hào của dòng tộc hoàng gia triều Nguyễn trong lịch sử nên được xem là nguồn văn bản có giá trị và ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến văn hóa lịch sử triều Nguyễn. Tiếc rằng trải qua nhiều biến thiên của thời cuộc, nguồn di sản Hán Nôm tại các phủ đệ đã và đang dần bị thất thoát, mất mát, hư hỏng khá nghiêm trọng, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình nghiên cứu và phát huy giá trị từ nguồn tư liệu quý giá này. Trước thực trạng đó, Thư viện Tổng hợp Thừa Thiên Huế phối hợp với Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã tiến hành công tác số hóa tư liệu Hán Nôm tại các di sản phủ đệ Phong Quốc công, Kiến Hòa quận công, Hàm Thuận công, Cương quận công, Ngọc Sơn công chúa, An Thường công chúa và đã phát hiện nhiều sách đồng, thẻ sách, sắc phong, văn bằng, chiếu chỉ, gia phả... rất có giá trị. Các tư liệu Hán Nôm của phủ đệ sẽ được bảo tồn bằng công nghệ và phương thức lưu trữ hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, phát huy các giá trị đặc sắc của nguồn tư liệu quý hiếm này trong tương lai.

Ngoài ra trong năm 2018, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã hợp tác với Công ty Công nghệ Seagate và CyArk (Hoa Kỳ) thực hiện dự án số hóa tư liệu công trình di tích cung An Định. Dự án được Công ty Công nghệ Seagate tài trợ thông qua Công ty CyArk với mục tiêu tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ lưu trữ tiên tiến giúp quản lý và bảo tồn di tích cung An Định bằng mô hình ảnh 3D cũng như quảng bá hình ảnh Di sản văn hóa Thế giới của Huế ra thế giới.

Như vậy, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn trong thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận nhưng vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế như:

- Tâm lý chủ sở hữu phủ đệ không muốn phủ đệ trở thành di tích. Khảo sát 60 di sản phủ đệ để đánh giá nguyện vọng của người sở hữu di sản phủ đệ hiện nay ở thành phố Huế có muốn đề nghị xếp hạng di tích đối với di sản phủ đệ. Biểu đồ 4.1 đã cho thấy, có 20% người sở hữu phủ đệ đồng ý đề nghị di sản phủ đệ xếp hạng di tích và có 80% người sở hữu không đồng ý đề nghị di sản phủ đệ xếp hạng di tích. Nhìn chung, đa số người quản lý, giữ gìn di sản phủ đệ hiện nay không đồng ý vì thủ tục thực hiện xếp hạng di tích mất nhiều thời gian và rườm rà. Nếu được công nhận di tích cấp tỉnh, quốc gia thì mỗi lần tiến hành trùng tu, tôn tạo phủ đệ phải xin ý kiến của nhiều cơ quan chức năng, đồng thời Nhà nước cũng rất ít có kinh phí đầu tư cho việc trùng tu, tôn tạo kiến trúc phủ đệ. Nhiều người vẫn còn nghĩ xếp hạng di tích thì phủ đệ sẽ do Nhà nước quản lý, sở hữu, còn họ không còn vai trò gì đối với di sản phủ đệ. Bên cạnh đó, kiến trúc phủ đệ thường thuộc quyền quản lý của nhiều cá nhân nên rất khó trong việc tạo ra được sự đồng thuận trong dòng tộc để đề nghị Nhà nước lập hồ sơ xếp hạng di tích.

**Biểu đồ 4.1. Khảo sát nguyện vọng đề nghị xếp hạng di tích phủ đệ**



[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

- Việc bảo tồn, trùng tu phủ đệ trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả cao. Trước hết là công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật chưa tốt, cán bộ địa phương và người dân chưa nắm được luật Di sản văn hóa, luật Xây dựng, do vậy có nhiều hiện tượng làm trái quy định, không tuân thủ quy trình trong trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ. Đội ngũ nghệ nhân giỏi để tham gia trùng tu phủ đệ ngày càng ít là một trở lực đối với việc bảo tồn di sản phủ đệ. Mức độ hợp tác của cộng đồng trong hoạt động khoanh vùng bảo vệ di tích phủ đệ chưa cao nên tình trạng xâm phạm di tích phủ đệ đang có xu hướng tăng lên. Nhiều di sản phủ đệ có giá trị đang đứng trước yêu cầu bức thiết cần trùng tu, tu bổ nhưng vẫn thiếu nguồn vốn đầu tư kinh phí. Do đặc thù của công tác trùng tu di tích phủ đệ cần nhiều thời gian cho giai đoạn nghiên cứu nên dự án thường kéo dài thời gian, trong khi các quy định liên quan như Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng vẫn xem công tác trùng tu di tích phủ đệ không khác gì các dự án xây dựng cơ bản.

- Các di sản phủ đệ chưa được quan tâm đầu tư và khai thác phục vụ phát triển du lịch ở Cố đô Huế. Một số di sản phủ đệ đã được đầu tư trùng tu, tu bổ để trở thành điểm tham quan du lịch nhưng chính quyền địa phương vẫn chưa có kế hoạch, định hướng phù hợp để phối hợp với người quản lý phủ đệ đón tiếp, phục vụ du khách trong và ngoài nước.

### **4.3. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn**

Trên cơ sở các Công ước quốc tế, luật Di sản văn hóa, các văn bản pháp quy về trùng tu di tích và những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội, thách thức về việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ; thiết nghĩ muốn làm tốt công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay cần phải tiến hành thực hiện một số giải pháp cụ thể sau đây:

*Giải pháp thứ nhất, các cơ quan ban ngành liên quan cần phối hợp chặt chẽ:* Quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ là quá trình theo dõi định hướng và điều tiết quá trình tồn tại, phát triển các di sản phủ đệ trên một địa bàn cụ thể nhằm

bảo tồn, phát huy tốt nhất các giá trị của chúng. Đây là lợi ích nhiều mặt, lâu dài trong cộng đồng dân cư. Đồng thời là trách nhiệm của Nhà nước, doanh nghiệp hay các tổ chức xã hội, nói cách khác là bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ là tổng hòa trách nhiệm của các bên liên quan đến di sản độc đáo này; Cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan như sau:

- *Chính quyền Trung ương*: Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định và hướng dẫn thực hiện liên quan đến di sản văn hóa và tự nhiên. Nhà nước tài trợ phần lớn cho các chương trình nghiên cứu thông qua các trung tâm nghiên cứu, trường đại học đồng thời qua trung gian là một số cơ quan chuyên ngành; tài trợ một phần đáng kể cho các hoạt động bảo tồn, trùng tu các di sản đã được xếp hạng di tích, trong đó có di sản phủ đệ.

- *Chính quyền địa phương*: Tiến hành kiểm kê, nhận diện giá trị di sản phủ đệ, từ đó có cơ sở lập hồ sơ xếp hạng di tích theo quy định của pháp luật. Đóng góp kinh phí cho việc bảo tồn, trùng tu, phát huy các giá trị của di sản phủ đệ. Xây dựng kế hoạch hình thành các không gian sinh hoạt văn hóa nghệ thuật liên quan đến di sản phủ đệ. Đồng thời, khuyến khích các cá nhân, tổ chức đầu tư tu bổ, phục hồi di sản phủ đệ; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, kỹ thuật và miễn giảm thuế đối với các gia đình muốn trùng tu, tôn tạo phủ đệ.

- *Các chuyên gia nghiên cứu di sản*: Nghiên cứu hiện trạng và các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn, từ đó đề ra các định hướng, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ trong bối cảnh đương đại.

- *Các công ty du lịch, lữ hành*: Trong số các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tổ chức tour du lịch, không có nhiều doanh nghiệp chuyên khai thác các tuyến tham quan du lịch di sản văn hóa nói chung và di sản phủ đệ triều Nguyễn nói riêng. Rất khó để có thể đánh giá được vị trí thực sự của các doanh nghiệp này theo tiêu chí số lượng khách hàng. Trong lĩnh vực này, các hãng chuyên đón khách du lịch đóng một vai trò quan trọng. Nhiều hãng chuyên kinh doanh xe ô tô du lịch, cung cấp tour tham quan và du lịch thưởng lãm phủ đệ. Một số khác lại tổ chức các chuyến tham quan theo yêu cầu chuyên biệt như nghiên cứu âm thực phủ đệ, tham quan không gian thờ cúng, nghi lễ trong phủ đệ.

- *Sự tham gia của cộng đồng, người quản lý phủ đệ*: Nhận thức được giá trị kinh tế du lịch của di sản phủ đệ, các tổ chức trong và ngoài nước đã đưa ra những quy trình phát huy các giá trị di sản phủ đệ trong đó ưu tiên tận dụng nguồn nhân lực địa phương. Xu hướng này đi kèm với những nguyên tắc phát triển du lịch bền vững nằm trong khuôn khổ các hoạt động khôi phục lại bản sắc văn hóa của người dân sống trong di sản phủ đệ. Ở đây có vai trò quan trọng của chủ sở hữu và những người dân sống trong khuôn viên di sản phủ đệ. Họ có vai trò vừa là chủ thể văn hóa, vừa là người tổ chức và tham gia vào hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ.

- *Du khách*: Đóng vai trò trung tâm trong các hoạt động du lịch. Du khách rất đa dạng tùy thuộc vào từng điều kiện cũng như mục đích tham gia du lịch. Số lượng du

khách là thước đo cho sự thành công của việc đầu tư phát triển du lịch di sản phủ đệ. Song, du khách cũng cần có các kiến thức cũng như cách ứng xử đúng mực đối với các di sản phủ đệ triều Nguyễn (không mặc trang phục hở hang, phản cảm vào tham quan di sản phủ đệ) nhằm tạo môi trường du lịch văn minh, lịch sự, đồng thời để hạn chế tác động xấu của du khách đối với di sản phủ đệ cũng như người dân sống trong phủ đệ.

*Giải pháp thứ hai, điều chỉnh các văn bản pháp lý liên quan đến di sản phủ đệ:* Trong thời gian qua, các văn bản pháp lý về bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ đã được ban hành; Tuy nhiên một số văn bản pháp lý này hiện không còn phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ. Vì vậy cần phải được nghiên cứu điều chỉnh một cách kịp thời, cụ thể trường hợp dưới đây.

Phủ Tuy Lý vương được Bộ Văn hóa và Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng di tích Lịch sử lưu niệm theo Quyết định số 866/QĐ-VH ngày 20/05/1991. Hồ sơ xếp hạng di tích phủ Tuy Lý vương được thực hiện theo Pháp lệnh số 14-LCT/HĐNN7 ngày 4/4/1984 của Hội đồng Bộ trưởng về Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh. Trong biên bản khoanh vùng bảo vệ di tích phủ Tuy Lý vương có 3 khu vực bảo vệ. Trong đó, khu vực III với khoanh vùng bảo vệ di tích bao trùm toàn bộ vỉa hè và đường Nguyễn Sinh Cung, nằm hoàn toàn ngoài la thành phủ Tuy Lý vương. Tuy nhiên trong quá trình quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích phủ Tuy Lý vương đã xảy nhiều điều bất hợp lý, không phù hợp quy định tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009, Điều 13,14 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Di sản văn hoá và Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh (chỉ có 2 khu vực bảo vệ di tích). Vì vậy, trong thời gian sắp đến UBND tỉnh cần chỉ UBND thành phố Huế phối hợp Sở Văn hóa và Thể thao và các đơn vị có liên quan lập các thủ tục điều chỉnh lại khoanh vùng bảo vệ di tích phủ Tuy Lý vương đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét phê duyệt (tức là xóa bỏ khu vực bảo vệ III, di tích còn lại 2 khu vực bảo vệ). Sự điều chỉnh này là phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và thuận lợi cho công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di tích phủ Tuy Lý vương trong tương lai.

Ngoài ra, Điều 34 của Luật Di sản văn hóa quy định việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích *“phải bảo đảm giữ gìn tối đa những yếu tố nguyên gốc của di tích”* [17, tr.24], tuy nhiên, thực tế cho thấy trong hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích phủ đệ triều Nguyễn, việc xác định yếu tố nguyên gốc gặp rất nhiều khó khăn vì khái niệm này chưa được làm rõ trong Luật. Bên cạnh đó, đa phần các di tích phủ đệ có tuổi thọ cao thường được trùng tu tôn tạo nhiều lần, qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau trước khi được xếp hạng di tích. Việc xác định yếu tố nguyên gốc thường gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, tại Điều 34 của Luật Di



sản văn hóa cần xem xét quy định làm rõ hoặc giao trách nhiệm cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn việc xác định yếu tố nguyên gốc của di tích.

*Giải pháp thứ ba, xây dựng Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ:* Hiện nay còn thiếu các cơ chế, chính sách về bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ có giá trị nhưng vẫn chưa được Nhà nước xếp hạng di tích, cần thiết phải xây dựng Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ trên địa bàn thành phố Huế để hàng năm có kế hoạch hỗ trợ kinh phí cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ. Đề án này gồm có những nội dung cơ bản như sau:

- *Tiêu chí xếp loại di sản phủ đệ*

+ Loại 1: Bảo tồn được các yếu tố gốc của tất cả các hạng mục công trình, trong đó nhà chính có kiến trúc nhà rường theo kiểu “trùng thiềm điệp ốc”, có nhiều chi tiết kiến trúc, mỹ thuật độc đáo. Các yếu tố này có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học.

+ Loại 2: Bảo tồn được cơ bản các yếu tố gốc của tất cả các hạng mục công trình, trong đó nhà chính có kiến trúc nhà rường theo kiểu 5 gian hoặc 3 gian 2 chái. Các yếu tố này có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, khoa học.

+ Loại 3: Bảo tồn được cơ bản các yếu tố gốc của các hạng mục công trình, trong đó nhà chính có kiến trúc nhà rường theo kiểu 3 gian hoặc 1 gian 2 chái đơn. Các yếu tố này có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học.

- *Điều kiện được tham gia chính sách:* Các di sản phủ đệ được tham gia chính sách phải hội đủ các điều kiện sau: Thuộc một trong ba loại di sản phủ đệ theo tiêu chí xếp loại nêu trên; Đại diện người sở hữu phủ đệ tự nguyện đăng ký và cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo tồn khi tham gia chính sách; Nằm trong Danh mục phủ đệ được tham gia chính sách do UBND tỉnh phê duyệt.

- *Điều kiện được hỗ trợ kinh phí trùng tu:* Đủ điều kiện được hưởng chính sách; Được HĐND tỉnh thông qua trên cơ sở đề xuất của UBND tỉnh. Việc thống nhất danh sách hỗ trợ trùng tu được xem xét hàng năm, dựa trên cơ sở xem xét các tiêu chí ưu tiên như: Loại di sản phủ đệ, mức độ xuống cấp, hư hỏng của phủ đệ và khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách tỉnh.

- *Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ*

+ *Chính sách hỗ trợ về tài chính, thuế*

\* Hỗ trợ trùng tu, tôn tạo nhà chính: Hỗ trợ chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế trùng tu nhà chính, tối đa không quá 30 triệu đồng/phủ đệ; Hỗ trợ kinh phí trùng tu phủ đệ: Phủ đệ đáp ứng điều kiện về hỗ trợ kinh phí trùng tu, được hỗ trợ kinh phí trùng tu tôn tạo nhà chính, nhưng tối đa không quá 800 triệu đồng đối với phủ đệ xếp loại 1, không quá 600 triệu đồng đối với phủ đệ xếp loại 2 và không quá 500 triệu đồng đối với phủ đệ xếp loại 3; Hỗ trợ lãi suất vay trùng tu phủ đệ: Người sở hữu phủ đệ được hỗ trợ 100% lãi suất vay khi vay vốn của các tổ chức tín dụng để trùng tu phủ đệ. Thời gian hỗ trợ lãi suất không quá 5 năm, mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 500 triệu đồng/phủ đệ.

\* Hỗ trợ tôn tạo khuôn viên vườn phủ: Hỗ trợ các phủ đệ duy trì cảnh quan của vườn phủ với mức 20 triệu đồng/năm/vườn, thời gian hỗ trợ không quá 5 năm kể từ ngày tham gia chính sách; Các phủ đệ có nhu cầu cải tạo vườn, nâng cao giá trị vườn phủ phục vụ phát triển dịch vụ, du lịch được xem xét hỗ trợ như sau: Hỗ trợ chi phí khảo sát, thiết kế vườn, tối đa không quá 30 triệu đồng/vườn phủ; Hỗ trợ tiền mua cây giống, tối đa không quá 40 triệu đồng/vườn phủ; Hỗ trợ 100% lãi vay đối với phần vốn người gìn giữ phủ đệ vay các tổ chức tín dụng để đầu tư tạo lập vườn theo phương án đầu tư được duyệt (sau khi trừ tiền khảo sát, thiết kế, mua cây giống). Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 150 triệu đồng/vườn phủ, thời gian hỗ trợ lãi vay không quá 5 năm.

\* Hỗ trợ kinh doanh dịch vụ tại phủ đệ: Hỗ trợ 100% lãi vay đối với phần vốn người chủ sở hữu phủ đệ vay các tổ chức tín dụng để tổ chức kinh doanh du lịch trong các phủ đệ. Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 300 triệu đồng/phủ đệ, thời gian hỗ trợ lãi vay không quá 5 năm; Hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phủ đệ thông qua các cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề, kỹ năng về hướng dẫn viên du lịch phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh tại di sản phủ đệ; Hỗ trợ 100 triệu đồng/phủ đệ để xây mới nhà vệ sinh và trang bị phòng ngủ cho khách lưu trú cho các di sản phủ đệ có tổ chức một trong các dịch vụ: Ẩm thực phủ đệ, không gian Ca Huế thính phòng, Tuồng cung đình, Nhã nhạc, dịch vụ lưu trú tại phủ đệ.

\* Hỗ trợ về thuế: Hỗ trợ 100% tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp với phần diện tích đất tối đa không quá 2.000 m<sup>2</sup> cho các phủ đệ tham gia chính sách. Thời gian hỗ trợ là 5 năm, tính từ ngày tham gia chính sách.

+ *Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch:* Thiết kế và đưa các di sản phủ đệ vào các tuyến du lịch; Xây dựng mô hình kết hợp bảo tồn phủ đệ với phát triển du lịch bền vững.

+ *Nguồn vốn hỗ trợ:* Nguồn vốn thực hiện các chính sách sử dụng từ Quỹ bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ do UBND tỉnh phân bổ hàng năm theo kế hoạch.

- *Một số quy định quản lý*

+ *Quản lý chung:* Đại diện người sở hữu di sản phủ đệ phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thiết kế các hoạt động văn hóa nghệ thuật tại các di sản phủ đệ phù hợp với bản sắc văn hóa Huế nhằm mục đích phục vụ phát triển du lịch bền vững.

+ *Quản lý quy hoạch, kiến trúc, trùng tu và tôn tạo:* Di sản phủ đệ phải được bảo tồn nguyên trạng những giá trị đã có trên cơ sở hồ sơ và kết luận của Hội đồng đánh giá, thẩm định xếp loại di sản phủ đệ; Đại diện người sở hữu di sản phủ đệ được phép xây dựng các công trình phụ, nhà ở, cơ sở kinh doanh du lịch theo quy hoạch chi tiết cho từng di sản phủ đệ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Các hoạt động trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ thuộc Danh mục bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ phải được Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế trước khi trình UBND tỉnh cấp giấy phép xây dựng trùng tu, tôn tạo; Đối với các phủ đệ đã được xếp hạng di tích, việc cải tạo các công trình phải đảm bảo các quy định của Luật Di sản văn hóa và phải được Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng thỏa thuận phương án

trùng tu, tôn tạo; Việc xây dựng, cải tạo, sửa chữa và tháo dỡ kiến trúc phủ đệ trái với quy định này sẽ bị xử lý theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời phải bồi thường kinh phí đã hỗ trợ và không được xem xét hỗ trợ theo các quy định hiện hành của Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ.

+ *Quản lý đất đai*: Giữ nguyên trạng diện tích thửa đất có công trình kiến trúc phủ đệ; Đại diện người sở hữu phủ đệ được quyền đầu tư tôn tạo vườn nhằm mục đích giữ gìn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ.

- *Tổ chức thực hiện*

+ *Sở Văn hóa và Thể thao*: Chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành liên quan để thống nhất đề xuất UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xếp loại di sản phủ đệ; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục phủ đệ tham gia chính sách; Đề xuất UBND tỉnh phê duyệt Danh mục ưu tiên hỗ trợ đầu tư hàng năm; Biểu dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn.

+ *Sở Tài chính*: Chủ trì xây dựng cơ chế quy định mức hỗ trợ một phần lãi suất cho vay từ Quỹ hỗ trợ bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ. Đồng thời phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí đủ kinh phí trong kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả các nội dung của đề án.

+ *Sở Kế hoạch và Đầu tư*: Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn lực trong kế hoạch hàng năm cho Sở Văn hóa và Thể thao để tổ chức thực hiện đúng tiến độ và có hiệu quả các nội dung của đề án.

+ *Sở Tài nguyên và Môi trường*: Nghiên cứu hướng dẫn các nội dung sử dụng đất đai, tách hộ hợp pháp, ưu tiên mua đất, mua nhà cho các hộ dân sống trong khuôn viên phủ đệ khi có yêu cầu giải tỏa để chỉnh trang, bảo tồn.

+ *Sở Du lịch*: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tổ chức đưa di sản phủ đệ vào các chương trình quảng bá, giới thiệu sản phẩm du lịch Huế và các tour, tuyến du lịch để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan.

+ *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: Tư vấn kinh nghiệm, hỗ trợ tạo lập, phục hồi vườn phủ thông qua chương trình khuyến nông.

+ *Sở Xây dựng*: Rà soát, tham mưu điều chỉnh các quy hoạch liên quan, tránh xung đột với Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ.

+ *Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Thừa Thiên Huế, Đài TRT*: Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ; đăng tải nội dung của Đề án trên sóng truyền hình, mạng xã hội để các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, thực hiện.

+ *Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế*: Phối hợp thực hiện nội dung Đề án chính sách quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ.

+ *UBND thành phố Huế*: Hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền, giám sát, kiểm tra, xử lý việc quản lý, sử dụng, đầu tư xây dựng đúng theo quy định của pháp luật; Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh đối với trường hợp các tổ chức, cá nhân tự ý cải tạo, phá dỡ công trình kiến trúc phủ đệ truyền thống khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Ngoài ra, tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá các giá trị của di sản phủ đệ

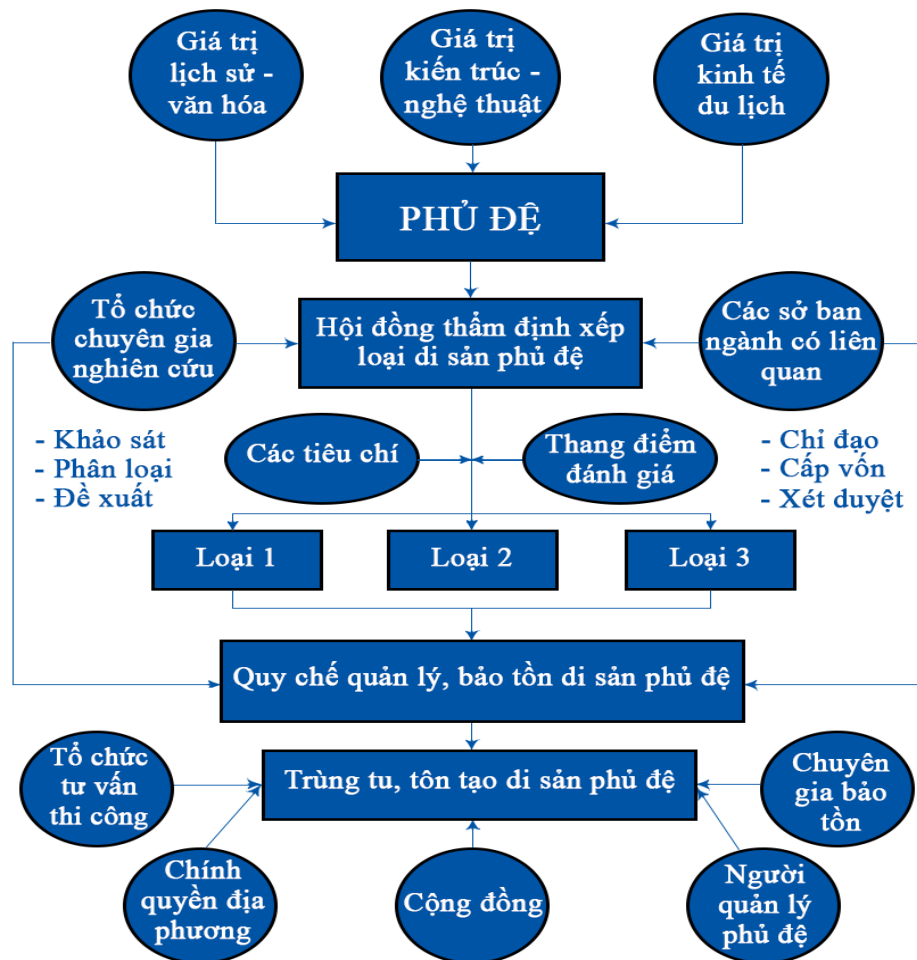
nhằm nâng cao ý thức bảo tồn, thu hút các nguồn lực để đầu tư kinh phí trùng tu phủ đệ và khai thác phục vụ phát triển du lịch.

+ *UBND các phường*: Tăng cường công tác quản lý về trật tự xây dựng, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra, xử phạt hoặc đề nghị xử phạt các vi phạm về quản lý, xây dựng các công trình trên địa bàn mình quản lý; Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ.

+ *Đại diện người sở hữu di sản phủ đệ*: Thực hiện tốt Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ theo quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ cần phải có sự tham vấn, giám sát của các nhà quản lý, nhà nghiên cứu, giới kiến trúc sư..., đặc biệt là phát huy vai trò giám sát của cộng đồng, người quản lý phủ đệ để kịp thời phát hiện những bất cập và xem xét điều chỉnh (Sơ đồ 4.1).

**Sơ đồ 4.1. Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ**



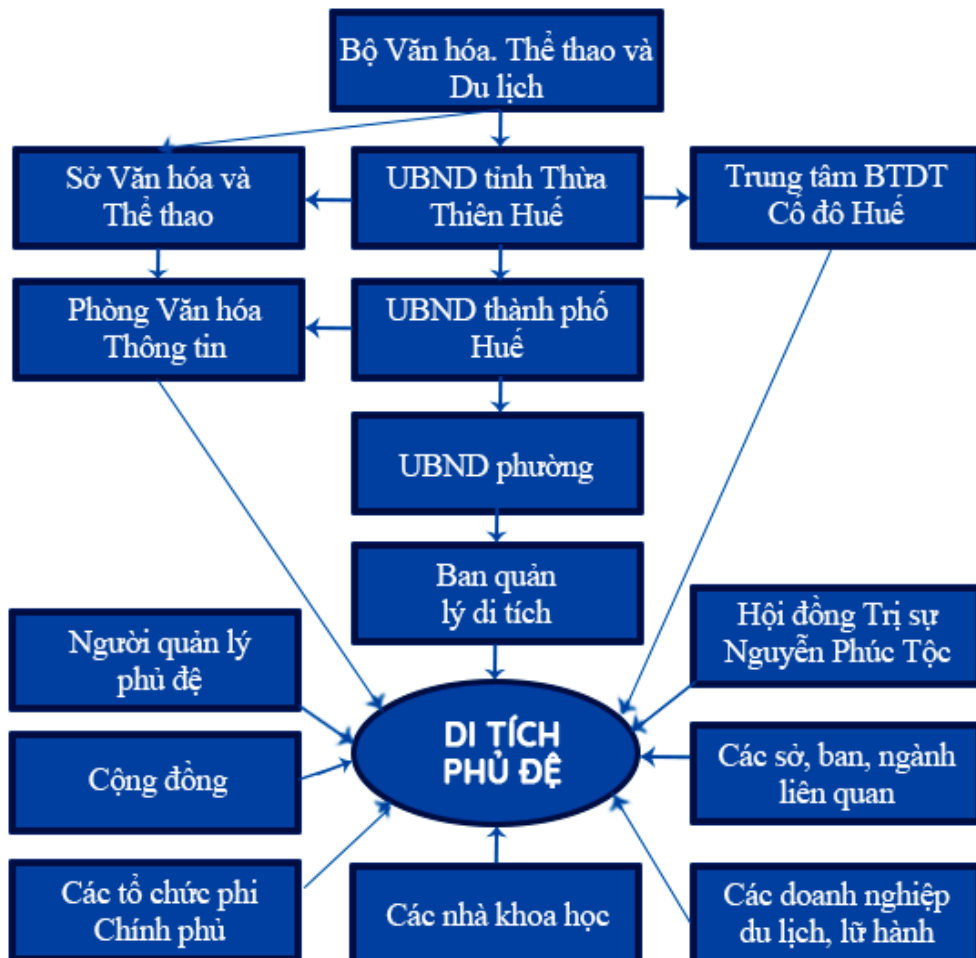
[Nguồn: Tác giả]

*Giải pháp thứ tư, quản lý và quy hoạch di sản phủ đệ*: Hiện nay, trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ thường xảy ra mâu thuẫn giữa công tác bảo tồn di sản phủ đệ và lợi ích cộng đồng, giữa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa các bên: Chính quyền và người dân, ngành quản lý bảo tồn di sản và ngành quy hoạch, xây dựng đô thị, ngành du lịch, giữa bộ phận nghiên cứu và giới trùng tu di tích... Từ những mâu thuẫn phát sinh giữa các bên liên quan đến công tác quản

lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ trong quá trình đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế, tác giả luận án này thấy rằng chỉ khi nào các bên nêu trên tìm được tiếng nói chung, cùng nhau khẳng định vai trò, hợp tác trong một mô hình quản lý thì những mâu thuẫn mới được hóa giải. Phải thống nhất quan điểm bảo tồn di sản phủ đệ triều Nguyễn là một công việc mang tính liên ngành và liên quan đến nhiều bên, đòi hỏi phải có sự tham gia, hợp tác chặt chẽ của các cơ quan ban ngành và cộng đồng xã hội.

Từ đó, chúng tôi đã xác định mô hình quản lý các bên liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ ở thành phố Huế bao gồm các cơ quan Nhà nước (Sở Văn hóa và Thể thao, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, UBND thành phố Huế, Phòng Văn hóa Thông tin thành phố Huế, UBND các phường...), Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc, cộng đồng, người quản lý phủ đệ, các doanh nghiệp khai thác du lịch, các nhà nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ (Sơ đồ 4.2). Sự hợp tác của các bên liên quan thể hiện trên tất cả các phương diện, từ văn bản quy định đến thực thi, các bên đều có quyền, có tiếng nói và có vai trò trong các quyết sách bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ. Đồng thời, phân cấp quản lý di tích phủ đệ cụ thể, xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm, đồng thời phát huy tốt nhất tính chủ động, khả năng sáng tạo của các cấp chính quyền, cơ quan chức năng và của nhân dân đối với sự nghiệp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích phủ đệ.

**Sơ đồ 4.2. Quản lý di tích phủ đệ triều Nguyễn**



[Nguồn: Tác giả]

Triển khai xây dựng kế hoạch kiểm kê khảo sát, xác định giá trị của các di sản phủ đệ để đưa vào diện cần bảo tồn, từ đó có cơ sở xếp hạng di tích lịch sử văn hóa, di tích kiến trúc nghệ thuật phù hợp với từng giai đoạn. Qua đó, có đủ cơ sở pháp lý để tiến hành trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị di sản phủ đệ; hạn chế tình trạng phân lô, tách thửa bán đất, lấn chiếm trái phép khuôn viên đất đai di sản phủ đệ để xây dựng nhà ở, hàng quán. Đối với những di sản phủ đệ chưa hội đủ các điều kiện, tiêu chí cần thiết để xếp hạng di tích, cơ quan quản lý Nhà nước cần động viên, tuyên truyền, giúp đỡ, hỗ trợ cho chủ sở hữu phủ đệ về phương pháp, kinh nghiệm trong việc bảo quản, trùng tu đúng theo quy trình bảo tồn kiến trúc truyền thống, tránh những biến đổi làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan kiến trúc phủ đệ.

Chính quyền địa phương cần phối hợp cùng nhà trường để lựa chọn những di sản phủ đệ có tầm quan trọng và mang nhiều ý nghĩa lịch sử văn hóa để đưa vào thực hiện chương trình “*Phong trào trường học thân thiện, học sinh tích cực*” hoặc tổ chức các chuyến tham quan thực tế đến các di sản phủ đệ để tạo môi trường cho học sinh, sinh viên tham gia bảo vệ di sản, đây là một trong những giải pháp mang tính lâu dài và bền vững.

Cần thiết phải soạn thảo và ban hành một dự án quy hoạch chi tiết mang tính dài hạn nhằm khoanh vùng và phân loại giá trị di sản phủ đệ. Tiến hành phân loại, xếp hạng theo nhóm những phủ đệ có nhà chính đang bị biến đổi, hư hỏng một phần, hư hỏng nặng, có nguy cơ sụp đổ hoặc vườn bị biến dạng... để có thể theo dõi và đưa vào chương trình, kế hoạch trùng tu, phục hồi trong tương lai khi có điều kiện về kinh phí. Ưu tiên nguồn ngân sách đầu tư trùng tu, tôn tạo những di sản phủ đệ đã được Nhà nước xếp hạng di tích hoặc đưa vào danh mục kiểm kê bảo vệ. Việc quy hoạch về yếu tố cảnh quan kiến trúc, môi trường văn hóa xã hội và nhận diện những yếu tố có khả năng tác động tiêu cực đến di sản phủ đệ như mưa bão, lũ lụt... cũng cần được đề cập đến một cách nghiêm túc, khoa học. Cần có những giải pháp ngăn chặn hành vi xâm phạm làm biến dạng cảnh quan, nghiêm cấm các hoạt động kinh doanh dịch vụ gây tiếng ồn, mất vệ sinh ảnh hưởng đến các phủ đệ đã được kiểm kê, xếp hạng di tích. Ngoài ra, nghiên cứu khảo sát dựng bia biển giới thiệu về các di sản phủ đệ có nhiều giá trị tiêu biểu (PL 3.5, tr. P18).

*Giải pháp thứ năm, công tác trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ:* Những phủ đệ đã được xếp hạng di tích như phủ đệ Tuy Lý vương, Diên Khánh vương, cung An Định hay nằm trong danh mục kiểm kê bảo vệ như phủ đệ Hòa Thạnh vương, Tùng Thiện vương, Ngọc Sơn công chúa... thì khi tu bổ phải đáp ứng các nguyên tắc của Luật Di sản văn hóa cũng như những quy trình, quy định về bảo tồn, trùng tu di tích; khi tu bổ phải đảm bảo giữ gìn tối đa các thành phần nguyên gốc, chỉ những chi tiết mục nát không còn sử dụng được, thì mới được loại bỏ và thay thế bằng các chi tiết mới, giống với chất liệu, họa tiết, màu sắc, văn tự như chi tiết bị loại bỏ; đảm bảo gìn giữ đến mức có thể nhất các mảng chạm khắc, trang trí trên kiến trúc gỗ... Những chi tiết bị hư hỏng, bị loại bỏ trong quá trình trùng tu phủ đệ cũng phải được bảo quản và sau khi

hoàn tất công tác trùng tu thì đưa những chi tiết này ra trưng bày tại chỗ để cho du khách tham quan, tìm hiểu về lịch sử và quy trình trùng tu di tích phủ đệ.

Cần soạn thảo và ban hành kế hoạch lâu dài và cụ thể nhằm kéo dài tuổi thọ cho các di sản phủ đệ, trong đó đặc biệt chú ý đến việc thông gió, tránh ẩm mốc, tránh mối mọt cho các cấu kiện gỗ, đặc biệt là những cây cột chịu lực. Đẩy mạnh công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, kiểm tra, phát hiện kịp thời những hư hỏng nhỏ. Kiểm tra theo dõi những cây cột để phát hiện kịp thời độ lún mà có biện pháp gia cố; kiểm tra phát hiện những viên ngói vỡ để kịp thời thay thế và thường xuyên dọn lá cây trên mái ngói liệt để việc thoát nước khi trời mưa được thực hiện tốt. Một chỗ dột nhỏ trên mái ngói liệt nếu không được lợp lại ngay thì những giọt nước mưa từng ngày sẽ ngấm vào gỗ, gây ẩm mốc, mục mọt; một cây xà, hoành bị mục nếu thay thế ngay sẽ đỡ tốn kém kinh phí lại không gây ảnh hưởng đến những liên kết, cấu kiện khác. Những việc sửa chữa nhỏ mang tính chất bảo dưỡng định kỳ đó nếu chủ sở hữu phủ đệ chủ động làm ngay, làm thường xuyên sẽ giúp di sản phủ đệ được bảo vệ vững chắc qua thời gian. Bên cạnh việc bảo tồn các hạng mục kiến trúc gỗ của di sản phủ đệ cũng cần quan tâm đến những hạng mục kiến trúc khác như bến phủ, cổng ngõ, bình phong, la thành, sân vườn,...

Nghiên cứu triển khai thực hiện quan điểm công nghiệp văn hóa (Cultural industry) của UNESCO về việc có thể sử dụng vật liệu mới hiện đại như xi măng, sắt thép... Với các chi tiết kiến trúc cần thay thế nên có cái nhìn cân trọng và đánh giá tỉ mỉ, khoa học về các loại vật liệu trong trùng tu xây dựng bởi không hẳn sử dụng xi măng, sắt thép đồng nghĩa với phá hoại di sản phủ đệ. Rất nhiều di tích đều sử dụng đến vật liệu này vẫn đảm bảo tính thẩm mỹ, phục nguyên nhưng cũng vừa tạo được sức sống cho di tích và màu thời gian vốn có của nó. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ và thay thế những chi tiết kiến trúc bằng chất liệu gỗ không còn giữ được với chất liệu bền vững hơn trong điều kiện cụ thể của khí hậu xứ Huế là một việc làm có thể chấp nhận được. Tất nhiên trong vấn đề này phải có lộ trình và những quy chuẩn cụ thể để tránh tình trạng làm theo sở thích cá nhân, chấp vá. Muốn vậy, công việc này cần phải có sự tư vấn, hỗ trợ của những người có chuyên môn về bảo tồn, trùng tu di tích. Công tác bảo tồn, trùng tu di sản phủ đệ đạt hiệu quả sẽ đem lại những tác động tích cực về mặt kinh tế và xã hội. Bên cạnh đó, góp phần quan trọng trong việc thu hút du khách đến Huế, tăng các nguồn doanh thu du lịch và dịch vụ, tạo ra sự quan tâm đặc biệt của các tầng lớp nhân dân đối với di sản phủ đệ.

*Giải pháp thứ sáu, bảo tồn di sản phủ đệ dựa vào cộng đồng, trong đó có vai trò quan trọng của Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc Tộc và người quản lý phủ đệ:* Hiện nay, việc tham gia của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ đã được khẳng định là điều kiện tiên quyết. Vì cộng đồng là nhân tố tích cực đóng vai trò quan trọng góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ trong đời sống đương đại. Sự tham gia của cộng đồng chính là chìa khóa để bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ một cách bền vững. Vai trò của họ cần được thừa nhận và khuyến khích trong quá trình tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát hoạt động

thực hiện Đề án chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ. Vì sự tham gia của cộng đồng trong quá trình đánh giá giá trị của di sản phủ đệ sẽ đảm bảo tính xã hội, đây là một đặc trưng của giá trị di sản.

Cần phải khuyến khích, ủng hộ sự tham gia tự nguyện của người dân và các tổ chức xã hội trên cơ sở phối hợp với chính quyền các cấp. Nếu người dân cùng chung tay vào quá trình bảo tồn, phát huy giá trị di sản phủ đệ thì hiệu quả mang lại từ kinh doanh du lịch là rất lớn. Tuyên truyền, vận động các tổ chức thực hiện xã hội hóa và huy động các nguồn lực cùng tham gia vào công tác bảo vệ, gìn giữ phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn trên địa bàn thành phố Huế. Vì sự tham gia của cộng đồng sẽ giảm áp lực về tài chính lên nguồn ngân sách Nhà nước vốn không tương xứng với số lượng di sản phủ đệ. Sự tham gia của người dân là sự giám sát kịp thời đối với tình trạng của di sản phủ đệ. Ngoài ra, bên cạnh những tác động của thiên nhiên thì những tác động từ yếu tố con người có ảnh hưởng rất lớn đến tình trạng xuống cấp của di sản phủ đệ. Ví dụ như ô nhiễm môi trường, sự xâm phạm khu vực bảo vệ di tích, các hoạt động phá hoại, trộm cắp cổ vật tại di sản phủ đệ là những tác động tiêu cực của con người vốn có thể được giảm thiểu nhờ sự tham gia tích cực của người dân địa phương. Tuy nhiên cũng cần phải cân nhắc nguồn huy động xã hội hóa vì việc bảo tồn di sản phủ đệ yêu cầu tính chuyên môn, tri thức rất cao, nếu không am hiểu về mặt kiến trúc cũng như kinh nghiệm nghề nghiệp và kỹ năng thực hành thì sẽ gặp nhiều khó khăn. Do vậy, các kế hoạch trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ cần có sự tham gia của các nhà nghiên cứu, nhà quản lý di sản văn hóa.

*Giải pháp thứ bảy, công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:* Tiến hành triển khai công tác nghiên cứu về giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, hệ thống cây trồng..., và những tác nhân gây ra quá trình biến đổi di sản phủ đệ để đề xuất những giải pháp kỹ thuật tu bổ, tôn tạo thích hợp. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học bảo quản di sản như cần có biện pháp diệt mối, quy hoạch hệ thống thoát nước hợp lý, tránh ngập úng, đảm bảo các yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm cho kiến trúc phủ đệ. Tổ chức các hội thảo, tọa đàm chuyên sâu về di sản phủ đệ. Tham vấn các ý kiến chuyên gia trong và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực liên quan đến chiến lược quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ trong bối cảnh đô thị hóa, hội nhập quốc tế. Tổ chức nghiên cứu có hệ thống và toàn diện về di sản phủ đệ để lưu trữ hồ sơ lâu dài, đặc biệt số hóa 3D các di tích phủ đệ. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu về các di vật, cổ vật hiện đang bảo quản tại các di sản phủ đệ, đặc biệt là mộc bản thơ văn tại phủ đệ Tùng Thiện vương, Tuy Lý vương... Từ đó có cơ sở xây dựng Bộ hồ sơ Mộc bản tác gia hoàng tộc triều Nguyễn (1802-1945) đề nghị UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới thuộc Chương trình ký ức thế giới Khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

Cùng với việc tăng cường hợp tác phát triển trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế... thời gian qua chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đã chủ động, tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa nhằm phát huy những giá trị và thế mạnh của vùng đất Cố đô. Trong những năm tới cần tiếp tục tăng cường công tác hợp tác quốc



tế theo hướng hợp tác song phương, đa phương, hợp tác trong các lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn chuyên môn, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ về công tác bảo tồn, trùng tu và quản lý di sản thông qua các chương trình dự án, hoặc tập huấn trong nước và nước ngoài. Trong quá trình hợp tác, sự giúp đỡ về tài chính của các nước phát triển là quan trọng, nhưng đáng quý hơn là kinh nghiệm, phương pháp và kiến thức chuyên sâu về quản lý, bảo tồn của các chuyên gia nước ngoài, đặc biệt là các chuyên gia về kiến trúc gỗ truyền thống của Nhật Bản (Đại học Showa, Đại học Waseda...).

*Giải pháp thứ tám, phát triển mô hình du lịch di sản phủ đệ:* Thừa Thiên Huế là địa phương đầu tiên của Việt Nam có Quần thể di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1993, cũng là một trong những địa phương đi đầu cả nước về việc bảo tồn di sản văn hóa và sử dụng lợi thế về di sản văn hóa để phát triển, nhất là phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ trong quá trình phát triển kinh tế được xem là bền vững, khi nó không tạo rào cản cho sự phát triển kinh tế mà còn giúp kinh tế phát triển. Di sản phủ đệ cần được bảo tồn nhưng không phải bị bảo tàng hóa. Nó có thể cộng sinh với kiến trúc hiện đại để phát huy giá trị dưới góc độ kinh tế, xã hội. Sự kết hợp có hiệu quả giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ gắn với phát triển du lịch sẽ là một lợi thế không nhỏ cho sự nghiệp phát triển du lịch bền vững ở Cố đô Huế.

Phải hiểu di sản phủ đệ chính là quà tặng của quá khứ cho nền kinh tế đô thị Huế hôm nay. Có biết bao nhiêu đô thị trên thế giới đã khai thác phát triển du lịch từ di sản. Đó là nguồn lợi kinh tế vô cùng lớn. Đưa di sản phủ đệ vào chiến lược khai thác phục vụ phát triển du lịch sẽ góp phần quảng bá nét đặc sắc di sản Huế và tạo ra nguồn thu nhập cho người quản lý, gìn giữ phủ đệ, qua đó khuyến khích việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ được tốt hơn. Phối hợp với các doanh nghiệp du lịch lữ hành thiết kế tuyến du lịch phủ đệ (tuyến du lịch đường bộ và đường sông), kết nối với các tour du lịch ở các di sản khác nằm gần di sản phủ đệ nhằm đưa du khách trong và người nước đến tham quan di sản này trong thời gian đến, góp phần làm phong phú và đa dạng loại hình du lịch văn hóa lịch sử trên địa bàn thành phố Huế. Nghiên cứu này đề xuất một số tour du lịch tham quan các di sản phủ đệ triều Nguyễn ở Huế như sau:

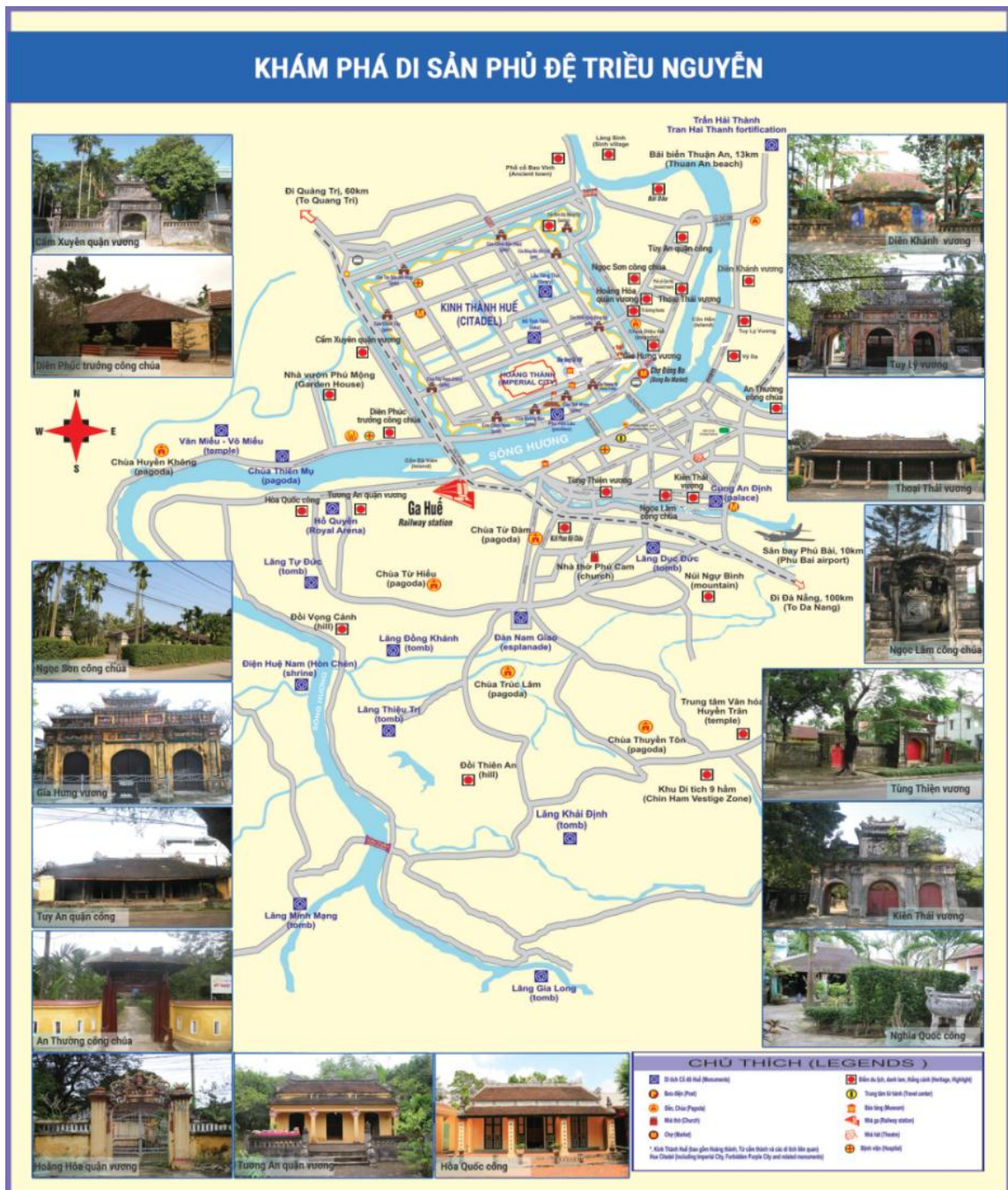
- Tuyến du lịch đường bộ (phương tiện bằng đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô):
  - + Tuyến du lịch đường Phan Đình Phùng: Lạc Tịnh Viên - Phủ đệ Tùng Thiện vương - Phủ đệ Ngọc Lâm công chúa - Phủ đệ Kiên Thái vương - Phủ đệ An Hóa quận vương - Cung An Định - Đền Phú Quốc công.
  - + Tuyến du lịch đường Nguyễn Sinh Cung: Phủ đệ Tuy Lý vương - Phủ đệ Diên Khánh vương - Phủ đệ Phong Quốc công - Phủ đệ Định Viễn quận vương.
  - + Tuyến du lịch đường Chi Lăng: Đền Chiêu Ứng - Phủ đệ Thọ Xuân vương - Phủ đệ Thoại Thái vương - Phủ đệ Hòa Thạnh vương - Thanh Bình từ đường - Hội quán Triều Châu - Hội quán Phúc Kiến.

+ Tuyến du lịch đường Bạch Đằng: Tur thất Thượng thư Nguyễn Đình Hòe, Phủ đệ Gia Hưng vương - Chùa Diệu Đế - Chùa Thuận Hóa (chùa Quan Thánh) - Đình miếu Thế Lại Thượng.

+ Tuyến du lịch đường Kim Long - Nguyễn Phúc Nguyên: Đền Đức Quốc công - Phủ đệ Diên Phúc trường công chúa - Đền Phước Quốc công - Đền Quy Quốc công - Đền Vĩnh Quốc công - Chùa Thiên Mụ - Võ Miếu - Văn Miếu.

- Tuyến du lịch bằng đường sông (phương tiện bằng thuyền): Các di sản phủ đệ tọa lạc hai bên bờ sông (sông Hương, sông An Cựu, sông Bạch Đằng, sông Như Ý) có thể tạo ra tuyến du lịch chèo thuyền trên sông đưa du khách ngắm cảnh và đến tham quan, thưởng lãm các di sản độc đáo này (Bản đồ 4.1).

**Bản đồ 4.1. Tuyến du lịch di sản phủ đệ triều Nguyễn**



[Nguồn: Tác giả cập nhật thông tin dựa trên bản đồ của TTBTDTCD Huế]

*Giải pháp thứ chín, bảo tồn và phát huy giá trị một số di sản phủ đệ tiêu biểu ở Huế:* Từ các giải pháp chung nêu trên, nghiên cứu này sẽ áp dụng vào điều kiện thực tế của một số di sản phủ đệ tiêu biểu ở thành phố Huế để đưa ra các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị một cách cụ thể và thiết thực. Do có nhiều di sản phủ đệ nên tác giả luận án chỉ chọn bốn di sản phủ đệ tọa lạc ở bốn khu vực khác nhau làm nghiên cứu điểm như: Phủ đệ Tùng Thiện vương tọa lạc tại khu vực Phủ Cam, phủ đệ Tuy Lý vương tọa lạc tại khu vực Vĩ Dạ, phủ đệ Diên Phúc trường công chúa tọa lạc tại khu vực Kim Long, phủ đệ Ngọc Sơn công chúa tọa lạc tại khu vực Gia Hội - Chợ Dinh.

*- Phủ đệ Tùng Thiện vương*

Phủ Tùng Thiện vương nay tọa lạc tại số 91 Phan Đình Phùng, thành phố Huế. Tùng Thiện vương (1819 - 1870) là con trai thứ 10 của vua Minh Mạng, mẹ là Thục tần Nguyễn Thị Bảo. Năm 1846, Miên Thẩm đã xây dựng phủ đệ bên dòng sông An Cựu để sinh sống và rước mẹ từ trong Đại nội về đây để ông phụng dưỡng. Năm 1870, Tùng Thiện công qua đời. Năm 1878, vua Tự Đức truy tặng ông là Tùng Thiện quận vương. Năm 1936, vua Bảo Đại truy tặng ông là Tùng Thiện vương. Hiện nay, phủ đệ Tùng Thiện vương còn bảo tồn các hạng mục kiến trúc như: Bến phủ, cổng ngõ, la thành, bình phong, nhà phụ và hai tòa nhà chính gồm tòa phía trước thờ bà Thục tần Nguyễn Thị Bảo và tòa phía sau thờ Tùng Thiện vương, các thành viên trong gia quyền.

Phủ Tùng Thiện vương được con cháu quan tâm chăm sóc chu đáo và thờ tự trang nghiêm. Hạng mục kiến trúc nhà rường còn bảo tồn tốt và khá nguyên vẹn. Trong thời gian đến cần tiến hành thực hiện một số giải pháp như sau: Hệ thống mộc bản khắc in các tác phẩm của Tùng Thiện vương cần được kiểm kê, phân loại, chống mối mọt, vệ sinh định kỳ để bảo vệ mộc bản trong điều kiện tốt nhất; Xây dựng không gian Ca Huế thính phòng, không gian thi ca tại phủ Tùng Thiện vương để phục vụ du khách trong và ngoài nước tham quan, thưởng thức; Thiết kế đưa di sản phủ Tùng Thiện vương vào tuyến tham quan du lịch, gồm đường bộ và đường thủy, kết nối với phủ Kiên Thái vương, cung An Định, An Hóa quận vương, đền Phú Quốc công tạo thành tuyến du lịch phủ đệ, dinh thự quý tộc triều Nguyễn độc đáo; Ứng dụng công nghệ chống mối mọt đối với kết cấu nhà rường. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, đánh giá toàn diện các giá trị di sản phủ Tùng Thiện vương để xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị UBND tỉnh xếp hạng phủ đệ Tùng Thiện vương là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.

*- Phủ đệ Tuy Lý vương*

Phủ Tuy Lý vương nay tọa lạc tại số 140 Nguyễn Sinh Cung, thành phố Huế. Tuy Lý vương Miên Trinh (1820 - 1897) là con trai thứ 11 của vua Minh Mạng, mẹ là Tiệp dư Lê Thị Ái. Năm 1889, ông được vua Thành Thái tấn phong là Tuy Lý quận vương và ban cho 1000 đồng xây dựng lại vương phủ ở Vĩ Dạ. Năm 1894, ông được

phong tước Tuy Lý vương. Năm 1897, ông hoàng Miên Trinh qua đời. Hiện nay, phủ Tuy Lý vương còn bảo lưu được các hạng mục kiến trúc như: Cổng tam quan, la thành, bình phong và hai tòa nhà chính. Tòa nhà đằng trước thờ Tiệp dư Lê Thị Ái, thân mẫu của Tuy Lý vương, tòa nhà phía sau thờ Tuy Lý vương và con cháu trong phủ đã qua đời. Không gian nội thất phủ đệ, ngoài bàn thờ và khám thờ Tuy Lý vương, còn thiết trí nhiều hiện vật quý liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của ông hoàng Miên Trinh.

Để bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ Tuy Lý vương trong bối cảnh hiện nay cần thực hiện một số giải pháp như sau: Xử lý dứt điểm tình trạng một số hộ dân xây dựng trái phép, xâm phạm khu vực bảo vệ di tích lăng mộ Tuy Lý vương; Đánh giá hiện trạng kiến trúc phủ đệ Tuy Lý vương để có phương án trùng tu, tôn tạo trong thời gian sắp đến; Hệ thống mộc bản khắc in các tác phẩm của Tuy Lý vương cần được kiểm kê, phân loại, chống mối mọt; Xây dựng không gian Ca Huế thánh phòng, không gian thi ca tại phủ Tuy Lý vương; Thiết kế đưa di sản phủ Tuy Lý vương vào tuyến tham quan du lịch; Ứng dụng công nghệ chống mối mọt đối với kết cấu nhà rường; Nghiên cứu phục hồi lại bên phủ Tuy Lý vương và có phương án di dời các hàng quán buôn bán ra khỏi khuôn viên di sản phủ đệ Tuy Lý vương để tránh làm phá vỡ cảnh quan, không khí tôn nghiêm của di tích.

*- Phủ đệ Diên Phúc trường công chúa*

Phủ đệ Diên Phúc trường công chúa tọa lạc tại số 24 Kim Long, thành phố Huế. Diên Phúc trường công chúa Tĩnh Hảo (1824 - 1848) là con gái của vua Thiệu Trị, mẹ là Nghi Thiên Chương hoàng hậu. Năm 1846, bà được gả cho Đô úy Nguyễn Văn Ninh. Vào năm 1854, vua Tự Đức đã ban tiền bạc trùng tu lại phủ đệ Diên Phúc trường công chúa để làm nơi thờ tự người chị ruột của mình. Ngày nay, phủ đệ Diên Phúc trường công chúa vẫn còn bảo tồn các hạng mục kiến trúc: Cổng tam quan, la thành, bình phong, nhà chính làm theo kiểu nhà rường 1 gian 2 chái kép, mái lợp ngói liệt. Để bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ Diên Phúc trường công chúa trong bối cảnh đương đại cần thực hiện một số giải pháp như sau: Hệ thống cổng vòm phụ, la thành, bình phong đang bị xuống cấp nghiêm trọng nên cần nghiên cứu khảo sát, đầu tư kinh phí để trùng tu, tôn tạo; Cần làm quy hoạch quán cà phê Vĩnh Âm Viên để không làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan kiến trúc phủ đệ; Tiến hành số hóa các tài liệu Hán Nôm quý hiếm hiện đang lưu giữ tại phủ đệ như: Sách đồng, sắc phong, gia phả...

*- Phủ đệ Ngọc Sơn công chúa*

Phủ đệ Ngọc Sơn công chúa tọa lạc tại số 31 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Huế. Ngọc Sơn công chúa Nguyễn Phúc Hỷ Hỷ (1887 - 1905) là con vua Đồng Khánh, mẹ là Tiệp dư Hồ Thị Quy. Chồng của bà hoàng là Trung quân Đô thống Nguyễn Hữu Tiễn. Hiện nay, phủ đệ Ngọc Sơn công chúa còn bảo tồn một tòa nhà kép: Tiền đường

3 gian có hàng cột hiên bằng gạch, với những chi tiết trang trí ảnh hưởng kiến trúc Pháp; chính đường 3 gian 2 chái, theo phong cách nhà rường truyền thống Huế với mái lợp ngói liệt, những bộ vì kèo được chạm trổ tinh xảo, cùng với nhiều bức hoành phi, đối liễn. Ngoài ra, phủ đệ còn có hai trụ cổng ngõ, bể cạn, hòn non bộ, hồ nước và dãy nhà phụ... Phủ đệ Ngọc Sơn công chúa hiện đang gìn giữ nhiều hiện vật quý liên quan đến hoàng gia triều Nguyễn.

Với những giá trị độc đáo của phủ đệ Ngọc Sơn công chúa cần phải có các giải pháp để bảo tồn và phát huy như: Tiến hành nghiên cứu khảo sát lập hồ sơ khoa học đề nghị UBND tỉnh xếp hạng phủ đệ Ngọc Sơn công chúa là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh; Đầu tư kinh phí hỗ trợ để tiếp tục triển khai mô hình phát triển không gian Ca Huế thính phòng; Xây dựng thiết kế tuyến du lịch tham quan di sản phủ đệ tại phố cổ Gia Hội - Chợ Dinh; Ứng dụng công nghệ chống mối tại kiến trúc phủ đệ Ngọc Sơn công chúa.

#### **Tiểu kết Chương 4**

Trong thời gian qua, công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn đã được triển khai thực hiện khá hiệu quả nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như: Nguồn kinh phí đầu tư trùng tu di sản phủ đệ còn ít, nhiều phủ đệ sau khi được trùng tu bị biến đổi so với yếu tố gốc, tình trạng xâm phạm di tích vẫn còn tiếp tục diễn ra... Theo các quan điểm bảo tồn di sản cũng như các văn bản pháp lý về bảo tồn di sản văn hóa và trên cơ sở phân tích, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức về bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn, các cơ quan ban ngành từ Trung ương đến địa phương cần cùng nhau thực hiện tốt các giải pháp như: Quản lý, quy hoạch, trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ, bảo tồn di sản phủ đệ dựa vào cộng đồng, công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, phát triển mô hình du lịch di sản phủ đệ theo hướng bền vững.

Vấn đề nghiên cứu chính sách quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn đã và đang trở thành một nhiệm vụ cấp thiết của các cơ quan chức năng trước nhịp độ đô thị hóa ngày càng cao như hiện nay. Sự hình thành các khu đô thị mới cùng với lối sống hiện đại cũng đồng nghĩa với sự mai một các giá trị di sản phủ đệ truyền thống nếu không có những hành động quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị một cách có hiệu quả. Vì vậy, các cơ quan chức năng cần tiến hành khảo sát nghiên cứu thực trạng hệ thống di sản phủ đệ triều Nguyễn để sớm đề ra những định hướng, giải pháp, đặc biệt là ban hành Đề án chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ một cách có hiệu quả và đi vào cuộc sống của người dân.

## KẾT LUẬN

Sau năm 1986, nhất là từ năm 2005 trở lại đây, khi thành phố Huế trở thành đô thị loại 1, diện mạo của thành phố không ngừng thay đổi trong bối cảnh đô thị hóa nhằm xây dựng một thành phố năng động, hiện đại, xứng tầm là thành phố Festival, thành phố du lịch, một trung tâm văn hóa, kinh tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Tuy nhiên, sự phát triển đô thị hiện nay, cùng với những đặc thù của đô thị di sản đang đặt ra cho Cố đô Huế những thách thức về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa Huế, trong đó có di sản phủ đệ triều Nguyễn.

Di sản phủ đệ triều Nguyễn tọa lạc ở thành phố Huế là một loại hình kiến trúc quý tộc hoàng gia triều Nguyễn có nhiều giá trị thể hiện vị trí xã hội, uy quyền và tính cách riêng có của từng vị chủ nhân phủ đệ. Đồng thời, phủ đệ còn phản ánh sự chuyển tiếp giữa kiến trúc cung đình và kiến trúc dân gian tạo nên nét độc đáo trong quỹ kiến trúc di sản đô thị Huế. Trong không gian văn hóa phủ đệ, các ông hoàng bà chúa sống trong mối quan hệ hài hòa với thiên nhiên và thiên nhiên là một phần cuộc sống của họ. Phủ đệ còn là nơi hội tụ các giá trị văn hóa nghệ thuật của tầng lớp quý tộc, thượng lưu quyền quý và lan tỏa các giá trị văn hóa từ chốn cung đình đến dân gian và theo chiều ngược lại, từ đó, góp phần quan trọng hình thành nên tính cách con người xứ Huế. Trên phương diện kinh tế - xã hội, di sản Huế nói chung và di sản phủ đệ nói riêng đã và đang trở thành những sản phẩm văn hóa - du lịch hoàn chỉnh, vừa là động lực vừa là mục tiêu cho sự phát triển ngành kinh tế mũi nhọn du lịch, đồng thời, từng bước làm thay đổi cơ cấu kinh tế, mang tới cho cộng đồng và thành phố Huế những lợi ích thiết thực và bền vững.

Phủ đệ được quy hoạch trong một không gian thoáng rộng, gắn bó mật thiết với môi trường tự nhiên, tuân theo quy luật “*phong thủy*”, bao gồm: Bền nước, cổng ngõ, la thành, bình phong, hòn non bộ, bể cạn, sân vườn, nhà chính, nhà phụ. Di sản phủ đệ giống như một Kinh thành Huế thu nhỏ, với bình phong thay núi Ngự, bể nước thế dòng sông Hương, hòn non bộ, hang động, thác nước, các loại cây xanh... mang nhiều giá trị văn hóa nghệ thuật đặc sắc. Giữa bức bình phong và ngôi nhà là một bể cạn trồng hoa súng và hòn non bộ. Kiến trúc chính là một ngôi nhà rường thường có 3 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt. Hệ thống vì kèo được chạm trổ họa tiết hoa văn tinh xảo. Không gian thờ tự ở gian chính trung, nơi tiếp khách trong nhà chủ yếu là gian trước chính giữa hoặc đông phòng. Tây phòng phía trong là nơi ở của gia chủ. Các bức hoành phi, bài thơ chữ Hán sơn son thếp vàng được treo ở giữa các gian nhà chính và câu đối được treo trên các cột mang nội dung ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, đạo hiếu làm người và truyền thống gia tộc.... Ngoài ra, đầu thế kỷ XX bắt đầu xuất hiện những phủ đệ có ảnh hưởng kiến trúc thuộc địa, ghi dấu sự giao lưu văn hóa Đông - Tây.



Nghệ thuật trang trí ở phủ đệ đa dạng về kiểu thức và phong phú về đề tài, được thể hiện trên nhiều chất liệu như chạm khắc gỗ, nề vữa, khám sành sứ,... Chính trong điều kiện phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của triều đình đã làm cho nghệ thuật trang trí phủ đệ phải đảm bảo những quy tắc tạo hình chính xác, chặt chẽ, từ đó dẫn đến một đề tài, thủ pháp trang trí cũng phải hết sức chỉnh chu, trọn vẹn và thống nhất. Đó cũng chính là một yếu tố góp phần làm cho nghệ thuật trang trí phủ đệ giữ được mạch nguồn thẩm mỹ trong trang trí và có sự gắn gũi với những thuộc tính dân gian đã được cung đình hóa. Vì vậy, những giá trị nghệ thuật trang trí tại các phủ đệ đã góp phần làm giàu bản sắc nền mỹ thuật truyền thống dân tộc nói chung và nghệ thuật trang trí cung đình triều Nguyễn nói riêng. Như vậy, phủ đệ là nơi hội tụ và kết tinh các giá trị đặc trưng của phong cách kiến trúc nhà vườn truyền thống Huế, đồng thời là nơi bảo lưu tính cách lịch lãm và đài các của giới quý tộc hoàng gia triều Nguyễn vang bóng một thời.

Thuở hoàng kim, Kinh đô Huế có khoảng 179 phủ đệ của các ông hoàng, bà chúa tọa lạc ở khắp nơi trong ngoài Kinh thành và vùng phụ cận (PL 3.1, tr. P5), dưới sự quản lý trực tiếp của Phủ Tôn Nhân. Triều Nguyễn cáo chung vào năm 1945, vật đổi sao dời, phủ đệ cũng theo đó mà dần suy giảm và biến đổi. Các phủ đệ là nơi cư trú của tam tứ đại đồng đường, khi các thế hệ người ở có những nhu cầu sinh sống khác nhau, sự ra đời của các tiểu gia đình bắt buộc phải tách riêng dẫn đến đòi hỏi phải xé nhỏ tổng thể kiến trúc vốn đã hoàn chỉnh. Tuy nhiên, nề nếp gia phong ở các phủ đệ vẫn luôn được bảo lưu và phát triển trong đời sống đương đại, nó được xem là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, có tính tiếp nối, kế thừa và phát triển, trở thành nơi ươm mầm cho những nét văn hóa gia đình hoàng gia triều Nguyễn. Nếp nhà được duy trì qua nhiều đời, dù ở gần hay ở xa phủ đệ thì nét gia phong ấy vẫn âm ỉ cháy trong lòng mỗi người con, người cháu của dòng tộc Nguyễn Phúc nhiều danh tiếng này. Chính yếu tố gia phong ở các phủ đệ đã tạo ra nét bản sắc riêng của gia phong xứ Huế trong dòng chảy văn hóa Huế. Trải qua nhiều biến động của lịch sử, xã hội, sự gia tăng dân số, quá trình phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, điều kiện địa lý, môi trường và vấn đề đô thị hoá đã và đang làm cho kiến trúc di sản phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế chuyển đổi cả về hình thức kiến trúc và công năng sử dụng. Mặt trái của nền kinh tế thị trường, sự phát triển nhu cầu xã hội, quá trình tác động của đô thị hoá, sự hạn chế trong công tác quản lý, vấn đề quy hoạch phát triển kiến trúc nhà ở một cách tùy tiện đang làm ảnh hưởng đến cảnh quan, biến đổi kiến trúc di sản phủ đệ triều Nguyễn. Hiện tượng nhiều di sản phủ đệ triều Nguyễn đang bị làm sai lệch hoặc làm mới sau khi trùng tu, tôn tạo như một hồi chuông cảnh báo cho xu hướng biến đổi các di sản phủ đệ triều Nguyễn ngày càng diễn ra một cách nghiêm trọng và đáng báo động.

Nhìn về viễn cảnh thành phố Huế trong tương lai, chắc chắn sẽ có nhiều thay đổi trên mọi lĩnh vực và di sản phủ đệ triều Nguyễn, dưới sự tác động của các yếu tố thời đại mới, sẽ lại tiếp tục không ngừng biến đổi để thích nghi và tồn tại. Nhưng cho dù có biến đổi thế nào thì các di sản phủ đệ triều Nguyễn sẽ không bao giờ bị biến mất. Nó vẫn song hành trường tồn cùng cư dân đô thị Huế trong tiến trình đô thị hóa - hiện đại hóa của thành phố Huế. Do đó, vấn đề quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản phủ đệ triều Nguyễn là hết sức cần thiết, không chỉ vì nó là nguồn tài nguyên quý giá để phát triển du lịch bền vững, mà quan trọng hơn, nó bao hàm một hệ các giá trị: Giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, giá trị kiến trúc nghệ thuật, giá trị đạo đức, thẩm mỹ, biểu đạt tư tưởng kính trọng và tôn thờ ông bà, tổ tiên. Tính hiệu quả của công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn phụ thuộc vào sự chung tay của các bên có liên quan, không chỉ các cơ quan quản lý văn hóa, các nhà nghiên cứu khoa học, kiến trúc sư, cộng đồng xã hội, đặc biệt là Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc và các hậu duệ đang quản lý, giữ gìn di sản phủ đệ triều Nguyễn. Cần thấy rằng, cộng đồng với tư cách là người sáng tạo, người lưu giữ và người tiếp nhận các giá trị của di sản phủ đệ có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy di sản phủ đệ triều Nguyễn. Do đó, các nhà quản lý, nhà quy hoạch kiến trúc cần phải quan tâm đánh giá thực trạng, các yếu tố tác động ảnh hưởng đến biến đổi di sản kiến trúc phủ đệ truyền thống và đề ra các định hướng, giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ nhằm bảo vệ, giữ gìn một di sản kiến trúc quý tộc hoàng gia triều Nguyễn độc đáo này cho các thế hệ mai sau. Đồng thời, làm cho di sản phủ đệ thích nghi và hòa vào cuộc sống của xã hội đương đại, có tác dụng giáo dục và nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn một cách có hiệu quả sẽ góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cổ đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường<sup>61</sup>.

Với tinh thần đó, người thực hiện luận án “*Di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế*” đề xuất những vấn đề cơ bản sau đây:

- Tiến hành tổng kiểm kê, nghiên cứu đánh giá, số hóa thực trạng, giá trị hệ thống di sản phủ đệ triều Nguyễn trên địa bàn thành phố Huế để thấy được di sản nào còn được bảo lưu nguyên vẹn, di sản nào đang bị xuống cấp, hư hỏng, bị lấn chiếm, hay phục hồi, trùng tu phủ đệ bị biến dạng so với nguyên gốc... Từ đó có cơ sở lập hồ sơ khoa học phủ đệ triều Nguyễn đề nghị xếp hạng di tích đảm bảo các tiêu chí công nhận di tích của Luật Di sản văn hóa nhằm sớm có sự bảo vệ của luật pháp.

---

<sup>61</sup> Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



- Phát huy vai trò giám sát của xã hội, của cộng đồng. Di sản phủ đệ tồn tại trong đời sống cộng đồng và chỉ có thể được bảo tồn và phát huy giá trị bởi cộng đồng. Nhân dân là chủ thể đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ một cách bền vững. Bởi vậy, điều quan trọng là phải xây dựng kế hoạch tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ, qua đó nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ; nâng cao niềm tự hào, vinh dự của người dân, để cả cộng đồng cùng chung tay tham gia vào công tác bảo tồn và phát huy các di sản phủ đệ.

- Xây dựng kế hoạch bảo tồn cụ thể, đề xuất các giải pháp hợp lý có tính khoa học và thực tiễn để phục vụ công tác trùng tu, tôn tạo di sản phủ đệ trong bối cảnh hiện nay; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa để tạo thêm nguồn kinh phí cho trùng tu, bảo tồn di sản phủ đệ triều Nguyễn. Đồng thời, tăng cường công tác bảo vệ diện tích đất xung quanh các di sản phủ đệ một cách phù hợp nhằm tránh sự xâm lấn, vi phạm, tranh giành sở hữu quyền đất đai trong khu vực gần di sản này.

- Phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn theo hướng xây dựng các tour tuyến du lịch di sản phủ đệ kết nối với Quần thể Di tích Cố đô Huế. Đồng thời cần chú trọng giải quyết hài hòa mối quan hệ và quyền lợi của các bên tham gia, nhất là cộng đồng địa phương với tư cách là chủ nhân của di sản trong các hoạt động bảo vệ, quản lý và khai thác di sản phủ đệ.

- Tập hợp các văn bản pháp lý liên quan đến di sản Huế nói chung và di sản phủ đệ triều Nguyễn nói riêng của UNESCO, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, các Sở ban ngành có liên quan để xây dựng cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đương đại.

Hy vọng, với nghiên cứu có tính chuyên sâu và những đề xuất cụ thể, thiết thực nêu trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trần Văn Dũng (2016), “Biệt phủ Tuyên Hóa vương, quá khứ bị lãng quên”, Tạp chí *Sông Hương* (ISSN 1859 - 4883), Số Đặc biệt, Huế, tr. 9 - 11.
2. Trần Văn Dũng (2017), “Di sản phủ đệ triều Nguyễn ở Huế, truyền thống và biến đổi”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật* (ISSN 0866 - 8655), Số 395, Hà Nội, tr.72 - 75.
3. Trần Văn Dũng (2017), “Di sản phủ đệ triều Nguyễn ở Huế trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ* (ISSN 2354 - 0850), Tập 9, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, tr. 113-124.
4. Trần Văn Dũng (2017), “Bình phong phủ đệ ở Huế”, Tạp chí *Thế giới di sản* (ISSN 1859 - 2600), Số 135, Hà Nội, tr. 40 - 41.
5. Trần Văn Dũng (2018), “Gia phong xứ Huế từ góc nhìn di sản phủ đệ”, Tạp chí *Khoa học* (ISSN 2354 - 0850), Tập 127, Số 6C, Đại học Huế.
6. Trần Văn Dũng (2018), “Phủ đệ xứ Huế” in trong cuốn *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2017*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 302 - 303.
7. Trần Văn Dũng (2018), “Công nghệ kỹ thuật số với vấn đề quản lý và bảo tồn di sản phủ đệ ở Huế” in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với lĩnh vực văn hóa nghệ thuật*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tr. 84 - 88.
8. Trần Văn Dũng (2019), “Lễ tết xưa trong phủ đệ xứ Huế”, Tạp chí *Di sản văn hóa* (ISSN 1859 - 4956), Số 1 (66), Hà Nội, tr. 15 - 19.
9. Trần Văn Dũng (2019), “Chiếc án thờ tại phủ Tăng Duệ hoàng thái tử, thành phố Huế” in trong cuốn *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 2019*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 592 - 593.
10. Trần Văn Dũng (2019), “Biệt thự Bác sĩ Ứng Thông, nơi lưu giữ dấu ấn của thời gian”, Tạp chí *Sông Hương* (ISSN 1859 - 4883), Số 368, Huế, tr. 71 - 78.
11. Trần Văn Dũng (2020), “Di sản phủ đệ của các ông hoàng bà chúa thi sĩ”, Tạp chí *Sông Hương* (ISSN 1859 - 4883), Số 374, Huế, tr. 66 - 74.
12. Trần Văn Dũng (2020), “Vai trò của cộng đồng trong bảo tồn bền vững di sản phủ đệ ở Huế”, in trong cuốn *Tính bền vững của nhà cộng đồng truyền thống trong bối cảnh hiện đại*, Khoa Kiến trúc - Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế, Trường Sau Đại học nghiên cứu môi trường toàn cầu - Đại học Kyoto, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 113 - 121.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

- [1]. A.A Belik (2000), “Văn hóa học - Những lý thuyết Nhân học văn hóa”, Bản dịch của Đỗ Lai Thúy, Hoàng Vinh, Huyền Giang, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, Hà Nội.
- [2]. A.A Radughin (Chủ biên) (2004), *Văn hóa học những bài giảng*, bản dịch của Vũ Đình Phòng, Từ Thị Loan hiệu đính, Viện Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3]. Amadou Mahtar M’Bbow (1999), “Vì công cuộc bảo vệ, giữ gìn, tu sửa và tôn tạo di sản văn hóa của thành phố Huế, Ấn phẩm *Kỷ niệm 5 năm Huế - Di sản Văn hóa Thế giới (1993 - 1998)*, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, Huế.
- [4]. Võ Hương An (2012), *Từ điển nhà Nguyễn*, Nam Việt xuất bản, California, USA.
- [5]. Dương Văn An (1961), *Ô Châu cận lục*, Bản dịch của Bùi Lương, Nxb Văn hóa Á châu, Sài Gòn.
- [6]. Phan Thuận An (1999), *Kinh thành Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [7]. Phan Thuận An (2008), *Huế xưa và nay - Di tích và danh thắng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Phan Thuận An (2016), “Những bức hoành phi ở phủ thờ công chúa Ngọc Sơn”, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Tập VIII, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 119-131.
- [9]. Phan Thuận An (2016), “Ba bài văn ngự chế trang trí trên kiến trúc thời Khải Định”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 1 (127), tr. 3 - 10.
- [10]. Huỳnh Công Bá (2012), “Tôn Nhân Phủ và chính sách “thân dân” của triều Nguyễn”, Tạp chí *Huế xưa và nay*, Số 111, tr. 77 - 94.
- [11]. Đỗ Bang (1997), *Khảo cứu kinh tế và tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn: những vấn đề đặt ra trong thực tiễn đổi mới của đất nước hiện nay*”, Đề tài khoa học cấp Nhà nước, mã số KX-ĐL: 94-16.
- [12]. Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế (2018), “Hồ sơ xếp hạng di tích phủ thờ, lăng mộ Diên Khánh vương”, lưu tại Bảo tàng Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Huế.
- [13]. Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế (2018), “Hồ sơ xếp hạng di tích phủ thờ, lăng mộ Tuy Lý vương”, lưu tại Bảo tàng Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Huế.
- [14]. Nguyễn Duy Bắc (2008), *Sự biến đổi các giá trị văn hóa trong xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội.
- [15]. Phan Thanh Bình (2010), *Nghiên cứu nghệ thuật khảm sành sứ trong mỹ thuật cung đình thời Nguyễn*, Luận án Tiến sĩ Nghệ thuật, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
- [16]. Trương Thị Bích (1915), *Thực phổ bách thiên*, Hà Nội.
- [17]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Văn bản quản lý Nhà nước về di sản văn hóa*, In tại Công ty In & Văn hóa phẩm, Hà Nội.

- [18]. Vĩnh Cao, Phan Thanh Hải (2007), “Phong thủy nhà vườn Huế”, in trong tập san *Di sản văn hóa Huế: Nghiên cứu và bảo tồn*, Tập 1, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, Huế, tr. 140 - 146.
- [19]. Nguyễn Tiên Cảnh (Chủ biên) (1992), *Mỹ thuật Huế*, Viện nghiên cứu Mỹ thuật - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, Huế.
- [20]. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
- [21]. Ưông Chính Chương (2015), *Mỹ học kiến trúc*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
- [22]. Tôn Thất Cồn (1943), *Hoàng tộc lược biên*, Nxb Imprimerie Nguyễn Văn Của, Sài Gòn.
- [23]. Cục văn thư lưu trữ (2010), *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*, Tập 1, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội
- [24]. David Popenoe (1991), “Đời sống đô thị và sự biến đổi”, Vũ Tuấn Huy dịch, *Tạp chí Xã hội học*, Số 3, Hà Nội, tr. 82 - 87.
- [25]. Phạm Đức Thành Dũng (2016), “Khảo sát các bài kệ truyền thừa pháp danh của Phật giáo Đàng Trong, liên hệ với cách đặt tên trong hoàng tộc nhà Nguyễn”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, Số 4 (130), Huế, tr. 43 - 56.
- [26]. Phan Tiến Dũng (2005), *Vai trò của bộ Công trong việc xây dựng kinh đô Huế dưới triều Nguyễn (giai đoạn 1802-1884)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Sử học, Hà Nội.
- [27]. Nguyễn Phước Bảo Đan, Tôn Nữ Khánh Trang (2002), “Nhà rường trước thách thức của cuộc sống hiện đại”, in trong cuốn *Di sản văn hóa nhà vườn xứ Huế và vấn đề bảo tồn*, Phân viện nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại Huế, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế, Huế, tr. 163 - 198.
- [28]. Nguyễn Văn Đăng (2002), *Quan xưởng ở Kinh đô Huế từ 1802 đến 1884*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [29]. Lê Quý Đôn (1972) *Phủ Biên tạp lục*, Tập 1, Quyển 1,2 và 3, Lê Xuân Giáo dịch, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Xuất bản Sài Gòn.
- [30]. Phạm Duy Đức (Chủ biên) (2010), *Phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020: Xu hướng và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [31]. Mạc Đường (2002), *Dân tộc học - Đô thị và vấn đề đô thị hóa*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [32]. Ứng Gia (1998), “Phủ Tôn nhân”, *BAVH (Những người bạn Cố đô Huế, Tập V (1918)*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 110 -116.
- [33]. Phan Thanh Hải (2002), *Dấu ấn Nguyễn trong văn hóa Phú Xuân*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [34]. Phan Thanh Hải (2003), “Cổng, cửa trong kiến trúc cung đình Huế: Loại hình và cách bài trí”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, Số 4, tr. 36 - 43.

- [35]. Phan Thanh Hải (2008), “Phủ đệ - Loại hình kiến trúc quý tộc Huế”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 6 (71), Huế, tr. 3 - 9.
- [36]. Phan Thanh Hải (2010), “Lăng mộ hoàng gia thời Nguyễn tại Huế”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 6 (83), Huế, tr. 43 - 61.
- [37]. Paul Isoart (2003), *Chân dung Hoàng thân Bửu Ngự*, Bản dịch Võ Như Nguyễn, Tạp san *Dòng Việt*, Số 14, Huntington Beach, CA 92647, tr. 319 - 324.
- [38]. Trần Đình Hằng (2002), “Quá trình phân rã nhà vườn xứ Huế: Dẫn liệu cụ thể từ một con đường”, in trong cuốn *Di sản văn hóa nhà vườn xứ Huế và vấn đề bảo tồn*, Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại Huế, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế, Huế, tr. 147 - 162.
- [39]. Nguyễn Xuân Hồng (2014), “Cư dân Huế: Nguồn gốc và một số nét đặc thù trong quá trình tiếp cận đô thị hóa hiện nay”, *Đô thị Thừa Thiên Huế - Tiến trình phát triển và giải pháp quy hoạch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 229 - 242.
- [40]. Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [41]. Huh Kwon (2017), “Bảo tồn và phát triển bền vững các thành phố lịch sử châu Á: Mục tiêu và nhiệm vụ”, in trong Kỷ yếu Hội thảo chuyên đề *Huế - Gyeongju, Thành phố Huế*, Huế.
- [42]. Nguyễn Hoàng Huy (1997), *Vườn cảnh phương Đông*, Nxb Văn hoá, Hà Nội.
- [43]. Giới Hương (1994), *Văn bia chùa Huế*, Diêu Đệ quốc tự, Huế.
- [44]. Lê Phụng Hoàng (2005), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [45]. Thái Văn Kiệm (1960), *Đất Việt trời Nam*, Nxb Nguồn sống, Sài Gòn.
- [46]. Thái Văn Kiệm (1960), *Cố đô Huế: Lịch sử - cổ tích - thắng cảnh*, Nha Văn hóa Bộ Quốc gia Giáo dục ấn hành, Sài Gòn.
- [47]. Nguyễn Văn Kiệm (2002), “Nguyễn Ánh (Gia Long) đối với đạo Thiên chúa” in trong cuốn *Những vấn đề lịch sử về triều đại cuối cùng ở Việt Nam*, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và Tạp chí Xưa & Nay xuất bản, Huế, tr. 301 - 305.
- [48]. Phạm Thành Khôi (2013), “Bối cảnh đô thị hóa: Vấn đề nghiên cứu nhân học ở Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, Số 4 (176), Hà Nội, tr. 57 - 63.
- [49]. Bửu Kế (1957), *Nếp nhà*, Nxb Bạch Vân, Huế.
- [50]. Bửu Kế (1962), “Công chúa hạ giá”, Tạp chí *Bách Khoa*, Số 142, Sài Gòn, tr. 37 - 41.
- [51]. Bửu Kế (1962), “Hoàng tử nạp phi”, Tạp chí *Bách Khoa*, Số 143, Sài Gòn, tr. 29 - 32.
- [52]. Nguyễn Khuê (1970), *Tâm trạng Trương An quận vương qua thi ca của ông*, Trung tâm học liệu xuất bản, Sài Gòn.
- [53]. L. Sogny (2004), “Các thế gia vọng tộc: Tuy Lý Vương”, *BAVH (Những người bạn Cố đô Huế)*, Bản dịch của Nguyễn Cửu Sà, Tập XVI (1929), Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 360 - 381.

[54]. Ngô Thị Lan (2017), “Tình hình xây dựng các công trình kiến trúc thế kỷ XV-XVIII ở Bắc Việt Nam qua nguồn sử liệu và khảo cổ học, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 10 (498), Hà Nội, tr. 8 - 23.

[55]. Léopold Cadière (1996), *La Citadelle de Hué: Onomastique (Kinh thành Huế: Địa danh)*, Bản dịch, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

[56]. Léopold Cadière (1998), “Mỹ thuật ở Huế”, *BAVH (Những người bạn Cổ đô Huế)*, Bản dịch của Hà Xuân Liêm, Phan Xuân Sanh, Tập VI (1919) (A), Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 8 - 236.

[57]. Léopold Cadière (2000), “Gia đình và tôn giáo người Việt” trong *Văn hóa tín ngưỡng gia đình Việt Nam qua nhãn quan học giả L.Cadière*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[58]. Phan Huy Lê (2014), *Huế & triều Nguyễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[59]. Ngô Văn Lệ (2015), “Từ Dân tộc học đến Nhân học: Tiếp cận từ phương pháp nghiên cứu”, Tạp chí *Dân tộc học*, Số 1&2, Hà Nội.

[60]. Ngô Sĩ Liên, Phan Phu Tiên, Lê Văn Hưu (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản dịch của Viện Sử học, Tập 1, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[61]. Ngô Sĩ Liên, Phan Phu Tiên, Lê Văn Hưu (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản dịch của Viện Sử học, Tập 2, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[62]. Lê Nguyễn Lưu (1996), “Khu di tích lăng mộ Tuy Lý Vương và bài bia Tiên mẫu Lê Tiệp dư thần đạo biểu”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ*, Số 4, Huế, tr.128 - 134.

[63]. Lê Nguyễn Lưu (2003), “Khu tẩm mộ gia đình công chúa Mai Am và bài tựa đường bi ký”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 2 (40), Huế, tr. 70 - 77.

[64]. Lê Nguyễn Lưu (2006), *Văn hóa Huế xưa: Đời sống văn hóa cung đình*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[65]. Masatoshi Imai (2016), “Thiết kế và xây dựng Diên Phúc trường công chúa từ: Một ngôi nhà vườn ở Huế”, in trong cuốn *Di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn: Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 202 - 205.

[66]. Nguyễn Văn Mại (1923), “Ông tám mươi nói chuyện mười tám”, Tạp chí *Nam Phong*, Số 69, Hà Nội, tr. 227 - 231.

[67]. Nguyễn Văn Mạnh (Chủ biên) (2016), *Nhân học đại cương*, Nxb. Đại học Huế, Huế.

[68]. Nguyễn Văn Mạnh (2017), “Đô thị hóa và đô thị hóa bền vững ở Thừa Thiên Huế - Thực trạng và những vấn đề đặt ra hiện nay”, Tạp chí *Huế xưa và nay*, Số 140, Huế, tr. 48 - 55.

[69]. Ngọc Minh, Hà Oanh (2007), “Sách đồng thời Nguyễn”, in trong cuốn *Bảo tàng Cổ vật cung đình Huế*, Tập VI, chuyên đề Đồng, Huế, tr. 70 - 77.

[70]. Nhiều tác giả (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[71]. Nhiều tác giả (2018), *Cẩm nang du lịch Trung Quốc*, Ngô Minh Vân, Hoàng Lan dịch, Nxb Dân trí, Hà Nội.

[72]. Nội Các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, bản dịch của Viện Sử học, Tập I - XIII, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

[73]. Nguyễn Hạnh Nguyên (2018), “Bảo tồn để phát triển & bài học kinh nghiệm nước ngoài cho Dinh thương thơ”, in trong Kỷ yếu Hội thảo *Đánh giá về giá trị và giải pháp bảo tồn kiến trúc tại địa điểm số 59-61 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.

[74]. Phòng Tuy Biên quận công (1971), *Nội quy Phòng Tuy Biên quận công*, Huế.

[75]. Đạm Phương (2010), “Cung hậu Qui Đức công chúa từ kỷ niệm”, in trong *Tuyển tập Đạm Phương nữ sử*, Lê Thanh Hiền sưu tầm, biên soạn, giới thiệu, Nguyễn Khoa Điềm bổ sung, chỉnh sửa, Nxb Văn học, Hà Nội.

[76]. Đình Quang (Chủ biên) (2005), *Đời sống văn hóa đô thị và khu công nghiệp Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[77]. Võ Vinh Quang (2016), “Văn bia ghi lời thánh dụ và bài văn tế của Dục Tông Anh hoàng đế (vua Tự Đức) cho Kiến Thụy quận vương Nguyễn Phúc Hồng Y”, Tạp chí *Huế xưa và nay*, Số 134, Huế, tr. 90 - 97.

[78]. Võ Vinh Quang (2019), “Bản sách phong quý của vua Bảo Đại ban tặng cho Lăng Xuyên quận vương Nguyễn Ưông”, Tạp chí *Xưa và nay*, Hà Nội, tr. 50 - 51.

[79]. Nguyễn Phúc Vĩnh Quyền (2006), “Qua miền phủ đệ” in trong cuốn *Huế mình*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 192 - 197.

[80]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1972), *Minh Mạng chính yếu*, Tập 1, Quyển I, II, III và IV, Bản dịch của Hoàng Du Đồng và Hà Ngọc Xuyên, Ủy ban dịch thuật Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.

[81]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Tập 1, Nxb Thuận Hoá, Huế.

[82]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, Bản dịch của Cao Huy Giu, Tập I - II, Viện Sử học - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[83]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, Bản dịch của Cao Huy Giu, Tập III - IV, Viện Sử học - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[84]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, Bản dịch của Cao Huy Giu, Đỗ Mộng Khương, Tập V-VI, Viện Sử học - Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[85]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch Viện Sử học, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[86]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, bản dịch Viện Sử học, Tập I - X, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- [87]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2009), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, Bản dịch của Đỗ Mộng Khương, Tập VII-VIII, Viện Sử học-Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế xuất bản, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [88]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2010), *Đồng Khánh- Khải Định chính yếu*, Nxb. Thời Đại và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [89]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, bản dịch mới của Hoàng Văn Lâu, Nxb Lao Động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [90]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục chính biên - Đế lục kỹ phụ biên*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [91]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục chính biên - Đế thất kỹ*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [92]. Thích Đại Sán (1963), *Hải ngoại ký sự*, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam dịch, Viện Đại học Huế xuất bản, Huế.
- [93]. Trần Đức Anh Sơn (2016), *Kiểu Huế*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [94]. Chu Sơn (1999), “Nhà Rường Huế”, Tạp san *Nghiên cứu Huế*, Tập 1, Huế, tr. 265 - 268.
- [95]. Lê Duy Sơn (2002), “*Những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn*”, Đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ, Mã số B 2001-07-22.
- [96]. Lê Duy Sơn (2004), “*Về những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn*”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 4, Hà Nội, tr. 20 - 30.
- [97]. Lê Duy Sơn (2004), “*Về những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn*”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 5, Hà Nội, tr. 28 - 38.
- [98]. Bùi Hoài Sơn (2009), *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [99]. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (1993), Hồ sơ di tích phủ đệ, Huế.
- [100]. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế (2016), *Di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn - Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [101]. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I (2013), *Ấn chương trên châu bản triều Nguyễn (1802 - 1945)*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [102]. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I (2016), *Ngự phê trên châu bản triều Nguyễn (1802 - 1945)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [103]. Lê Quang Thái (2012), “*Tản mạn về phủ đệ dưới thời các vua Nguyễn*”, in trong cuốn *Nghiên cứu Huế*, Tập 8, Huế, tr. 365 - 374.
- [104]. Nguyễn Quang Trung Tiến (2009), “*110 năm đô thị hóa Huế*”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 3 (74), Huế, tr. 3 - 13.
- [105]. Nguyễn Hữu Thông (Chủ biên) (1992), *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế*, Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội.



- [106]. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế - Nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
- [107]. Nguyễn Hữu Thông (2008), *Nhà vườn xứ Huế*, Nxb Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [108]. Nguyễn Hữu Thông (2019), *Mỹ thuật Nguyễn*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [109]. Võ Thị Thu Thủy, Phạm Thủy Tiên (2018), *Thiên nhiên trong kiến trúc nhà ở truyền thống Việt*, Nxb Xây Dựng, Hà Nội.
- [110]. Tổng cục thống kê (2017), Niên giám thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, Huế.
- [111]. Tràng An báo (1937), “Bút ký 18 tháng ở Huế của bác sỹ người Pháp Auvray vào năm 1879 - 1880”, Số 267, Huế.
- [112]. Nguyễn Ngọc Tùng (Chủ biên) (2016), *Sự chuyển đổi và bảo tồn nhà vườn truyền thống trong khu vực Kinh thành Huế, Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [113]. Tự Đức thánh chế văn tam tập (1971), Quyển mục lục từ quyển I đến VIII, Bản dịch của Bùi Tấn Niên, Ủy ban dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.
- [114]. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2013), *Địa chí Thừa Thiên Huế - phần Dân cư và Hành chính*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [115]. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2014), *Địa chí Thừa Thiên Huế - phần Kinh tế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [116]. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), Đề án Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát huy giá trị nhà vườn Huế đặc trưng, Tài liệu đánh máy, Huế.
- [117]. UBND thành phố Huế (2018), Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019, Tài liệu đánh máy, Huế.
- [118]. Ứng Trình, Bửu Dưỡng (1970), *Tùng Thiện Vương: Tiểu sử và thi văn (1819 - 1870)*, Huế - Sài Gòn.
- [119]. Nguyễn Đắc Xuân (2003), “Gia Hội khu phố cổ tuyệt vời ở Huế”, in trong cuốn *Sông Hương dòng chảy văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 417 - 432.
- [120]. Huỳnh Thị Anh Vân (2016), *Các đàn miếu đại tự triều Nguyễn ở Huế (1802 1945): Sự hình thành và nghi thức tế tự*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Đại học Huế.
- [121]. Nguyễn Thị Thúy Vi (Chủ biên) (2010), *Thuật ngữ kiến trúc truyền thống nhà rường Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [122]. Viện Bảo tồn Di tích - Urban Solution (2008), “Tài liệu hướng dẫn cho các nhà hoạch định (Quản lý di sản đô thị trong bối cảnh phát triển đô thị ở Việt Nam)”, Hà Nội.
- [123]. Viện Khoa học Công nghệ xây dựng (2003), *Khoa học công nghệ bảo tồn, trùng tu di tích kiến trúc*, Hà Nội.

[124]. Viện Khoa học Công nghệ xây dựng (2016), *Bản vẽ thiết kế tu bổ chống xuống cấp phủ thờ công chúa Ngọc Sơn*, Phân viện Khoa học Công nghệ xây dựng miền Trung, Huế.

[125]. Nguyễn Công Việt (2005), *Án chương Việt Nam từ thế kỷ thứ XV đến cuối thế kỷ thứ XIX*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[126]. Trần Đại Vinh (2006), *Văn bia & Văn chuông Hán Nôm dân gian Thừa Thiên Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.

[127]. Hồ Vĩnh (1998), “Phủ thờ Diên Phúc công chúa”, in trong cuốn *Dấu tích văn hóa thời Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 74 - 78.

[128]. Hồ Vĩnh (2005), “Phủ - phòng các hoàng tử con vua Thiệu Trị”, Tạp chí *Huế xưa và nay*, Số 67, Huế, tr. 96 - 100.

## **II. TÀI LIỆU TIẾNG ANH**

[129]. John Carman & Marie Louise Stig Sorensen (2009), *Heritage Studies: Methods and Approaches (Nghiên cứu di sản: Các phương pháp và cách tiếp cận)*, London & New York.

[130]. Lauranjane Smith (2006), *Uses of heritage (Những cách sử dụng di sản)*, Routledge.

## **III. TÀI LIỆU TIẾNG PHÁP**

[131]. L. Sogny (1934), Cérémoniale d'autrefois pour le mariage des princesses d'Annam (Nghỉ lễ đám cưới công chúa), *Bulletin des Amis du Vieux Huế (BAVH)*, No 3, 145-168.

[132]. Le Floch de la Carrière (1787), *Carte d'une partie de la côte de Cochinchine, 1755 et 1759*.

[133]. Les noces de l'empereur d'Annam (Đám cưới vua Annam) (1934), *Le Monde illustré*.

[134]. Léopold Cadière (1919), *L'art à Huế*, L'Association des Amis du Vieux Huế.

[135]. Sallet, A. và Nguyễn Đình Hòe (1914), “Enumération des temples et lieux de culte de Huế” (Liệt kê đền miếu và các nơi thờ tự ở Huế), *Bulletin des Amis du Vieux Huế (BAVH)*, No.1, 2.

## **IV. TÀI LIỆU INTERNET**

[136]. Trần Minh Thực (2015), “Tìm hiểu khu đất Đại chủng viện Huế” (<https://xuanbichvietnam.net/trangchu/tim-hieu-ve-khu-dat-dai-chung-vien-hue/>).

[137]. Katsura imperial villa - Ly cung Katsura (<https://sankan.kunaicho.go.jp/multilingual/lang/en/katsura/index.html>)

# PHỤ LỤC

# PHỤ LỤC 1

## PHIẾU KHẢO SÁT

*Di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế*

Mã phiếu:.....

Địa điểm:..... Tỉnh/thành phố: .....

Thị xã/huyện:.....Xã/phường:.....

Ngày phỏng vấn: .....

Người phỏng vấn: .....

*Kính chào Ông/bà!*

*Tôi tên là Trần Văn Dũng, Nghiên cứu sinh chuyên ngành Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế. Hiện nay, tôi đang thực hiện luận án về đề tài “Di sản phủ đệ triều Nguyễn trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay ở thành phố Huế”. Vì vậy, tôi rất mong ông/bà sẽ sẵn lòng dành một ít thời gian để trả lời những câu hỏi sau đây. Tôi xin cam đoan những thông tin mà ông/bà cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học. Xin chân thành cảm ơn ông/bà!*

*Ông/bà vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây  
bằng cách đánh dấu X vào ô vuông tương ứng*

### I. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 1. Ông/bà có vai trò gì trong phủ đệ này?

- Người quản lý phủ đệ  
 Người giao giữ gìn phủ đệ  
 Người sống trong khuôn viên phủ đệ  
 Thành viên thuộc phủ đệ

#### 2. Ông/bà cho biết thời gian xây dựng phủ đệ?

- 50 - 100 năm                       101 - 150 năm                       Trên 150 năm

#### 3. Ông/bà cho biết bố cục mặt bằng tổng thể của phủ đệ?

- Dạng chữ Nhất (一)       Dạng chữ (二)                       Dạng chữ khẩu (口)  
 Ý kiến khác (xin ghi rõ).....

#### 4. Ông/bà cho biết phủ đệ quay theo hướng nào?

- Đông                       Tây                       Nam                       Bắc  
 Đông Nam                       Ý kiến khác (xin ghi rõ).....

#### 5. Ông/bà cho biết phủ đệ có nằm bên cạnh dòng sông không?

- Có     Không

**6. Ông/bà cho biết di sản phủ đệ còn giữ gìn được bên phủ không?**

- Còn giữ được bên phủ  
 Không còn giữ được bên phủ

**7. Ông/bà cho biết di sản phủ đệ còn giữ gìn được công phủ xưa không?**

- Còn giữ được công phủ  
 Không còn giữ được công phủ

**Nếu có ông/bà cho biết thêm công phủ thuộc loại hình gì?**

- Hai trụ  Cổng tam quan  
 Cổng vòm  Ý kiến khác (xin ghi rõ).....

**8. Ông/bà cho biết di sản phủ đệ có còn gìn giữ được la thành không?**

- Còn giữ được la thành  
 Không còn giữ được la thành

**9. Ông/bà cho biết di sản phủ đệ còn giữ được bình phong xưa không?**

- Còn giữ được bình phong  Không còn giữ được bình phong

**Nếu còn thì ông/bà cho biết hình dáng bình phong như thế nào?**

- Cuốn thư  Có mái  
 Bụi chèo tàu  Ý kiến khác (xin ghi rõ).....

**10. Ông/bà cho biết phủ đệ có bể cạn, hòn non bộ xưa không?**

- Có  Không

**11. Ông/bà cho biết nhà chính của phủ đệ còn giữ được kiến trúc nhà rường không?**

- Còn giữ được kiến trúc nhà rường  Không còn giữ được kiến trúc nhà rường

**Nếu có ông/bà cho biết hệ kết cấu nhà chính của phủ đệ như thế nào?**

- Nhà rường 1 gian 2 chái  Nhà rường 3 gian 2 chái  
 Nhà rường 5 gian  Ý kiến khác (xin ghi rõ).....

**12. Ông/bà cho biết nhà chính của phủ đệ lợp mái gì?**

- Mái ngói liệt  Mái ngói móc  
 Mái tôn  Mái bro xi măng  
 Ý kiến khác (xin ghi rõ).....

**13. Ông/bà cho biết nhà phụ của phủ đệ còn giữ được kiến trúc nhà rường không?**

- Còn giữ được kiến trúc nhà rường  Không còn giữ được kiến trúc nhà rường

**14. Ông/bà cho biết phủ đệ có tổng diện tích vườn khoảng bao nhiêu?**

- Từ 200 m<sup>2</sup> đến 500 m<sup>2</sup>  Từ 500 m<sup>2</sup> đến 1000 m<sup>2</sup>  Trên 1000 m<sup>2</sup>

**15. Ông/bà cho biết phủ đệ đã được trùng tu bao nhiêu lần?**

- 1 lần  2 lần  3 lần  Trên 3 lần

**16. Ông/bà cho biết phủ đệ bị biến đổi hiện trạng mạnh nhất vào thời gian nào?**

- Trước năm 1945  
 Từ năm 1945 đến năm 1975  
 Từ năm 1976 đến năm 1985  
 Từ năm 1986 đến nay

**17. Theo ông/bà hiện trạng kiến trúc phủ đệ hiện nay như thế nào?**

- Xuông cấp                       Bình thường                       Tốt

**18. Theo ông/bà việc bảo tồn di sản phủ đệ có ý nghĩa gì?**

- Khẳng định lòng tự hào dòng tộc                       Bảo tồn nền nếp gia phong  
 Thờ cúng ông bà, tổ tiên                       Phát triển kinh tế, xã hội và du lịch

**19. Nguồn vốn để trùng tu phủ đệ từ đâu?**

- Tự bản thân người quản lý phủ đệ  
 Hỗ trợ từ người thân trong dòng tộc  
 Hỗ trợ từ chính quyền  
 Hỗ trợ từ các dự án tổ chức khác

**20. Ông/bà có đồng ý đưa di sản phủ đệ vào danh mục xếp hạng di tích không?**

- Đồng ý                       Không đồng ý

**II. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Giới tính:**                       Nam                       Nữ

**2. Độ tuổi:**                       Dưới 18 tuổi                       19 - 30 tuổi

31- 59 tuổi     60 tuổi trở lên

**3. Trình độ học vấn**

- Không đi học                       Cấp I                       Cấp II                       Cấp III  
 Trung cấp, Cao đẳng     Đại học, Sau đại học

**4. Nghề nghiệp chính**

- Cán bộ, công chức, viên chức                       Công nhân                       Nông dân  
 Hưu trí                       Kinh doanh, buôn bán                       Khác

*Xin cảm ơn sự hợp tác của Ông/bà!*

## PHỤ LỤC 2

### DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Phủ đệ	Địa chỉ
1.	Ứng Ân	1928	Tuy An quận công	23 Hồ Xuân Hương
2.	Vĩnh Ba	1949	Trần Tĩnh quận công	147 Lê Thánh Tôn
3.	Lê Xuân Bình	1957	Quảng Biên quận công	240 Chi Lăng
4.	Tráng Chử	1925	Tăng Duệ hoàng thái tử	143 Hàn Mặc Tử
5.	Vĩnh Dũng	1952	Trần Tĩnh quận công	147 Lê Thánh Tôn
6.	Bửu Đăng	1933	Hòa Thạnh vương	255 Chi Lăng
7.	Vĩnh Đăng	1954	Tuân Quốc công	10/70 Mạc Đình Chi
8.	Hồng Dũ Đức	1955	An Phúc quận vương	45 Nguyễn Du
9.	Tôn Thất Giáp	1964	Lãng Xuyên quận vương	12/49 Hàn Mặc Tử
10.	Vĩnh Huyệt	1947	Phong Quốc công	306 Nguyễn Sinh Cung
11.	Công Tôn Nữ Trí Huệ	1922	Hoài Đức quận vương	Xóm 8, Thôn Giáp Đông, xã Hương Toàn
12.	Tôn Thất Lý Huy	1963	Thiệu Hóa quận vương	2/40 Nguyễn Chí Thanh
13.	Vĩnh Hương	1965	Nam Sách quận công	109 Điện Biên Phủ
14.	Tôn Thất Hộ	1957	Hệ chúa Nguyễn	Lý Nam Đế
15.	Vĩnh Khương	1956	Cẩm Xuyên quận vương	73 Vạn Xuân
16.	Nguyễn Phước Gia Miêu	1951	Thường Tín quận vương	2/40 Nguyễn Chí Thanh
17.	Tôn Nữ Lai Miên	1989	Hòa Thạnh vương	255 Chi Lăng
18.	Công Huyền Tôn Nữ Phương Nam	1935	An Khánh vương	50 Nguyễn Phúc Nguyên
19.	Vĩnh Phú	1952	Tuy Lý vương	140 Nguyễn Sinh Cung
20.	Tôn Nữ My Phương	1994	Nghĩa Quốc công	23/187 Phan Đình Phùng
21.	Tôn Nữ Thị Quế	1951	Vĩnh Tường quận vương	40 Nguyễn Chí Thanh
22.	Liên Sơn	1964	Tăng Duệ hoàng thái tử	143 Hàn Mặc Tử
23.	Quỳnh Thọ	1924	Từ Sơn công	9 Nguyễn Tuân
24.	Bửu Thảo	1968	An Xuyên vương	11/405 Chi Lăng
25.	Vĩnh Thao	1955	Thọ Xuân vương	Kiệt 209 Chi Lăng
26.	Tôn Nữ Ngọc Tú	1996	Tuy Lý vương	140 Nguyễn Sinh Cung

### PHỤ LỤC 3

#### BẢNG THỐNG KÊ

##### 3.1. Danh sách phủ đệ triều Nguyễn (1802 - 1945)

Stt	Triều vua	Hoàng tử	Hoàng nữ	Hoàng tử và hoàng nữ được sách phong		Phủ đệ (Tổng cộng)	Ghi chú
				Phủ đệ	Đệ trạch		
1	Vua Gia Long (1802-2/1820)	13	18	11	14	25	
2	Vua Minh Mạng (1820-1/1841)	78	64	57	50	107	
3	Vua Thiệu Trị (1841-1847)	29	35	16	17	33	
4	Vua Tự Đức (1848-1883)	03	00	02	00	02	Con nuôi
5	Vua Dục Đức (6/1883, 3 ngày)	11	08	04	03	07	
6	Vua Hiệp Hòa (7.1883-11.1883)	11	06	00	00	00	
7	Vua Kiến Phúc (11.1883-7.1884)	00	00	00	00	00	
8	Vua Hàm Nghi (1884-1885)	01	02	00	00	00	
9	Vua Đồng Khánh (1885-1889)	06	04	02	02	04	
10	Vua Thành Thái (1889-1907)	19	26	00	00	00	
11	Vua Duy Tân (1907-1916)	04	01	00	00	00	
12	Vua Khải Định (1916-1925)	01	00	01	00	01	
13	Vua Bảo Đại (1926-1945)	02	03	00	00	00	
Tổng cộng:		178	167	93	86	179	



Stt	Tước hiệu phủ đệ	Tên chủ nhân phủ đệ	Năm sinh - mất
<b>Triều vua Gia Long 嘉隆 (1802-2/1820)</b>			
<b>Phủ đệ</b>			
1	Anh Duệ Hoàng thái tử 增睿皇太子	Nguyễn Phúc Cảnh 阮福景	1780 - 1801
2	Hoàng tử Đảm <sup>62</sup> 皇子膽	Nguyễn Phúc Đảm 阮福膽	1791 - 1841
3	Kiến An vương 建安王	Nguyễn Phúc Đài 阮福昊	1795 - 1849
4	Định Viễn quận vương 定遠郡王	Nguyễn Phúc Bính 阮福昞	1797 - 1863
5	Diên Khánh vương 延慶王	Nguyễn Phúc Tấn 阮福晉	1799 - 1854
6	Điện Bàn công 奠盤公	Nguyễn Phúc Phổ 阮福普	1799 - 1860
7	Thiệu Hoá quận vương 紹化郡王	Nguyễn Phúc Chân 阮福晔	1803 - 1824
8	Quảng Uy công 廣威公	Nguyễn Phúc Quân 阮福昫	1809 - 1829
9	Thường Tín quận vương 常信郡王	Nguyễn Phúc Cự 阮福晆	1810 - 1849
10	An Khánh vương 安慶王	Nguyễn Phúc Chân 阮福晁	1811 - 1845
11	Từ Sơn công 慈山公	Nguyễn Phúc Mão 阮福昴	1813 - 1868
<b>Đệ trạch</b>			
1	Bình Thái công chúa 平泰公主	Nguyễn Phúc Ngọc Châu 阮福玉珠	1782 - 1847
2	Bình Hưng công chúa 平興公主	Nguyễn Phúc Ngọc Quỳnh 阮福玉瓊	1788 - 1849
3	Bảo Lộc công chúa 保祿公主	Nguyễn Phúc Ngọc Anh 阮福玉瑛	1790 - 1850
4	Phú Triêm công chúa 富霽公主	Nguyễn Phúc Ngọc Trân 阮福玉珍	1790 - 1819
5	Bảo Thuận công chúa 保順公主	Nguyễn Phúc Ngọc Xuyên 阮福玉玕	1792 - 1851
6	Đức Hòa công chúa 德和公主	Nguyễn Phúc Ngọc Ngoạn 阮福玉玩	1794 - 1827
7	An Thái công chúa 安泰公主	Nguyễn Phúc Ngọc Nga 阮福玉娥	1796 - 1856
8	An Lễ công chúa 安禮公主	Nguyễn Phúc Ngọc Cửu 阮福玉玖	1802 - 1846

<sup>62</sup> Lúc vua Minh Mạng còn hoàng tử.

9	Nghĩa Hòa công chúa 義和公主	Nguyễn Phúc Ngọc Nguyệt 阮福玉玥	1803 - 1846
10	An Nghĩa công chúa 安義公主	Nguyễn Phúc Ngọc Ngôn 阮福玉琿	1804 - 1856
11	An Diêm công chúa 安恬公主	Nguyễn Phúc Ngọc Mân 阮福玉珉	1805 - 1869
12	Mỹ Khê công chúa 美溪公主	Nguyễn Phúc Ngọc Khuê 阮福玉珪	1807 - 1827
13	Định Hòa công chúa 定和公主	Nguyễn Phúc Ngọc Cơ 阮福玉璣	1808 - 1856
14	Nhu Khiết công chúa 柔潔公主	Nguyễn Phúc Ngọc Thành 阮福玉城	1812 - 1830
<b>Triều vua Minh Mạng 明命 (1820 - 1/1841)</b>			
<b>Phủ đệ</b>			
1	Trưởng Khánh công <sup>63</sup> 長慶公	Nguyễn Phúc Miên Tông 阮福綿宗	1807 - 1847
2	Thọ Xuân vương 壽春王	Nguyễn Phúc Miên Định 阮福綿定	1810 - 1886
3	Ninh Thuận quận vương 寧順郡王	Nguyễn Phúc Miên Nghi 阮福綿宜	1810 - 1874
4	Vĩnh Tường quận vương 永祥郡王	Nguyễn Phúc Miên Hoàn 阮福綿宏	1811 - 1835
5	Phú Bình quận vương 富平郡王	Nguyễn Phúc Miên An (Áo) 阮福綿安	1817 - 1865
6	Nghi Hoà quận công 宜和郡公	Nguyễn Phúc Miên Thần 阮福綿宸	1817 - 1878
7	Phú Mỹ quận công 富美郡公	Nguyễn Phúc Miên Phú 阮福綿富	1817 - 1887
8	Hàm Thuận quận công 咸順郡公	Nguyễn Phúc Miên Thủ 阮福綿守	1819 - 1859
9	Tùng Thiện vương 從善王	Nguyễn Phúc Miên Thẩm 阮福綿審	1819 - 1870
10	Tuy Lý vương 綏理王	Nguyễn Phúc Miên Trinh 阮福綿賓	1820 - 1897
11	Tương An quận vương 襄安郡王	Nguyễn Phúc Miên Bửu 阮福綿寶	1820 - 1854
12	Tuân Quốc vông 恂國公	Nguyễn Phúc Miên Trù 阮福綿宙	1820 - 1891
13	Lạc Hoá quận công 樂化郡公	Nguyễn Phúc Miên Vũ 阮福綿宇	1821 - 1849
14	Hà Thanh quận công 河清郡公	Nguyễn Phúc Miên Tống 阮福綿宋	1822 - 1858

<sup>63</sup> Lúc vua Thiệu Trị còn hoàng tử.

15	Nghĩa Quốc công 義國公	Nguyễn Phúc Miên Tề 阮福綿宰	1822 - 1845
16	Trần Man quận công 鎮蠻郡公	Nguyễn Phúc Miên Tích 阮福綿錫	1823 - 1866
17	Sơn Định quận công 山定郡公	Nguyễn Phúc Miên Lung 阮福綿宮	1824 - 1851
18	Tân Bình quận công 新平郡公	Nguyễn Phúc Miên Phong 阮福綿豐	1824 - 1860
19	Quý Châu quận công 癸州郡公	Nguyễn Phúc Miên Liêu 阮福綿寮	1824 - 1881
20	Quảng Ninh quận vương 廣寧郡王	Nguyễn Phúc Miên Mật 阮福綿宓	1825 - 1847
21	Sơn Tĩnh quận công 山靜郡公	Nguyễn Phúc Miên Lương 阮福綿良	1826 - 1863
22	Quảng Biên quận công 廣邊郡公	Nguyễn Phúc Miên Gia 阮福綿家	1826 - 1875
23	Lạc Biên quận công 樂邊郡公	Nguyễn Phúc Miên Khoan 阮福綿寬	1825 - 1863
24	Ba Xuyên quận công 巴川郡公	Nguyễn Phúc Miên Túc 阮福綿宿	1827 - 1854
25	Kiến Tường công 建祥公	Nguyễn Phúc Miên Quan 阮福綿官	1827 - 1847
26	Hòa Thạnh vương 和盛王	Nguyễn Phúc Miên Tuấn 阮福綿騫	1827 - 1907
27	Hòa Quốc công 和國公	Nguyễn Phúc Miên Quận 阮福綿寤	1828 - 1863
28	Tuy An quận công 綏安郡公	Nguyễn Phúc Miên Kháp 阮福綿合	1828 - 1893
29	Hải Quốc công 海國公	Nguyễn Phúc Miên Tăng 阮福綿曾	1828 - 1896
30	Tây Ninh quận công 西寧郡公	Nguyễn Phúc Miên Thê 阮福綿本	1829 - 1864
31	Trần Tĩnh quận công 鎮靖郡公	Nguyễn Phúc Miên Dân 阮福綿寅	1829 - 1885
32	Quảng Trạch quận công 廣澤郡公	Nguyễn Phúc Miên Cư 阮福綿居	1829 - 1854
33	An Quốc công 安國公	Nguyễn Phúc Miên Ngôn 阮福綿言	1830 - 1853
34	Tĩnh Gia công 靖嘉公	Nguyễn Phúc Miên Sạ 阮福綿乍	1830 - 1902
35	Trần Biên quận công 鎮邊郡公	Nguyễn Phúc Miên Thanh 阮福綿菁	1830 - 1877
36	Điện Quốc công 奠國公	Nguyễn Phúc Miên Tỉnh 阮福綿省	1830 - 1870
37	Tuy Biên quận công 綏邊郡公	Nguyễn Phúc Miên Sùng 阮福綿寵	1831 - 1865

38	Quế Sơn quận công 桂山郡公	Nguyễn Phúc Miên Ngô 阮福綿吾	1831- 1873
39	Phong Quốc công 豐國公	Nguyễn Phúc Miên Kiên 阮福綿虔	1831 - 1854
40	Trần Định quận công 鎮定郡公	Nguyễn Phúc Miên Miêu 阮福綿錫	1832 - 1865
41	Hoài Đức quận vương 懷德郡王	Nguyễn Phúc Miên Lâm 阮福綿霖	1832 - 1897
42	Duy Xuyên quận công 濰川郡公	Nguyễn Phúc Miên Tiệp 阮福綿寔	1832 - 1871
43	Cầm Giang quận công 錦江郡公	Nguyễn Phúc Miên Văn 阮福綿晚	1832 - 1895
44	Quảng Hoá quận công 廣化郡公	Nguyễn Phúc Miên Uyên 阮福綿宛	1833 - 1893
45	Nam Sách quận công 南策郡公	Nguyễn Phúc Miên Ôn 阮福綿穩	1833 - 1895
46	Trần Quốc công 鎮國公	Nguyễn Phúc Miên Tả 阮福綿寓	1833 - 1889
47	Hoàng Hóa quận vương 弘化郡王	Nguyễn Phúc Miên Triện 阮福綿寫	1833 - 1905
48	Tân An quận công 新安郡公	Nguyễn Phúc Miên Bảo 阮福綿冢	1835 - 1854
49	Bảo An quận công 保安郡公	Nguyễn Phúc Miên Khách 阮福綿客	1835 - 1858
50	Hậu Lộc quận công 厚祿郡公	Nguyễn Phúc Miên Thích 阮福綿赤	1835 - 1882
51	Kiên Hòa quận công 建和郡公	Nguyễn Phúc Miên Điều 阮福綿蚝	1836 - 1891
52	Kiên Phong quận công 建豐郡公	Nguyễn Phúc Miên Hoang 阮福綿荒	1836 - 1888
53	Vĩnh Lộc quận công 永祿郡公	Nguyễn Phúc Miên Chí 阮福綿質	1836 - 1888
54	Phù Cát quận công 符吉郡公	Nguyễn Phúc Miên Thân 阮福綿親	1837 - 1875
55	Cầm Xuyên quận vương 錦川郡王	Nguyễn Phúc Miên Ký 阮福綿寄	1838 - 1881
56	An Xuyên vương 安川王	Nguyễn Phúc Miên Bàng 阮福綿房	1838 - 1902
57	An Thành vương 安城王	Nguyễn Phúc Miên Lịch 阮福綿歷	1841 - 1919
<b>Đệ trạch</b>			
1	An Phú công chúa 安富公主	Nguyễn Phúc Khuê Gia 阮福珪珈	1813 - 1865
2	Lộc Thành công chúa 祿成公主	Nguyễn Phúc Uyên Diễm 阮福琬琰	1815 - 1836
3	An Thường công chúa 安常公主	Nguyễn Phúc Lương Đức 阮福良德	1817 - 1891

4	Hương La công chúa 香羅公主	Nguyễn Phúc Quang Tĩnh 阮福光靜	1817 - 1844
5	Vĩnh An công chúa 永安公主	Nguyễn Phúc Hòa Thục 阮福和淑	1818 - 1893
6	An Trang công chúa 安莊公主	Nguyễn Phúc Trinh Đức 阮福貞德	1818 - 1863
7	Phong Hòa công chúa 豐禾公主	Nguyễn Phúc Nhu Thuận 阮福柔順	1819 - 1840
8	An Cát công chúa 安吉公主	Nguyễn Phúc Nhu Thục 阮福柔淑	1819 - 1886
9	Định Mỹ công chúa 定美公主	Nguyễn Phúc Đoan Thuận 阮福端順	1820 - 1854
10	Phú Mỹ công chúa 富美公主	Nguyễn Phúc Đoan Trinh 阮福端貞	1821 - 1899
11	Phương Duy công chúa 芳維公主	Nguyễn Phúc Vĩnh Gia 阮福永嘉	1821 - 1850
12	Tân Hòa công chúa 新和公主	Nguyễn Phúc Đoan Thận 阮福端慎	1822 - 1866
13	Quỳnh Lâm công chúa 瓊林公主	Nguyễn Phúc Nhân Thận 阮福嫻慎	1822 - 1849
14	Mậu Hòa công chúa 懋和公主	Nguyễn Phúc Gia Trinh 阮福嘉貞	1823 - 1885
15	Mỹ Ninh công chúa 美寧公主	Nguyễn Phúc Gia Tiết 阮福嘉節	1823 - 1841
16	Phú Phong công chúa 富豐公主	Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy 阮福永瑞	1824 - 1863
17	Quy Đức công chúa 歸德公主	Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh 阮福永禎	1824 - 1892
18	Cảm Đức công chúa 感德公主	Nguyễn Phúc Thục Thận 阮福淑慎	1825 - 1907
19	Xuân An công chúa 春安公主	Nguyễn Phúc Thục Tĩnh 阮福淑靜	1825 - 1856
20	Hòa Mỹ công chúa 和美公主	Nguyễn Phúc Trang Tĩnh 阮福莊靜	1825 - 1847
21	Triêm Đức công chúa 霑德公主	Nguyễn Phúc Trang Nhân 阮福莊嫻	1825 - 1892
22	Bình Xuân công chúa 平春公主	Nguyễn Phúc Gia Thụy 阮福嘉瑞	1825 - 1860
23	Lại Đức công chúa 賴德公主	Nguyễn Phúc Trinh Thận 阮福貞慎	1826 - 1904
24	Nghĩa Điền công chúa 義田公主	Nguyễn Phúc Trinh Nhân 阮福貞嫻	1827 - 1902
25	Mỹ Hà công chúa 美河公主	Nguyễn Phúc Tường Hòa 阮福祥和	1827 - 1847
26	Xuân Vinh công chúa 春榮公主	Nguyễn Phúc Tường Tĩnh 阮福祥靜	1828 - 1869

27	Gia Lạc công chúa 嘉樂公主	Nguyễn Phúc Nhân Thục 阮福嫻淑	1828 - 1864
28	Bình Thạnh công chúa 平盛公主	Nguyễn Phúc Thụy Thận 阮福瑞慎	1829 - 1907
29	Thuận Lễ công chúa 順禮公主	Nguyễn Phúc Tĩnh Hòa 阮福靜和	1830 - 1882
30	Bái Ân công chúa 沛恩公主	Nguyễn Phúc Lương Trinh 阮福良貞	1830 - 1891
31	Kim Hương công chúa 金香公主	Nguyễn Phúc Gia Tĩnh 阮福嘉靜	1831 - 1860
32	Vĩnh Chân công chúa 永真公主	Nguyễn Phúc Thục Tuệ 阮福淑慧	1832 - 1854
33	Thuận Hòa công chúa 順和公主	Nguyễn Phúc Nhân Tĩnh 阮福嫻靜	1832 - 1863
34	Phương Hương công chúa 芳香公主	Nguyễn Phúc Nhân An 阮福嫻安	1832 - 1854
35	Nghĩa Đường công chúa 義棠公主	Nguyễn Phúc Tĩnh An 阮福靜安	1833 - 1857
36	Xuân Hòa công chúa 春和公主	Nguyễn Phúc Thục Tư 阮福淑姿	1833 - 1879
37	Xuân Lai công chúa 春來公主	Nguyễn Phúc Nhu Nghi 阮福柔儀	1833 - 1880
38	Phú Hậu công chúa 富后公主	Nguyễn Phúc Phương Trinh 阮福芳貞	1854 - 1886
39	Định Thành công chúa 定成公主	Nguyễn Phúc Hòa Thận 阮福和慎	1834 - 1860
40	Mỹ Duệ công chúa 美裔公主	Nguyễn Phúc Hòa Nhân 阮福和嫻	1835 - 1912
41	Hương Khê công chúa 香溪公主	Nguyễn Phúc Hòa Tường 阮福和祥	1835 - ?
42	Mỹ Thuận công chúa 美順公主	Nguyễn Phúc Nhân Tuệ 阮福嫻慧	1835 - 1863
43	Xuân Vân công chúa 春雲公主	Nguyễn Phúc An Nhân 阮福安嫻	1836 - 1854
44	Đa Lộc công chúa 多祿公主	Nguyễn Phúc Nhu Hòa 阮福柔和	1836 - 1829
45	Lâm Thạnh công chúa 林盛公主	Nguyễn Phúc Hòa Trinh 阮福和貞	1836 - 1869
46	Thông Lãng công chúa 通朗公主	Nguyễn Phúc Lương Nhân 阮福良嫻	1838 - 1872
47	Bái Trạch công chúa 沛澤公主	Nguyễn Phúc Trinh Tĩnh 阮福貞靜	1839 - 1909
48	Mỹ Trạch công chúa 美澤公主	Nguyễn Phúc Trinh Nhu 阮福貞柔	1840 - 1902

49	Bình Long công chúa 平隆公主	Nguyễn Phúc Tranh Tường 阮福莊祥	1841 - 1864
50	Nghi Xuân công chúa 宜春公主	Nguyễn Phúc Phúc Tường 阮福福祥	1841 - 1865
<b>Triều vua Thiệu Trị 紹治 (1841 - 1847)</b>			
<b>Phủ đệ</b>			
1	An Phong quận vương 安豐郡王	Nguyễn Phúc Hồng Bảo 阮福洪保	1825 - 1854
2	Phúc Tuy công 綏福公	Nguyễn Phúc Hồng Nhậm 阮福洪任	1829 - 1883
3	Thái Thành quận vương 太盛郡王	Nguyễn Phúc Hồng Phó 阮福洪備	1833 - 1890
4	Thoại Thái vương 瑞太王	Nguyễn Phúc Hồng Y 阮福洪依	1833 - 1877
5	Hoàng Trị vương 弘治王	Nguyễn Phúc Hồng Tô 阮福洪作	1834 - 1922
6	Vĩnh Quốc công 永國公	Nguyễn Phúc Hồng Truyền 阮福洪傳	1835 - 1863
7	Gia Hưng vương 嘉興王	Nguyễn Phúc Hồng Hữu 阮福洪休	1835 - 1885
8	Phong Lộc quận công 豐祿郡公	Nguyễn Phúc Hồng Kháng 阮福洪伉	1837 - 1865
9	An Phúc quận vương 安福郡王	Nguyễn Phúc Hồng Kiện 阮福洪健	1837 - 1895
10	Tuy Hòa quận vương 綏和郡王	Nguyễn Phúc Hồng Phò 阮福洪付	1837 - 1889
11	Hương Sơn quận công 香山郡公	Nguyễn Phúc Hồng Nghi 阮福洪儀	1839 - 1864
12	Mỹ Lộc quận công 美祿郡公	Nguyễn Phúc Hồng Tiệp 阮福洪捷	1840 - 1863
13	Kỳ Phong quận công 奇豐公	Nguyễn Phúc Hồng Đình 阮福洪停	1843 - 1884
14	Phú Lương công 富良郡公	Nguyễn Phúc Hồng Diêu 阮福洪遙	1845 - 1875
15	Kiên Thái vương 堅太王	Nguyễn Phúc Hồng Cai 阮福洪侗	1845 - 1876
16	Văn Lăng quận vương <sup>64</sup> 文朗郡王	Nguyễn Phúc Hồng Dật 阮福洪佚	1847 - 1883
<b>Đệ trạch</b>			
1	Diên Phúc công chúa 延福公主	Nguyễn Phúc Tĩnh Hảo 阮福靜好	1824 - 1848

<sup>64</sup> Hiệp Hòa Phế đế.

2	An Thạnh công chúa 安盛公主	Nguyễn Phúc Nhân Yên 阮福嫻嫣	? - ?
3	An Mỹ công chúa 安美公主	Nguyễn Phúc Huy Nhu 阮福徽柔	1826 - 1885
4	Hoài Chính công chúa 懷正公主	Nguyễn Phúc Nhã Viện 阮福雅媛	1832 - 1875
5	Thuận Chính công chúa 順正公主	Nguyễn Phúc Thanh Đê 阮福清媿	1833 - 1869
6	Quy Chính công chúa 歸正公主	Nguyễn Phúc Lệ Nhàn 阮福麗嫻	1836 - 1882
7	Mậu Lâm công chúa 茂林公主	Nguyễn Phúc Đoan Cẩn 阮福端瑾	1838 - 1914
8	Phú Lệ công chúa 富麗公主	Nguyễn Phúc Đôn Trinh 阮福敦貞	1838 - 1890
9	Quảng Thi công chúa 廣施公主	Nguyễn Phúc Thanh Cát 阮福清姑	1839 - 1879
10	An Phúc công chúa 安馥公主	Nguyễn Phúc Thận Huy 阮福慎徽	1840 - 1857
11	Đồng Phú công chúa 同富公主	Nguyễn Phúc Ý Phương 阮福懿芳	1840 - 1909
12	Xuân Lâm công chúa 春林公主	Nguyễn Phúc Trinh Huy 阮福貞徽	1841 - 1858
13	Tự Tân công chúa 自新公主	Nguyễn Phúc Lương Huy 阮福良徽	1841 - ?
14	Tuy Lộc công chúa 綏祿公主	Nguyễn Phúc Đoan Lương 阮福端良	1842 - 1894
15	Lạc Thành công chúa 樂成公主	Nguyễn Phúc Nhân Đức 阮福嫻德	? - ?
16	Thuận Mỹ công chúa 順美公主	Nguyễn Phúc Phước Huy 阮福福徽	1846 - 1870
17	Phục Lễ công chúa 復禮公主	Nguyễn Phúc Gia Phúc 阮福嘉福	1847 - 1888
<b>Triều vua Tự Đức 嗣德 (1847 - 1883)</b>			
<b>Phủ đệ</b>			
1	Thụy Quốc công <sup>65</sup> 瑞國公	Nguyễn Phúc Ứng Chân 阮福膺禛	1852 - 1883
2	Kiên Giang quận công <sup>66</sup> 堅江郡公	Nguyễn Phúc Ứng Đường 阮福膺禳	1864 - 1889

<sup>65</sup> Phủ đệ lúc vua Dục Đức còn hoàng tử.

<sup>66</sup> Phủ đệ lúc vua Đồng Khánh còn hoàng tử.



<b>Triều vua Dục Đức 育德 (6/1883, 3 ngày)</b>			
<b>Phủ đệ</b>			
1	Hoài Trạch công <sup>67</sup> 懷澤公	Nguyễn Phúc Bửu Lân 阮福寶麟	1879 - 1954
2	Tuyên Hóa vương 宣化王	Nguyễn Phúc Bửu Tán 阮福寶贇	1882 - 1941
3	Hoài Ân vương 懷恩王	Nguyễn Phúc Bửu Liêm 阮福寶謙	1884 - 1940
4	Mỹ Hóa công 美化公	Nguyễn Phúc Bửu Lỗi 阮福寶巖	1884 - 1902
<b>Đệ trạch</b>			
1	Mỹ Lương công chúa 美良公主	Nguyễn Phúc Tôn Tuy 阮福巽隨	1872 - 1917
2	Phúc Lâm công chúa 福林公主	Nguyễn Phúc Nhân Gia 阮福閒家	? - 1925
3	Tân Phong công chúa 新豐公主	Nguyễn Phúc Chu Hoàn 阮福珠環	1883 - ?
<b>Triều vua Hiệp Hòa 協和 (7/1883 - 11/1883)</b>			
<b>Triều vua Kiến Phúc 建福 (11/1883-7/1884)</b>			
<b>Triều vua Hàm Nghi 咸儀 (1884 - 1885)</b>			
<b>Triều vua Đồng Khánh 同慶 (1885 - 1889)</b>			
<b>Phủ đệ</b>			
1	Phụng Hóa công <sup>68</sup> 奉化公	Nguyễn Phúc Bửu Đảo 阮福寶嶠	1885 - 1925
2	An Hóa quận vương 安化郡王	Nguyễn Phúc Bửu Tung 阮福寶巒	1886 - 1900
<b>Đệ trạch</b>			
1	Ngọc Sơn công chúa 玉山公主	Nguyễn Phúc Hỷ Hỷ 阮福喜喜	1887 - 1905
2	Ngọc Lâm công chúa 玉林公主	Nguyễn Phúc Dĩ Ngu 阮福以娛	1885 - 1942
<b>Triều vua Thành Thái 成泰 (1889 - 1907)</b>			
<b>Triều vua Duy Tân 維新 (1907 - 1916)</b>			
<b>Triều vua Khải Định 啟定 (1916 - 1925)</b>			
1	An Định cung <sup>69</sup> 安定宮	Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy 阮福永瑞	1913 - 1997
<b>Triều vua Bảo Đại 保大 (1926 - 1945)</b>			

[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

<sup>67</sup> Phủ đệ lúc vua Thành Thái còn hoàng tử.

<sup>68</sup> Lúc vua Khải Định khi còn hoàng tử (tên gọi khác là phủ An Định).

<sup>69</sup> Lúc vua Bảo Đại khi còn hoàng tử.

### 3.2. Danh sách phủ đệ triều Nguyễn ở thành phố Huế hiện nay

STT	Phủ đệ	Địa chỉ
<b>Phường An Cựu</b>		
1	Kiến Hòa quận công	284 Phan Chu Trinh
2	Mỹ Hóa công	298 Phan Chu Trinh
3	Sơn Tịnh quận công	64 Ngự Bình
<b>Phường An Đông</b>		
4	Thái Thạnh quận vương	6/106 Hải Triều
<b>Phường Kim Long</b>		
5	Cầm Xuyên quận vương	73 Vạn Xuân
6	Diên Phúc trưởng công chúa	24 Kim Long
7	Phú Mỹ công chúa	137 Vạn Xuân
<b>Phường Phú Cát</b>		
8	An Phúc quận vương	45 Nguyễn Du
9	An Thành vương	17 Chùa Ông
10	Hoài Đức quận vương	6/15 Nguyễn Du
11	Hoảng Hóa quận vương	16 Tô Hiến Thành
12	Gia Hưng vương	19/92 Bạch Đằng
13	Lạc Biên quận công	93/2 Tô Hiến Thành
14	Mỹ Lương công chúa	3/40 Nguyễn Chí Thanh
15	Phú Bình quận vương	33/2 Tô Hiến Thành
16	Phúc Lộc công chúa	73 Nguyễn Chí Thanh
17	Quảng Trạch quận công	23/209 Chi Lăng
18	Thường Tín quận vương	2/40 Nguyễn Chí Thanh
19	Thọ Xuân vương	Kiệt 209 Chi Lăng
20	Thoại Thái vương	Kiệt 227 Chi Lăng
21	Tuân Quốc công	10/70 Mạc Đĩnh Chi
22	Vĩnh Tường quận vương	1/40 Nguyễn Chí Thanh
<b>Phường Phú Hậu</b>		
23	An Xuyên vương	11/405 Chi Lăng
24	Kiến Phong quận công	12 Cao Bá Quát
25	Vĩnh Lộc quận công	443 Chi Lăng
<b>Phường Phú Hiệp</b>		
26	Cầm Giang quận công	98 Nguyễn Chí Thanh
27	Hòa Thạnh vương	255 Chi Lăng
28	Kỳ Phong quận công	345 Chi Lăng
29	Ngọc Sơn công chúa	31 Nguyễn Chí Thanh
30	Phú Mỹ quận công	41 Nguyễn Chí Thanh
31	Quảng Biên quận công	242 Chi Lăng
32	Tuy An quận công	146 Nguyễn Chí Thanh
<b>Phường Phú Hòa</b>		
33	Tuyên Hóa vương	31 Trần Hưng Đạo

<b>Phường Phú Hội</b>		
34	An Thường công chúa	63 Nguyễn Công Trứ
35	Hàm Thuận quận công	79 Nguyễn Công Trứ
36	Trần Quốc công	68 Nguyễn Công Trứ
<b>Phường Phú Nhuận</b>		
37	An Hóa quận vương	185 Phan Đình Phùng
38	Bái Ân công chúa	189 Phan Đình Phùng
39	Kiên Thái vương	179 Phan Đình Phùng
40	Cung An Định	181 Phan Đình Phùng
41	Nghĩa Quốc công	23/187 Phan Đình Phùng
42	Ngọc Lâm công chúa	167 Phan Đình Phùng
<b>Phường Vĩnh Ninh</b>		
43	Tùng Thiện vương	91 Phan Đình Phùng
<b>Phường Thuận Lộc</b>		
44	Trần Tĩnh quận công	147 Lê Thánh Tôn
<b>Phường Thuận Thành</b>		
45	An Khánh vương	37 đường Xuân 68
<b>Phường Trường An</b>		
46	Nam Sách quận công	109 Điện Biên Phủ
47	Hậu Lộc quận công	164 Điện Biên Phủ
<b>Phường Vĩnh Dạ</b>		
48	Diên Khánh vương	228 Nguyễn Sinh Cung
49	Kiến An vương	10/ 23 Hàn Mặc Tử
50	Kiến Tường công	92 Nguyễn Sinh Cung
51	Phong Quốc công	306 Nguyễn Sinh Cung
52	Tăng Duệ hoàng thái tử	143 Hàn Mặc Tử
53	Thiệu Hóa quận vương	80 Nguyễn Sinh Cung
54	Tuy Lý vương	140 Nguyễn Sinh Cung
<b>Phường Xuân Phú</b>		
55	Lạc Hoá quận công	33 Nguyễn Lộ Trạch
56	Từ Sơn công	9 Nguyễn Tuân
<b>Phường Thủy Biều</b>		
57	Hòa Quốc công	12/391 Bùi Thị Xuân
58	Tương An quận vương	28/10/373 Bùi Thị Xuân
<b>Phường Thủy Xuân</b>		
59	Định Hòa thái trưởng công chúa	2/65 Lê Ngô Cát
60	Quy Đức công chúa	85 Lê Ngô Cát

[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

### 3.3. Danh sách kiểm kê phủ đệ triều Nguyễn ở Huế năm 2019

(Kèm theo Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 26/4/2019  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Stt	Phủ đệ	Địa chỉ	Loại hình
1	Diên Phúc trường công chúa	24 Kim Long	Kiến trúc nghệ thuật
2	Gia Hưng vương	19/92 Bạch Đằng	Kiến trúc nghệ thuật
3	Thoại Thái vương	Kiệt 227 Chi Lăng	Kiến trúc nghệ thuật
4	Ngọc Sơn công chúa	31 Nguyễn Chí Thanh	Kiến trúc nghệ thuật
5	Tuy An quận công	146 Nguyễn Chí Thanh	Kiến trúc nghệ thuật
6	Kiên Thái vương	179 Phan Đình Phùng	Kiến trúc nghệ thuật
7	Hòa Quốc công	12/391 Bùi Thị Xuân	Kiến trúc nghệ thuật
9	Tùng Thiện vương	91 Phan Đình Phùng	Kiến trúc nghệ thuật




[Nguồn: Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế]

### 3.4. Danh sách phủ đệ triều Nguyễn được xếp hạng di tích cấp quốc gia





Stt	Tên di tích	Địa điểm	Quyết định công nhận
1	Lăng mộ và phủ thờ Tuy Lý vương	Phường Đúc, Phường Vĩ Dạ	Số 866 - QĐ/VH ngày 20/5/1991
2	Cung An Định	Phường Phú Nhuận	Số 100/2006/QĐ-BVHTT ngày 13/12/2006
3	Lăng mộ và phủ thờ Diên Khánh vương	Phường Vỹ Dạ, phường An Tây	Số 19/QB-BVHTTDL ngày 3/1/2020





[Nguồn: Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế]

### 3.5. Danh sách phủ đệ triều Nguyễn tiêu biểu ở thành phố Huế và vùng phụ cận



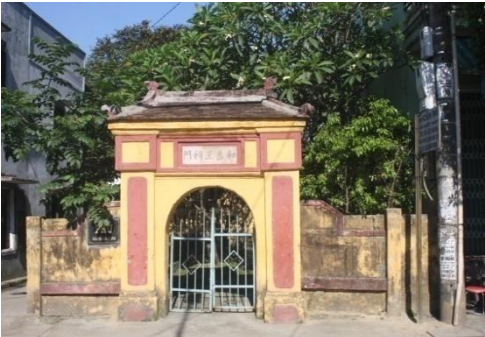

Stt	Thông tin phủ đệ	Hình ảnh minh họa
<b>I. Thành phố Huế</b>		
<b>Phường An Cựu</b>		
1	<p><b>Kiến Hòa quận công</b> 建和郡公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 284 Phan Chu Trinh</li> <li>- Tọa độ: 16.455425, 107.595012</li> <li>- Diện tích: 771,9m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Kiến Hòa quận công Miên Điều (1836 - 1891) là con thứ 71 của vua Minh Mạng, mẹ là Tài nhân Bùi Thị San. Năm 1851, ông được phong tước Kiến Hòa quận công. Phủ xây dựng năm 1852. Hiện nay, phủ được trùng tu theo kiến trúc hiện đại, gồm cổng, bình phong và nhà chính ba gian (nguyên xưa là nhà rường 3 gian 2 chái). Phía trước có bến phủ.</li> </ul>	
2	<p><b>Mỹ Hóa công</b> 美化公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 298 Phan Chu Trinh</li> <li>- Tọa độ: 16.455245, 107.595744</li> <li>- Diện tích: 830,3 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Mỹ Hóa công Bửu Lỗi (1884 - 1902), con thứ 11 của vua Dục Đức. Khi ông qua đời năm 1902 được truy tặng Mỹ Hóa quận công, sau này tiếp tục được truy tặng tước Mỹ Hóa công. Phủ xây dựng năm 1902. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo tồn được nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian, nhà ngang, bình phong có mái, trang trí long mã; cửa chính ở mặt trước và hai cửa phụ ở hai bên. Trước mặt phủ có hai cây vải cổ thụ.</li> </ul>	
<b>Phường Kim Long</b>		
3	<p><b>Cầm Xuyên quận vương</b> 錦川郡王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 73 Vạn Xuân</li> <li>- Tọa độ: 16.467421, 107.563873</li> <li>- Diện tích: 1843 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Cầm Xuyên quận vương Miên Ký (1838 - 1881) là con thứ 75 của vua Minh Mạng, mẹ là Cung nhân Nguyễn Thị Xuân. Ông được phong tước Cầm Xuyên quận công (1859), Cầm Quốc công (1878) và tiếp tục được truy phong tước Cầm Xuyên quận vương (1918). Ngày nay, phủ vẫn còn bảo tồn được nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, mái ngói liệt, bình phong và cổng vòm.</li> </ul>	







4	<p><b>Diên Phúc trưởng công chúa 延福長公主</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 24 Kim Long</li> <li>- Tọa độ: 16.460237, 107.567342</li> <li>- Diện tích: 6487,8 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Diên Phúc trưởng công chúa Tĩnh Hảo (1824 - 1848) là con gái của vua Thiệu Trị, mẹ là Nghi Thiên Chương hoàng hậu. Năm 1846, bà được gả cho Đô úy Nguyễn Văn Ninh. Trong năm này, bà được phong làm Diên Phúc công chúa. Ngày nay, phủ đệ vẫn còn bảo tồn được bình phong, la thành, cổng tam quan và nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái kép, mái lợp ngói liệt.</li> </ul>	
5	<p><b>Phú Mỹ thái trưởng công chúa 富美太長公主</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 137 Vạn Xuân</li> <li>- Tọa độ: 16.472525, 107.559870</li> <li>- Diện tích: 5203 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Phú Mỹ công chúa Đoàn Trinh (1821 - 1889) là con gái thứ 11 của vua Minh Mạng, mẹ là Quý nhân Nguyễn Thị Trường. Năm 1845, bà lấy chồng là Phò mã Đô úy Đoàn Văn Tuyển. Năm 1870, bà được phong là Phú Mỹ công chúa. Phủ đệ vẫn còn bảo tồn kiến trúc nhà rường 5 gian, bình phong, bể cạn.</li> </ul>	
<b>Phường Phú Cát</b>		
6	<p><b>An Thành vương 安城王</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 17 Chùa Ông</li> <li>- Tọa độ: 16.479327, 107.587018</li> <li>- Diện tích: 530m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: An Thành vương Miên Lịch (1841-1919) là con thứ 78 của vua Minh Mạng, mẹ là Lê tần Nguyễn Thị Điện. Ông được nhà vua phong các tước An Thành quận công (1858), An Thành công (1893), An Thành quận vương (1908), An Thành vương (1911). Ngày nay, phủ bảo tồn được kiến trúc nhà rường 3 gian, bình phong và cổng vòm.</li> </ul>	
7	<p><b>Hoàng Hóa quận vương 弘化郡王</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 16 Tô Hiến Thành</li> <li>- Tọa độ: 16.477604, 107.588332</li> <li>- Diện tích: 1937,3 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Hoàng Hóa quận vương Miên Triện (1833 - 1905) là con thứ 66 của vua Minh Mạng, mẹ là Tài nhân Trần Thị Thanh. Ông được ban tước Triệu Phong quận công (1850), Quỳnh Quốc công (1878), Hoàng Hóa công (1883) và sau này được truy phong tước Hoàng Hóa quận vương (1905). Ngày nay, phủ vẫn còn bảo lưu nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt, bình phong và cổng vòm. Phủ xây dựng có ảnh hưởng kiến trúc Pháp trong quá trình trùng tu.</li> </ul>	





<p>8</p>	<p><b>Gia Hưng vương</b> 嘉興王          - Địa chỉ: 19/92 Bạch Đằng          - Tọa độ: 16.476897, 107.587517          - Diện tích: 688,2 m<sup>2</sup>          - Miêu tả: Gia Hưng vương Hồng Hưu (1835 - 1885) là con trai thứ 8 của vua Thiệu Trị, mẹ là Lương phi Vũ Thị Viên. Ông được phong tước Gia Hưng công (1846), Gia Hưng quận vương (1883) và Gia Hưng vương (1884). Tuy nhiên, ông bị xóa tước vương (1884), khôi phục tước quận vương (1889), tước thân vương (1941). Ngày nay, phủ còn bảo tồn được nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, bình phong, 2 cổng (1 cổng vòm và 1 cổng tam quan).</p>	
<p>9</p>	<p><b>Lạc Biên quận công</b> 樂邊郡公          - Địa chỉ: 93/2 Tô Hiến Thành          - Tọa độ: 16.478623, 107.589287          - Diện tích: 2000 m<sup>2</sup>          - Lý lịch: Lạc Biên quận công Miên Khoan (1826 - 1864) là con thứ 33 của vua Minh Mạng, mẹ là Quý nhân Lương Thị Nguyễn. Năm 1840, ông được phong tước Lạc Biên quận công. Phủ còn bảo tồn kiến trúc nhà rường 3 gian, 2 chái, mái ngói liệt, còn bình phong và cổng đã được xây mới.</p>	
<p>10</p>	<p><b>Thọ Xuân vương</b> 壽春王          - Địa chỉ: Kiệt 209 Chi Lăng          - Tọa độ: 16.480862, 107.588907          - Diện tích: 1194 m<sup>2</sup>          - Lý lịch: Thọ Xuân vương Miên Định (1808 - 1885) là con thứ 3 của vua Minh Mạng, mẹ là Gia phi Phạm Thị Tuyết. Ông được phong tước Thọ Xuân công (1830), Thọ Xuân quận vương (1874) và tước Thọ Xuân vương (1878). Hiện nay, phủ đã xây dựng mới theo kiểu nhà 3 gian bê tông cốt thép, chỉ còn bảo tồn được bia đá và cổng tam quan cổ. Sau phủ có hồ nước.</p>	
<p>11</p>	<p><b>Thoại Thái vương</b> 瑞太王          - Địa chỉ: Kiệt 227 Chi Lăng          - Tọa độ: 16.481657, 107.589609          - Diện tích: 3187,2 m<sup>2</sup>          - Miêu tả: Thoại Thái vương Hồng Y (1833 - 1877) là con thứ 4 của vua Thiệu Trị, mẹ là Thục phi Nguyễn Thị Xuyên. Ông được phong tước Kiến Thụy công (1846) và sau này được truy phong tước Kiến Thụy quận vương (1877), Thoại Thái vương (1889). Phủ đệ xây dựng năm 1847. Hiện nay, phủ còn bảo tồn được nhà chính có kiến trúc nhà rường 5 gian, mái lợp ngói liệt, bình phong và cổng tam quan có cổ lầu.</p>	







12	<p><b>Vĩnh Tường quận vương</b> 永祥郡王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 1/40 Nguyễn Chí Thanh</li> <li>- Tọa độ: 16.480835, 107.586258</li> <li>- Diện tích: 3187,2 m<sup>2</sup></li> <li>- Miêu tả: Vĩnh Tường Quận vương Miên Hoàn (1811 - 1835) là con thứ 5 của vua Minh Mạng, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Ông được phong tước Vĩnh Tường công (1830) và sau khi mất được truy phong tước Vĩnh Tường quận vương (1835). Hiện nay, phủ còn bảo tồn được bình phong, cổng vòm cô, trang trí tinh xảo.</li> </ul>	
<b>Phường Phú Hộ</b>		
13	<p><b>Kiến Phong quận công</b> 建豐郡公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 12 Cao Bá Quát</li> <li>- Tọa độ: 16.488834, 107.590606</li> <li>- Diện tích: 500 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Kiến Phong quận công Miên Hoang (1836 - 1888) là con thứ 72 của vua Minh Mạng, mẹ là Quý nhân Đỗ Thị Tâm. Năm 1852, ông được phong tước Kiến Phong quận công. Phủ còn bảo tồn kiến trúc nhà rường 3 gian, ảnh hưởng kiến trúc Pháp. Bình phong và cổng đã được xây dựng mới.</li> </ul>	
<b>Phường Phú Hiệp</b>		
14	<p><b>Hòa Thạnh vương</b> 和盛王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 255 Chi Lăng</li> <li>- Tọa độ: 16.482978, 107.589948</li> <li>- Diện tích: 559,6 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Hòa Thạnh vương Miên Tuấn (1827 - 1907) là con thứ 37 của vua Minh Mạng, mẹ là An tần Hồ Thị Tuý. Ông được phong tước Hoà Thạnh quận công (1843), Thạnh Quốc công (1883), Hoà Thạnh công (1895) và tước Hòa Thạnh quận vương (1899). Sau khi ông mất năm 1907 được nhà vua truy phong tước Hòa Thạnh vương. Phủ đệ xây dựng tại ấp Đông Trì vào năm 1885. Hiện nay, phủ còn bảo tồn được nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, bình phong và cổng vòm.</li> </ul>	
15	<p><b>Ngọc Sơn công chúa</b> 玉山公主</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 31 Nguyễn Chí Thanh</li> <li>- Tọa độ: 16.481636, 107.585950</li> <li>- Diện tích: 2339,6 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Ngọc Sơn công chúa Nguyễn Phúc Hỷ Hỷ (1887 - 1905) là con vua Đồng Khánh, mẹ là Tiệp dư Hồ Thị Quy. Chồng bà là Trung quân Đô thống Nguyễn Hữu Tiễn. Phủ đệ còn bảo lưu một tòa nhà kép: Tiền đường ba gian, chính đường ba gian hai chái, phía trước có bể cạn và hòn non bộ, hai trụ cổng đắp nổi hai con lân.</li> </ul>	







16	<p><b>Tuy An quận công</b> 綏安郡公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 146 Nguyễn Chí Thanh</li> <li>- Tọa độ: 16.487763, 107.587834</li> <li>- Diện tích: 4021,4 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Tuy An quận công Miên Kháp (1828 - 1893) là con thứ 41 của vua Minh Mạng, mẹ là Lê tần Nguyễn Thị Thúy Trúc. Năm 1840, ông được phong tước An Nhân quận công. Đến năm 1842 cải phong Tuy An quận công. Phủ đệ xây dựng năm 1840 ở làng Dương Xuân, huyện Hương Trà, sau dời về vị trí này vào năm 1913. Hiện nay, phủ còn bảo lưu nhà chính có kiến trúc nhà rường 5 gian, mái lợp ngói liệt, hai trụ cổng và viên tẩm.</li> </ul>	
<b>Phường Phú Hòa</b>		
17	<p><b>Tuyên Hóa vương</b> 宣化王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 31 Trần Hưng Đạo</li> <li>- Tọa độ: 16.467488, 107.583823</li> <li>- Diện tích: 1000 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Tuyên Hóa vương Bửu Tán (1882 - 1941) là con thứ 9 của vua Dục Đức và Từ Minh Huệ hoàng hậu. Ông được phong tước Tuyên Hóa quận công (1900), Tuyên Hóa công (1905), Tuyên Hóa quận vương (1941). Sau khi ông mất được truy phong tước Tuyên Hóa vương (1941). Phủ đệ xây dựng năm 1900. Hiện nay, phủ còn bảo tồn được cổng vòm cổ.</li> </ul>	
<b>Phường Phú Hội</b>		
18	<p><b>An Thường công chúa</b> 安常公主</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 63 Nguyễn Công Trứ</li> <li>- Tọa độ: 16.471289, 107.598637</li> <li>- Diện tích: 3705 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: An Thường công chúa Lương Đức (1817 - 1891) là con gái thứ 4 của vua Minh Mạng, mẹ là Mỹ nhân Nguyễn Thị Bân. Năm 1848, bà được phong mỹ danh An Thường công chúa. Phủ đệ xây dựng khoảng năm 1879, trùng tu 1917. Phủ đệ còn bảo lưu kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt và cổng gỗ độc đáo.</li> </ul>	
<b>Phường Phú Nhuận</b>		
19	<p><b>An Hóa quận vương</b> 安化郡王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 185 Phan Đình Phùng</li> <li>- Tọa độ: 16.456847, 107.598779</li> <li>- Diện tích: 672,6 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: An Hóa công Bửu Tung (1886 - 1900) là con của vua Đồng Khánh, mẹ là Quan phi Trần Đăng Thị Đồng. Ông được nhà vua truy phong tước An Hóa công (1918), An Hóa quận vương (1926). Hiện nay, phủ còn bảo lưu nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, bình phong và cổng vòm cổ.</li> </ul>	





<p>20</p>	<p><b>Kiên Thái vương</b> 堅太王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 179 Phan Đình Phùng</li> <li>- Tọa độ: 16.456722, 107.597876</li> <li>- Diện tích: 2880 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Kiên Thái vương Hồng Cai (1845 - 1876) là con trai thứ 26 của vua Thiệu Trị, mẹ là Tài nhân Trương Thị Vĩnh. Năm 1865, ông được phong tước Kiên Quốc công. Năm 1885, ông truy phong là Ôn Nghị Kiên vương, đến năm 1888, gia tặng làm Hoàng thúc phụ Kiên Thái vương. Phủ vẫn giữ gìn được cổng tam quan, bình phong, nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt.</li> </ul>	
<p>21</p>	<p><b>An Định cung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 181 Phan Đình Phùng</li> <li>- Tọa độ: 16.456723, 107.597879</li> <li>- Diện tích: 23.463 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Nơi đây từ năm 1902, Phụng Hóa công Bửu Đảo (tức vua Khải Định) đã lập phủ đệ, đặt tên là phủ An Định. Năm 1917, vua Khải Định mới dùng tiền riêng cải tạo lại thành cung mang đặc trưng lối thiết kế theo kiến trúc Pháp. Năm 1919, công việc xây dựng hoàn thành. Từ 1922, cung An Định trở thành tiếm để của Đông cung thái tử Vĩnh Thụy (vua Bảo Đại về sau). Hiện nay, cung An Định còn lại 3 công trình khá nguyên vẹn là cổng chính, đình Trung Lập và lầu Khải Tường.</li> </ul>	
<p>22</p>	<p><b>Nghĩa Quốc công</b> 義國公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 23/187 Phan Đình Phùng</li> <li>- Tọa độ: 16.457545, 107.598671</li> <li>- Diện tích: 275,5 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Nghĩa Quốc công Miên Tê (1822 - 1844) là con trai thứ 18 của vua Minh Mạng, mẹ là An tần Hồ Thị Tuy. Năm 1840, ông được phong làm Tư Nghĩa quận công. Ông mất năm 1844 được truy phong tước Nghĩa Quốc công. Phủ còn giữ gìn được nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, bình phong theo kiểu chè tàu.</li> </ul>	
<p>23</p>	<p><b>Ngọc Lâm công chúa</b> 玉林公主</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 167 Phan Đình Phùng</li> <li>- Tọa độ: 16.456154, 107.596994</li> <li>- Diện tích: 220 m<sup>2</sup></li> <li>- Miêu tả: Ngọc Lâm công chúa Dĩ Ngu (1885 - 1942), mẹ là thứ phi Bá Hiệp. Năm 1908, bà được vua Duy Tân sách phong làm Ngọc Lâm thái trưởng công chúa. Bà kết hôn với phò mã Nguyễn Hữu Tý. Các thành phần kiến trúc phủ đệ gồm: Cổng vòm, bình phong và nhà chính. Nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái.</li> </ul>	







<b>Phường Vĩnh Ninh</b>		
24	<p><b>Phủ đệ Tùng Thiện vương 從善王</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 91 Phan Đình Phùng</li> <li>- Tọa độ: 16.456878, 107.590356</li> <li>- Diện tích: 1416,1 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Tùng Thiện vương (1819 - 1870) là con trai thứ 10 của vua Minh Mạng, mẹ là Thục tần Nguyễn Thị Bảo. Ông được phong tước Tùng Quốc công (1839), Tùng Thiện công (1854). Sau này, ông được truy phong tước Tùng Thiện quận vương (1878), Tùng Thiện vương (1936). Phủ đệ còn giữ gìn được hai tòa nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, bình phong, cổng vòm và bến nước.</li> </ul>	
<b>Phường Thuận Lộc</b>		
25	<p><b>Trần Tĩnh quận công 鎮靖郡公</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 147 Lê Thánh Tôn</li> <li>- Tọa độ: 16.479900, 107.578331</li> <li>- Diện tích: 800 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Trần Tĩnh quận công Miên Dân (1829 - 1885) là con thứ 45 của vua Minh Mạng, mẹ là Quý nhân Đỗ Thị Tâm. Năm 1840, ông được phong tước Trần Tĩnh quận công. Phủ đệ ban đầu ở làng Dương Xuân Thượng, sau dời về Phú Nhon trong Kinh thành Huế. Phủ còn giữ được cổng vòm xưa và nhiều nhiều hiện vật quý.</li> </ul>	
<b>Phường Vĩ Dạ</b>		
26	<p><b>Diên Khánh vương 延慶王</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 228 Nguyễn Sinh Cung</li> <li>- Tọa độ: 16.483487, 107.596397</li> <li>- Diện tích: 1710,7 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Diên Khánh vương Nguyễn Phúc Tân (1799 - 1854) là con thứ 7 của vua Gia Long, mẹ là Chiêu nghi Nguyễn Hữu Thị Điền. Năm 1817, ông được phong tước Diên Khánh công. Sau khi ông mất năm 1854 được truy phong tước Diên Khánh vương. Phủ còn giữ được các thành phần kiến trúc gồm: Cổng, bình phong và nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái.</li> </ul>	
27	<p><b>Kiến An vương 建安王</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 10/23 Hàn Mặc Tử</li> <li>- Tọa độ: 16.474064, 107.597450</li> <li>- Diện tích: 2676,3 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Kiến An vương Nguyễn Phúc Đài (1795 - 1849) là hoàng tử thứ 5 của vua Gia Long, mẹ là Thuận Thiên Cao Hoàng hậu Trần Thị Đàng. Năm 1817, ông được phong tước Kiến An công. Sau khi ông mất năm 1849 được truy phong tước Kiến An vương. Phủ còn giữ được cổng, bình phong và nhà chính có kiến trúc 3 gian.</li> </ul>	



28	<p><b>Kiến Tường công 建祥公</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 92 Nguyễn Sinh Cung</li> <li>- Tọa độ: 16.478393, 107.596061</li> <li>- Diện tích: 500,6 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Kiến Tường công Miên Quan (1827 - 1847) là con thứ 36 của vua Minh Mạng, mẹ là Tiệp dư Lê Thị Ái. Năm 1840, ông được phong làm Kiến Tường quận công. Năm 1939, ông được truy phong tước Kiến Tường công. Kiến trúc phủ gồm cổng vòm, bình phong và nhà chính 3 gian.</li> </ul>	
29	<p><b>Phong Quốc công 豐國公</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 306 Nguyễn Sinh Cung</li> <li>- Tọa độ: 16.487857, 107.595271</li> <li>- Diện tích: 10155,6 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Phong quốc công Miên Kiên (1831-1855) là con thứ 55 của vua Minh Mạng, mẹ là Quý nhân Lê Thị Lộc. Năm 1846, ông được phong làm Phong Quốc công. Phủ gồm các thành phần kiến trúc: Cổng vòm, bình phong và nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt.</li> </ul>	
30	<p><b>Tăng Duệ hoàng thái tử 增睿皇太子</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 143 Hàn Mặc Tử</li> <li>- Tọa độ: 16.472150, 107.604110</li> <li>- Diện tích: 700 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Tăng Duệ hoàng thái tử Nguyễn Phúc Cảnh (1780 - 1801) là con thứ 2 của vua Gia Long, mẹ là Thừa Thiên Cao Hoàng hậu Tổng Thị Lan. Năm 1793, ông được phong Nguyên Sứ Quận công. Năm 1805, ông được truy phong là Anh Duệ hoàng thái tử. Về sau kiêng chữ Anh nên đổi thành Tăng Duệ hoàng thái tử. Các thành phần kiến trúc: Cổng vòm, bình phong và nhà chính 3 gian.</li> </ul>	
31	<p><b>Tuy Lý vương 绥理王</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 140 Nguyễn Sinh Cung</li> <li>- Tọa độ: 16.480324, 107.596343</li> <li>- Diện tích: 1512,3 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Tuy Lý vương Miên Trinh (1820 - 1897) là con trai thứ 11 của vua Minh Mạng, mẹ là Tiệp dư Lê Thị Ái. Ông được phong tước Tuy Quốc công (1839), Tuy Lý công (1854), Tuy Lý quận vương (1878), Tuy Lý vương (1883). Tuy nhiên ông bị giáng tước Tuy Lý huyện công (1883), sau phong lại tước Tuy Lý công (1886), Tuy Lý quận vương (1889), Tuy Lý vương (1894). Phủ hiện còn bảo tồn được hai tòa nhà chính theo kiểu kiến trúc nhà rường, bình phong và cổng tam quan.</li> </ul>	



<b>Phường Xuân Phú</b>		
32	<p><b>Lạc Hoá quận công</b> 樂化郡公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 33 Nguyễn Lộ Trạch</li> <li>- Tọa độ: 16.469962, 107.600680</li> <li>- Diện tích: 850 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Lạc Hóa quận công Miên Vũ (1822-1849) là con thứ 15 của vua Minh Mạng, mẹ là Cung nhân Nguyễn Thị Vĩnh. Năm 1840, ông được phong tước Lạc Hóa quận công. Phủ hiện còn bảo tồn được bình phong, cổng vòm và nhiều hiện vật quý như sách đồng, hoành phi, đối liễn.</li> </ul>	
33	<p><b>Từ Sơn công</b> 慈山公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 9 Nguyễn Tuân</li> <li>- Tọa độ: 16.468655, 107.603336</li> <li>- Diện tích: 800 m<sup>2</sup></li> <li>- Miêu tả: Từ Sơn công Nguyễn Phúc Mão (1813 - 1869) là con thứ 13 của vua Gia Long, mẹ là Chiêu dung Nguyễn Thị Tần. Năm 1825, ông được phong tước Từ Sơn công. Phủ gồm các thành phần kiến trúc: Cổng, bình phong và nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt.</li> </ul>	
<b>Phường Thủy Biều</b>		
34	<p><b>Hòa Quốc công</b> 和國公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 12/391 Bùi Thị Xuân</li> <li>- Tọa độ: 16.449142, 107.552622</li> <li>- Diện tích: 3278 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Hòa Quốc công Miên Quân (1828 - 1863) là con thứ 40 của vua Minh Mạng, mẹ là Hiền phi Ngô Thị Chính. Năm 1840, ông được phong tước Hòa Quốc công. Nhà chính xây dựng ảnh hưởng kiến trúc kiểu Pháp.</li> </ul>	
35	<p><b>Tương An quận vương</b> 襄安郡王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 28/10/373 Bùi Thị Xuân</li> <li>- Tọa độ: 16.448046, 107.555006</li> <li>- Diện tích: 3278 m<sup>2</sup></li> <li>- Miêu tả: Tương An quận vương Miên Bửu (1820 - 1854) là con thứ 12 của vua Minh Mạng và bà An Tần Hồ Thị Tuyền. Ông được phong tước Tương An Quốc công (1839), Tương An công (1842) và sau khi mất được truy phong tước Tương An quận vương (1878). Ông là một nhà thơ hoàng tộc nổi tiếng đất Kinh kỳ. Phủ còn bảo tồn được nhà chính xây dựng ảnh hưởng kiến trúc Pháp và nhiều hiện vật quý như hoành phi, khám thờ.</li> </ul>	


<b>Phường Thủy Xuân</b>		
36	<p><b>Định Hòa thái trưởng công chúa</b> 定和太長公主</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 2/65 Lê Ngô Cát</li> <li>- Tọa độ: 16.435118, 107.576727</li> <li>- Diện tích: 12.861,7 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Định Hòa công chúa Nguyễn Phúc Ngọc Cơ (1806 - 1856) là con gái thứ 13 của vua Gia Long, mẹ là Mỹ nhân Nguyễn Thị Vĩnh, hạ giá với Vệ úy Nguyễn Huỳnh Thành. Sau khi bà mất năm 1856 được truy tặng là Định Hòa Thái trưởng công chúa. Phủ có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt.</li> </ul>	
37	<p><b>Quy Đức công chúa</b> 歸德公主</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 85 Lê Ngô Cát</li> <li>- Tọa độ: 16.435992, 107.572657</li> <li>- Diện tích: 1200 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Quy Đức công chúa Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh (1824 - 1892) là con gái thứ 18 của vua Minh Mạng, mẹ là Thục tần Nguyễn Thị Bửu. Năm 1850, bà kết hôn với Phạm Đăng Thuật. Năm 1876, bà được phong Quy Đức công chúa. Nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái. Bình phong đã bị xuống cấp nghiêm trọng.</li> </ul>	
<b>II. Vùng phụ cận</b>		
38	<p><b>Tuy Biên quận công</b> 綏邊郡公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 306 Nguyễn Sinh Cung, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang</li> <li>- Tọa độ: 16.494614, 107.595979</li> <li>- Diện tích: 2.000 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Tuy Biên quận công Miên Sùng (1831 - 1865) là con thứ 53 của vua Minh Mạng, mẹ là Tiệp dư Nguyễn Thị Viên. Năm 1840, ông được phong tước Tuy Nhân quận công nhưng đến năm 1842 cải phong là Tuy Biên quận công.</li> </ul>	
39	<p><b>Định Viễn quận vương</b> 定遠郡王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Thôn Tây Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang</li> <li>- Tọa độ: 16.494475, 107.594174</li> <li>- Diện tích: 1.200 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Định Viễn quận vương Nguyễn Phúc Bính (1797 - 1863) là con thứ 6 của vua Gia Long, mẹ là Tiệp dư Dương Thị Sự. Ông được phong tước Định Viễn công (1817) và sau khi mất ông được truy phong tước Định Viễn quận vương (1863). Nhờ có biệt tài về kinh doanh nên ông nổi tiếng giàu có một thời.</li> </ul>	







<p>40</p>	<p><b>Ninh Thuận quận vương</b> 寧順郡王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Thôn Tiên Nộn, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang</li> <li>- Tọa độ: 16.496819, 107.578685</li> <li>- Diện tích: 1.300 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Ninh Thuận quận vương Miên Nghi (1810 -1874) là con trai thứ 4 của vua Minh Mạng, mẹ là Trang tần Trần Thị Tuyên. Ông được phong tước Đức Thọ công (1830), sang năm 1833 thì cải phong thành Ninh Thuận công. Sau khi ông mất năm 1874 được truy phong tước Ninh Thuận quận vương. Hiện nay, phủ vẫn còn giữ được cổng, bình phong và nhà chính 3 gian.</li> </ul>	
<p>41</p>	<p><b>Hà Thanh quận công</b> 河清郡公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Thôn Phú Lễ, xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền</li> <li>- Tọa độ: 16.544774, 107.467599</li> <li>- Diện tích: 1.000 m<sup>2</sup></li> <li>- Lý lịch: Hà Thanh quận công Miên Tổng (1822-1858) là con trai thứ 16 của vua Minh Mạng, mẹ là Cung nhân Trần Thị Nghiêm. Năm 1843, ông được nhà vua phong tước Hà Thanh quận công. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo lưu nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, khám thờ và câu đối cổ.</li> </ul>	





[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

### 3.6. Danh sách phủ đệ thời chúa Nguyễn tiêu biểu ở Thừa Thiên Huế

Stt	Thông tin phủ đệ	Hình ảnh minh họa
<p>1</p>	<p><b>Cai cơ Nguyễn Phúc An</b> 阮福安</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 139 Phan Đình Phùng, phường Phú Nhuận, thành phố Huế</li> <li>- Tọa độ: 16.456144, 107.594794</li> <li>- Lý lịch: Cai cơ Nguyễn Phúc An (1740 - 1772) là con thứ 10 của chúa Nguyễn Phúc Khoát, mẹ là Đặng Thị Trúc. Lúc trưởng thành ông được phong chức Thủy cơ Cai đội. Sau khi ông qua đời được truy tặng chức Cai cơ. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo lưu nhiều hiện vật quý như hương án, hoành phi và đôi liễn.</li> </ul>	

2	<p><b>Cương Quận công</b> 綱郡公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Thôn Lại Thế, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang.</li> <li>- Tọa độ: 16.484850, 107.600389</li> <li>- Lý lịch: Cương Quận công Nguyễn Phúc Trân (1652 - 1685), còn tên khác là Huyền là con thứ 3 của chúa Nguyễn Phúc Tần, mẹ là Từ Tiên Tổng hoàng hậu. Lúc đầu làm Chương cơ, sau khi mất được truy tặng tước Thiếu bảo Cương quận công. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo tồn được công vòm có cổ lâu, bình phong và nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt.</li> </ul>	
3	<p><b>Huân Vũ hầu</b> 訓武侯</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 27 Lương Quán, phường Thủy Biều, thành phố Huế.</li> <li>- Tọa độ: 16.440259, 107.534357</li> <li>- Lý lịch: Huân Vũ hầu Nguyễn Phúc Thế (1699 - 1763) là con thứ 9 của chúa Nguyễn Phúc Chu, mẹ là Hoàng Thị Duyên. Ông được phong chức Chương cơ Tả thủy, sau khi mất được truy tặng chức Tả quân Đô đốc Chương phủ sự, Chương dinh Huân Vũ hầu. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo tồn được công, bình phong và nhà chính xây dựng ảnh hưởng kiến trúc Pháp.</li> </ul>	
4	<p><b>Khánh quận công</b> 慶郡公</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: Thôn Nam Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang.</li> <li>- Tọa độ: 16.494006, 107.596156</li> <li>- Lý lịch: Khánh Quận công Nguyễn Phúc Kỳ (? - 1631). Ban đầu làm Chương cơ, sau giữ chức Hữu phủ Chương phủ sự, trấn thủ Quảng Nam. Sau khi ông mất 1631, được truy tặng là Thiếu Bảo Khánh quận công. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo tồn được công, bình phong và nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt.</li> </ul>	
5	<p><b>Lãng Xuyên quận vương</b> 浪川郡王</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 372 Bùi Thị Xuân, phường Phường Đúc, thành phố Huế</li> <li>- Tọa độ: 16.450833, 107.554944</li> <li>- Lý lịch: Lãng Xuyên quận vương Nguyễn Ưông (?-?) là hoàng trưởng tử của Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế [Nguyễn Kim] nhà Nguyễn, anh trai của Thái Tổ Gia Dũ hoàng đế [Nguyễn Hoàng]. Ông được phong tước Lãng Xuyên quận công. Đến năm 1943, ông được vua Bảo Đại truy phong tước Lãng Xuyên quận vương. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo lưu nhiều hiện vật quý như thế sách, hương án và đôi liễn.</li> </ul>	



6	<p><b>Nghĩa Hưng quận vương</b> 義興郡王</p> <p>- Địa chỉ: Thôn Tây Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang.</p> <p>- Tọa độ: 16.494018, 107.596465</p> <p>- Lý lịch: Nghĩa Hưng quận vương Nguyễn Phúc Khê (1539 - 1616) là con thứ 10 của chúa Nguyễn Hoàng. Ban đầu làm Chưởng cơ Tường Quan hầu rồi Tổng trấn Tường quận công. Sau khi mất ông được truy phong Trấn quận công. Đến năm 1805, ông được vua Gia Long truy phong là Nghĩa Hưng quận vương.</p>	
7	<p><b>Phúc Long công</b> 福龍公</p> <p>- Địa chỉ: Thôn Công Lương, xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy.</p> <p>- Tọa độ: 16.482365, 107.620439</p> <p>- Lý lịch: Phúc Long công Nguyễn Phúc Thăng (1761 - 1819) là con thứ 18 của chúa Nguyễn Phúc Khoát, mẹ là Hữu Cung tần Tổng Thị Quyên. Năm 1793, ông được phong là Quốc thúc Chưởng cơ quận công. Năm 1817, ông được vua Gia Long tấn phong tước Phúc Long công. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo tồn được cổng, bình phong và nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt.</p>	
8	<p><b>Phúc quận công</b> 福郡公</p> <p>- Địa chỉ: Thôn La Ý, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang.</p> <p>- Tọa độ: 16.485256, 107.608080</p> <p>- Lý lịch: Phúc Quận công Nguyễn Phúc Diễn (1639 - 1685) là con trưởng của chúa Nguyễn Phúc Tần, mẹ là Từ Mẫn Chu hoàng hậu. Lúc đầu được lập làm Thế tử, mất khi chưa kịp nối ngôi. Sau khi mất, ông được truy phong tước Phúc Quốc công. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo tồn được cổng, bình phong và nhà chính có kiến trúc nhà rường 1 gian 2 chái, mái lợp ngói liệt.</p>	
9	<p><b>Quốc Uy công</b> 國威公</p> <p>- Địa chỉ: Thôn Vân Thê, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy.</p> <p>- Tọa độ: 16.485793, 107.636888</p> <p>- Lý lịch: Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuận (1653 - 1675) là con thứ 4 của chúa Nguyễn Phúc Tần, mẹ là Từ Mẫn Chu hoàng hậu. Đến thời vua Minh Mạng, ông được truy tặng tước Quốc Uy công. Hiện nay, phủ vẫn còn bảo lưu cổng vòm và nhà chính có kiến trúc nhà rường 3 gian 2 chái. Nội thất phủ lưu giữ nhiều hoành phi, đối liên và chuông đồng cổ.</p>	

[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

**3.7. Danh sách tước phong và vị hàm của hoàng tộc được vua Minh Mạng quy định vào năm 1840**

Stt	Tên tước	Tên theo chữ Hán	Địa vị trật phẩm
1	Thân vương	親王	Trên hàng nhất phẩm
2	Quận vương	郡王	Trên hàng nhất phẩm
3	Thân công	親公	Chánh nhất phẩm
4	Quốc công	國公	Tòng nhất phẩm
5	Quận công	郡公	Chánh nhị phẩm
6	Huyện công	縣公	Tòng nhị phẩm
7	Hương công	鄉公	Chánh tam phẩm
8	Huyện hầu	縣侯	Tòng tam phẩm
9	Hương hầu	鄉侯	
10	Kỳ nội hầu	畿內侯	Chánh tứ phẩm
11	Kỳ ngoại hầu	畿外侯	
12	Đình hầu	亭侯	Tòng tứ phẩm
13	Trợ quốc khanh	助國卿	
14	Tá quốc khanh	佐國卿	Chánh ngũ phẩm
15	Phụng quốc khanh	奉國卿	
16	Trợ quốc úy	助國尉	Tòng ngũ phẩm
17	Tá quốc úy	佐國尉	
18	Phụng quốc úy	奉國尉	Chánh lục phẩm
19	Trợ quốc lang	助國郎	
20	Tá quốc lang	佐國郎	Tòng lục phẩm
21	Phụng quốc lang	奉國郎	

[Nguồn: 86; V, tr. 646]

**3.8. Danh sách cấp bổng lộc hàng năm cho các hoàng thân có tước vị được vua Minh Mạng quy định vào năm 1840**

Stt	Tước xưng	Thân phận		
		Hoàng tử	Tôn thất hoặc Hoàng tôn	
			Được lệ tập phong	Được ân phong
1	Thân vương	1500 quan tiền, 1200 phương gạo	900 quan tiền, 700 phương gạo	700 quan tiền, 500 phương gạo
2	Quận vương	1200 quan tiền, 1000 phương gạo	700 quan tiền, 500 phương gạo	600 quan tiền, 400 phương gạo
3	Thân công	1000 quan tiền, 1000 phương gạo	600 quan tiền, 400 phương gạo	500 quan tiền, 300 phương gạo
4	Quốc công	700 quan tiền, 500 phương gạo	450 quan tiền, 300 phương gạo	400 quan tiền, 260 phương gạo

5	Quận công	600 quan tiền, 400 phương gạo	400 quan tiền, 280 phương gạo	350 quan tiền, 240 phương gạo
6	Huyện công	500 quan tiền, 350 phương gạo	350 quan tiền, 260 phương gạo	300 quan tiền, 220 phương gạo
7	Hương công	450 quan tiền, 300 phương gạo	300 quan tiền, 240 phương gạo	250 quan tiền, 200 phương gạo
8	Huyện hầu		250 quan tiền, 200 phương gạo	200 quan tiền, 150 phương gạo
9	Hương hầu		200 quan tiền, 150 phương gạo	180 quan tiền, 120 phương gạo
10	Kỳ nội hầu		180 quan tiền, 100 phương gạo	160 quan tiền, 90 phương gạo
11	Kỳ ngoại hầu		170 quan tiền, 90 phương gạo	150 quan tiền, 80 phương gạo
12	Đình hầu		160 quan tiền, 80 phương gạo	140 quan tiền, 70 phương gạo
13	Trợ quốc khanh		150 quan tiền, 70 phương gạo	135 quan tiền, 65 phương gạo
14	Tá quốc khanh		140 quan tiền, 65 phương gạo	130 quan tiền, 60 phương gạo
15	Phụng quốc khanh		130 quan tiền, 60 phương gạo	125 quan tiền, 55 phương gạo
16	Trợ quốc úy		45 quan tiền, 35 phương gạo	40 quan tiền, 30 phương gạo
17	Tá quốc úy		42 quan tiền, 32 phương gạo	38 quan tiền, 28 phương gạo
18	Phụng quốc úy		40 quan tiền, 30 phương gạo	36 quan tiền, 26 phương gạo
19	Trợ quốc lang		38 quan tiền, 28 phương gạo	34 quan tiền, 24 phương gạo
20	Tá quốc lang		36 quan tiền, 26 phương gạo	32 quan tiền, 22 phương gạo
21	Phụng quốc lang		34 quan tiền, 24 phương gạo	30 quan tiền, 20 phương gạo

[Nguồn: 86; V, tr. 666 - 667]

### 3.9. Danh sách các vị kiêm nhiệm từ khi Phủ Tôn Nhân thành lập đến năm 1945

Stt	Vị hoàng thân	Thời gian giữ chức vụ	Ghi chú
<b>Tả Tôn chánh</b>			
1	Trường Khánh công (1807 - 1847)	9/1836 - 1/1840	Vua Thiệu Trị khi còn là hoàng tử
2	Thọ Xuân vương (1810 - 1886)	1/1840 - 10/1885	
<b>Hữu Tôn khanh</b>			
3	Hoài Đức quận vương (1832 - 1897)	10/1885 - 2/1889	
<b>Tả Tôn chánh</b>			
4	Tuy Lý vương (1820 - 1897)	2/1889 - 11/1897	
<b>Tả Tôn Nhân</b>			
5	An Xuyên vương (1838 - 1902)	11/1897 - 8/1889	
<b>Hữu Tôn Nhân</b>			
6	Hoảng Trị vương (1834 - 1922)	8/1889 - 8/1902	
<b>Tả Tôn chánh</b>			
7	An Thành vương (1841 - 1919)	9/1902 - 2/1920	
<b>Kiểm nhiệm Tôn Nhân Phủ đại thần</b>			
8	Ứng Huy (1865 - 1927)	2/1920 - 2/1922	
9	Tôn Thất Trạm (? - ?)	2/1922 - 2/1928	
10	Tôn Thất Đản (1871 - 1936)	2/1928 - 1/1929	
11	Bửu Thạch (1875 - 1952)	1/1929 - 2/1922	
12	Ứng Bàng (1881 - 1951)	2/1922 - 1/1935	
13	Ứng Trình (1882 - 1974)	1/1935 - 2/1940	
<b>Quyền nhiếp Tôn Nhân Phủ vụ</b>			
14	Bửu Thảo (1886 - ?)	2/1940 - 5/1942	
<b>Kiểm nhiệm Tôn Nhân Phủ đại thần</b>			
15	Tôn Thất Cẩn (1888 - 1946)	5/1942 - 2/1945	
16	Bửu Trung (1893 - 1947)	2/1945 - 8/1945	

[Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra khảo sát năm 2018]

### 3.10. Thế thứ tập ấm trong hoàng tộc triều Nguyễn

Con cháu các ngài Hoàng-lũ, mỗi đời có một người được ấm-tập theo các tước dưới này :

Các ngài Thân-Vương và Quận-Vương :

Con tập tước Quận-Công 2-1M  
Cháu tập tước Hương-Công 3-1M  
Thế thứ ba tập tước Kỳ-ngoại-hầu 4-1M  
Thế thứ tư tập tước Tá-quốc-Khanh 5-1M  
Thế thứ năm tập tước Phụng-quốc-úy 6-1M

Các ngài Thân-Công :

Con tập tước Huyện-công 2-2M  
Cháu tập tước Huyện-hầu 3-2M  
Thế thứ ba tập tước Trợ-quốc-khanh 4-2M  
Thế thứ tư tập tước Trợ-quốc-úy 5-2M  
Thế thứ năm tập tước Phụng-quốc-lang 6-2M

Các ngài Quốc-công :

Con tập tước Hương-hầu 3-2M  
Cháu tập tước Trợ-quốc-khanh 4-2M  
Thế thứ ba tập tước Tá-quốc-úy 5-2M  
Thế thứ tư tập tước Tá-quốc-lang 6-2M

Các ngài Quận-Công :

Con tập tước Kỳ-ngoại-hầu 4-1M  
Cháu tập tước Tá-quốc-khanh 5-1M  
Thế thứ ba tập tước Trợ-quốc-lang 6-1M

Thế là con cháu các ngài Thân-vương, Quận-vương và Thân-công được năm đời ấm tập, con cháu các ngài Quốc-công được bốn đời, còn con cháu các ngài Quận-công chỉ có ba đời ấm tập.

[Nguồn: 22, tr. 32]

### 3.11. Danh sách Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc, nhiệm kỳ 2016 - 2020

1. Ông <b>TÔN THẮT VIỆN BÀO</b> Chủ tịch ĐT: 0903. 577 119 - 054. 3824 517 NR: 162/5 Nguyễn Sinh Cung, Huế
2. Ông <b>BỬU HỒNG</b> Phó chủ tịch ĐT: 0914.057 428 - 054. 3514 371 NR: 4 Kiệt 26 Nguyễn Thiện Thuật, Huế
3. Ông <b>TÔN THẮT GIÁP</b> Ban Tài Chính ĐT: 0903. 596 297 NR: 12/49 Hàn Mạc Tử, Huế
4. Ông <b>TÔN THẮT QUY</b> Ban nghi lễ ĐT: 0125.906.9539 NR: 41 Trần Nguyễn Đán, Huế
5. Ông <b>VĨNH DÔNG</b> Thư ký ĐT: 054. 3511 987 - 0166.855.0067 NR: 114 Triệu Quang Phúc, Huế
6. Ông <b>TÔN THẮT TAM KỲ</b> Thủ quỹ ĐT: 0914. 173 565 NR: 33 kiệt 423 Chi Lăng, Huế
7. Ông <b>VĨNH DŨNG</b> Ban nghiên cứu ĐT: 0917. 690 736 NR: 4/407 Chi Lăng, Huế
8. Ông <b>LIÊN SƠN</b> Ban lăng mộ ĐT: 0164. 50 69 747 NR: 143 Hàn Mạc Tử, Huế
9. Ông <b>TÔN THẮT KHIÊM</b> Ban TT. Liên Lạc ĐT: 0903. 329 367 NR: 4 Hà Huy Giáp, Huế
* Ông <b>TÔN THẮT HANH THÔNG</b> Ban Giám sát ĐT: 01669.346.945 NR: 44/6 kiệt 271 Chi Lăng, Huế

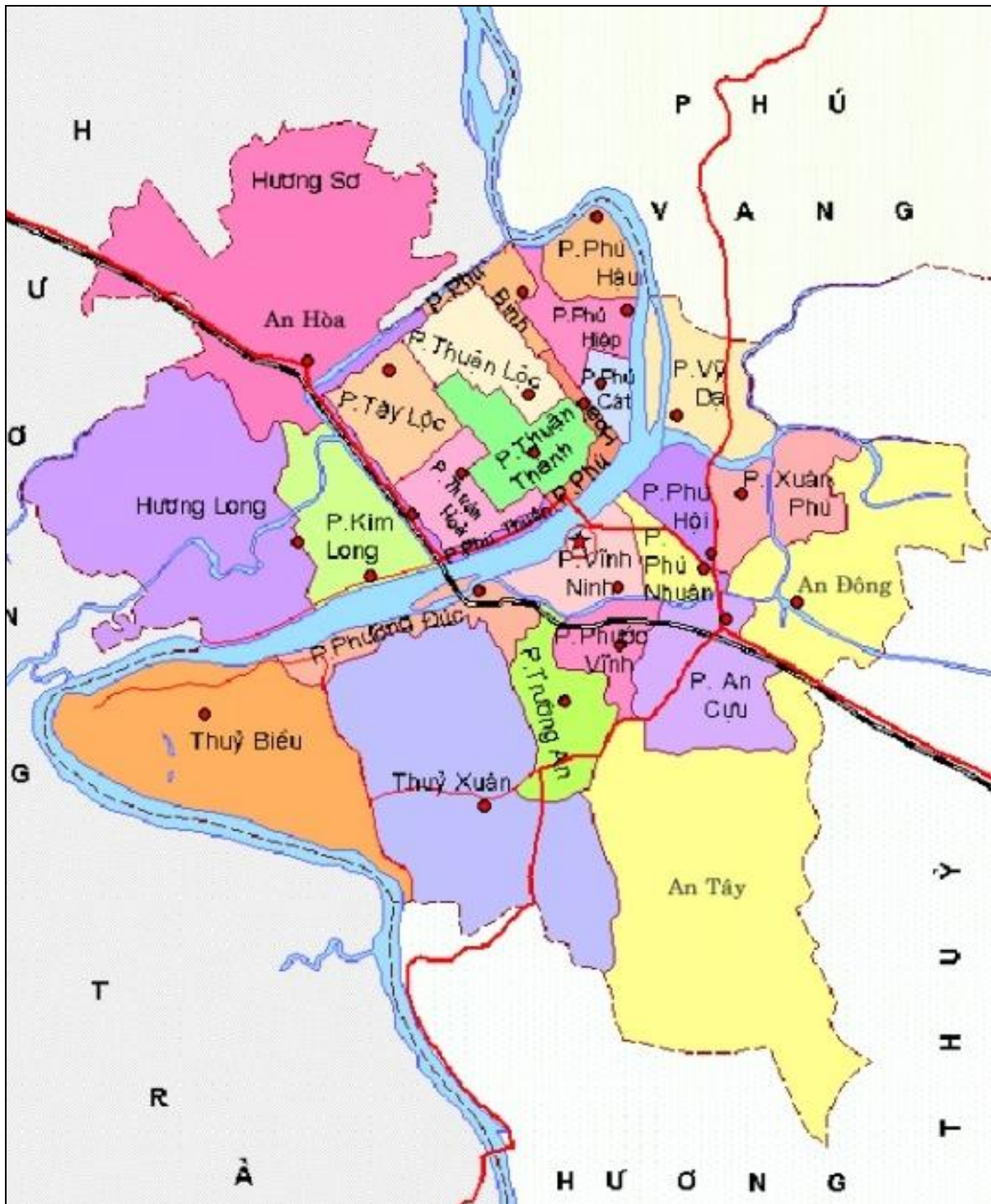
[Nguồn: Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc]



## PHỤ LỤC 4

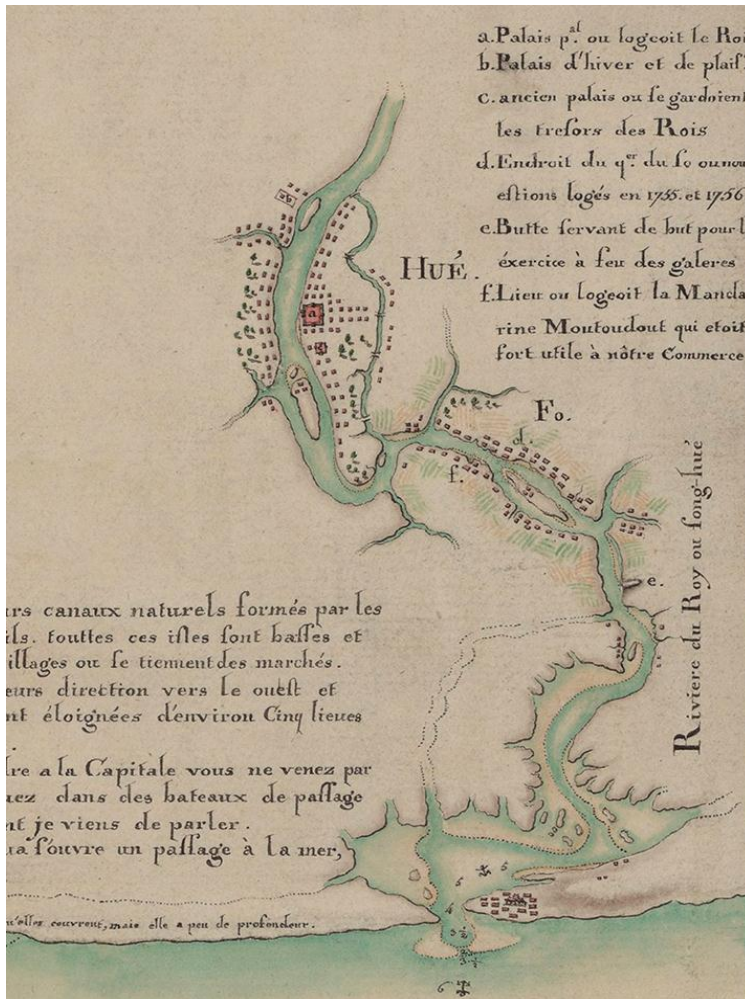
### BẢN ĐỒ

Bản đồ 4.1. Địa giới hành chính các phường thuộc thành phố Huế

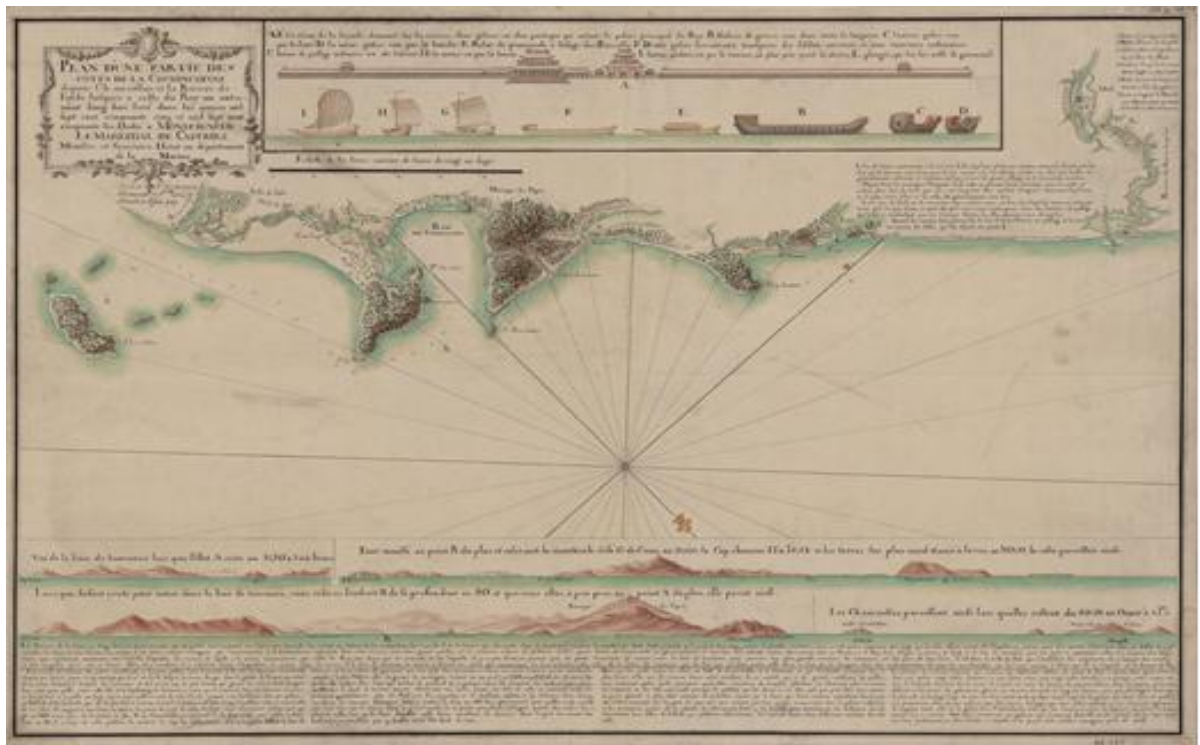


[Nguồn: UBND thành phố Huế]

## Bản đồ 4.2. Đô thành Phú Xuân dưới thời chúa Nguyễn



- a. Phủ chính nơi vua ở.
- b. Phủ dành cho mùa đông hay để vui chơi.
- c. Phủ cũ nơi cất giữ kho tàng của vua.
- d. Chỗ của khu phố nơi chúng tôi đã ở vào năm 1755 - 1756.
- e. Mỏ dùng dùng làm đích để tập bắn cho các thuyền chiến.

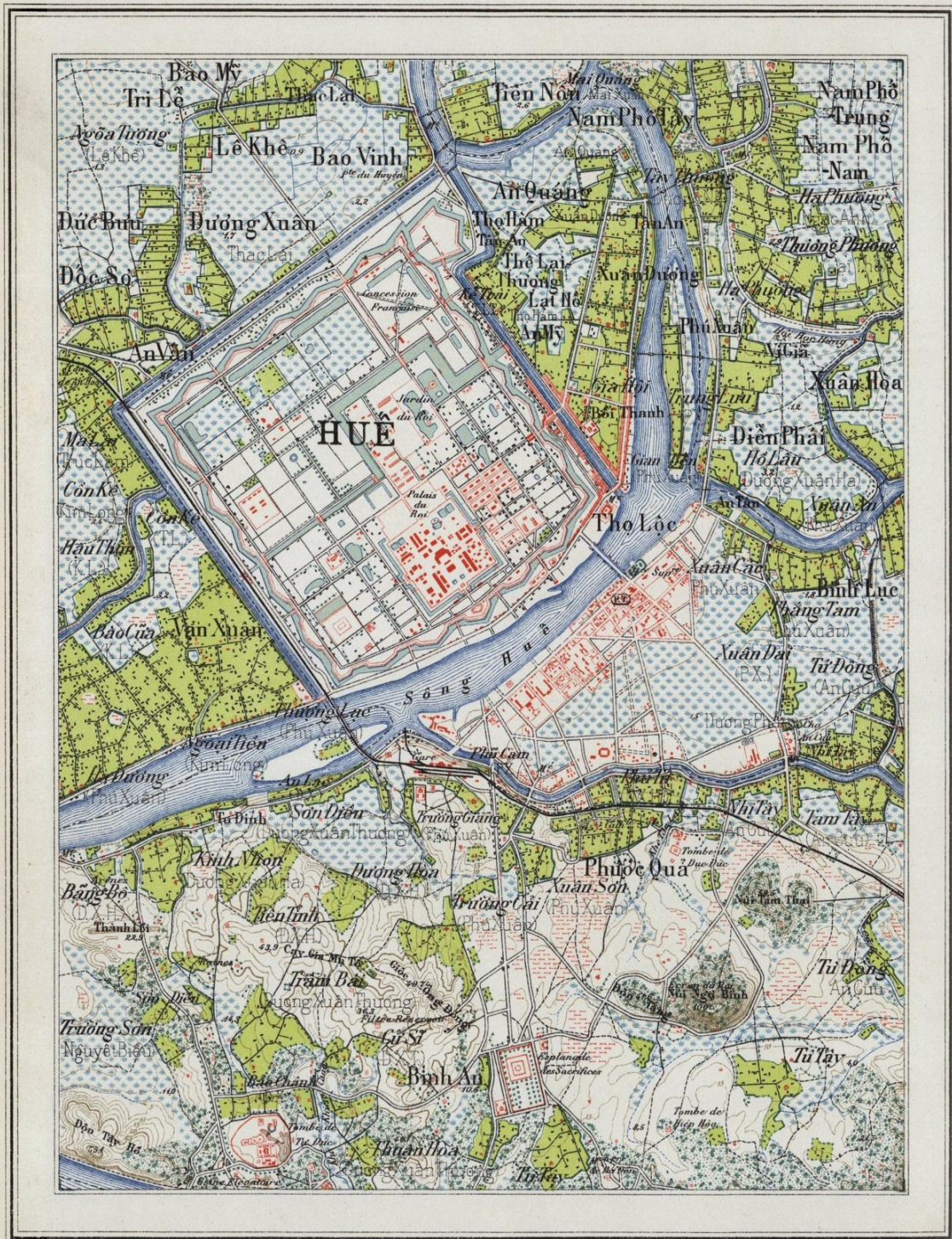


[Nguồn: Le Floch de la Carrière, 1755-1756]



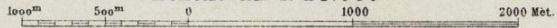
Bản đồ 4.3. Kinh thành Huế và vùng phụ cận vào năm 1910

# HUẾ



Dressé, héliogravé et publié par le Service Géographique de l'Indochine

Echelle au 1:25.000<sup>e</sup>



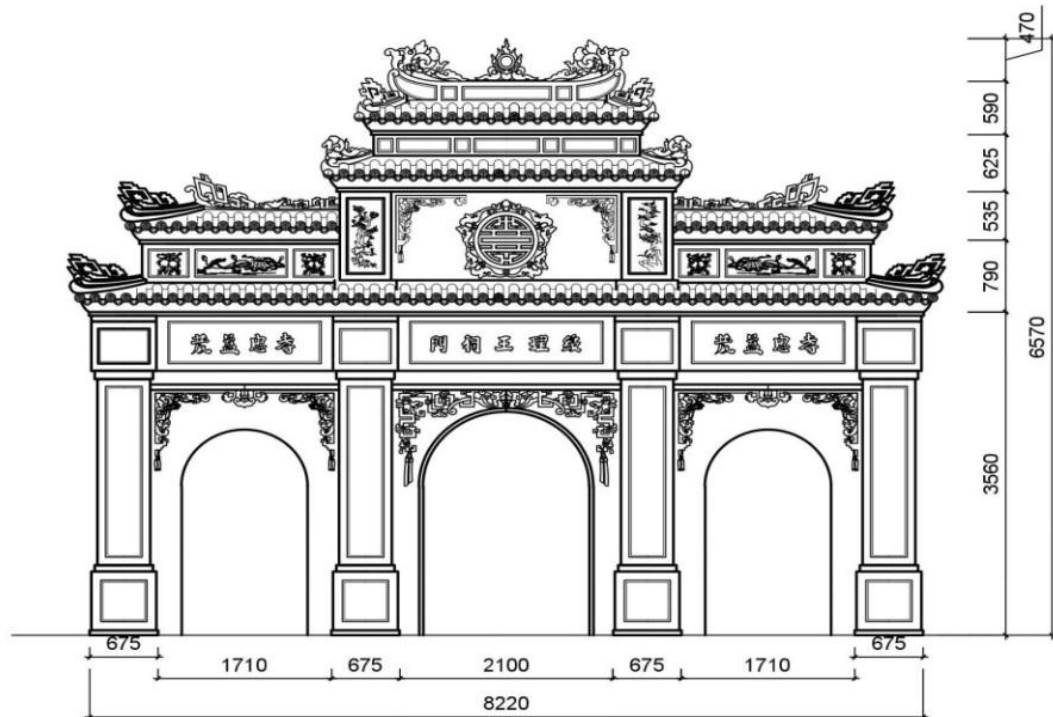
68024 H 8 1910 ✓

[Nguồn: Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế]



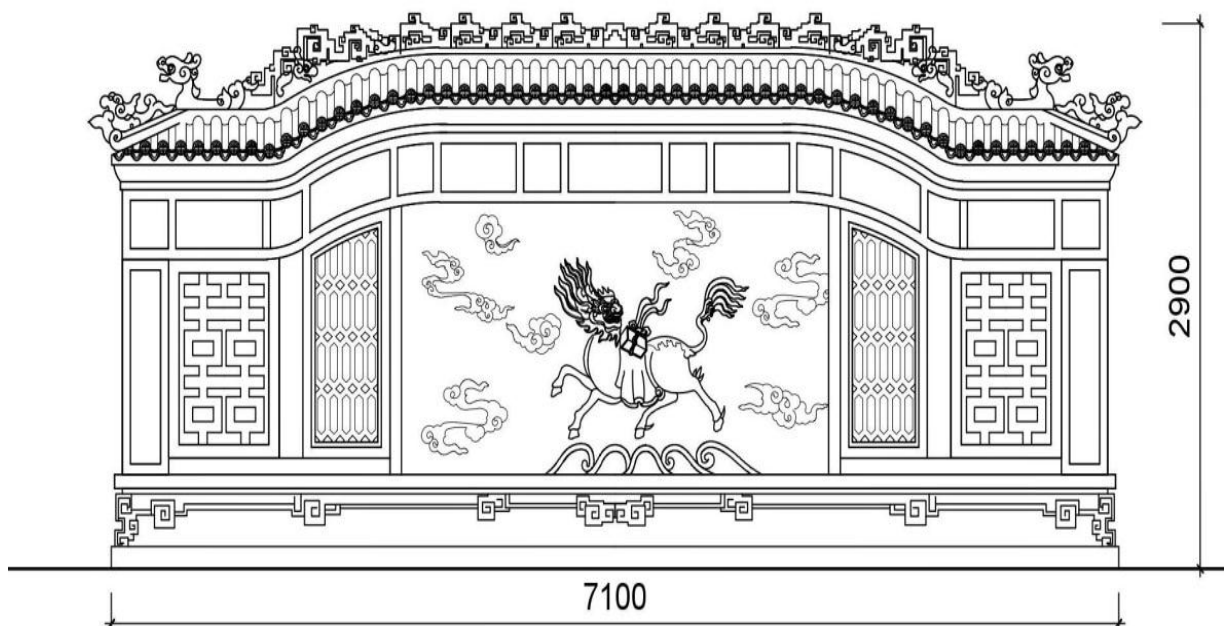
## PHỤ LỤC 5 BẢN VẼ

Bản vẽ 5.1. Mặt đứng công phủ đệ Tuy Lý vương



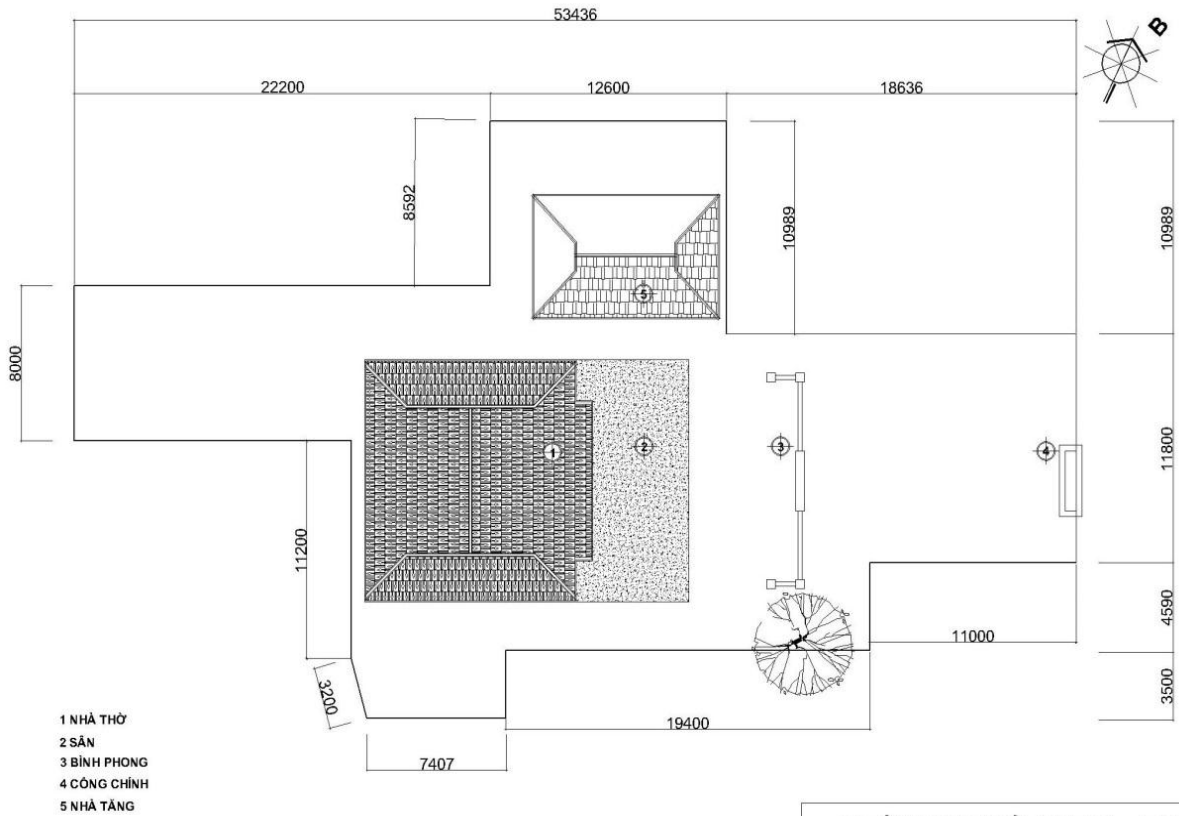
[Nguồn: 13]

Bản vẽ 5.2. Mặt trước bình phong phủ đệ Tuy Lý vương



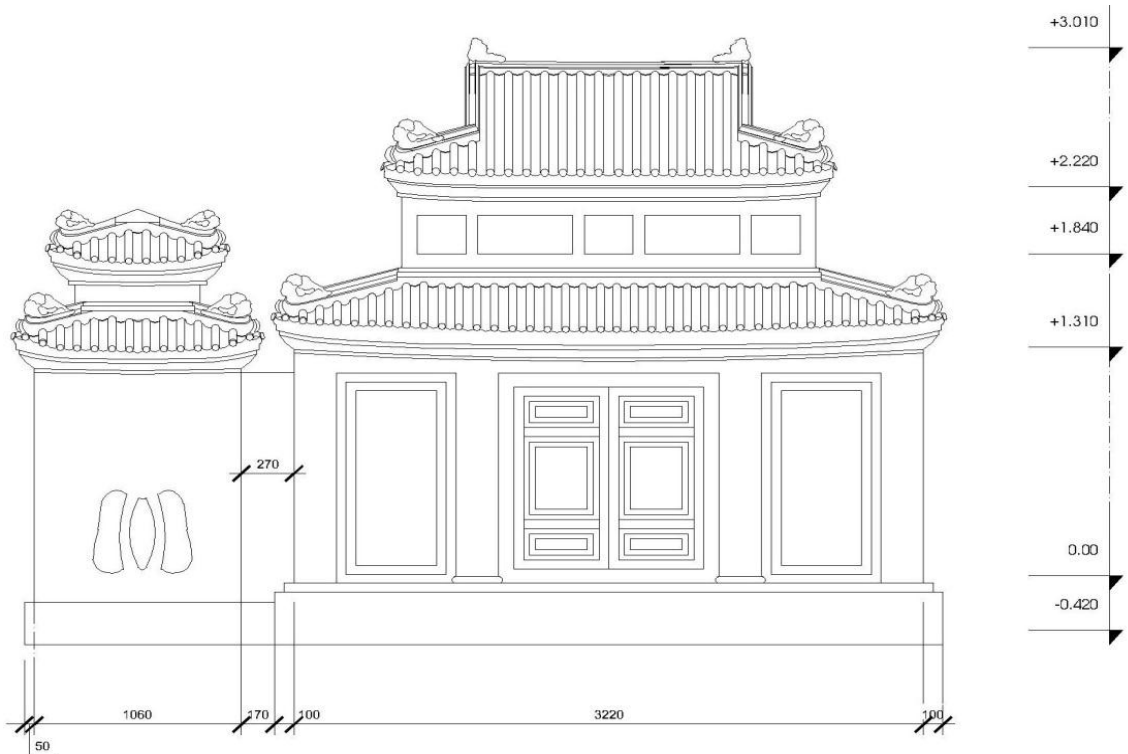
[Nguồn: 13]

**Bản vẽ 5.3. Mặt bằng tổng thể phủ đệ Diên Khánh vương**



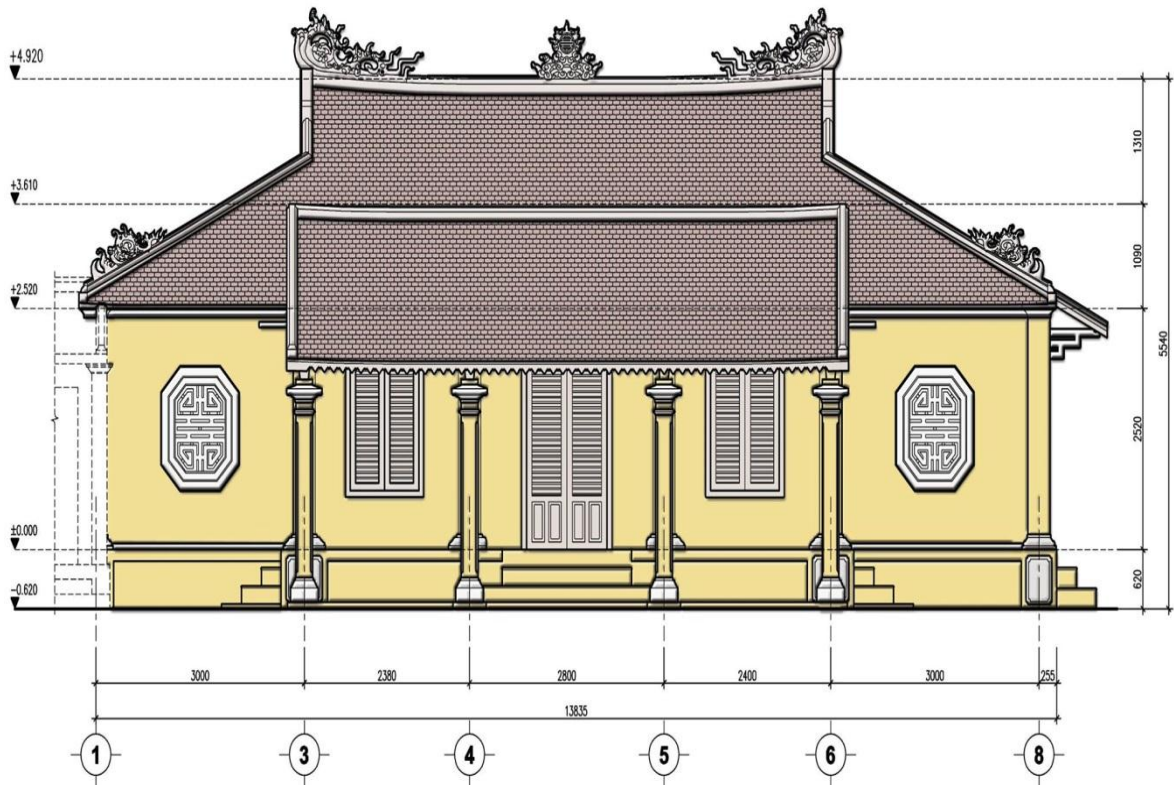
[Nguồn: 12]

**Bản vẽ 5.4. Viên tâm Diên Khánh vương**



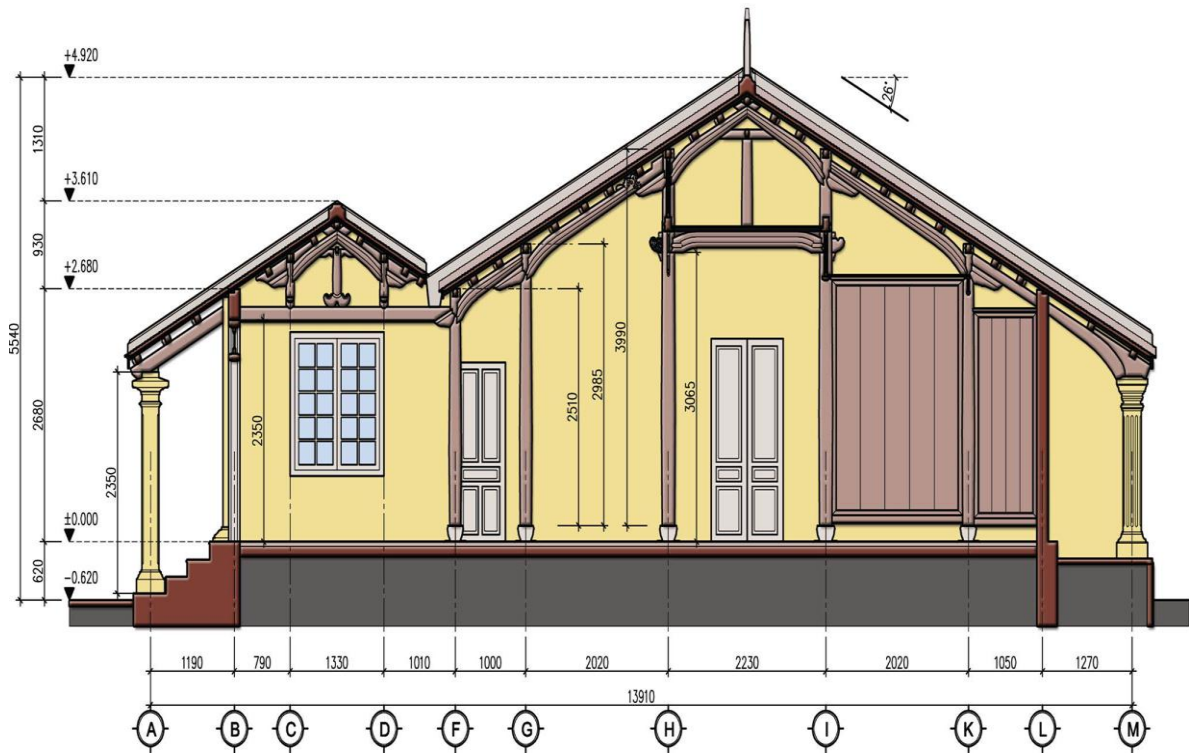
[Nguồn: 12]

**Bản vẽ 5.5. Mặt đứng phủ đệ Ngọc Sơn công chúa**



[Nguồn: 124]

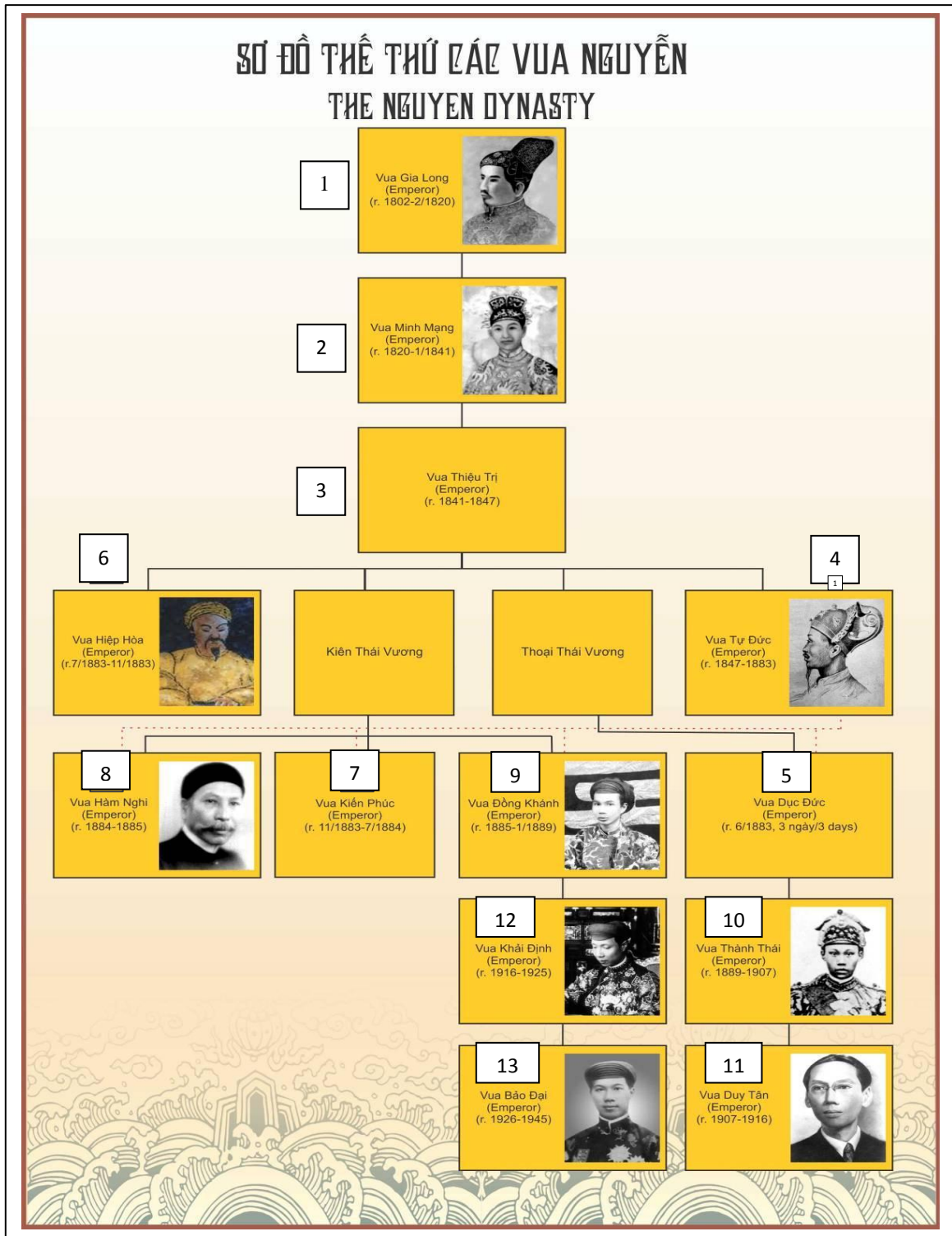
**Bản vẽ 5.6. Mặt cắt phủ đệ Ngọc Sơn công chúa**



[Nguồn: 124]

## PHỤ LỤC 6

### SƠ ĐỒ THẾ THỨ CÁC VUA NGUYỄN (1802-1945)



[Nguồn: Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế]



## PHỤ LỤC 7

### TƯ LIỆU HÁN NÔM LIÊN QUAN ĐẾN PHỦ ĐỆ TRIỀU NGUYỄN

#### 7.1. Kim sách Đế hệ thi



- Phiên âm:

“Ngự chế tự

*Ngã quốc gia triệu tự Thanh Hoa xú, Hà Trung phủ, Tống Sơn huyện chi Gia Miêu ngoại trang, Tĩnh Nguyễn thị, kỳ thủy tiền đại thời dĩ vi cự tộc thế đại trâm anh hà chỉ số bách dư niên, tích đức lũy nhân dĩ hữu kim nhật thực tỷ ư Chu gia yên, Vu thị hạo thiên quyển mệnh, đốc sinh ngã Triệu tổ Tĩnh hoàng đế, đế tạo hồng đô, kế sinh ngã*

*Thái tổ Gia Dụ hoàng đế, triệu cơ nam phục nãi dĩ phúc tự thừa Nguyễn tự xưng quốc tính vi Nguyễn Phúc vân*

*Liệt thánh tương thừa dĩ*

*Thánh kế*

*Thánh noãn chí ngã*

*Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế kham định họa loạn, yêm hữu toàn Việt*

*Sắc định ngọc phá dĩ*

*Thái tổ tư tôn chi nhập nam giả cập liệt thánh chi hệ, vi tong Nguyễn Phúc thị.*

*Thái tổ tử tôn chi tại bắc cập tiền chư phái giả vi công tính Nguyễn Hựu thị chí ư*

*Liệt thánh miếu hủy đa tông thủy tự bộ cập ngã*

*Thế Tông Hiếu Vũ hoàng đế thời*

*Ngự danh cập tông thất chi danh diệc hữu gian dụng nhật tự bộ giả truyền chí ngã*

*Hoàng khảo tắc chuyên dụng nhật tự bộ hĩ. Cận bách niên lai tông*

*Thất phần diễn dĩ trí danh tự toại đa trùng phúc.*

*Hoàng khảo tại ngự thời, ý dục canh định danh tự truyền chư tử tôn dụng thù  
vĩnh cửu, tích kỳ sự vị toại dã. Tư trăm tư thuật*

*Tiền huy dụng thành*

*Tiền chí, thân soạn nhật tự bộ nhị thập tự dĩ di kế thể chí tự vị thời phương khả  
dĩ nhất tự vị danh, thủ nhật vị quân tượng chi nghĩa nhi dĩ ấu sở tứ danh vị tự. Kỳ dư  
tử tôn cấp chư huynh đệ chi tử tôn tắc biệt soạn mỹ tự phân vi để hệ cấp trăm huynh  
Anh Duệ thái tử, trăm đệ Kiến An, Định Viễn, Diên Khánh, Điện Bàn, Thiệu Hóa,  
Quảng Oai, Thường Tín, An Khánh, Từ Sơn đẳng chư công chi hệ, phàm thập yên. Sơ  
sinh thời thỉnh danh hoàng tử danh, thượng nhất tự tắc dĩ để hệ thi thứ đệ chi mỗi tự,  
hạ nhất tự tắc dĩ đệ kỳ thể chi mỗi tự bộ chư công tử danh thượng nhất tự tắc dĩ mỗi  
công hệ thi thứ đệ chi mỗi tự, hạ nhất tự đắc dĩ ngũ hành tương sinh, dụng thổ tự bộ vi  
thủy nhi để hệ chi Miên Tông, Miên Định, Anh Duệ hệ chi Mỹ Đường, Mỹ Thùy. Kiến  
An hệ chi Lương Kỳ, Lương Viên. Định Viễn hệ chi Tĩnh Cơ, Tĩnh Cẩn. Diên Khánh hệ  
chi Diên Vực, Diên Đê. Điện Bàn hệ chi Tín Kiên, Tín Phái. Thiệu Hóa hệ chi Thiện  
Khuê, Thiện Chỉ. Quảng Oai hệ chi Phượng Tại, Phượng Vu. Thường Tín hệ chi  
Thường Nhâm, Thường Dung. An Khánh hệ chi Khâm Thịnh, Khâm Bích. Từ Sơn hệ  
chi Từ Đan, Từ Cương chi loại, như thị tắc thể thứ minh nhi bất vãn, thân sơ biệt nhi  
khả tường, đôn luân mục tộc chi đạo, do thị hưng ngọc điệp thiên hoàng chi phái, do  
thị hiển ngã chi tử tôn, đương tuân thủ thiện pháp ty bản chi bách thể truyền ức vạn  
niên dụng ngưỡng đáp.*

*Thiên*

*Tổ chi quyển mệnh khả dĩ, thị vi tự.*

*Minh Mạng tứ niên, chính nguyệt đán.*

*Nhật tự bộ nhị thập*

*Tuyền, Thời, Thăng, Hiệu (Hạo), Minh, Biền, Chiêu, Quang, Tuấn, Diển, Trí,  
Huyền, Lan, Hoàn, Cách, Chí, Triết, Yên, Hy, Di.*

*Để hệ*

*Miên, miên bộ. Hồng, nhân bộ. Ứng, kỳ bộ. Bảo, sơn bộ. Vĩnh, ngọc bộ. Bảo,  
phụ bộ. Quý, nhân bộ. Định, ngôn bộ. Long, tài bộ. Trường, hòa bộ. Hiền, bồi bộ.  
Năng, lực bộ. Kham, tài bộ. Kế, ngôn bộ. Thuật, tâm bộ. Thế, ngọc bộ. Thụy, thạch bộ.  
Quốc, đại bộ. Gia, hòa bộ. Xương, tiểu bộ.*

*Thân hệ phiên*

*Anh Duệ hệ.*

*Mỹ (thổ) Lê (kim) Anh (thủy) Cường (mộc) Tráng (hỏa)*

*Liên Huy Phát Bội Hương.*

*Lệnh Nghi Sùng Tôn Thuận*

*Vĩ Vọng Biểu Khiêm Quang.*

*Kiến An hệ*

*Lương Kính An Nhân Thuật*

*Du Hành Suất Nghĩa Phương*

*Dung Di Tương Thức Hảo*

*Cao Túc Thái Vi Chương*

*Định Viễn hệ*

*Tĩnh Hoài Chiêm Viễn Ái*

*Cảnh Ngưỡng Mậu Thanh Hoa*

*Nghiêm Khác Do Lý Viễn*

*Liên Trung Tập Cát Đa.*

*Diên Khánh hệ*

Diên Hội Phong Hanh Hợp  
 Nguyên Phùng Thái Lãng Nghi  
 Hậu Lưu Thành Tú Diệu  
 Diễn Khánh Thích Phương Huy.  
 Điện Bàn hệ  
 Tín Điện Tư Duy Chính  
 Thành Tôn Lợi Kiến Trinh  
 Túc Cung Toàn Hữu Nghi  
 Vinh Hiến Tập Khanh Danh  
 Thiệu Hóa hệ  
 Thiện Thiệu Tuyết Tuấn Lý  
 Văn Tri Tại Mẫn Cầu  
 Ngung Lân Tài Chí Lạc  
 Dịch Đạo Doãn Phu Hưu  
 Quảng Oai hệ  
 Phượng Phù Trưng Khải Quảng  
 Kim Ngọc Trác Tiêu Kỳ  
 Diển Học Kỳ Gia Chí.  
 Thường Tín hệ  
 Thường Hựu Tuân Gia Huân  
 Lâm Trang Túy Thịnh Dung  
 Thận Tu Di Tiến Đức  
 Thụ Ích Mậu Tân Công.  
 An Khánh hệ  
 Khâm Hoa Xưng Ý Phạm  
 Nhã Chỉ Thủy Hoằng Qui  
 Khải Đệ Đăng Cần Dự  
 Quyển Ninh Cộng Tập Hy.  
 Từ Sơn hệ  
 Từ Thái Dương Quỳnh Cẩm  
 Phu Văn Yết Diệu Chương  
 Bách Chi Gia Phụ Dực  
 Vạn Diệp Hiệu Khuông Nhưong”.

- Dịch nghĩa:

Vua làm bài Tựa

Nhà nước ta họ Nguyễn mở đầu từ Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, xứ Thanh Hoa. Buổi đầu đời trước đã là họ lớn, đời đời làm quan liên tục hơn mấy trăm năm. Tích đức, tu nhân để có ngày nay thực có thể sánh với nhà Chu. Vì vậy, trời yêu mến, sinh ra Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế<sup>70</sup> ta, tạo dựng cơ đồ to lớn, kế theo sinh Thái Tổ Gia Dự hoàng đế<sup>71</sup> ta xây dựng nền móng ở cõi Nam, bèn lấy chữ Phúc theo chữ Nguyễn xưng quốc tính là Nguyễn Phúc.

Các đời thánh nối nhau để

Thánh nối

Thánh, đến Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế<sup>72</sup> ta, dẹp yên họa hoạn có cả đất nước Việt.

<sup>70</sup> Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế: Nguyễn Kim.

<sup>71</sup> Thái Tổ Gia Dự hoàng đế: Nguyễn Hoàng.

<sup>72</sup> Thế tổ Cao hoàng đế: Vua Gia Long.



Ban sắc định Ngọc phả, lấy người con cháu Thái tổ vào Nam và hệ các Thánh làm tôn thất họ Nguyễn Phúc.

Con cháu Thái tổ ở Bắc và các phái trước là công họ Nguyễn Hựu, đến tên húy và các thánh, đa phần theo bộ chữ thủy. Đến Thế Tông Hiếu Vũ hoàng đế ta thì ngự danh và tên tôn thất cũng có khi dùng bộ chữ nhật, truyền đến Hoàng khảo<sup>73</sup> ta thì chuyên dùng bộ chữ nhật. Gần một trăm năm lại đây Tôn thất sinh sôi nhiều, dẫn tới chữ tên nhiều, trùng lặp gây phiền phức.

Trong thời gian Hoàng khảo tại vị, có ý muốn đổi định lại chữ đặt tên, truyền cho con cháu dùng lâu dài về sau, tiếc rằng việc đó chưa làm được. Nay Trẫm nghĩ thuật theo ý đẹp của tiên nhân để hoàn thành Chí của Tiên đế, thân soạn 20 chữ bộ chữ nhật, để người kế nghiệp khi nối ngôi, có thể lấy một chữ làm tên, lấy nhật làm nghĩa tượng trưng cho vua, mà lấy tên được ban thưở nhỏ làm chữ. Ngoài ra, con cháu và con cháu các anh em thì soạn riêng mỹ tự, chia làm để hệ và anh trẫm là Anh Duệ thái tử, các em trẫm là Kiến An, Định Viễn, Diên Khánh, Điện Bàn, Thiệu Hóa, Quảng Oai, Thường Tín, An Khánh, Từ Sơn. Hệ các gồm có mười tất cả. Lúc mới sinh xin đặt tên. Tên hoàng tử, trên một chữ thì lấy thơ Đế hệ lần lượt từng chữ; dưới một chữ thì lấy bộ chữ nào của đời thứ mấy. Tên các công tử, trên một chữ, thì lấy mỗi chữ lần lượt theo thơ công hệ. Dưới một chữ thì lấy ngũ hành tương sinh<sup>74</sup>, dùng bộ chữ thổ làm đầu, thí dụ như Miên Tông, Miên Định dòng đế hệ. Mỹ Đường, Mỹ Thùy dòng Anh Duệ. Kiến An hệ thì Lương Kỳ, Lương Viên. Định Viễn hệ thì Tĩnh Cơ, Tĩnh Cẩn. Diên Khánh hệ thì Diên Vực, Diên Đề. Điện Bàn hệ thì Tín Kiên, Tín Phái. Thiệu Hóa hệ thì Thiện Khuê, Thiện Chí. Quảng Oai hệ thì Phụng Tại, Phụng Vu. Thường Tín hệ thì Thường Nhâm, Thường Dung. An Khánh hệ thì Khâm Thịnh, Khâm Bích. Từ Sơn hệ thì Từ Đan, Từ Cương. Như thế thì thứ thế rõ ràng, không lẫn lộn, thân sơ phân biệt mà có thể hiểu rõ cái đạo luân thường hòa mục họ hàng. Từ đó mà hưng thịnh dòng phái nhà vua. Do vậy, con cháu ta được vinh hiển, phải tuân thủ phép hay. Gốc cành trăm đời truyền mãi ức vạn năm.

Đề ngửa đáp Trời

và Tô tiên yêu quý ban cho mệnh tốt. Vì vậy làm bài Tựa.

Minh Mạng năm thứ 4 (1832), tháng Giêng, ngày đầu năm.

Hai mươi bộ chữ nhật:

Tuyền, Thời, Thăng, Hiệu (Hạo), Minh, Biên, Chiêu, Quang, Tuấn, Điền, Trí, Huyền, Lan, Hoàn, Cách, Chí, Triết, Yên, Hy, Di.

Đế hệ

Miên, miên bộ. Hồng, nhân bộ. Ứng, kỳ bộ. Bảo, sơn bộ. Vĩnh, ngọc bộ. Bảo, phụ bộ. Quý, nhân bộ. Định, ngôn bộ. Long, tài bộ. Trường, hòa bộ. Hiền, bối bộ. Năng, lực bộ. Kham, tài bộ. Kê, ngôn bộ. Thuật, tâm bộ. Thế, ngọc bộ. Thụy, thạch bộ. Quốc, đại bộ. Gia, hòa bộ, Xương, tiểu bộ.

Thân phiên thế hệ:

Dòng Anh Duệ

Mỹ (thổ) Lê (kim) Anh (thủy) Cường (mộc) Tráng (hỏa)

Liên Huy Phát Bội Hương.

Lệnh Nghi Sùng Tôn Thuận

Vĩ Vọng Biểu Khiêm Quang.

Dòng Kiến An

Lương Kính An Nhân Thuật

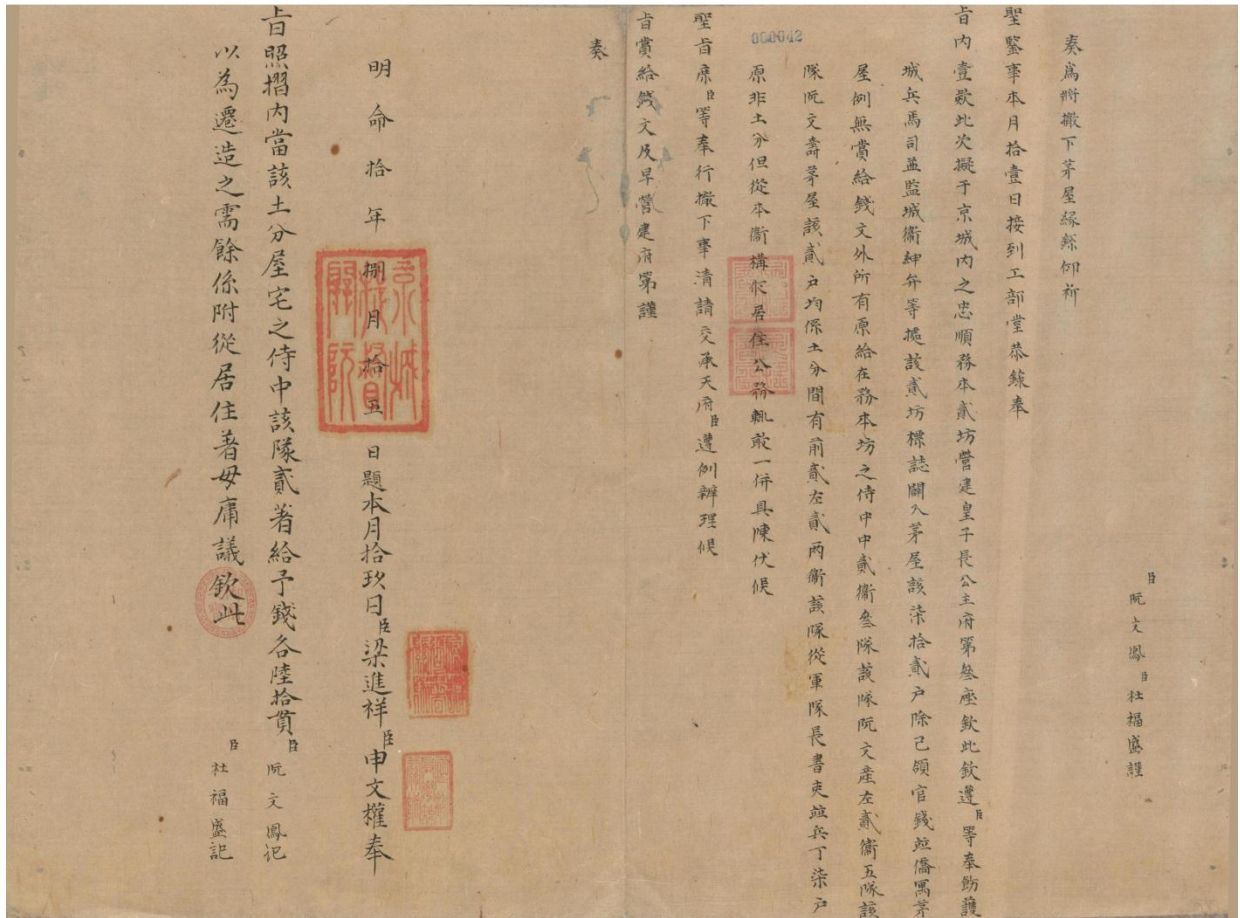
<sup>73</sup> Hoàng khảo: Chỉ vua Gia Long, thân phụ vua Minh Mạng.

<sup>74</sup> Ngũ hành tương sinh: đất sinh vàng, vàng sinh nước, nước sinh cây, cây sinh lửa, lửa sinh đất.

Du Hành Suất Nghĩa Phương  
Dung Di Tương Thức Hào  
Cao Túc Thái Vi Chương  
Dòng Định Viễn  
Tĩnh Hoài Chiêm Viễn Ái  
Cảnh Ngưỡng Mậu Thanh Hoa  
Nghiem Khắc Do Lý Viễn  
Liên Trung Tập Cát Đa.  
Dòng Diên Khánh  
Diên Hội Phong Hanh Hợp  
Nguyên Phùng Thái Lãng Nghi  
Hậu Lưu Thành Tú Diệu  
Diễn Khánh Thích Phương Huy.  
Dòng Điện Bàn  
Tín Điện Tư Duy Chính  
Thành Tôn Lợi Kiến Trình  
Túc Cung Toàn Hữu Nghị  
Vinh Hiền Tập Khanh Danh  
Dòng Thiệu Hóa  
Thiên Thiệu Tuyết Tuần Lý  
Văn Tri Tại Mẫn Cầu  
Ngưng Lân Tài Chí Lạc  
Địch Đạo Doãn Phu Hưu  
Dòng Quảng Oai  
Phượng Phù Trưng Khải Quảng  
Kim Ngọc Trác Tiêu Kỳ  
Điền Học Kỳ Gia Chí.  
Dòng Thường Tín  
Thường Hựu Tuân Gia Huân  
Lâm Trang Túy Thịnh Dung  
Thận Tu Di Tiến Đức  
Thụ Ích Mậu Tân Công.  
Dòng An Khánh  
Khâm Hoa Xung Ý Phạm  
Nhã Chỉ Thủy Hoằng Qui  
Khải Độ Đàng Cần Dự  
Quyển Ninh Cộng Tập Hy.  
Dòng Từ Sơn  
Từ Thái Dương Quỳnh Cẩm  
Phu Văn Yết Diệu Chương  
Bách Chi Gia Phụ Dự  
Vạn Diệp Hiệu Khuông Nhưong.

*Người dịch: PGS.TS. Tạ Ngọc Liễn (Viện Sử học)*  
*Người hiệu đính: TS. Nguyễn Hữu Tâm (Viện Sử học)*  
*Ảnh: Tác giả chụp ngày 6/12/2016*

## 7.2. Bản tấu của Nguyễn Văn Phụng, Đỗ Phúc Thịnh về việc di chuyển nhà dân xây phủ cho hoàng tử, công chúa vào năm 1829



Dịch nghĩa:

Thần Nguyễn Văn Phụng, Đỗ Phúc Thịnh tâu ngày 11 tháng này tiếp tờ lục của Công bộ đường. Vâng chỉ trong có khoản: Lần này xây dựng 3 tòa phủ ở 2 phường Trung Thuận và Vụ Bản thuộc Kinh thành cho hoàng tử và công chúa. Chúng thần vâng sức cho bọn thân biên ở ty hộ Thành binh mã và vệ giám thành. Căn cứ vào chỗ đã đánh dấu ở 2 phường ấy gồm 72 hộ tiến hành phá bỏ các nhà tranh trừ những hộ đã lĩnh tiền quan và những nhà tranh ở nhờ không cấp tiền. Ngoài ra còn có 2 hộ nhà tranh của Cai đội Nguyễn Văn Sản, Nguyễn Văn Thọ nguyên được cấp đất ở bản phường và 7 hộ binh lính nguyên không thuộc thổ phận, nhưng theo bản vệ làm nhà ở để làm công vụ. Dám xin trình bày đầy đủ cúi chờ Thánh chỉ. Chúng thần phụng hành triệt bỏ việc xong xin giao cho các quan phủ Thừa Thiên theo lệ giải quyết, chờ lệnh chỉ thưởng cấp tiền để sớm dựng phủ. Vâng chỉ: Nhà của 2 viên Cai đội vệ Thị trung ở trên mỗi tên 60 quan tiêu dùng để di chuyển xây cất nhà cửa. Ngoài ra các nhà phụ theo cư trú không bàn.

[Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia I]

### 7.3. Ngọc điệp bằng lụa do vua Thiệu Trị ban tặng cho Nam Sách quận công



Dịch nghĩa:

Lớn lao thay! Nước nhà ta, nhận mệnh lớn trời cho, phúc đức to tát; đấng hoàng tổ Thế tổ Cao hoàng đế ta nhất thống non sông, văn tự vết xe cùng lối, sai làm sách ngọc, để phúc lâu dài cho dòng họ nhà vua. Đấng Hoàng khảo Thánh tổ Nhân hoàng đế ta, sáng suốt theo làm, trời thương điềm tốt; truyền ngôi hưởng lộc, tôn xã vững vàng, định phả, định dòng, ngành ngọc phồn thịnh. Công to tích lũy hơn trước, ngôi báu truyền mãi về sau; vì thế, phân biệt thân sơ, rõ ràng thế thứ. Trẫm kính nổi nghiệp lớn, noi theo chí xưa; hậu với người thân, càng ngày càng thịnh, rườm rà cành lá, càng ngày càng nhiều. Nay cứ Nội các dâng số tâu xin đặt tên cho hoàng tử và ban tên cho các con hoàng đệ thuộc hàng chữ “Hong” [洪] đều dùng bộ chữ nhân (亻). Vả lại, số chữ có hạn, mà nhà vua càng ngày càng nhiều; xin tra đem bộ chữ nhân biên ra tâu lên xin Chi. Trẫm đã xét các chữ nên dùng thì ít dần đi, mà hiện đã ban tên như các chữ: giai (偕), giai (佳), đản (但), đản, tuy chữ viết có phân biệt, nhưng âm thì giống nhau, lúc xung hô mới thấy trùng điệp. Phúc lớn của nước nhà, dòng dõi nhà vua càng ngày càng nhiều thêm, đều nhờ cả vào đấng hoàng khảo ta, phúc lớn cao cả, thêm nhiều phúc lành hoàn toàn, có trai có gái 142 người; từ lúc có trời đất đến nay, các vua có tiếng tốt, có đức hiền, chép trong sách thực là ít thấy. Tuy đời xưa có nói để trăm con trai, đó là trong Kinh Thi khen đức tốt của Văn Vương, tra cứu ở sách, không được rõ ràng; còn như Lạc long trong Nam sử, việc ấy cũng là ngoa truyền, không đủ chứng cứ. Chỉ có đấng hoàng khảo ta mới được hưởng phúc tam đa<sup>75</sup>, về vang được tứ đắc<sup>76</sup>,

<sup>75</sup> Tam đa: Phúc, Thọ, Đa nam.

<sup>76</sup> Tứ đắc: Đắc lộc, đắc vị, đắc danh, đắc thọ.

đã nhận phúc trời, ban cho con cháu, đầy đàn đầy lũ, như lời chúc tụng trong thơ “Lân chi”, thơ “Chung tư” ở Kinh Thi, thói thường nhân hậu, tốt thịnh lắm thay ! Trẫm kính xét 20 chữ mỹ tự trong bài thơ vua làm để đặt tên cho dòng dõi nhà vua, chính là để phân biệt thế thứ, mà liên hệ bằng bộ chữ; ban tên cho thì lấy ở các bộ chữ “nhân” (人), “ngọc” (玉), “ngôn” (言), “tài” (才), “hòa” (禾), tâm (心), có khi phải dùng cả hai, thực có ý đợi ngày khác càng nhiều thêm ra, cũng không ngại gì; trong đó châm chước bàn định để tỏ rõ dòng dõi nhà vua, mà phân biệt người thân người sơ, trăm con nghìn cháu, một gốc muôn lá, càng tỏ việc hay của thịnh triều. Nay chuẩn định về việc mệnh danh cho hoàng tử, hoàng tôn, được theo lệ cũ mà làm mãi mãi. Còn ban tên cho các con hoàng đệ, một chữ trên được theo trong bài thơ về dòng nhà vua, để nêu cái phúc tự trời cho; một chữ dưới thì chia phòng, cho bộ, để phân biệt con cháu các thân phiên. Về phòng Thọ Xuân công Miên Định, cho bộ “thủy” (水), như đặt tên cho con là Hồng Tuấn, các cháu là Ứng Thanh, Bảo Hải, Vĩnh Trùng, Bảo Y, Quý Hoài, Định Cư, Long Giang, Trường Tế, Hiền Hiếu, Năng Nhu, Kham Thiệp, Kê Vinh, Thuật Diễm, Thế Long, Thụy Vịnh, Quốc Tư, Gia Chương, Xương Phái; còn các phòng thì chiếu bộ chữ của mình, chia theo thế thứ, lấy đấy mà suy ra. Phòng Ninh Thuận công Miên Nghi, cho bộ “khẩu” (口); phòng Vĩnh Tường quận vương Miên Hoành đã chết, cho bộ “mịch” (糸); phòng Phú Bình công Miên An, cho bộ “mộc” (木); phòng Nghi Hòa quận công Miên Thần, cho bộ “hiệt” (頁); phòng Tùng Quốc công Miên Thâm, cho bộ “nhục” (肉); phòng Tuy Quốc công Miên Trinh, cho bộ “thảo” (草); phòng Tương An công Miên Bảo, cho bộ “y” (衣); phòng Tông Hóa quận công Miên Trữ, cho bộ “trúc” (竹); phòng Lạc Hóa quận công Miên Vũ, cho bộ “hỏa” (火); phòng Hà Thanh quận công Miên Tổng, cho bộ “cân” (巾); phòng Nghĩa quốc công Miên Tề, cho bộ “thù” (殳); phòng Trần Man quận công Miên Thực, cho bộ “xa” (車); phòng Sơn Định quận công Miên Cung cho bộ “dậu” (酉); phòng Tân Bình quận công Miên Phong, cho bộ “cách” (革); phòng Quý Châu quận công Miên Miêu, cho bộ “áp” (邑); phòng Quảng Ninh quận công Miên Mật, cho bộ “xước”; phòng Sơn Tĩnh quận công Miên Lương, cho bộ “vũ” (雨); phòng Quảng Biên quận công Miên Gia cho bộ “chí” (至); phòng Lạc Biên quận công Miên Khoan, cho bộ “bưu” (髟); phòng Ba Xuyên quận công Miên Túc, cho bộ “mễ” (米); phòng Kiến Tường quận công Miên Quan, cho bộ “mục” (目); phòng Hòa Thạnh quận công Miên Tuấn, cho bộ “nữ” (女); phòng Hòa Quốc công Miên Quân, cho bộ “giai” (佳); phòng Tuy An quận công Miên Hợp,



cho bộ “phương” (方); phòng hoàng đệ Miên tranh cho bộ “khiếm” (欠); phòng hoàng đệ Miên Thâm, cho bộ “mao” (毛); phòng Trấn Tĩnh quận công Miên Dân, cho bộ “vũ”; phòng Quảng Trạch quận công Miên Cư, cho bộ “môn” (門); phòng An Bình quận công Miên Ngung, cho bộ “xích” (彳); phòng hoàng đệ Miên Xạ, cho bộ “nghiễm” (广); phòng Trấn Biên quận công Miên Thanh, cho bộ “chu” (舟); phòng Điện quốc công Miên Tĩnh, cho bộ “điền” (田); phòng Tuy Biên quận công Miên Sùng, cho bộ “phong” (風); phòng Hoàng đệ Miên Ngô, cho bộ “hắc” (黑); phòng hoàng đệ Miên Kiên, cho bộ “nhĩ” (耳); phòng Trấn Định quận công Miên Cầu, cho bộ “ngõa” (瓦); phòng hoàng đệ Miên Lâm, cho bộ “cung” (弓); phòng hoàng đệ Miên Tiệp cho bộ “kiến” (見); phòng hoàng đệ Miên Văn, cho bộ “xỉ” (齒); phòng Quảng Hóa quận công Miên Uyển, cho bộ “tẩu” (走); phòng hoàng đệ Miên Ôn, cho bộ “giác” (角); phòng hoàng đệ Miên Ngũ, cho bộ “trãi” (豸); phòng hoàng đệ Miên Tả, cho bộ “mạch” (麥); phòng hoàng đệ Miên Triện, cho bộ “hán” (厂); phòng Tân An quận công Miên Thái, cho bộ “khẩu” (口); phòng hoàng đệ Miên Khách, cho bộ “mãnh” (皿); phòng hoàng đệ Miên Thích, cho bộ “hồ” (虜); phòng hoàng đệ Miên Điện cho bộ “qua” (戈); phòng hoàng đệ Miên Hoảng cho bộ “bạch” (白); phòng hoàng đệ Miên Trí, cho bộ “lập” (立); phòng hoàng đệ Miên Thần, cho bộ “vi” (韋); phòng hoàng đệ Miên Ký, cho bộ “thân” (身); phòng hoàng đệ Miên Bàng, cho bộ “bi” (皮); phòng hoàng đệ Miên Sách cho bộ “hựu” (又); phòng hoàng đệ Miên Lịch, cho bộ “kim” (金). Thế là các phòng rõ ràng, hưởng thụ phúc nhiều, lại được vẻ vang. Nếu như ngày sau các phiên được nhờ phúc ầm của nhà, của nước, có nhiều con cháu, mà bộ chữ của phòng mình có khi dùng không đủ, phải do Đãi thân, Nội các tâu xin, sẽ chọn bộ chữ hay cho thêm, để được nhờ mãi sự trời đất thần kỳ giúp đỡ, ông cha yêu thương, đời đời thêm lớn, phòng gốc trăm đời. Thật là đáng khen thay phúc tốt. Lại viết tỳ thư<sup>77</sup> (58 đạo) ban cấp cho các hoàng đệ, giữ mãi làm gia bảo, cùng với nước cùng hưởng phúc, nhờ ơn không bao giờ hết. Khâm thử.

Ngày 9 tháng 6 năm Thiệu Trị thứ 5 (1845).

*Bản dịch: Viện Sử học [Nguồn: 86, VI; tr. 755 - 756]*

Ảnh: Tác giả chụp ngày 27/1/2019

---

<sup>77</sup> Bức thư có đóng ấn ngọc tỳ.

#### 7.4. Bài văn vua Khải Định viết về việc xuất tiền để xây dựng cung An Định



- Dịch nghĩa:

##### Ngự chế An Định cung dẫn

Cung An Định là nơi trẫm ở lúc chưa lên ngôi. Trẫm lúc làm phiên phục tự lấy hiệu là An Định chủ nhân, xây phủ đệ ở đó. Mùa thu năm Quý Sửu (1913) sinh được Hoàng trưởng tử, mùa hạ năm Bính Thìn (1916) đăng quang, đặc biệt nhớ nơi mở ra điềm lành, chi tiền lộc ra sửa chữa dựng lầu. Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1918) hoàn thành, sai đổi phủ thành cung mà gọi tên lầu là Khải Tường. Phàm những vàng bạc châu ngọc cùng tất cả đồ vật trong lầu đều xuất tiền lộc của trẫm mua sắm chế tạo, ở những chỗ khác cũng đều như thế. Là để ngày sau Hoàng trưởng tử (Vĩnh Thụy) trưởng thành sẽ ban cho làm tài sản riêng, hoặc y đã được lộc vị thì chuyển cho làm tài sản riêng của anh em và con cháu, nên không dám dùng tới một chút gì trong tiền công sức dân của quốc gia, quả thật là thế. Phàm đã làm thiên tử thì tiền bạc trong kho đều là của mình, cần gì phải xây dựng nhà riêng, học theo Lộc Đài nhà Thương<sup>78</sup>, Quỳnh Lâm nhà Đường<sup>79</sup> để người sau bàn luận chê bai! Chỉ vì gặp thời đại văn minh, chi phí của quốc gia tự có ngân sách, vua có bổng, quan có lộc, đều lấy đó dùng riêng, không phải như thời trước lấy ức triệu người phụng dưỡng. Cho nên vua chúa các nước châu Âu trước

<sup>78</sup> Lộc Đài nhà Thương: Tên đài ở Hà Nam Trung Quốc, tương truyền do Trụ vương nhà Thương cho xây dựng để vui chơi, bị người đời sau lên án là xa xỉ.

<sup>79</sup> Quỳnh Lâm nhà Đường: Tên một trong hai phủ khổ tại Phụng Thiên do Đường Đức tông cho xây dựng để cất giữ vàng bạc lúc chưa dẹp xong loạn A Sứ, bị người đời sau chê bai là nhỏ nhen.



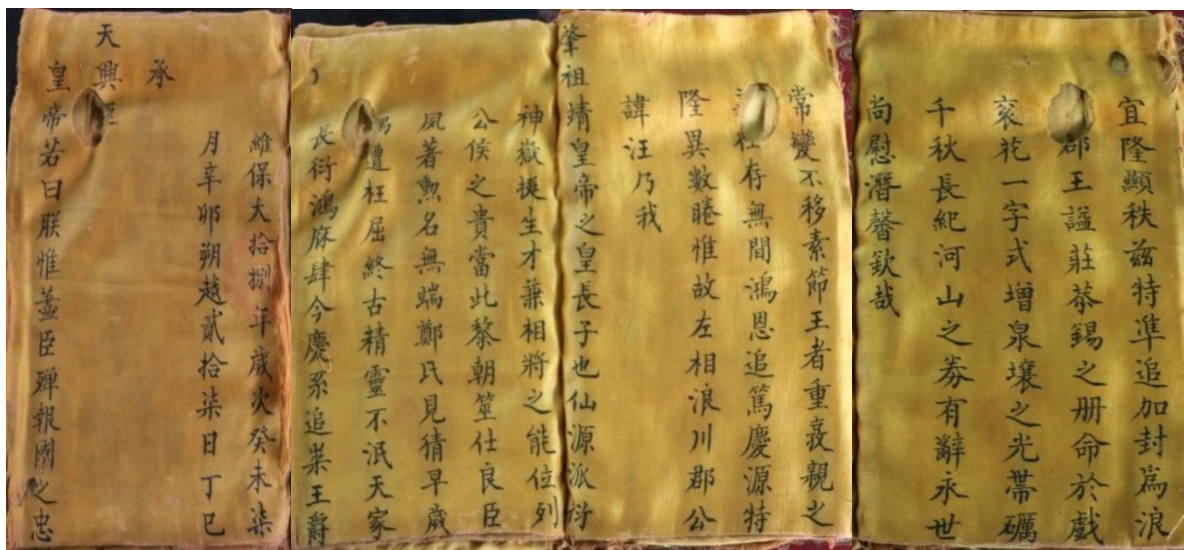
kia xây dựng lâu đài làm tài sản riêng còn gấp hàng trăm lần, tài sản riêng của trăm có bấy nhiêu cũng không phải là quá đáng. Huống hồ trăm đang còn khỏe mạnh nhưng Hoàng trưởng tử còn nhỏ, đạo trời khó biết thì việc người phải lo, tạm cho là ngày sau Hoàng trưởng tử chưa được như trăm nên phải lo trước mà thôi. Nên sai khắc vào biển đặt trong cung An Định, lại sai ty Cẩn Tín kê biên tất cả đồ vật trong lâu thành danh sách để lưu chiếu.

Tháng 8 năm Canh Thân niên hiệu Khải Định (tháng 9/1920).

Người dịch: Cao Tự Thanh [Nguồn: 91, tr. 290]

Ảnh: Hoàng Ngọc Sơn chụp ngày 26/10/2017

### 7.5. Thẻ sách do vua Bảo Đại ban tặng cho Lãng Xuyên quận vương Nguyễn Ônng vào năm 1943



- Phiên âm:

“Duy Bảo Đại thập bát niên tuế thứ Quý Mùi thất nguyệt Tân Mão sóc việc nhị thập thất nhật Đinh Ty

Thừa thiên hưng vận Hoàng đế nhược việc.

Trẫm duy: Tấn thân đàn báo quốc chi trung, thường biến bất di tổ tiết;

Vương giả trọng đôn thân chi nghĩa, vãng tồn vô gián hồng ân.

Truy đóc khương nguyên, đặc long dị số.

Quyén duy: Cố Tả tướng Lãng Xuyên quận công hứy Ônng, nãi ngã Triệu tổ Tỉnh Hoàng đế chi Hoàng trưởng tử dã.

*Tiên nguyên phái diễn, thần nhạc đình sinh.  
Tài kiêm tướng tướng chi năng, vị liệt công hầu chi quý.  
Đương thử Lê triều thế sĩ, lương thần túc trí huân danh.  
Vô đoan Trịnh thị kiến sai, tảo tuế ngẫu tao uổng khát;  
Chung cổ tinh linh bất mãn, thiên gia trường diễn hồng hư.  
Tứ kim khánh hệ truy sùng, vương tước nghi long hiển trật.  
Tư đặc chuẩn truy gia phong vi Lãng Xuyên quận vương, thụ: Trang  
Cung. Tích chi sách mệnh!  
Ô hô! Cỏ hoa nhất tự, thức tăng tuyền nhượng chi quang;  
Đái lệ thiên thu, trường kỉ Hà Sơn chi khoán.  
Hữu từ vĩnh thế, thượng úy tiềm hình.  
Khâm tai!”*

- Dịch nghĩa (thể tứ lục):

Đây là ngày Đinh Tỵ (ngày 27) tháng Tân Mão (tháng 07) năm Quý Mùi, niên hiệu Bảo Đại thứ 18 (1943)

Thay trời hưng vận, Hoàng đế thuận rằng:

Trẫm hay: Tôi hiền báo quốc hết lòng trung, thường - biến chẳng đổi dời tiết tháo;

Vương giả quý thân dày ân nghĩa, mất - còn không gián đoạn ân sâu.

Nguồn phúc độc truy, biệt tình hậu đãi.

Luyến nay: Tả tướng Lãng Xuyên quận công quá cố, húy Uông, là con trưởng của Triệu Tổ Tĩnh Hoàng đế [Nguyễn Kim] của ta.

Tài năng Tướng - Tướng trội cao, ngôi vị công hầu trân quý.

Triều Lê bấy giờ quan phẩm, hiền thần sớm rực danh thơm;

Họ Trịnh vô có nghi ngờ, tuổi trẻ bỗng lâm oan uổng.

Mãi mãi khí thiêng chẳng dứt, Hoàng gia tuôn chảy phúc dày.

Bèn nay khánh tiết kính truy, vương tước nên cao trật sáng.

Ấy nên đặc biệt chuẩn truy tặng, gia phong là Lãng Xuyên quận vương, thụ: Trang Cung. Quý ban sách mệnh.

Ô hô! Cỏ hoa một chữ, dùng thêm xán lạn tuyền đài;

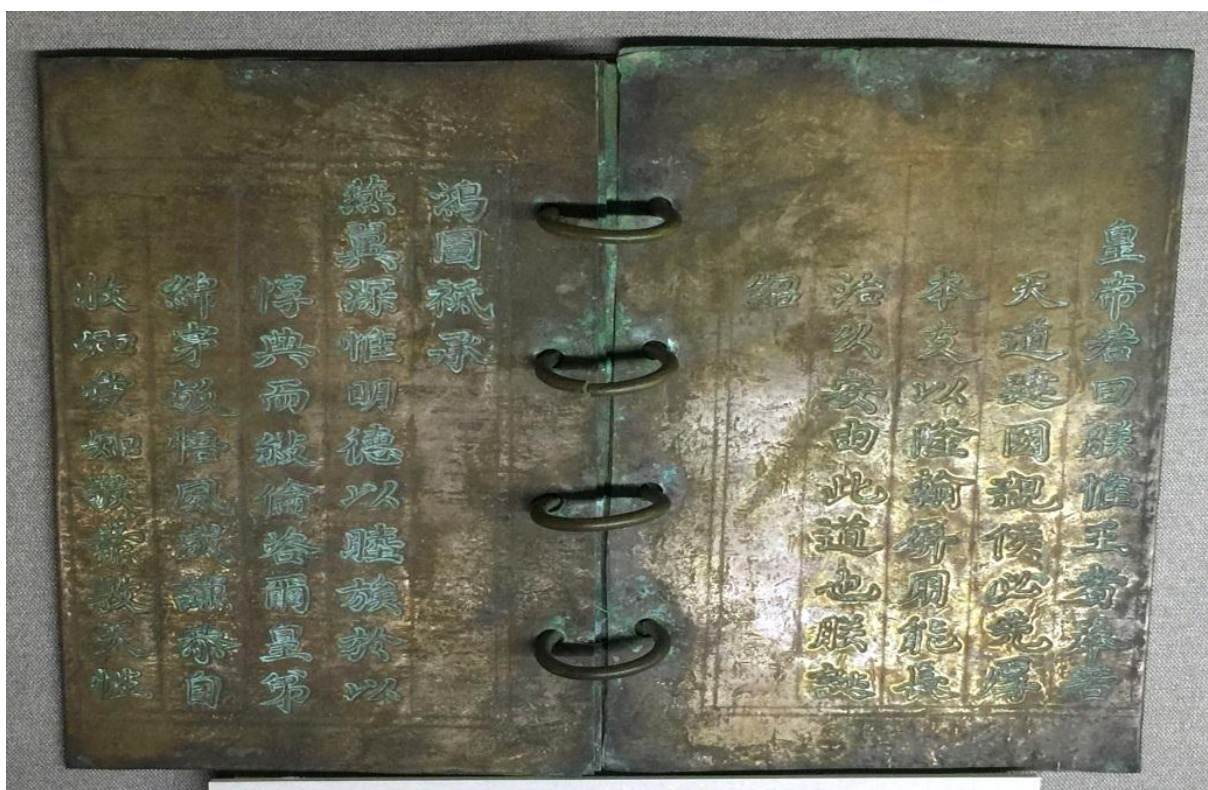
Xã tắc muôn đời, dài cùng nước non thành tự.

Thình lời trường cửu, yên ủi cõi sâu. Khâm tai!

*Người dịch: TS. Võ Vinh Quang [Nguồn: 78, tr. 50 - 51]*

*Ảnh: Tác giả chụp ngày 7/8/2018*

**7.6. Sách đồng do vua Thiệu Trị ban cho hoàng đế Nguyễn Phúc Miên Bảo trước hiệu Tân An quận công vào năm 1843, được cải cấp năm Tự Đức thứ 11 (1858)**



Dịch nghĩa:

Ngày 21 tháng Giêng năm Quý Mão, Thiệu Trị năm thứ 3 (1843)

Thay trời hành đạo, hoàng đế ban rằng:

Trẫm nghĩ: Bậc vương giả, thuận theo lẽ trời, xây dựng đất nước và tôn thân, trước tiên là lấy sự tốt lành ở gốc rễ sâu dày của tổ tiên để an dân trị quốc và tiếp nối cơ đồ lớn lao, lấy hòa thuận trong tôn tộc để sáng rõ minh đức, lấy sự phép tắc và đôn hậu để đánh giá luân thường đạo lý. Nay nghĩ người là hoàng đế Miên Bảo thông minh, nhanh lẹ, sớm đã thành đạt, khiêm tốn kính nhường, thiên tính vốn là lương thiện, hiếu trung trọn vẹn, lấy giáo dục nghĩa phương làm trọng, tiếng lan tỏa khắp nơi. Vậy phong người là Tân An quận công, ban cho sách mệnh. Người hãy siêng năng trong học vấn, phải kính trọng, nghiêm trang, cần mẫn, lấy tu thân làm trọng, lấy ánh sáng của lòng ân sủng này làm lẽ sống an lạc trường tồn.

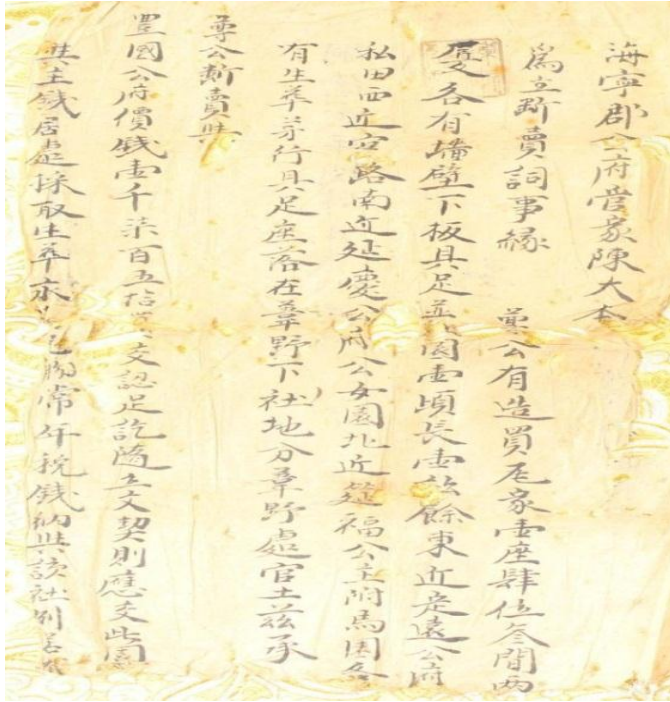
Cải cấp ngày 19 tháng 6 năm Tự Đức Thứ 11 (1858).

Người dịch: Nguyễn Diễm [Nguồn: 69, tr.73]

Ảnh: Tác giả chụp ngày 7/8/2018



## 7.7. Văn bản về đất hương hỏa phủ Phong Quốc công



- Phiên âm:

“Phong Quốc Công phòng Chủ tự Thống chế trí sự Ứng Đàm bẩm vi khát thâm tuất phê bằng sự duyên.

Thiểm tổ khảo ư Tự Đức nhị niên tạo mãi thổ viên nhất sớ ước nhất mẫu dư tọa lạc tại Vi Dã xã địa phận, cấu lập Phủ đệ. Chí thất niên Tổ khảo khát thế trí vi tự sớ. Giáp Thìn niên sớ vị cụ phong, giá từ đường trụ lạc, kinh cự đơn bẩm thỉnh tu bổ vị thừa nghĩ. Cập thiểm phụng vụ tư thất quyền tự giá thất, tài liệu kinh niên hủ nhượng. Khứ niên thiểm xuất tư bổ hành kiên cố, phụng thủ tài bồi dĩ thủ hoa lợi bị sung tự sự Tự thiểm niên ngoại lục thập, bẩm chất suy nhược,

khủng hậu nhật tử diệt bất năng bảo thủ; hoặc chuyển mại vu tha thất kỳ tự sớ, triếp cảm phục khát Tôn Nhân Phủ Đại thần Đại nhân tịnh liệt Hiến Đại nhân đài tiền hy chúc thâm tuất văn phê giá viên gia vĩnh viễn thiểm tiên công hương hỏa. Phòng nội hạ nhân bất đắc phân mại, thứ miễn thế lương. Vạn lại, kim bái.

Bẩm sớ hữu nguyên khế thừa sao đính hậu.

Chiếu: Cứ trình xuất tự hiếu niệm, thỉnh bằng vĩnh vi đăng công hương hỏa.

Bảo Đại cứu niên thập nguyệt nhị thập tứ nhật”.

- Dịch nghĩa:

Tôi là Ứng Đàm Thống chế hưu trí Chủ tự phòng Phong Quốc công trình về việc xem xét phê duyệt:

Tổ khảo (ông nội) của tôi (Phong Quốc Công) vào năm Tự Đức thứ 2 có mua tạo một số vườn ước chừng hơn một mẫu, tọa lạc tại địa phận xã Vi Dã để xây dựng phủ đệ. Đến năm Tự Đức thứ 7 bỗng ngài mất rồi lấy đây làm nơi thờ tự. Năm Giáp Thìn có bão lớn, nhà thờ bị sập. Đã làm đơn trình bẩm xin tu bổ nhưng chưa được xét. Đến khi tôi vốn ở nhà riêng giữ quyền thờ tự nhà thờ này, thì gỗ lâu ngày đã mục nát. Năm ngoái tôi xuất tiền tu bổ kiên cố, nhưng thiết nghĩ vườn đất này là do Tiên công sáng lập để lại, kính giữ gìn, trồng trọt bồi đắp lấy hoa lợi sung vào việc thờ tự. Nay tuổi đã ngoài 60, thể chất suy yếu, e ngày sau con cháu không thể giữ gìn, hoặc chuyển bán cho người khác thì mất nơi thờ tự. Cúi xin quan lớn thuộc Tôn Nhân phủ và các quan lớn xem xét thương xót phê duyệt cho sở nhà vườn này vĩnh viễn làm nơi hương hỏa cho Tiên công. Vạn sự cậy nhờ các quan, nay xin bái chào.

Các tờ khế được sao đính kèm sau.

Ngày 24 tháng 10 năm Bảo Đại thứ 9 (1934).

Chiếu: Căn cứ theo đơn trình, phát xuất từ lòng hiếu thảo, chấp nhận vĩnh viễn làm nơi hương hỏa chung.

Người dịch: Vĩnh Cao  
[Nguồn: Phủ Phong Quốc công]

## PHỤ LỤC 8

### BẢN ẢNH

**Bản ảnh 8.1. Toàn cảnh Phủ Tôn Nhân**



[Nguồn: 11]

**Bản ảnh 8.2. Nhà chính phủ Tuy Lý vương**



[Nguồn: 53]



**Bản ảnh 8.3. Toàn cảnh phủ đệ Mỹ Lương công chúa**



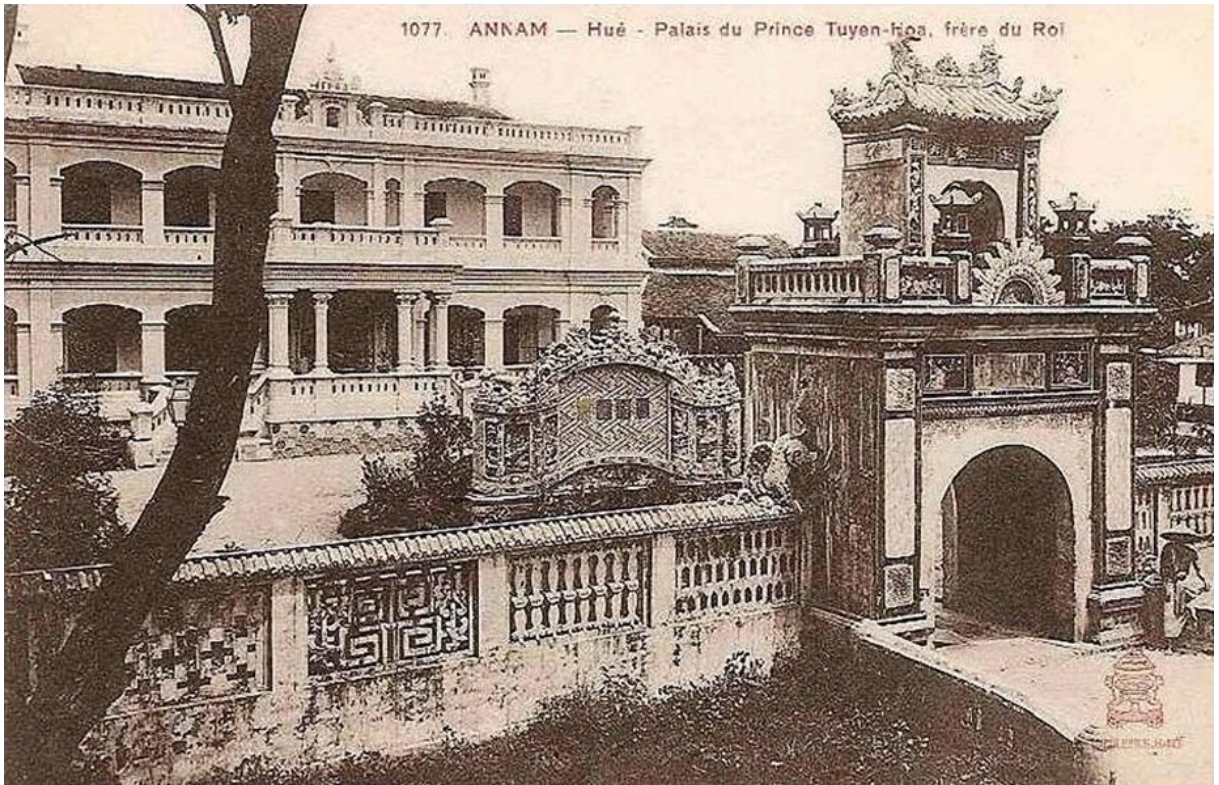
[Nguồn: 131]

**Bản ảnh 8.4. Toàn cảnh phủ đệ Tân Phong công chúa**



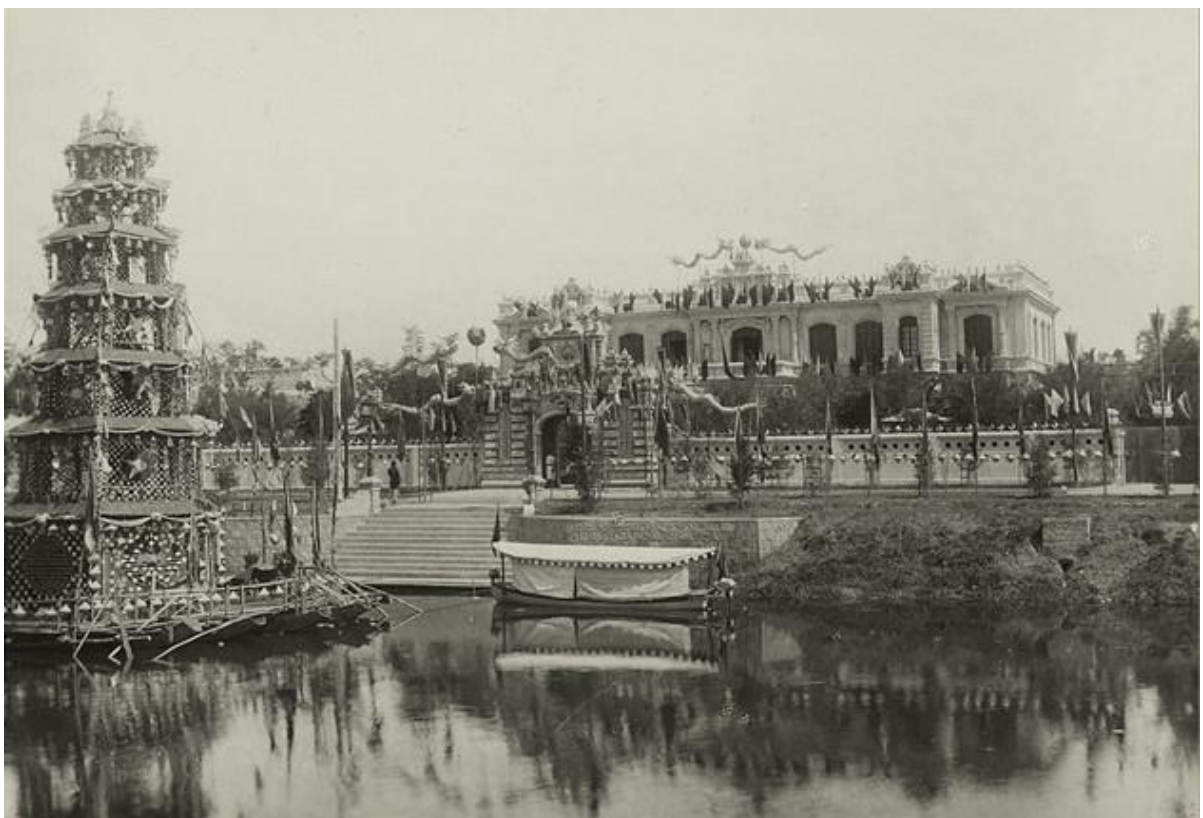
[Nguồn: 131]

**Bản ảnh 8.5. Toàn cảnh phủ đệ Tuyên Hóa vương**



[Nguồn: Pierre Dieulefils]

**Bản ảnh 8.6. Toàn cảnh cung An Định**



[Nguồn: 133]



**Bản ảnh 8.7. Cổng phủ đệ Gia Hưng vương**



**Gia Hưng công phủ**



**Gia Hưng vương từ môn**

[Tác giả chụp ngày 7/7/2018]

**Bản ảnh 8.8. Cổng phủ đệ Ngọc Lâm công chúa**



**Ngọc Lâm công chúa đệ**



**Ngọc Lâm công chúa từ**

[Tác giả chụp ngày 7/7/2018]



**Bản ảnh 8.9. Không ảnh phủ đệ Tùng Thiện vương**



[Nhật Long chụp năm 2018]

**Bản ảnh 8.10. Toàn cảnh phủ đệ Tùng Thiện vương**



[Tác giả chụp ngày 9/8/2018]



**Bản ảnh 8.11. Không ảnh phủ đệ Ngọc Sơn công chúa**



[Nguyễn Quang Huy, 2013]

**Bản ảnh 8.12. Toàn cảnh phủ đệ Ngọc Sơn công chúa**



[Tác giả chụp ngày 4/5/2018]



**Bản ảnh 8.13. Tác giả và NNC Phan Thuận An tại phủ đệ Ngọc Sơn công chúa**



[Nguyễn Trí chụp ngày 4/5/2018]

**Bản ảnh 8.14. Nhà chính phủ đệ Tuy Lý vương**



[Tác giả chụp ngày 4/5/2018]



**Bản ảnh 8.15. Nhà chính phủ đệ Diên Phúc trường công chúa**



[Tác giả chụp ngày 7/8/2018]

**Bản ảnh 8.16. Toàn cảnh phủ đệ Thoại Thái vương**



[Tác giả chụp ngày 9/9/2018]



**Bản ảnh 8.17. Không ảnh cung An Định**



[Nhật Long chụp năm 2018]

**Bản ảnh 8.18. Toàn cảnh Hưng Miếu**



[Tác giả chụp ngày 1/9/2018]



**Bản ảnh 8.19. Đồng chí Phan Thanh Bình - Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội viết cảm tưởng tại phủ Tùng Thiện vương**



[Nguyễn Trí chụp ngày 29/3/2018]

**Bản ảnh 8.20. Bộ trưởng Nguyễn Ngọc Thiện trao bằng xếp hạng Di tích quốc gia Phủ thờ và lăng mộ Diên Khánh vương cho lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế**



[Tác giả chụp ngày 12/01/2020]